

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (MARD)
BAN QUẢN LÝ TRUNG ƯƠNG CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI (CPO)**

DỰ ÁN SỬA CHỮA VÀ NÂNG CAO AN TOÀN ĐẬP (DRSIP)

KHUNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (ESMF)

*(Đã chỉnh sửa theo công văn số 7642/BNN-KHCN ngày 15 tháng 9 năm 2015
của Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

Tháng 9 năm 2015

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (MARD)
BAN QUẢN LÝ TRUNG ƯƠNG CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI (CPO)**

DỰ ÁN SỬA CHỮA VÀ NÂNG CAO AN TOÀN ĐẬP (DRSIP)

KHUNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (ESMF)

*(Đã chỉnh sửa theo công văn số 7642/BNN-KHCN ngày 15 tháng 9 năm 2015 của Bộ
Nông nghiệp và PTNT về việc thông báo kết quả thẩm định ESMF dự án DRSIP)*

ĐƠN VỊ TƯ VẤN	BAN QUẢN LÝ TRUNG ƯƠNG CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI (CPO)
----------------------	--

Tháng 9 năm 2015

DANH SÁCH NHỮNG THAM GIA CHÍNH

<i>TT</i>	<i>Họ, tên</i>	<i>Lĩnh vực chuyên môn</i>	<i>Đơn vị công tác</i>	<i>Nhiệm vụ được phân công</i>
1	PGS.TS. Vũ Thị Thanh Hương	Môi trường/ Thể chế/ Nông nghiệp	Viện Nước, TT và MT	Đội trưởng/ chủ nhiệm
2	TS. Tạ Hòa Bình	Môi trường/ Nông nghiệp	Viện Nước, TT và MT	Chuyên gia Môi trường
3	TS. Nguyễn Xuân Thành	Môi trường/ Nông nghiệp/ Sinh thái	Bộ Tài nguyên và MT	Chuyên gia nông nghiệp
4	TS. Vũ Thế Hải	Thủy công	Viện Nước, TT và MT	Chuyên gia an toàn đập
5	ThS. Nguyễn Thị Hà Châu	Môi trường/ sinh thái	Viện Nước, TT và MT	Chuyên gia sinh thái
6	ThS. Vũ Quốc Chính	Môi trường/ Nông nghiệp	Viện Nước, TT và MT	Chuyên gia môi trường
7	ThS. Nguyễn Đức Phong	Thủy văn/Môi trường	Viện Nước, TT và MT	Chuyên gia thủy văn
8	ThS. Nguyễn Phương Mai	PIM	Viện Nước, TT và MT	Chuyên gia xã hội
9	ThS. Phí Thị Hằng	Kinh tế môi trường	Viện Nước, TT và MT	Chuyên gia thể chế
10	Vũ Thị Diệu Lý	Môi trường	Ngân hàng Thế giới	Chuyên gia cao cấp Môi trường
11	Shakil Ahmed Ferdausi	Môi trường	Ngân hàng Thế giới	Chuyên gia cao cấp Môi trường
12	Jonas Bautista	Môi trường	Ngân hàng Thế giới	Chuyên gia cao cấp Môi trường
13	ThS. Hoàng Thu Thủy	Môi trường	Ban CPO	Chuyên viên Môi trường
14	CN. Doãn Thị Ngọc Thư	Xã hội	Ban CPO	Chuyên viên Xã hội
15	ThS. Nguyễn Quang An	Tài nguyên nước	Ban CPO	Chuyên viên Môi trường

LỜI NÓI ĐẦU

Ban quản lý dự án thủy lợi Trung ương (CPO) thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chuẩn bị Khung quản lý Môi trường Xã hội (viết tắt là ESMF) cho dự án “Sửa chữa và nâng cao an toàn đập” tại Việt Nam. Khung này cung cấp các chính sách chung, các hướng dẫn, quy phạm thực hiện và các thủ tục cần thiết phải đưa vào các thiết kế, thực hiện và giám sát các dự án đề xuất. Các thông tin, tài liệu trích dẫn trong khung này được chuẩn bị dựa trên các báo cáo đánh giá tác động môi trường và xã hội (ESIA) của các tiểu dự án năm đầu và tham vấn cộng đồng trong quá trình thực hiện. Khung quản lý Môi trường Xã hội xây dựng các quy trình và phương pháp cho việc đánh giá tác động môi trường và xã hội, xem xét, phê duyệt và triển khai thực hiện các tiểu dự án được tài trợ theo dự án.

Khung an toàn đập (DSF), khung chính sách dân tộc thiểu số (EMPF) và Khung chính sách tái định cư (RPF) đã được bổ sung vào Khung quản lý Môi trường Xã hội. Bộ khung này sẽ được áp dụng cho tất cả các tiểu dự án được tài trợ và cũng là tài liệu hướng dẫn chung cho các dự án được NHTG tài trợ theo chương trình DRSIP, bao gồm: (i) Sàng lọc môi trường, xã hội; (ii) Phân tích phương án thay thế; (iii) Đánh giá tác động (tích cực và tiêu cực); (iv) Tham vấn cộng đồng và công bố thông tin; (v) Chuẩn bị kế hoạch quản lý môi trường và xã hội; (vi) Thực hiện Kế hoạch QLMTXH và hồ sơ kỹ thuật đấu thầu/Quy tắc ứng xử môi trường thực tiễn (ECoP); và (vii) Cơ chế giám sát và báo cáo.

CPO sẽ thành lập Ban Quản lý dự án (CPMU) để chịu trách nhiệm chung cho việc thực hiện tổng thể của dự án. Ban Quản lý dự án tỉnh (PPMU) được thành lập trực thuộc sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm chuẩn bị và thực hiện công tác đánh giá tác động môi trường và xã hội (ESIA), Kế hoạch QLMT & XH (ESMP), ECoP, Kế hoạch an toàn đập (DSP), Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP), Kế hoạch tái định cư (RAP) cho từng tiểu dự án phù hợp với các nội dung được qui định trong Khung ESMF, DSF, EMPF và RPF. Mỗi tiểu dự án sẽ được cung cấp kinh phí từ nguồn vốn đối ứng cho việc chuẩn bị và thực hiện ESIA và kế hoạch khác. Mỗi một kế hoạch sẽ được giám sát và báo cáo thường xuyên, kế hoạch QLMTXH, ECoP và DSP sẽ là một phần của tài liệu đấu thầu.

TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG CỦA KHUNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

E 1.0 Giới thiệu

Ngân hàng Thế giới tài trợ cho dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập ở Việt Nam (viết tắt là DRSIP) với mục đích hỗ trợ Chính phủ thực hiện Chương trình quốc gia về an toàn đập. Dự án này cũng nhằm mục đích cải thiện sự an toàn của các đập thủy lợi và các công trình liên quan, bảo vệ và nâng cao an toàn cho người dân và cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở vùng hạ du theo quy định tại Nghị định 72 của Chính phủ về quản lý an toàn đập. Dự án bao gồm hai biện pháp công trình và phi công trình. Biện pháp công trình bao gồm sửa chữa và nâng cấp các công trình có sẵn và thiết bị giám sát an toàn.

Dự án sẽ được tài trợ bởi Ngân hàng Thế giới và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Báo cáo đánh giá tác động Môi trường Xã hội (ESIA) hoặc Kế hoạch Quản lý Môi trường Xã hội (ESMP) của tiểu dự án phải thực hiện và tuân theo các quy định, chính sách về an toàn của Chính phủ Việt Nam và NHTG. Khi các tiểu dự án được xác định để tài trợ và tiến hành thực hiện, các tiểu dự án đã thông qua phương pháp tiếp cận khung. Khung quản lý Môi trường và Xã hội được chuẩn bị dựa trên: (i) việc xem xét các chính sách Môi trường và Xã hội của Ngân hàng Thế giới và các yêu cầu của Chính phủ Việt Nam (ii) các báo cáo đánh giá tác động Môi trường và Xã hội của 12 tiểu dự án năm đầu; (ii) kinh nghiệm của Ngân hàng Thế giới trong việc hỗ trợ thực hiện dự án; (iv) tham vấn các bên liên quan trong quá trình chuẩn bị dự án; và (v) xác định các rào cản về thể chế và nhu cầu xây dựng, năng lực quản lý môi trường. Khung QLMTXH thiết lập quá trình sàng lọc, đánh giá, xem xét, chấp thuận và giám sát việc tuân thủ của các tiểu dự án. Khung này cũng cung cấp hướng dẫn trong việc tiến hành các hoạt động an toàn và chuẩn bị các tài liệu theo yêu cầu. Những hướng dẫn này đã tham khảo và kết hợp với khung an toàn đập (DSF), Khung chính sách tái định cư (RPF) và Khung chính sách dân tộc thiểu số (EMPF).

E 2.0 Mô tả dự án

Mục tiêu và các hợp phần của dự án

Mục tiêu phát triển của DRSIP là hỗ trợ việc thực hiện chương trình an toàn đập của Chính phủ trong việc cải tạo và/hoặc nâng cấp đập và hồ chứa nước, nâng cao an toàn, đề xuất kế hoạch quản lý vận hành và cung cấp nguồn lực trong công tác ứng phó khẩn cấp. Dự án sẽ bao gồm 4 hợp phần:

Hợp phần 1: Khôi phục an toàn đập Hợp phần này sẽ cải thiện an toàn đập thông qua việc khôi phục những cơ sở hạ tầng hiện có. Hợp phần này sẽ hỗ trợ (i) Thiết kế chi tiết, giám sát, kiểm soát chất lượng việc cải tạo công trình đối với các đập được ưu tiên và cơ sở hạ tầng liên quan; (ii) cải tạo công trình, bao gồm cả công trình xây dựng, công trình thủy lực, lắp đặt thiết bị quan trắc thủy văn và giám sát an toàn; (iii) lập kế hoạch vận hành và bảo dưỡng, kế hoạch ứng phó khẩn cấp; và (iv) thông qua bản danh sách kiểm tra các hạng mục đã được tiêu chuẩn hóa đối với các đập do cộng đồng quản lý.

Hợp phần 2: Quản lý an toàn đập và quy hoạch

Hợp phần này sẽ cải thiện việc quy hoạch và khung vận hành về quản lý đập để bảo vệ người dân, cộng đồng và cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội hạ du. Hợp phần này sẽ hỗ trợ mạng lưới quan trắc thủy văn và hệ thống thông tin; (ii) quy hoạch phát triển tổng hợp; (iii) hỗ trợ về mặt pháp

lý, thể chế; (iv) đề xuất xem xét các đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy định về an toàn ở mức độ được quốc tế chấp nhận; và (v) nâng cao nguồn năng lực.

Hợp phần 3: Hỗ trợ quản lý dự án

Hợp phần này sẽ cung cấp một môi trường cần thiết cho phép hỗ trợ thực hiện dự án. Hợp phần này sẽ hỗ trợ cho các đơn vị sau: (i) Ban chỉ đạo dự án (PSC); (ii) Ban quản lý dự án (CPMU); (iii) Hỗ trợ kỹ thuật cho các sở thuộc tỉnh; (iv) thành lập Nhóm đánh giá an toàn đập quốc gia; (v) Kiểm toán độc lập các đập ưu tiên trước và sau khi cải tạo; và (vi) Tính toán chi phí gia tăng đối với các hoạt động liên quan đến dự án.

Vị trí

Dự án sẽ được thực hiện tại 34 tỉnh trong khu vực miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên (hình 2.1). Việc lựa chọn 34 tỉnh dựa trên điều kiện sinh thái và kinh tế xã hội chung của khu vực được thể hiện trong bảng 2.1. Trên 450 con đập sẽ được lựa chọn để xem xét tài trợ. Số lượng các đập và các tỉnh có thể thay đổi tùy theo mức độ công việc, mức độ an toàn và ngân sách. Các đập được hỗ trợ bởi dự án DRSIP được xác định nâng cao an toàn đập trong Chương trình an toàn đập Quốc gia. Tiêu chí đủ điều kiện sẽ được sử dụng để xác định các dự án ưu tiên trong khuôn khổ dự án DRSIP.

E3.0 Chính sách an toàn, thể chế và pháp lý

Chính sách của Chính phủ Việt Nam

Luật Bảo vệ môi trường (số 55/2014/QH13) ngày 23/6/ 2014 và Nghị định về Quy hoạch bảo vệ môi trường, Đánh giá môi trường chiến lược, Đánh giá tác động môi trường và Kế hoạch bảo vệ môi trường (số 18/2015/ND-CP) ban hành ngày 14/2/2015) là những khung pháp lý chính trong việc quản lý môi trường ở Việt Nam. Luật bảo vệ môi trường (LEP) cung cấp các quy định pháp luật về các hoạt động bảo vệ môi trường; các biện pháp và nguồn lực được sử dụng cho mục đích bảo vệ môi trường; quyền và quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của các cơ quan quản lý, các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được giao nhiệm vụ với nhiệm vụ bảo vệ môi trường. Luật bảo vệ môi trường (LEP) được áp dụng với các cơ quan quản lý, các cơ quan công vụ, các tổ chức, hộ gia đình và các cá nhân trong lãnh thổ Việt Nam, bao gồm đất liền, đảo, lãnh hải, không phận. LEP là để vận hành đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và Kế hoạch bảo vệ môi trường. Ngoài ra, một số luật, qui định, nghị định rất quan trọng có liên quan đến việc bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên như: Kế hoạch quốc gia về môi trường và phát triển bền vững (1991-2000), Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 (2007) cũng như các Chương trình hành động phát triển Lâm nghiệp vùng Nhiệt đới, Kế hoạch hành động, Bảo vệ và Phát triển rừng theo Luật số 29/2004/QH11, Luật bảo vệ và phát triển rừng (2014); Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân (1989); Luật Đất đai (2015); Luật Khoáng sản (No.60/2010/QH12), Luật tài nguyên nước (No.17/2012/QH13); Luật về tội phạm (No. 28/2009/QH12); Pháp lệnh đê điều (2000); Pháp lệnh về thuế tài nguyên (1989) và văn bản sửa đổi điều 6 của pháp lệnh về thuế tài nguyên số 07/2008/PL-UBTVQH12; Pháp lệnh về bảo vệ nguồn tài nguyên thủy sản (1989), Pháp lệnh về quản lý an toàn nguồn phóng xạ (1996), Pháp lệnh Bảo vệ thực vật và kiểm dịch thực vật (1993). Gần đây nhất, một Luật Đa dạng sinh học có hiệu lực vào năm 2009 và Luật Di sản văn hóa sửa đổi có hiệu lực vào năm 2011.

Chính sách của Ngân hàng Thế giới

Tám chính sách của Ngân hàng Thế giới đã được kích hoạt cho dự án. Đó là: Đánh giá môi trường tự nhiên (OP/BP 4.01), Khu vực sinh sống tự nhiên (OP/BP 4.04), Quản lý dịch hại (OP/BP 4.09), Tài nguyên Văn hóa vật thể (OP/BP 4.11), Người dân bản địa (OP/BP 4.10), Tái định cư không tự nguyện (OP/BP 4.12), An toàn Đập (OP/BP 4.37) và Dự án Đường thủy Quốc tế (OP/BP 7.50). Theo Chính sách OP 4.01, việc đánh giá môi trường phải được thực hiện cho một tiểu dự án cụ thể sẽ phụ thuộc vào danh mục, tính chất phức tạp của tiểu dự án. Nếu một dự án tiềm ẩn các rủi ro lớn đối với môi trường và sự phức tạp của nó, tác động lên diện rộng thì dự án đó sẽ được xếp vào dự án loại "A". Tuy nhiên, các tiểu dự án được tài trợ tùy theo mức độ, phạm vi và tác động sẽ phải chuẩn bị các loại tài liệu khác nhau.

Các hoạt động của dự án được tiến hành trên công trình hiện có và do đó mức độ ảnh hưởng của các hoạt động này không dẫn đến làm chuyển đổi hoặc suy thoái của môi trường sống tự nhiên quan trọng. Tuy nhiên, cần thiết phải xác định phạm vi, sàng lọc và đánh giá tác động tiềm tàng đến môi trường tự nhiên và xã hội. Dự án sẽ không tài trợ cho việc mua bán các loại phân bón và thuốc trừ sâu. Kể từ khi công việc phục hồi chức năng đập có xu hướng ổn định diện tích đất nông nghiệp được phục hồi theo thiết kế ban đầu, vì vậy lượng phân bón cũng có thể được sử dụng nhiều hơn, vì vậy, chính sách quản lý dịch hại OP/BP4.09 đã được kích hoạt nhằm quản lý, thúc đẩy việc áp dụng Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và hướng dẫn cho vấn đề này đã được tích hợp trong ESMF.

Ngoài ra, các công việc trong quá trình tiến hành TDA có thể đi qua các khu vực có tài nguyên văn hóa vật thể. Do đó, chủ đầu tư và chủ dự án phải xem xét, sàng lọc, đánh giá các tác động này. Ngoài ra, "Thủ tục tìm kiếm-phát lộ" phù hợp với pháp luật địa phương về di sản sẽ được tiến hành để bảo đảm rằng các nguồn tài nguyên này sẽ không bị ảnh hưởng trong quá trình thực hiện.

Dự án có thể ảnh hưởng đến khu vực người dân bản địa sinh sống (địa điểm cụ thể sẽ được xác định trong quá trình thực hiện tiểu dự án). Ngoài ra, dự án có thể phải thực hiện việc thu hồi đất và tái định cư. Như vậy, khung chính sách phát triển dân tộc thiểu số (EMPF), Khung chính sách tái định cư (RPF) bắt buộc phải thực hiện đối với dự án và sẽ được chuẩn bị tài liệu riêng.

Dự án cũng sẽ không tài trợ xây dựng bất kỳ đập mới nào hoặc các công việc phục hồi, gia cố sửa chữa làm thay đổi đáng kể kết cấu đập. Chính sách an toàn đập cũng được kích hoạt cho công tác phục hồi chức năng và nâng cao an toàn cho các đập lớn (cao trên 15 mét). Dự án sẽ thành lập Hội đồng chuyên gia độc lập về an toàn đập (PoE), hội đồng này sẽ thực hiện đánh giá độc lập các báo cáo về an toàn đập và các biện pháp giảm thiểu đề xuất.

Có sáu lưu vực sông xuyên biên giới trong nước. Tuy nhiên, lưu vực sông Sê-san-Srepok - một nhánh của sông Cửu Long, thượng nguồn của Campuchia và lưu vực Bằng Giang - Kỳ Cùng, thượng nguồn của Trung Quốc. Vì vậy, dự kiến rằng một số đập sẽ có trong các lưu vực kể trên và do đó chính sách Tuyến đường thủy quốc tế (OP/BP 7.50) được kích hoạt.

Các hướng dẫn của Hội NHTG (WBG) về các vấn đề môi trường, sức khỏe, an toàn (EHS), trong đó, bao gồm các tiêu chuẩn về thông số môi trường (chất lượng không khí xung quanh, nước và chất lượng nước thải, độ ồn, quản lý chất thải), nguy cơ và phòng ngừa tai nạn, sức khỏe nghề nghiệp, cộng đồng và an toàn (trong thời gian vận hành và thời gian ngừng xây dựng) vv. Những nguyên tắc này sẽ được áp dụng trực tiếp cho các tiểu dự án được đề xuất. Tuy nhiên, các hướng dẫn WBG cần phải phù hợp với các hướng dẫn hoặc tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam. Trong trường hợp các hướng dẫn hay tiêu chuẩn Việt Nam khác với hướng dẫn WBG, dự án sẽ thực hiện theo những tiêu chuẩn nghiêm ngặt hơn.

Ngân hàng Thế giới cũng đề xuất chính sách tiếp cận thông tin. Dự án sẽ thông tin công việc thực hiện đánh giá môi trường/xã hội và khung QLMTXH cho công chúng, bằng cách công bố các tài liệu trên trang thông tin của địa phương. Ngoài ra, các tài liệu in ra bằng tiếng Anh, tiếng Việt sẽ cung cấp cho Bộ NN & PTNT và Sở NN & PTNT các tỉnh có TDA.

E4.0 Mô tả TDA và các thông tin cơ bản

Dự án sẽ hỗ trợ việc phục hồi chức năng của các đập đã có, hầu hết các đập này được xây dựng trong những năm 1980 và 1990. Hầu hết các hồ chứa/đập của dự án chỉ có mục tiêu cấp nước thủy lợi, một số có thêm nhiệm vụ cấp nước cho sinh hoạt dưới sự bảo trợ của Bộ NN & PTNT sẽ được hỗ trợ bởi dự án (trong số 12 TDA năm đầu, có 10 TDA chỉ cấp nước thủy lợi và 2 TDA kết hợp cấp nước sinh hoạt). Khoảng 90% các đập được tài trợ có kết cấu chủ yếu bằng đất với chiều cao dưới 15m, dung tích hồ chứa nhỏ hơn 3 triệu mét khối (MCM). Các dự án được đề xuất sẽ không sửa đổi các cấu trúc quan trọng (thân đập chính) hay mở rộng vượt ra ngoài những tiêu chuẩn cần thiết mà chỉ để đảm bảo an toàn. Việc phục hồi chủ yếu sẽ được thực hiện trong giới hạn như: tái định hình đập chính, đập phụ, ổn định cấu trúc mái thượng, hạ lưu bằng bê tông hoặc đá lát, tăng cường, mở rộng đập tràn hiện có để tăng năng lực xả lũ, cải tạo các cấu trúc hiện có, thay thế, sửa chữa hệ thống cơ khí, hệ thống điện của cống lấy nước, cửa hút và đập tràn, kiểm soát thấm, chống mối và nâng cấp đường quản lý, nhà công vụ hiện tại.

Khung QLMTXH cũng cung cấp các hướng dẫn để làm thế nào có thể mô tả các tiểu dự án. Hướng dẫn này sẽ tập trung vào mô tả vị trí của tiểu dự án và khu vực ảnh hưởng, khu phụ trợ và các khu vực bãi vật liệu sẽ được đưa ra trong báo cáo ESIA/ESMP. Việc mô tả sẽ bao gồm bản vẽ thiết kế bố trí các công trình phụ trợ, bản vẽ chi tiết, kích thước, công suất, lưu lượng, hoạt động chuẩn bị, xây dựng và phá dỡ các công trình tại địa điểm TDA để tiến hành công tác phục hồi, sửa chữa, công tác quản lý/vận chuyển/xử lý rác thải, chất thải rắn, các hoạt động xây dựng bao gồm xây dựng đê quai, sửa chữa kênh dẫn nước, xác định địa điểm lán trại, vận chuyển vật liệu, vận hành, hoạt động, bảo trì và quản lý công nhân. Khung QLMTXH cũng cung cấp hướng dẫn đánh giá cơ bản về các đặc tính vật lý, sinh học, kinh tế - xã hội của khu vực dự án và khu vực bị ảnh hưởng.

E5.0 Phân tích các phương án thay thế của tiểu dự án

Phân tích thay thế là một phần quan trọng của đánh giá tác động. Mục tiêu cơ bản của “phân tích các phương án thay thế” là để xác định vị trí/ thiết kế/ công nghệ cho riêng một tiểu dự án sẽ phát sinh ra tác động bất lợi ít nhất và tối đa các tác động tích cực. Về việc phục hồi đập, mỗi tiểu dự án sẽ so sánh những lợi ích về môi trường xã hội theo chi phí liên quan cho những lựa chọn sau: (i) kịch bản không có tiểu dự án; (ii) Khôi phục đập mà không có bất kỳ thay đổi nào về chiều cao và kích thước của hồ, đập từ khía cạnh an toàn đập; và (iii) Khôi phục đập bao gồm việc thay đổi về chiều cao và kích thước của hồ, đập từ quan điểm an toàn đập.

E6.0 Tác động tiềm tàng và các biện pháp giảm thiểu chung

Mười hai (12) TDA trong năm đầu được ưu tiên thông qua các tiêu chí ưu tiên. Dựa trên kết quả của 12 tiểu dự án này, công tác khôi phục và cải thiện an toàn đập sẽ liên quan đến các hoạt động như: (i) sửa chữa đập (thân đập chính, đập phụ trợ), xử lý thấm, mở rộng đỉnh đập, nâng chiều cao, kéo dài thân đập, cứng hóa bề mặt đập, gia cố mái thượng lưu và hạ lưu, chống xói mòn; xử lý mối; (ii) sửa chữa và nâng cấp đập tràn, xây dựng mới cầu qua đập tràn, bề tiêu

năng, mở rộng ngưỡng tràn; (iii) xây dựng hoặc sửa chữa hệ thống thoát nước ở chân mái hạ lưu; (iv) sửa chữa, xử lý thấm hoặc xây dựng mới cống lấy nước (v) cải tạo hoặc xây dựng mới nhà quản lý; (vi) nâng cấp, gia cố hoặc mở mới các tuyến đường công vụ.

Tất cả các công việc này nhằm phục hồi hoặc nâng cấp an toàn các công trình, hiệu chỉnh các lỗi thiết kế và thiếu sót trước đây (Bảng - E6.1), tăng cường và củng cố cấu trúc hiện tại. Việc sửa chữa hoặc nâng cấp có thể hồi phục hoàn toàn chức năng đập, nhưng dự án sẽ không tài trợ cho việc tăng dung tích so với thiết kế ban đầu, trừ khi đáp ứng được các yêu cầu về an toàn đập hoặc có ý kiến xem xét của ban này.

Bảng-E6. 1: Kết cấu, vấn đề thiết kế và đề xuất sửa chữa hoặc nâng cấp công trình

<i>Cấu trúc/vấn đề thiết kế</i>	<i>Đề xuất công việc</i>
1. Thiết kế không phù hợp hoặc đập tràn bị hư hỏng	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa chữa hoặc mở rộng đập tràn - Xây dựng cầu qua tràn - Sửa chữa hoặc xây dựng mới bề tiêu năng - Sửa chữa hoặc xây dựng mới tường 2 bên đập tràn hoặc nâng cao ngưỡng tràn
2. Hệ thống lấy nước bị hư hỏng hoặc không hoạt động theo đúng chức năng	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa chữa hoặc xây dựng mới cống lấy nước - Sửa chữa hoặc thay thế hiện các van điều tiết - Sửa chữa hoặc xây dựng mới tháp điều tiết cống lấy nước
3. Hư hỏng thân đập do nước tràn qua	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hoặc sửa chữa đập phụ - Xử lý thấm bằng công nghệ khoan phụt truyền thống - Cứng hóa, gia cố mặt đập - Gia cố mái thượng, hạ lưu - Xử lý mối - Sửa chữa hoặc xây dựng hệ thống thoát nước tại chân mái hạ lưu

Những hoạt động này có thể phải: tiến hành thu hồi đất, giải phóng mặt bằng cho công trình xây dựng (chặt cây, thu dọn và san lấp mặt bằng), bãi vật liệu và khu thu gom xử lý chất thải, quản lý phương tiện vận chuyển; (iv) các công trình phụ trợ: kho, bãi thải, khu lán trại cho công nhân, khu vực nguyên liệu; (v) Bãi tập kết máy móc và nhiên liệu (vi) xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải, hệ thống thoát nước, trạm điện tại công trường xây dựng; (vii) nạo vét bùn, vận chuyển bùn; và (viii) thu dọn các vật liệu chưa nổ còn sót lại, nổ mìn khai thác đá.

Các công trình dân dụng sẽ: (i) tạo ra chất thải rắn, phá dỡ công trình xây dựng cũ, đào bỏ lớp đất mặt cũ, san lấp mặt bằng, phế liệu xây dựng, rác thải từ khu lán trại tại công trường xây dựng; (ii) tạo ra nước thải sinh hoạt từ khu lán trại, các hoạt động rửa và làm sạch máy móc, trang thiết bị; (iii) tạo ra bụi và khí thải do giải phóng mặt bằng, vận hành máy và quá trình vận chuyển; (iv) tăng tiếng ồn và độ rung. Tuy nhiên, những tác động mang tính cục bộ và tạm thời, nếu áp dụng những quy định hoặc tuân theo các kế hoạch quản lý sẽ giảm thiểu các tác động này xuống mức thấp nhất.

Mục tiêu chính của dự án là nâng cao an toàn đập. Do đó, dự án khi thực hiện sẽ bảo vệ người dân và cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở hạ lưu và cải thiện qui trình, chương trình quản lý an toàn đập ở cấp quốc gia. Tác động kinh tế tích cực dự kiến sẽ làm tăng năng suất cây trồng, cải

thiện sinh kế trong nông nghiệp, ngư nghiệp và du lịch. Tăng tính ổn định và cải thiện môi trường đầu tư do ổn định về nguồn nước, giảm rủi ro cho người và tài sản của họ. Tuy nhiên, các công trình được phục hồi sẽ đòi hỏi phải sử dụng một lượng lớn nguyên vật liệu như đá hoặc việc mở mới khu mỏ đất. Do đó, một số công trình dân dụng có thể bị thu hồi tạm thời hoặc cần phải di dời vĩnh viễn. Việc khai thác nguyên vật liệu phục vụ cho các hoạt động sửa chữa có thể can thiệp vào khu vực trước đây không bị ảnh hưởng, các khu vực chưa được thu dọn bom mìn, hoặc các khu khảo cổ.

Các tác dụng phụ của việc xây dựng có thể được tính đến như ảnh hưởng đáng kể đến cơ sở hạ tầng và dịch vụ hiện có, sự gia tăng nhanh dân số trong khu vực, hoặc tạo hiệu ứng “bùng nổ đô thị”, ảnh hưởng đến các đối tượng và khu vực dễ tổn thương, phát sinh dịch bệnh từ công nhân lao động đến người địa phương hoặc ngược lại, gây sức ép lên các dịch vụ tiện ích và dịch vụ xã hội.

Rác thải sinh hoạt phát sinh từ các địa điểm lán trại và trên công trường xây dựng nếu không có kế hoạch quản lý và xử lý sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe của địa phương (muỗi, ruồi). Các hóa chất độc hại như thuốc trừ sâu, dầu đã qua sử dụng có thể làm ô nhiễm nước mặt và nước ngầm.

E7.0 Sàng lọc, đánh giá tác động và Kế hoạch quản lý

Các bước quan trọng trong việc chuẩn bị các tiểu dự án là phải tiến hành sàng lọc an toàn và đánh giá tác động. Việc sàng lọc an toàn gồm hai bước, sàng lọc hợp lệ và sàng lọc kỹ thuật cho các TDA đủ điều kiện để đánh giá các tác động tiềm tàng, chuẩn bị các chính sách và các công cụ an toàn. Việc sàng lọc kỹ thuật cần phải được thực hiện cho tất cả các thành phần chính của các tiểu dự án. Ví dụ, nếu một tiểu dự án phục hồi chức năng đập có xây dựng mới tuyến đường quản lý hoặc nhà quản lý, chủ đầu tư phải tiến hành công tác sàng lọc an toàn riêng.

Sàng lọc an toàn hợp lệ

Các tiêu chí để đưa vào dự án quy định rằng tất cả đập năm đầu tiên được tài trợ phải được thực hiện và từ đó làm kết quả cơ bản cho hơn 1.150 đập trong chương trình an toàn đập của Chính phủ. Các tiểu dự án được lựa chọn thông qua các tiêu chí ưu tiên sẽ được kiểm tra thêm bằng cách sử dụng biện pháp sàng lọc an toàn hợp lệ. Mục đích của việc sàng lọc này nhằm tránh các tác động không thể đảo ngược đối với môi trường và xã hội, cái mà không thể giảm thiểu được hoặc các dự án bị cấm bởi luật pháp quốc gia, không đáp ứng hoặc không phù hợp với chính sách của Ngân hàng Thế giới, hoặc vi phạm các công ước quốc tế.

Xác định các yếu tố môi trường và yêu cầu khác

Sau khi các tiểu dự án được xác định là đủ điều kiện để cấp kinh phí thực hiện, sàng lọc kỹ thuật sẽ được thực hiện. Mục đích của việc sàng lọc kỹ thuật là: (i) xác định các chính sách an toàn của Ngân hàng Thế giới được kích hoạt; và (ii) xác định các công cụ an toàn được chuẩn bị cho các tiểu dự án (ví dụ, báo cáo ESIA hoặc xây dựng kế hoạch QLMTXH). Các tiểu dự án sẽ được sàng lọc thêm cho các tác động tiềm tàng về không khí/tiếng ồn/ độ rung; đất đai/đất sản xuất/chất lượng nước; chất thải rắn; môi trường sống tự nhiên/thủy sinh; sinh kế và sự xáo trộn đời sống cư dân địa phương và các khía cạnh khác như lũ lụt cục bộ, an toàn cộng đồng/rủi ro, các tác động ngoại biên, vv. Ngoài ra, việc sàng lọc sẽ kiểm tra khả năng của vật liệu chưa nổ (UXO) và bất kỳ nội dung môi trường nào. Tùy thuộc vào kết quả sàng lọc, các

công cụ an toàn sẽ được quyết định.

Tiểu dự án sẽ được sàng lọc cho các loại tác động và mức độ tác động tiêu cực tiềm tàng đến người dân địa phương do liên quan đến việc thu hồi đất, tái định cư, hiến đất, di dời mồ mả, và/hoặc sự xuất hiện hoặc tham gia của cộng đồng dân tộc thiểu số. Nếu những tác động tồn tại, RAP hoặc EMDP sẽ được chuẩn bị phù hợp với Khung chính sách tái định cư (RPF) hoặc Khung chính sách dân tộc thiểu số (EMPF). Cần chú ý các biện pháp đưa ra để giải quyết các vấn đề liên quan đến giới, dân tộc thiểu số và các nhóm bất lợi khác, đặc biệt là nhóm dễ bị tổn thương. Việc di dời mồ mả phải phù hợp với chính sách của WB về Tài nguyên văn hóa vật thể (PCR). Di dời mồ mả sẽ được thực hiện dựa trên nguyên tắc chi phí thay thế và phù hợp với tập quán văn hóa địa phương, có tính đến sở thích, văn hóa điển hình của từng nhóm dân tộc như quy định trong RAP và EMDP, RAP và EMDP phải được phê duyệt bởi WB.

Đánh giá tác động Môi trường Xã hội

Mục đích của đánh giá tác động là xác định tầm quan trọng cho các vấn đề Môi trường và Xã hội trong quá trình ra quyết định bằng cách đánh giá rõ những hậu quả về Môi trường và Xã hội của nghiên cứu đề xuất trước khi thực hiện các hoạt động của dự án. Sớm xác định và mô tả đặc điểm của các tác động Môi trường và Xã hội quan trọng giúp cho cộng đồng và chính phủ có những đánh giá về khả năng tác động đến môi trường và xã hội của một dự án đề xuất và những điều kiện cần áp dụng để giảm nhẹ hoặc giảm thiểu rủi ro về các tác động đó. Phạm vi của các ESIA/ESMP phụ thuộc vào kết quả sàng lọc. Sẽ thực hiện thu thập dữ liệu, khảo sát thực địa và tham vấn với cộng đồng địa phương và người bị ảnh hưởng. ESIA/ESMP sẽ kiểm tra tác động tiêu cực môi trường tiềm tàng và những tác động tích cực cấp tiểu dự án.

Các bước đánh giá tác động chính là: lập kế hoạch, xác định phạm vi, đánh giá tác động và tham vấn. Việc đánh giá tác động sẽ làm rõ: (i) hoạt động tiểu dự án sẽ làm tăng tác động như thế nào? (ii) khả năng xảy ra tác động ra sao? (iii) hậu quả của mỗi tác động sẽ là gì? và (iv) phạm vi không gian và thời gian của mỗi tác động là thế nào? Đánh giá tác động chủ yếu phụ thuộc vào mức độ và thời gian thay đổi, số người hoặc quy mô nguồn lực bị ảnh hưởng và sự nhạy cảm của những đối tượng đó với thay đổi. Tác động tiềm tàng có thể vừa tiêu cực vừa tích cực (có lợi) và phương pháp luận xác định dưới đây sẽ được áp dụng để xác định cả tác động tiềm tàng có lợi và bất lợi.

Biện pháp giảm thiểu và tham vấn cộng đồng

Các biện pháp giảm thiểu: biện pháp giảm thiểu thích hợp sẽ được xác định theo tính chất và mức độ của các tác động tiêu cực tiềm tàng. Mục tiêu chủ yếu của kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (KHQLMTXH) là ghi lại những tác động tới môi trường và xã hội gây ra bởi các hoạt động của tiểu dự án và đảm bảo thực hiện "các biện pháp giảm thiểu" được xác định để giảm thiểu tác động bất lợi và tăng cường tác động tích cực. Bên cạnh đó, nó cũng có thể giải quyết bất kỳ tác động không mong muốn hoặc không lường trước được xảy ra đối với Môi trường và Xã hội trong quá trình xây dựng và các giai đoạn hoạt động của các tiểu dự án.

Kế hoạch QLMTXH sẽ xác định rõ những hành động nào sẽ được đánh giá và giảm thiểu rủi ro, giảm thiểu tác động tiềm tàng trong quá trình giải phóng mặt bằng, xây dựng và vận hành, Kế hoạch QLMTXH sẽ đặt ra: (a) các biện pháp thực hiện trong thời gian chuẩn bị, giai đoạn xây dựng và vận hành của tiểu dự án để loại bỏ hoặc giảm thiểu những tác động tiêu cực đến môi trường đến mức có thể chấp nhận được; (b) các hành động cần thiết để thực hiện các biện pháp này; và (c) một kế hoạch giám sát để đánh giá hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu.

Chương trình quản lý Môi trường và Xã hội sẽ được tiến hành như một phần của việc lập kế hoạch và thực hiện dự án. Chương trình này không chỉ là hoạt động giám sát và điều tiết đối với danh sách kiểm tra các hành động cần thiết được xác định trước, mà còn phải tương tác, xử lý linh hoạt với những tác động môi trường và xã hội phát sinh ngẫu nhiên. Đối với tất cả các tiểu dự án được thực hiện theo dự án, Khung QLMTXH phải là một phần của tài liệu. Ngoài ra, các tài liệu kỹ thuật dự thầu: Quản lý xây dựng chung và Trách nhiệm Nhà thầu "hoặc ECoP", các chi phí cho việc thực hiện kế hoạch QLMTXH và ECoP cần phải được thực hiện. Ngoài ESMP và ECoP, nhà thầu phải chuẩn bị (trước khi bắt đầu công việc) Kế hoạch an toàn, sức khỏe lao động và môi trường chi tiết (CEOHSP) dựa vào các biện pháp thi công đã được xác định trong ESMP cũng như là thực hành các tiêu chuẩn và chỉ tiêu quốc gia liên quan trong quản lý công trường, bao gồm lưu giữ vật liệu, quản lý chất thải xây dựng, quy định PPE, quy định về đầy đủ thiết bị vệ sinh tại khu vực lán trại, biển báo, hàng rào ngăn cách cho khu vực nguy hiểm.

Kế hoạch giám sát: mục tiêu chính là ghi lại những tác động tới môi trường và xã hội gây ra bởi các hoạt động tiểu dự án và đảm bảo thực hiện "các biện pháp giảm thiểu" được xác định trước đó và tăng cường tác động tích cực của dự án. Ngoài giám sát chung của các biện pháp giảm thiểu/nâng cao, các thông số về môi trường và xã hội quan trọng cũng sẽ được theo dõi trong giai đoạn xây dựng và vận hành của các tiểu dự án. Các yêu cầu và tần suất giám sát sẽ phụ thuộc vào mức độ và phạm vi tác động.

Tham vấn cộng đồng: trong việc chuẩn bị và thực hiện các biện pháp an toàn, các tài liệu tiểu dự án trong quá trình chuẩn bị cần phải thực hiện theo các yêu cầu chính sách OP 4.01 của Ngân hàng Thế giới về tham vấn cộng đồng. Mục tiêu của tham vấn là để tạo ra và nâng cao nhận thức cộng đồng về an toàn đập và bảo vệ môi trường bằng cách cung cấp thông tin về tiểu dự án cho tất cả các bên liên quan, đặc biệt là những người bị ảnh hưởng cụ thể (PAP) một cách kịp thời, tạo cơ hội để các bên liên quan phát biểu ý kiến về các khía cạnh của dự án. Tham vấn sẽ giúp tạo điều kiện và thuận lợi cho việc đưa ra quyết định trong khi tăng cường sự hiểu biết giữa các cá nhân, nhóm và tổ chức có thể ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án.

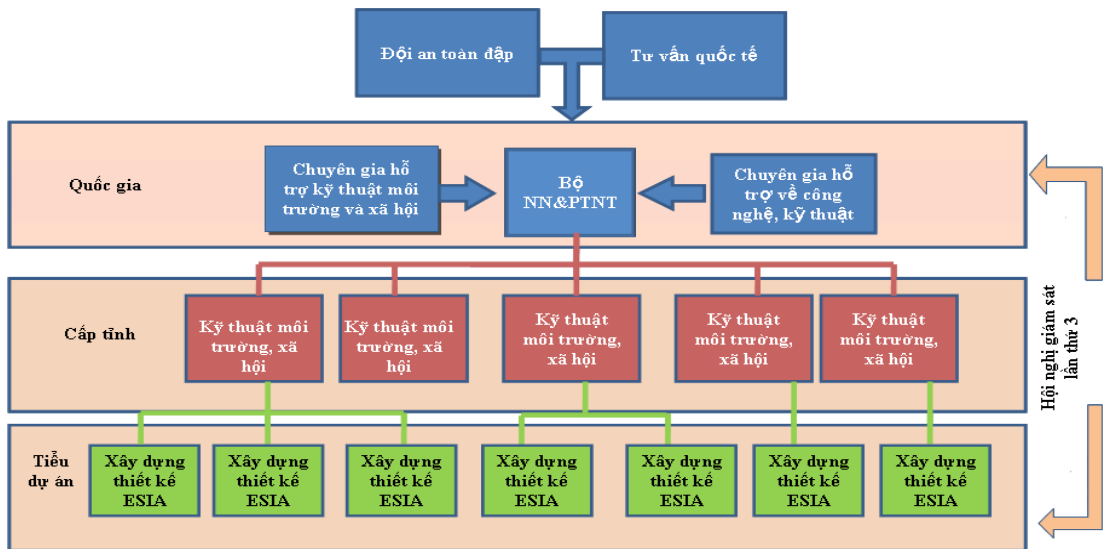
E.8.0: Tổ chức thực hiện

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN & PTNT) sẽ chịu trách nhiệm thực hiện và quản lý tổng thể dự án. Bộ NN & PTNT sẽ phối hợp chặt chẽ với Bộ Công thương và Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) tiến hành dự án thông qua các thỏa thuận người hưởng lợi để thực hiện các hoạt động cụ thể. Ban Chỉ đạo Chương trình (PSC) cho chương trình an toàn đập sẽ phối hợp các chính sách và các vấn đề chiến lược, cung cấp hướng dẫn chung và hỗ trợ trong việc điều phối. Ban quản lý Trung ương các dự án thủy lợi (CPO) thuộc Bộ NN&PTNT sẽ hỗ trợ cho cả ba bộ, chịu trách nhiệm điều phối và giám sát tổng thể dự án. Việc thực hiện các công việc khôi phục và chuẩn bị kế hoạch an toàn đập, bao gồm bảo vệ và ủy thác sẽ được phân cấp cho chính quyền cấp tỉnh. Ban an toàn đập quốc gia (DSRP) sẽ được thành lập theo dự án. UBND tỉnh có trách nhiệm phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường của các tiểu dự án. Ban quản lý dự án cấp tỉnh (PPMU) có trách nhiệm thuê tư vấn lập báo cáo ESIA/ESMP của các tiểu dự án. Các chuyên gia tư vấn trong nước có đủ năng lực để thực hiện tư vấn lập báo cáo ESIA/ESMP cho các tiểu dự án từ năm thứ 2. Ngoài ra, để phù hợp với các chính sách an toàn đập của Ngân hàng Thế giới, ban chuyên gia quốc tế của (PoE) sẽ được mời tham gia hỗ trợ trong quá trình thực hiện. Các PoE độc lập dự kiến sẽ được thực hiện tối thiểu hai lần một năm trong khoảng thời gian hai tuần, để xem xét, đánh giá và tư vấn cho Chính phủ

về chương trình.

Thêm vào đó, Ban QLDA sẽ thuê tư vấn quốc tế đánh giá về môi trường và xã hội và thông qua báo cáo ESIA của tiểu dự án, giám sát và theo dõi việc tuân thủ báo cáo ESIA và các kế hoạch khác, xem xét báo cáo và xây dựng năng lực. Công ty tư vấn này sẽ phát triển một hệ thống để theo dõi về các vấn đề môi trường và an sinh xã hội trong dự án. Tư vấn sẽ chuẩn bị chi tiết báo cáo định kỳ (nửa năm) về thực hiện và giám sát an toàn. Đây sẽ là một báo cáo bổ sung trong báo cáo tiến độ dự án.

Bên giám sát độc lập thứ ba sẽ thực hiện các công việc giám sát độc lập thường xuyên về các hoạt động của dự án. Đơn vị này cũng sẽ đánh giá sự tuân thủ chính sách và việc thực hiện các công cụ an toàn, trong đó, có Kế hoạch quản lý môi trường/Quy tắc ứng xử môi trường thực tiễn (ECOPs), Khung chính sách tái định cư/Kế hoạch hành động tái định cư, kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số, kế hoạch hành động giới. Bên giám sát độc lập sẽ do CPO tuyển chọn và kinh phí thực hiện thuộc kinh phí tài trợ của NHTG (hợp phần 3- Hỗ trợ quản lý và giám sát). Hình - E-8.1 cho thấy sơ đồ tổ chức thực hiện.



Hình - E8. 1: Sơ đồ tổ chức thực hiện dự án

Chuẩn bị, Rà soát, Công bố và Phê duyệt ESIA: Tư vấn Môi trường & Xã hội (E&S) tỉnh sẽ chịu trách nhiệm sàng lọc về môi trường và xã hội và lập ESIA/ESMP theo hướng dẫn nêu trong ESMF. Tham vấn là một phần thiết yếu của công tác lập ESIA/ESMP. Sau khi Tư vấn E&S tỉnh nộp Dự thảo ESIA cuối cùng, PPMU sẽ là cơ quan đầu tiên xem xét báo cáo kết hợp kiểm tra chéo thông qua thực địa. PPMU sau đó trình dự thảo ESIA cuối cùng này cho CPO xem xét và thông qua. Thay mặt CPO, Tư vấn E&S quốc tế sẽ xem xét báo cáo sàng lọc, ESIA và các kế hoạch có liên quan một cách chi tiết. Tư vấn E&S sẽ kiểm tra thông tin có liên quan, đánh giá tác động và tính bền vững của kế hoạch giảm thiểu và giám sát. Trong quá trình này yêu cầu có xác minh thực địa. Dựa trên khuyến nghị của tư vấn quốc tế hỗ trợ thực hiện dự án, CPO sẽ thông báo cho các PPMU thực hiện các thủ tục thông qua của Chính phủ. Trong suốt quá trình xem xét, cả PPMU và CPO có thể yêu cầu thêm thông tin, phân tích chi tiết và báo cáo cần được cập nhật. Các ESIA, bao gồm cả các kế hoạch có liên quan khác được chuẩn bị trong khi thực hiện tiểu dự án sẽ được công bố tại địa phương trước khi phê duyệt các tiểu dự án này. Những tài liệu này sẽ được đăng trên trang Web chính thức và Bộ NN&PTNT và cấp

tính, còn bản cứng tiếng Việt sẽ có sẵn tại PPMU và các xã trong vùng dự án. Sẽ có thông báo về việc công bố và lấy ý kiến trong vòng một tháng kể từ ngày công bố. ESIA tiếng Anh và tiếng Việt sẽ được công khai trong VDIC của Văn phòng Ngân hàng Thế giới tại Hà Nội và bản tiếng Anh của tiểu dự án sẽ được công khai trong Infoshop của Ngân hàng Thế giới.

Theo qui định của Chính phủ Việt Nam, PPMU sẽ trình dự thảo Báo cáo ĐTM cuối cùng cho Ủy ban nhân dân tỉnh (PPC). Xem xét về bản chất của tiểu dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh (PPC) sẽ đánh giá và phê duyệt các báo cáo ĐTM. PPC sẽ bố trí xác minh các báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trong phạm vi quản lý của tỉnh. Việc đánh giá báo cáo ĐTM sẽ được tiến hành do Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM được thành lập bởi UBND tỉnh và sở Tài nguyên Môi trường là cơ quan thực hiện. Thời hạn thẩm định báo cáo ĐTM trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng yêu cầu. PPMU sẽ phải tuân thủ các yêu cầu quy định trong phê duyệt báo cáo ĐTM. Đối với bất kỳ sự thay đổi nào, Chủ đầu tư phải có giải trình cho UBND tỉnh.

Ngân hàng Thế giới sẽ xem xét ESIA của tất cả các tiểu dự án có 1 trong các đặc điểm qui định ở mục 4, bảng B3, phụ lục B và ESIA của các tiểu dự án đầu tiên (không phân biệt loại nào) của mỗi tỉnh. Các TDA còn lại sẽ lập Kế hoạch quản lý Môi trường Xã hội (ESMP) trình CPO xem xét và NHTG sẽ kiểm tra ngẫu nhiên.

Hồ sơ thầu và kế hoạch của nhà thầu: Sau khi có phê duyệt ESIA, PPMU có trách nhiệm đảm bảo ESMP và Thông số kỹ thuật đấu thầu được bao gồm đầy đủ trong tài liệu đấu thầu. Chi phí cho quản lý Môi trường và Xã hội cần được phân bổ cho các hợp đồng tiểu dự án. CPO phải xác nhận rằng các tài liệu đấu thầu đã bao gồm ESMP, thông số kỹ thuật đấu thầu và đã phân bổ đủ kinh phí. Nhà thầu trúng thầu sẽ lập Kế hoạch An toàn Môi trường và Sức khỏe lao động của Nhà thầu (CEOHSP) theo ESMP của các tiểu dự án, các yêu cầu về tài liệu đấu thầu và giải trình kế hoạch thi công, vật liệu, thiết bị, nhu cầu nhân lực và kế hoạch giảm thiểu các vấn đề cụ thể tại công trường. Kế hoạch này sẽ được xem xét bởi Tư vấn E&S ở cả cấp tỉnh và cấp trung ương. CPO sẽ phê duyệt kế hoạch này với khuyến nghị của Tư vấn E&S.

Thực hiện, theo dõi và giám sát: Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện ESMP và CEOHSP của tiểu dự án. Cán bộ quản lý môi trường, y tế và an toàn (EHSM) sẽ đóng vai trò chủ đạo trong quản lý công tác quản lý Môi trường và Xã hội của tiểu dự án. Nhà thầu sẽ phải tuân theo tất cả các biện pháp giảm thiểu và quản lý môi trường đã quy định trong Thông số kỹ thuật, ESMP và CEOHSP. Nhà thầu phải đảm bảo có một Chương trình An toàn sức khỏe toàn diện cho người lao động và cộng đồng quanh đó trong suốt thời gian thi công. Trước mùa mưa trong giai đoạn thi công, nhà thầu phải đảm bảo rằng tất cả các hệ thống cống rãnh tạm thời hoặc cố định phải được dọn sạch chất thải xây dựng.

Nhà thầu sẽ tự giám sát các biện pháp giảm thiểu và chuẩn bị báo cáo tháng để nộp cho PPMU. Tư vấn E&S tỉnh sẽ xem xét báo cáo tháng. Cả Tư vấn E&S tỉnh và PPMU sẽ xem xét việc thực hiện thường xuyên kế hoạch giảm thiểu và giám sát. Ngoài ra, tư vấn E&S tỉnh sẽ chuẩn bị báo cáo giám sát quý và đưa ra khuyến nghị nhằm tăng cường hơn nữa việc thực hiện kế hoạch giảm thiểu và giám sát. Nhà thầu không tuân thủ sẽ được Tư vấn E&S báo cáo và PPMU sẽ áp dụng hình phạt cho bất kỳ hành động không tuân thủ nào với kế hoạch hành động đã thống nhất. PPMU sẽ nộp báo cáo chính sách an toàn quý về thực hiện kế hoạch giảm thiểu và giám sát cho CPO trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

Tư vấn E&S quốc tế sẽ giám sát việc thực hiện kế hoạch giảm thiểu và giám sát của từng tiểu dự án ít nhất một lần trong mỗi quý. Tư vấn này cũng sẽ chuẩn bị báo cáo giám sát của mình

trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Báo cáo sẽ bao gồm các bước chính, kết quả đầu ra và kết quả của các hoạt động quản lý môi trường được thực hiện cho tất cả các hạng mục đầu tư trong suốt chu kỳ dự án. Tư vấn E&S quốc tế sẽ xem xét và có ý kiến về báo cáo tiến độ quý của tỉnh.

Chứng nhận hoàn thành và báo cáo: PPMU sẽ phải thông báo cho UBND tỉnh và công tác sửa chữa đập sẽ chỉ bắt đầu sau khi UBND tỉnh (cơ quan có thẩm quyền phê duyệt ĐTM) đã kiểm tra và chứng nhận hoàn thành công tác bảo vệ môi trường. PPMU sẽ chuẩn bị một báo cáo hoàn thành cho công tác bảo vệ môi trường và trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, UBND tỉnh phải kiểm tra và cấp chứng nhận hoàn thành công tác môi trường.

UBND tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo đánh giá và phê duyệt báo cáo ĐTM, kiểm tra và phê duyệt công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh trong những năm trước đó đến Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15/1 hàng năm. Bộ NN&PTNT có trách nhiệm gửi báo cáo đánh giá và phê duyệt báo cáo ĐTM, kiểm tra và phê duyệt công tác bảo vệ môi trường các năm trước đó liên quan đến dự án do mình quản lý cho Bộ Tài nguyên và Môi trường trước 15/1 hàng năm.

Giám sát giai đoạn vận hành: PPMU và Tư vấn E&S tỉnh sẽ tiếp tục theo dõi vận hành và tiến hành thử nghiệm tham số như đã thống nhất trong Kế hoạch giám sát cho năm đầu vận hành. Sau năm đầu tiên, PPMU sẽ tiếp tục giám sát bằng nguồn cán bộ của PPMU. CPO cũng sẽ định kỳ giám sát các vấn đề môi trường trong giai đoạn vận hành. Theo Nghị định về Quy hoạch bảo vệ môi trường, Đánh giá môi trường chiến lược, Đánh giá tác động môi trường và các Kế hoạch bảo vệ môi trường (số 18/2015/NĐ-CP) ngày 14/2/2015, công tác thanh tra bảo vệ môi trường các công trình phục vụ giai đoạn vận hành của tiểu dự án sẽ do Đoàn thanh tra của UBND tỉnh thực hiện (Đoàn Thanh tra do Chủ tịch UBND tỉnh thành lập) (Điều 17 của Nghị định). Trên cơ sở thực địa, Tư vấn E&S quốc tế sẽ chuẩn bị một báo cáo 6 tháng về chính sách an toàn cho tiểu dự án thuộc giai đoạn thực hiện. CPO sẽ xem xét báo cáo và gửi cho Ngân hàng Thế giới trước khi có đoàn hỗ trợ thực hiện.

E9.0: Xây dựng năng lực, đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật

Để thực hiện có hiệu quả Khung quản lý Môi trường Xã hội (ESMF), đòi hỏi các tổ chức thực hiện phải có nguồn nhân lực có năng lực chuyên môn cũng như điều kiện thuận lợi về tài chính. Đơn vị thực hiện cần hiểu được các vấn đề môi trường và giá trị xã hội vốn có và có thể xác định rõ ràng chỉ số của những vấn đề này. Ngay cả việc thực hiện chính sách và pháp luật như Luật Bảo vệ Môi trường, thực tế vẫn cho thấy có những hạn chế đáng kể về khả năng của các bên liên quan ở xã và cấp huyện để theo dõi, giảm thiểu và quản lý đúng việc thực hiện công tác môi trường của các dự án phát triển. Kiến thức đầy đủ về cơ chế thực hiện ESMF cần phải được cung cấp cho các bên liên quan khi tham gia thực hiện các tiểu dự án của Dự án DRSIP. Điều này là rất quan trọng để hỗ trợ các tổ công tác đánh giá cao vai trò của họ trong việc tổ chức giám sát, theo dõi và đánh giá, trong đó, có báo cáo về các hoạt động môi trường của dự án. Tư vấn E&S quốc tế sẽ hỗ trợ quá trình xây dựng năng lực. Với sự phối hợp của CPO, Tư vấn E&S sẽ tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho PPMU và Tư vấn E&S cấp tỉnh. Tương tự, PPMU và Tư vấn E&S tỉnh sẽ tổ chức chương trình tập huấn cho nhà thầu. Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm thực hiện đào tạo cho công nhân để đảm bảo sức khỏe lao động và an toàn thích hợp, quản lý công trường tốt hơn và quản lý môi trường hiệu quả. Tập huấn IPM cũng sẽ được tổ chức theo kế hoạch tiểu dự án.

E10.0: Ngân sách thực hiện ESMF

Theo tính toán chi phí của các tiểu dự án năm đầu, tổng chi phí ước tính cho ESMF là 35,6 triệu US\$. Mỗi tiểu dự án sẽ có đủ ngân sách cho công tác đánh giá Môi trường Xã hội, lập và thực hiện kế hoạch, giám sát và báo cáo.

E11.0: Cơ chế giải quyết khiếu nại

Các cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM) là một yếu tố không thể tách rời trong Khung quản lý dự án, thông qua cơ chế này ban quản lý dự án có được những thông tin từ người hưởng lợi/ảnh hưởng và giải quyết khiếu nại về các hoạt động cũng như thực hiện dự án. Cơ chế này sẽ căn cứ vào yêu cầu của Ngân hàng Thế giới, hướng dẫn IFC và quan trọng nhất là căn cứ vào cơ chế giải quyết khiếu nại của Việt Nam để giải quyết các vấn đề nảy sinh giữa chủ dự án và người dân địa phương, đặc biệt người bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án. Theo quy định của Việt Nam, quá trình khiếu nại gồm bốn giai đoạn và thời gian giải quyết từ 45 đến tối đa 60 ngày.

E12.0: Hướng dẫn Quản lý tài nguyên văn hóa vật thể (PCR)

Có rất nhiều tài nguyên văn hóa vật thể ở mỗi tỉnh, các công trình văn hóa vật thể được bảo vệ bởi cộng đồng địa phương cũng như bởi các cơ quan của chính phủ. Các tiểu dự án thuộc các dự án lớn có thể ảnh hưởng đến các công trình văn hóa, khu di tích, lịch sử, khu khảo cổ quan trọng như lũ lụt tạm thời. Ngoài ra, các tỉnh còn có các tổ chức tôn giáo, các thư viện công cộng, trung tâm văn hóa cộng đồng, có thể được coi là PCR. Tuy nhiên, trong khu vực tiểu dự án, có thể có hoặc không có các khu tài nguyên văn hóa vật thể (vị trí thực tế của hầu hết trong các khu này vẫn chưa xác định). Do đó, các tiểu dự án sẽ thực hiện theo hướng dẫn xác định PCR, đánh giá tác động của dự án đến PCR và đánh giá tác động của khảo cổ học.

E13.0: Tham vấn và công bố thông tin ESMF

Dự án quy định, ở cấp độ tiểu dự án, chủ đầu tư phải tổ chức tham vấn với cộng đồng bị ảnh hưởng, cộng đồng người dân tộc thiểu số nếu có và các bên liên quan. Trong các cuộc tham vấn, chủ đầu tư, BQLDA sẽ cung cấp thông tin về: a) mục đích của dự án; b) Kết quả đánh giá tác động Môi trường và Xã hội; và c) trình bày các nghiên cứu bổ sung cần thiết.

Trong quá trình chuẩn bị, một tham vấn đã được tổ chức với những người liên quan. Khôi phục và nâng cao an toàn đập được xác định là một trong những ưu tiên phát triển chính. Không có người tham dự nào cho rằng các tác động là đáng kể, dài hạn từ các hoạt động của tiểu dự án đề xuất. Hầu hết các tác động được họ xác định là cục bộ và tạm thời. Việc chuẩn bị được dựa trên các cuộc tham vấn được tổ chức tại cấp cơ sở của 12 tiểu dự án. Các cuộc tham vấn mở rộng được tổ chức với những người liên quan. Các phát hiện của 12 tiểu dự án được phản ánh trong các báo cáo ESIA tương ứng. Những cuộc tham vấn này cung cấp những thông tin giá trị về việc chuẩn bị các ESIA cũng như là xây dựng Khung quản lý Môi trường Xã hội (ESMF). Bản dự thảo ESMF và ESIA của 12 tiểu dự án bằng tiếng Việt được công bố tại Trung tâm thông tin phát triển Việt Nam và trên trang Web của bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vào 29 tháng 5 năm 2015 và tại Infoshop của Ngân hàng Thế giới vào ngày 29/5/2015 để lấy ý kiến. Các bản cứng của các tài liệu này cũng đã được công khai tại các Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	ii
TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG CỦA KHUNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI.....	iii
CHỮ VIẾT TẮT (TIẾNG ANH).....	1
CHỮ VIẾT TẮT (TIẾNG VIỆT).....	4
DANH MỤC BẢNG	5
DANH MỤC HÌNH	5
CHƯƠNG I. GIỚI THIỆU	6
1.1. Thông tin chung về dự án	6
1.2 Mục đích của khung ESMF	6
1.3 Cách tiếp cận và phương pháp luận phát triển ESMF	7
1.4 Nguyên tắc của ESMF	7
1.5 Cấu trúc khung ESMF	9
CHƯƠNG II. MÔ TẢ DỰ ÁN.....	11
2.1 Mục tiêu và các hợp phần của dự án	11
2.2 Phạm vi của dự án	13
2.3 Tổ chức thực hiện dự án	17
CHƯƠNG III. CHÍNH SÁCH VÀ KHUNG LUẬT PHÁP, THỂ CHẾ.....	19
3.1 Các chính sách và quy định của Quốc gia về an toàn Môi trường và Xã hội.....	19
3.1.1 <i>Môi trường</i>	19
3.1.2 <i>Các quy định về an toàn đập</i>	21
3.1.3 <i>Thu hồi đất</i>	23
3.1.4 <i>Người dân tộc thiểu số và người bản địa</i>	24
3.2 Những ảnh hưởng của chính sách Quốc gia và quy định về dự án được đề xuất	24
3.3 Chính sách an toàn của ngân hàng thế giới	25
3.4 Ý nghĩa của chính sách an toàn của Ngân hàng thế giới đối với dự án được đề xuất	26
CHƯƠNG IV. HƯỚNG DẪN MÔ TẢ CÁC THÔNG TIN NỀN CỦA TIỂU DỰ ÁN.....	28
4.1 Mô tả tiểu dự án.....	28
4.2 Môi trường nền của tiểu dự án	30
4.3 Khu vực ảnh hưởng của tiểu dự án.....	30
CHƯƠNG V. PHÂN TÍCH PHƯƠNG ÁN THAY THẾ	32
5.1 Tính cấp thiết của việc nâng cao an toàn và khôi phục đập	32
5.2 Phạm vi phân tích phương án thay thế của tiểu dự án.....	34
CHƯƠNG VI. CÁC TÁC ĐỘNG TIỀM TÀNG VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU	36

6.1	Đánh giá các tiêu dự án năm đầu.....	36
6.2	Dự kiến các loại công trình sửa chữa	37
6.3	Tác động Môi trường Xã hội của các tiêu dự án năm đầu/ tác động dự kiến.....	38
6.3.1	<i>Các vấn đề xã hội</i>	39
6.3.2	<i>Vấn đề môi trường</i>	43
CHƯƠNG VII. SÀNG LỌC, QUI TRÌNH ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ.....		
KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI		51
7.1	Tổng quát.....	51
7.2	Sàng lọc môi trường và xã hội.....	51
7.2.1	<i>Sàng lọc hợp lệ về chính sách an toàn</i>	51
7.2.2	<i>Sàng lọc kỹ thuật (xác định yêu cầu về chủng loại và công cụ)</i>	52
7.3	Qui trình đánh giá tác động	53
7.3.1	<i>Mục đích của đánh giá tác động</i>	53
7.3.2	<i>Quy trình đánh giá tác động</i>	53
7.4	Kế hoạch quản lý Môi trường Xã hội (ESMP).....	60
7.5	Kế hoạch giám sát.....	61
7.5.1	<i>Kế hoạch giám sát Môi trường Xã hội (ESMoP)</i>	61
7.5.2	<i>Giám sát và đánh giá RAP/RPF</i>	65
CHƯƠNG VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....		67
8.1	Tổ chức thực hiện dự án	67
8.1.1	<i>Quản lý dự án</i>	67
8.1.2	<i>Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật quốc tế</i>	67
8.1.3	<i>Giám sát độc lập bên thứ ba</i>	68
8.1.4	<i>Ban an toàn đập</i>	68
8.1.5	<i>Cấp tỉnh</i>	68
8.1.6	<i>Tư vấn Môi trường và Xã hội cấp tỉnh</i>	69
8.1.7	<i>Nhà thầu</i>	70
8.1.8	<i>Ủy ban nhân dân tỉnh</i>	70
8.2	Tích hợp khung QLMTXH vào sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án	70
8.3	Chuẩn bị, Rà soát, Phổ biến và thông qua ESIA	71
8.4	Lồng ghép EMSP và Thông số kỹ thuật đấu thầu trong quá trình đấu thầu.....	72
8.5	Kế hoạch An toàn Môi trường và Sức khỏe lao động của Nhà thầu (CEOHSP).....	72
8.6	Thực hiện ESMP và CEOHSP, Giám sát và Báo cáo.....	72
8.7	Chứng nhận hoàn thành và Báo cáo	73
8.8	Giám sát trong giai đoạn vận hành	74

8.9 Tóm tắt quá trình an toàn	74
CHƯƠNG IX. XÂY DỰNG NĂNG LỰC, ĐÀO TẠO VÀ HỖ TRỢ.....	77
KỸ THUẬT	77
9.1 Cơ sở lý luận đánh giá năng lực thể chế.....	77
9.2 Yêu cầu năng lực nhân sự.....	77
9.2.1 Năng lực của ban QLDA trung ương	78
9.2.2 Năng lực quản lý môi trường của các Ban QLDA cấp tỉnh (PPMU).....	78
9.3 Xây dựng nâng cao năng lực và đào tạo.....	79
CHƯƠNG X. NGÂN SÁCH THỰC HIỆN	81
KHUNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI.....	81
CHƯƠNG XI. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI KHIẾU KIỆN	82
11.1 Yêu cầu của ngân hàng thế giới (chính sách OP 4.12).....	83
11.2 Phương pháp tiếp cận của IFC trong việc giải quyết khiếu nại khiếu kiện	84
11.2.1 Tại cấp tiểu dự án	84
11.2.2 Cộng đồng được hưởng lợi và trách nhiệm.....	84
11.2.3 Vai trò của bên thứ ba	86
11.3 Cơ chế giải quyết khiếu nại của Việt Nam	86
CHƯƠNG XII. HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ TÀI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ.....	89
12.1 Khái niệm chung.....	89
12.2 Hướng dẫn xác định PCR.....	89
12.3 Đánh giá các tác động do hoạt động của TDA	90
12.4 Hướng dẫn đánh giá tác động khảo cổ	91
12.4.1 Nhiệm vụ:.....	91
12.4.2 Điều tra.....	92
12.5 Thủ tục tìm kiếm - phát lộ	92
CHƯƠNG XIII. THAM VẤN KHUNG VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	94
13.1 Yêu cầu tham vấn	94
13.2 Tham vấn cấp tỉnh	94
13.2.1 Yêu cầu của tham vấn	94
13.2.2 Tóm tắt quá trình tham vấn	94
13.3 Tham vấn cấp trung ương.....	96
13.4 Công bố thông tin	98
PHỤ LỤC	99
PHỤ LỤC - A: THÔNG TIN 12 TIỂU DỰ ÁN NĂM ĐẦU	99
PHỤ LỤC – B: SÀNG LỌC MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI	112

PHỤ LỤC – C: HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ TÀI LIỆU CHÍNH SÁCH AN TOÀN MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI	120
C.1.Hướng dẫn về chuẩn bị ESIA	120
C.2.Hướng dẫn lập ESMP	128
C3. Hướng dẫn tham vấn cộng đồng	130
C4. Hướng dẫn chuẩn bị Kế hoạch Hành động Tái định cư (RAP)	131
C5. Hướng dẫn Chuẩn bị kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP)	137
PHỤ LỤC- D: CÁC TÁC ĐỘNG TIỀM TÀNG VÀ LỰA CHỌN CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU	141
PHỤ LỤC -E: THÔNG SỐ ĐẦU THẦU - TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ THẦU VÀ QUẢN LÝ XÂY DỰNG CHUNG (Quy chuẩn thực hành môi trường-ECOP).....	149
E-1: Kế hoạch quản lý lán trại thi công.....	149
E-2: Kế hoạch quản lý tác động xây dựng.....	151
E-3: Các kế hoạch quản lý khác	157
E-4: Kế hoạch an toàn trong quá trình thi công.....	162
E-5: Đào tạo về môi trường cho các công nhân xây dựng	163
E-6 Kế hoạch quản lý sức khỏe công nhân xây dựng.....	163
E-7: Giám sát môi trường của nhà thầu trong quá trình thi công	164
E-8: Hướng dẫn kế hoạch quan hệ cộng đồng.....	165
E-9: Quy trình phát lộ.....	167
PHỤ LỤC - F: DANH SÁCH CÁC KHU VỰC BẢO TỒN TẠI CÁC TỈNH.....	169
PHỤ LỤC - G: TƯ VẤN LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (E&S).....	171
G-1: Tư vấn Môi trường và Xã hội quốc tế (E&S)	171
G-2: Bên giám sát độc lập thứ 3	175
PHỤ LỤC - H: KHUNG QUẢN LÝ DỊCH HẠI TỔNG HỢP (IPM).....	176
PHỤ LỤC - I: KHUNG CHÍNH SÁCH, THỂ CHẾ VÀ CÁC QUI ĐỊNH.....	187
PHỤ LỤC -J: MẪU KHẢO SÁT KINH TẾ XÃ HỘI.....	198
PHỤ LỤC – K: BẢNG CHỨNG VỀ THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ ESMF200	
PHỤ LỤC – L: QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN BOM, MÌN VÀ VẬT LIỆU NỔ.....	204

CHỮ VIẾT TẮT (TIẾNG ANH)

BOD	Nhu cầu oxy hóa sinh học
CEMA	Ủy ban dân tộc miền núi
CITES	Công ước về thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CPC	Ủy ban nhân dân xã
CPMU	Ban quản lý dự án Trung ương thuộc CPO
CPO	Ban quản lý Trung ương các dự án Thủy lợi
CSC	Tư vấn Giám sát Xây dựng
DARD	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
dBA	Đơn vị đo lường âm thanh
DMC	Ủy ban Quản lý rủi ro thiên tai
DMDP	Kế hoạch thu gom, nạo vét bùn
DMS	Khảo sát đo đạc chi tiết
DO	Oxy hòa tan
DoNRE	Sở Tài nguyên và Môi trường
DPC	Ủy ban nhân dân huyện
DRM	Quản lý rủi ro thiên tai
DRSIP	Dự án phục hồi và nâng cao an toàn đập
DSF	Khung an toàn đập
DSR	Báo cáo an toàn đập
DSRP	Ban an toàn đập Quốc gia
DSU	Đơn vị an toàn đập
DUC	Đập đang được xây dựng
EA	Đánh giá môi trường
ECO-ECO	Viện Kinh tế Sinh thái
ECOP	Quy tắc ứng xử môi trường thực tiễn
EHS	Môi trường, sức khỏe, an toàn
EIA	Đánh giá tác động môi trường
EMC	Tư vấn giám sát môi trường
EMDP	Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số
EMPF	Khung chính sách dân tộc thiểu số
EPC	Cam kết bảo vệ môi trường
EPP	Kế hoạch ứng phó khẩn cấp

ESIA	Đánh giá tác động Môi trường Xã hội
ESMF	Khung quản lý Môi trường Xã hội
ESMoP	Kế hoạch giám sát Môi trường Xã hội
ESMP	Kế hoạch quản lý Môi trường Xã hội
FGD	Thảo luận nhóm
FPIC	Tham vấn trước và thông tin tư vấn
FS	Nghiên cứu khả thi
GDWR	Tổng cục Thủy lợi
GoV	Chính phủ Việt Nam
ha	Hecta
HH	Hộ
HIV/AIDS	Bệnh xã hội hội chứng suy giảm miễn dịch
ICOLD	Ủy ban Quốc tế về Đập lớn
IFC	Tổng công ty Tài chính Quốc tế
IMCs	Các công ty quản lý và khai thác công trình thủy lợi tỉnh
IPM	Quản lý dịch hại tổng hợp
ISDS	Bảng dữ liệu tích hợp biện pháp an toàn
IUCN	Liên minh Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên
IWGIA	Nhóm làm việc quốc tế về các vấn đề bản địa
KK	Không khí
L	Lít
LDMUs	Các đơn vị quản lý đập ở địa phương
LEP	Luật bảo vệ môi trường
LURCs	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
LWR	Luật tài nguyên nước
MARD	Bộ NN&PTNT
MCM	Triệu mét khối
MoC	Bộ Xây dựng
MoIT	Bộ Công thương
MoNRE	Bộ Tài nguyên và Môi trường
MPN	Đơn vị đo vi khuẩn
NĐ-CP	Nghị định – Chính phủ
NGOs	Tổ chức phi chính phủ
NRDMP	Dự án quản lý rủi ro thiên tai quốc gia
NTU	Đơn vị đo độ đục của nước

O&M	Vận hành và Bảo dưỡng
ODA	Nguồn vốn hỗ trợ phát triển
OP/BP	Chính sách hoạt động của Ngân hàng thế giới
PAP	Người bị ảnh hưởng đặc biệt
PC	Tham vấn cộng đồng
PCM	Hội thảo tham vấn cộng đồng
PCN	Các ý tưởng
PCP	Tài nguyên văn hóa vật thể
PID	Tài liệu thông tin dự án
PoE	Hội đồng chuyên gia độc lập về an toàn đập
POM	Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án
PPC	Ủy ban nhân dân Tỉnh
PPE	Bảo hộ lao động
PPMU	Ban quản lý dự án cấp Tỉnh
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
QCVN	Qui chuẩn Việt Nam
QH	Quốc hội
RAP	Kế hoạch hành động tái định cư
RPF	Khung chính sách tái định cư
ToR or TOR	Các điều khoản tham chiếu
US\$	Đơn vị tiền tệ của Mỹ
UXO	Quản lý vật liệu nổ
VACNE	Hiệp hội bảo tồn tự nhiên và môi trường Việt Nam
VDIC	Trung tâm VDIC của ngân hàng thế giới tại Việt Nam
VND	Việt Nam đồng
VN-Haz project	Dự án giảm thiểu thiên tai tại Việt Nam (WB5)
WB	Ngân hàng thế giới
WBG	Nhóm Ngân hàng Thế giới

CHỮ VIẾT TẮT (TIẾNG VIỆT)

BAH	Bị ảnh hưởng
BTN-MT	Bộ Tài nguyên Môi trường
BVMT	Bảo vệ Môi trường
ĐTM	Đánh giá Tác động Môi trường
DTTS	Dân tộc thiểu số
GPMB	Giải phóng mặt bằng
HĐBT	Hội đồng bồi thường
LĐTĐ & XH	Lao động thương binh và xã hội
MTXH	Môi trường Xã hội
NAV	Quốc hội Việt Nam
NĐ-CP	Nghị định- Chính phủ
NHTG	Ngân hàng thế giới
NN & PTNT	Nông nghiệp và phát triển nông thôn
PL-UBTVQH12	Pháp lệnh - Ủy ban tư vấn Quốc hội 12
QĐ-TTG	Quyết định - Thủ tướng chính phủ
QLDA	Quản lý dự án
QLMT	Quản lý môi trường
QLMTXH	Quản lý môi trường xã hội
TDA	Tiểu dự án
TĐC	Tái định cư
TN&MT	Tài nguyên và môi trường
TT	Thông tư
TTLT-BTP-UBND	Thông tư liên tịch – Bộ Tư pháp - Ủy ban dân tộc
TV	Tư vấn
UBND	Ủy ban dân tộc
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

Bảng-E6. 1: Kết cấu, vấn đề thiết kế và đề xuất sửa chữa hoặc nâng cấp công trình	vii
Bảng 2. 1: Điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội vùng dự án	14
Bảng 5. 1: Các sự cố xảy ra liên quan đến công trình.....	33
Bảng 5. 2: Phân tích thay thế sửa chữa đập.....	34
Bảng 5. 3: Các tiêu chí đánh giá được xem xét trong quá trình phân tích thay thế.....	35
Bảng 6. 1: Danh sách các tiểu dự án năm đầu.....	36
Bảng 6. 2: Các vấn đề về hiện trạng an toàn đập có liên quan đến cấu trúc đập.....	36
Bảng 6. 3: Các vấn đề về cấu trúc, thiết kế và đề xuất các hạng mục sửa chữa/ nâng cấp	38
Bảng 6. 4: Các hộ được hưởng lợi.....	39
Bảng 7. 1: Các thông số xác định mức độ tác động	57
Bảng 7. 2: Tiêu chí để xác định độ nhạy cảm	58
Bảng 7. 3: Đánh giá tác động tiềm tàng.....	59
Bảng 7. 4 : Danh sách giám sát chất lượng không khí	62
Bảng 7. 5: Danh sách giám sát chất lượng và số lượng nước.....	62
Bảng 7. 6: Danh sách giám sát chất lượng đất.....	63
Bảng 7. 7: Danh mục giám sát tiếng ồn	63
Bảng 7. 8: Danh mục giám sát sức khỏe và an toàn lao động	64
Bảng 7. 9: Biểu mẫu kế hoạch giám sát trong giai đoạn vận hành và thi công.....	64
Bảng 8. 1: Tóm tắt quá trình an toàn	74
Bảng 10. 1: Tóm tắt tổng kinh phí và chi phí	82
Bảng 13. 1: Hướng dẫn tóm tắt các vấn đề và ghi các ý kiến trong quá trình tham vấn.....	Error!

Bookmark not defined.

DANH MỤC HÌNH

Hình - E8. 2: Sơ đồ tổ chức thực hiện dự án:.....	xi
Hình 2. 1: Các tỉnh vùng dự án.....	14
Hình 7. 1: Quy trình đánh giá tác động.....	54
Hình 8. 1: Tổ chức thực hiện dự án.....	69

CHƯƠNG I. GIỚI THIỆU

1.1. Thông tin chung về dự án

Dự án phục hồi và nâng cao an toàn đập (DRSIP) được đề xuất để cải thiện an toàn của các đập nước, hồ chứa và các công trình liên quan, cũng như an toàn của người dân và cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội ở hạ du theo quy định tại Nghị định 72 của Chính phủ về quản lý an toàn đập tại Việt Nam. Nghị định này đã phân loại đập dựa trên chiều cao và khối lượng. Cụ thể, (i) đập lớn là đập có chiều cao từ 15m trở lên hoặc hồ chứa có từ 3 triệu mét khối trở lên; (ii) đập trung bình là đập có chiều cao từ 10 - 15m hay hồ chứa với dung tích 1-3 triệu mét khối; và (iii) các đập nhỏ có chiều cao từ 5 - 10m hay hồ chứa có dung tích từ 0,5 - 1,0 triệu mét khối.

Dự án là sự kết hợp tối ưu của hai biện pháp công trình và phi công trình. Các biện pháp công trình bao gồm phục hồi chức năng và nâng cấp các công trình về an toàn đập hiện có, trang bị thiết bị đo đạc, giám sát an toàn. Các giải pháp phi công trình là một thành phần quan trọng và các hoạt động của hợp phần này được Ngân hàng hỗ trợ theo dự án, bao gồm hỗ trợ để tăng cường khuôn khổ pháp lý và thể chế, giám sát an toàn, thủ tục cho các hoạt động trong giai đoạn xây dựng, vận hành và bảo dưỡng (O&M) và kế hoạch ứng phó khẩn cấp.

Dự án sẽ được triển khai bao gồm trên 450 đập lớn, vừa và nhỏ tại 34 tỉnh ở miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên, nơi hầu hết các đập đang trong tình trạng xuống cấp nghiêm trọng cần phải phục hồi và nâng cấp để đảm bảo an toàn trong mùa lũ và đề xuất qui trình vận hành an toàn hồ chứa. Giai đoạn 1 của dự án sẽ tiến hành thí điểm 12 tiểu dự án và từ đó tạo cơ sở để tiến hành các tiểu dự án còn lại. Trong năm đầu tiên của dự án, công tác đánh giá tác động Môi trường và Xã hội (ESIA) được tiến hành cho toàn bộ 12 tiểu dự án. Các tiểu dự án còn lại sẽ được xác định các tài liệu cần được chuẩn bị và công tác chuẩn bị trong thời gian thực hiện dự án. Khung Quản lý Môi trường và Xã hội (Khung QLMTXH hoặc ESMF) này cung cấp hướng dẫn cho việc đánh giá tác động Môi trường và Xã hội cho các tiểu dự án còn lại thuộc dự án DRSIP. Khung này được phát triển dựa trên đánh giá tác động Môi trường Xã hội của 12 TDA ưu tiên năm đầu và kết quả khảo sát thực địa, tham vấn các bên liên quan.

1.2 Mục đích của khung ESMF

Khung Quản lý môi trường và xã hội thiết lập quy trình sàng lọc, đánh giá, xem xét, chấp thuận và giám sát tuân thủ Môi trường trong công tác phục hồi chức năng đập của tiểu dự án. Do đó, khung này sẽ:

- (a) Thiết lập một quy trình, phương pháp rõ ràng cho công tác quản lý Môi trường và Xã hội bao gồm việc xem xét, phê duyệt và triển khai thực hiện các tiểu dự án được tài trợ.
- (b) Xác định vai trò và trách nhiệm thích hợp, phác thảo các thủ tục báo cáo cần thiết để quản lý và giám sát Môi trường và Xã hội liên quan đến các tiểu dự án.
- (c) Xây dựng năng lực cho cơ quan quản lý để thực hiện tốt các quy định đề xuất trong ESMF
- (d) Thiết lập các cơ chế cần thiết để thực hiện ESMF; và
- (e) Cơ chế công bố thông tin triển khai thực hiện ESMF.

Khung ESMF là căn cứ cho các tiêu dự án thực hiện các chính sách an toàn. Trong khung này, các thể chế, chính sách và qui định, các khung hỗ trợ khác cũng được chuẩn bị để làm căn cứ cho các TDA trong quá trình thực hiện, cụ thể:

- (a) Khung an toàn đập (DSF), phác thảo các yêu cầu đảm bảo tuân thủ với các chính sách của NHTG về an toàn đập (OP/BP 4.37), nó cũng bao gồm hướng dẫn kỹ thuật để chuẩn bị các báo cáo về an toàn đập (DSR).
- (b) Khung chính sách tái định cư (RPF) cung cấp hướng dẫn trong việc chuẩn bị và thực hiện Kế hoạch hành động tái định cư phù hợp với chính sách tái định cư không tự nguyện của Ngân hàng Thế giới (OP/BP 4.12); và
- (c) Khung chính sách phát triển dân tộc thiểu số (EMDF) cung cấp hướng dẫn cho việc thực hiện tham vấn trên cơ sở nguyên tắc tự do, thông báo trước và phổ biến thông tin đầy đủ tới người dân tộc thiểu số trong khu vực dự án và chuẩn bị Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số theo yêu cầu chính sách người bản địa của Ngân hàng Thế giới (OP/ P 4.10).

Khung ESMF sẽ được sử dụng kết hợp cùng với các khung chính sách nêu trên.

1.3 Cách tiếp cận và phương pháp luận phát triển ESMF

Dự án sẽ được tài trợ bởi Ngân hàng Thế giới và Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Công tác đánh giá tác động Môi trường và Xã hội (ESIA) của tiêu dự án được yêu cầu thực hiện và phải phù hợp với các chính sách và yêu cầu của Ngân hàng Thế giới và của Chính phủ. Các tiêu dự án được tài trợ sẽ được xác định trong giai đoạn thực hiện, dự án đã thông qua một phương pháp tiếp cận khung. Dựa trên kinh nghiệm của các dự án được tài trợ bởi Ngân hàng Thế giới và các dự án được thực hiện bởi Bộ NN & PTNT, kết quả của công tác đánh giá tác động Môi trường Xã hội của 12 TDA năm đầu, khung ESMF do Bộ NN & PTNT chuẩn bị và phê duyệt.

Trong khung ESMF, các khung an toàn sẽ được bổ sung như khung an toàn đập (DSF), khung chính sách tái định cư (RPF) và khung phát triển dân tộc thiểu số (EMDF).

Khung ESMF cũng được chuẩn bị dựa trên điều khoản tham chiếu (TOR) với Ngân hàng Thế giới và các tiêu chuẩn, qui định, các hướng dẫn kỹ thuật của Việt Nam, ngoài ra khung ESMF còn dựa trên bộ công cụ của NHTG xây dựng riêng cho Việt nam,.

Ngoài ra, hai cuộc tham vấn đã được thực hiện cho việc chuẩn bị ESIA của các TDA năm đầu và các buổi tham vấn cấp trung ương, địa phương cũng đã được thực hiện trong quá trình chuẩn bị của ESMF.

1.4 Nguyên tắc của ESMF

Do các yêu cầu đã được đề xuất trong dự án và tác động môi trường tiềm tàng, dự án thuộc 'loại A' theo Chính sách hoạt động OP 4.01 của Ngân hàng Thế giới, trong đó, yêu cầu đánh giá tác động Môi trường Xã hội phù hợp và thực hiện Kế hoạch Quản lý Môi trường Xã hội (ESMP). Luật và nghị định của Chính phủ cũng yêu cầu đánh giá tác động Môi trường cho các

tiểu dự án. Vì vậy, ESMF được lập dựa trên các nguyên tắc sau đây để có thể đảm bảo lập Kế hoạch Quản lý Môi trường Xã hội phù hợp và quản lý các hoạt động của tiểu dự án.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (MARD) chịu trách nhiệm tuân thủ các chính sách, quy định quốc gia, Chính sách hoạt động và Hướng dẫn của Ngân hàng Thế giới, như đã đề cập trong báo cáo ESMF này. ESMF sẽ là cơ sở để đảm bảo sự phù hợp của quy hoạch tiểu dự án, thực hiện và giám sát.
- Ban Quản lý Trung ương các dự án thủy lợi (CPO) thuộc MARD sẽ đảm bảo chất lượng đánh giá tác động Môi trường và Xã hội cấp tiểu dự án và thực hiện các Kế hoạch quản lý bằng cách thuê Tư vấn Môi trường và Xã hội (E&S) hỗ trợ thực hiện dự án (Hãng quốc tế).
- Thay mặt cho CPO, Tư vấn E&S cần khẳng định rằng đánh giá tác động Môi trường Xã hội sẽ được thực hiện đối với tất cả các tác động Môi trường và Xã hội tiềm tàng trực tiếp và gián tiếp của các tiểu dự án trong các giai đoạn dự án: chuẩn bị thi công, thi công và vận hành đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu để làm giảm các tác động tiêu cực và tăng cường tác động tích cực.
- Tư vấn E&S cũng cần đảm bảo thực hiện tốt Kế hoạch Quản lý Môi trường Xã hội (ESMP), tiến hành giám sát và theo dõi thường xuyên. Sẽ phải có báo cáo quý về chất lượng và tuân thủ.
- Ban quản lý dự án tỉnh (PPMU) chịu trách nhiệm đánh giá tác động Môi trường Xã hội (ESIA) tiểu dự án bằng cách thuê Tư vấn E&S có trình độ trong nước. Đơn vị tư vấn này cũng sẽ chịu trách nhiệm giám sát, theo dõi việc thực hiện kế hoạch quản lý môi trường xã hội (ESMP).
- PPMU chịu trách nhiệm xin ý kiến thông qua báo cáo đánh giá tác động Môi trường Xã hội từ Ủy ban nhân dân tỉnh (PPC) hoặc bất kỳ cơ quan khác có liên quan theo quy định của luật trong nước.
- CPO chịu trách nhiệm tiếp thu các yêu cầu thông qua của Ngân hàng Thế giới cho tiểu dự án. CPO cũng sẽ chịu trách nhiệm báo cáo hàng quý về các biện pháp an toàn theo quy định cho Ngân hàng Thế giới.
- Dự án sẽ không hỗ trợ bất kỳ công trình sửa chữa đập và công việc liên quan trong phạm vi công viên quốc gia, khu vực có động vật hoang dã và di sản thế giới, khu đất bị giới hạn hoặc có tranh chấp.
- Sửa chữa công trình của các tiểu dự án (Hợp phần 1) sẽ chỉ bao gồm việc cải thiện an toàn các đập thủy lợi có nguồn tài trợ công (một số ít cũng được sử dụng đa mục đích như kết hợp cung cấp nước sinh hoạt). Các biện pháp công trình bao gồm công tác cải tạo và nâng cao an toàn công trình các đập hiện có và công trình phụ trợ, chẳng hạn như mở rộng và tăng chiều cao đập (từ góc độ an toàn), gia cố lại mái đập, tăng cường, mở rộng và sửa chữa tràn, khoan phụt chống thấm, ổn định cấu trúc, thay thế các công trình thủy lực và công cụ giám sát an toàn.
- ESMF cũng sẽ được áp dụng cho Hợp phần 2 (Quản lý an toàn đập và Quy hoạch). Những cải tiến trong hệ thống thông tin và mạng lưới thủy văn và thiết lập các trạm khí tượng thủy văn trong lưu vực sẽ qua quá trình sàng lọc, xác định công cụ thích hợp để đánh giá và quản lý.
- Các nghiên cứu kỹ thuật cần thực hiện trong Hợp phần 2 cũng sẽ giải quyết các vấn đề Môi trường Xã hội. Ví dụ, nghiên cứu đánh giá lưu vực sông sẽ bao gồm đánh giá tác động lũy tích cấp lưu vực và xây dựng một phương thức để theo dõi sinh thái ở cấp lưu vực.

- PPMU sẽ chịu trách nhiệm đảm bảo tham vấn với các bên liên quan bao gồm cả cộng đồng và người bị ảnh hưởng.
- PPMU sẽ đảm bảo công khai ESIA/ESMP của tiểu dự án trên trang Web và có sẵn bản cứng cho các cơ quan liên quan và các xã trong vùng dự án.
- CPO sẽ đảm bảo công khai ESIA của tất cả các tiểu dự án trên trang web của mình. ESIA tiếng Anh và tiếng Việt sẽ được công bố tại Trung tâm Thông tin Phát triển Việt Nam (VDIC) tại Hà Nội và bản tiếng Anh sẽ được công bố trong Infoshop của Ngân hàng Thế giới.
- Mỗi tiểu dự án sẽ có một Kế hoạch an toàn đập (DSP) theo Khung an toàn đập (DSF) và được tích hợp với thiết kế kỹ thuật của đập. DSP không cần bao gồm trong ESMP.
- CPO và PPMU sẽ giám sát thường xuyên việc thực hiện ESMP.
- Nhà thầu trúng thầu sẽ lập Kế hoạch An toàn Môi trường và Sức khỏe lao động của Nhà thầu (CEOHSP) có xét đến ESMP tiểu dự án, các yêu cầu về tài liệu đấu thầu và kế hoạch thi công, tập kết vật liệu, thiết bị, nhu cầu nhân lực và các biện pháp giảm thiểu tại công trường. Kế hoạch này sẽ được xem xét và thông qua bởi Tư vấn E&S ở cả cấp tỉnh và cấp trung ương.
- Nhà thầu sẽ thực hiện theo CEOHSP và yêu cầu của tài liệu đấu thầu, kể cả ESMP.
- Ngoài việc giám sát và theo dõi của Tư vấn hỗ trợ thực hiện dự án do CPO thuê tuyển, PPMU sẽ phải giám sát việc thực hiện ESMP.
- PPMU có thể thực hiện biện pháp chế tài cho nhà thầu đối với bất kỳ hành động không tuân thủ kế hoạch quản lý quản lý môi trường.
- CPO và PPMU sẽ đảm bảo các qui định trong Kế hoạch an toàn đập (DSP), Kế hoạch hành động tái định cư (RAP) và Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP) phù hợp với các Khung an toàn đập (DSF), Khung chính sách tái định cư (RPF) và Khung chính sách Dân tộc thiểu số (EMPF).

1.5 Cấu trúc khung ESMF

Khung ESMF được lập theo qui định của Ngân hàng Thế giới nên cấu trúc Khung ESMF dựa theo bộ công cụ của NHTG xây dựng riêng cho Việt Nam. Cụ thể như sau:

Chương I: Giới thiệu

Chương II: Mô tả dự án - Cung cấp mô tả ngắn gọn về các mục tiêu dự án và tóm tắt các thành phần chính.

Chương III: Chính sách và khung pháp luật và thể chế - Mô tả các chính sách, luật pháp yêu cầu quản lý Môi trường và Xã hội có liên quan của Chính phủ, các biện pháp, chính sách an toàn của Ngân hàng Thế giới đối với dự án và các tiểu dự án.

Chương IV: Hướng dẫn mô tả thông tin nền của TDA - các thông tin quan trọng, cần thiết để mô tả tiểu dự án, làm thế nào để xác định vùng ảnh hưởng của dự án và thu thập các thông tin cơ bản.

Chương V: Phân tích thay thế - Giải thích các bước và các yếu tố trong việc trình bày các phương án phân tích thay thế.

Chương VI: Các tác động tiềm tàng và biện pháp giảm thiểu - Mô tả những tác động tích cực và tiêu cực tiềm ẩn và các biện pháp giảm thiểu tác động chủ yếu.

Chương VII: Sàng lọc, qui trình đánh giá tác động và kế hoạch giám sát - Giải thích các thủ tục kiểm tra, xem xét, chấp thuận và thực hiện các công cụ an toàn.

Chương VIII: Tổ chức thực hiện – Bao gồm trách nhiệm thực hiện ESMF và cơ chế báo cáo

Chương IX: Nâng cao năng lực, đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật - Mô tả việc xây dựng năng lực, đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật trong dự án để thực hiện có hiệu quả khung ESMF.

Chương X: Ngân sách thực hiện khung ESMF - Ước tính ngân sách cần thiết để thực hiện ESMF.

Chương XI: Cơ chế giải quyết khiếu nại - Mô tả cơ chế tiếp nhận và tạo điều kiện thuận lợi trong công tác giải quyết các mối quan tâm, khiếu nại, khiếu kiện và bất bình về dự án, bao gồm các tác động Môi trường Xã hội và người dân bị ảnh hưởng.

Chương XII: Kế hoạch quản lý tài sản văn hóa vật thể - Cung cấp hướng dẫn làm thế nào để thực hiện điều tra, kiểm kê Tài nguyên Văn hóa vật thể, đánh giá tính chất, mức độ ảnh hưởng, chuẩn bị và thực hiện kế hoạch giảm thiểu.

Chương XIII: Tham vấn và công bố thông tin - Mô tả công tác tham vấn trong quá trình chuẩn bị và công bố thông tin ESMF

Các phụ lục.

CHƯƠNG II. MÔ TẢ DỰ ÁN

2.1 Mục tiêu và các hợp phần của dự án

a) Mục tiêu dự án

Mục tiêu phát triển của DRSIP là để hỗ trợ thực hiện chương trình an toàn đập của chính phủ, công tác phục hồi hoặc nâng cấp cấu trúc hiện có của các đập và hồ chứa nước được ưu tiên đầu tư nâng cấp sửa chữa, nâng cấp các chính sách và thể chế trong việc quản lý an toàn, đề xuất các giải pháp nâng cao nguồn nhân lực, quản lý, duy tu, vận hành và ứng phó trong trường hợp khẩn cấp.

b) Các thành phần dự án

Dự án sẽ bao gồm các thành phần sau:

Hợp phần 1: Phục hồi an toàn đập – hợp phần này sẽ nâng cao an toàn đập của những đập được ưu tiên theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (MARD) thông việc phục hồi các cơ sở hạ tầng hiện có. Những đập được tài trợ được thiết kế cho mục đích tưới và một số được sử dụng cho đa mục tiêu bao gồm cung cấp nước sinh hoạt cho cộng đồng địa phương. Hợp phần này sẽ hỗ trợ (i) Thiết kế chi tiết, giám sát, kiểm soát chất lượng việc cải tạo công trình đối với các đập được ưu tiên và cơ sở hạ tầng liên quan; (ii) cải tạo công trình, bao gồm cả công trình xây dựng, công trình thủy lực, lắp đặt thiết bị quan trắc thủy văn và giám sát an toàn; (iii) lập Kế hoạch vận hành và bảo dưỡng, Kế hoạch ứng phó khẩn cấp; và (iv) thông qua bản danh sách kiểm tra các hạng mục đã được tiêu chuẩn hóa đối với các đập do cộng đồng quản lý.

Sàng lọc cơ bản cho các đập đã được thực hiện bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (MARD). Hầu hết các đập được xác định trong quá trình chuẩn bị được phân loại là đập đất loại nhỏ, với 65% có chiều cao dưới 15m và dung tích chứa ít hơn 3 triệu mét khối nước. Hầu hết các đập với dữ liệu hiện có được thực hiện từ 15 năm trước, 50% đập được thực hiện từ năm 1970 đến 1990.

Phân tích các rủi ro về cấu trúc của đập là một trong những tiêu chí chính cho việc lựa chọn đập và bốn mô hình sự cố tiềm ẩn được ưu tiên gồm: (i) tràn do khả năng của tràn xả lũ không hiệu quả, (ii) xói mòn bên ngoài do việc bảo vệ bề mặt không đủ, (iii) thấm thành dòng, thấm lớn do việc kiểm soát thấm không hiệu quả, và; (iv) sạt lở/ biến dạng do bất ổn định mái dốc, gia cố không đồng đều. Các thông số quan trọng như là mức độ thấm, nứt, trượt... để đo đạc những thiệt hại/ nguy cơ về cấu trúc được lồng ghép.

Hợp phần 2: Quản lý an toàn đập và quy hoạch - Hợp phần này sẽ cải thiện khung kế hoạch và vận hành về quản lý đập để bảo vệ người dân và cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội trong các cộng đồng ở hạ lưu. Về bản chất, đây là hợp phần hỗ trợ kỹ thuật và sẽ hỗ trợ một số nghiên cứu, sáng kiến xây dựng năng lực, cải thiện các hệ thống thông tin và mạng lưới thủy văn ở cả hai cấp lưu vực và hệ thống. Hợp phần này bao gồm một số biện pháp phi công trình sẽ tổng hợp và đề xuất trong dự án về thực hiện Chương trình an toàn đập của Chính phủ. Nhiều hoạt động được hỗ trợ trong Hợp phần này sẽ phải thực hiện kết hợp với sáng kiến song song được Chính phủ New Zealand hỗ trợ trong “Sáng kiến An toàn Đập và Cộng đồng hạ lưu” ở lưu vực

sông Cả.

Hỗ trợ pháp lý và thể chế sẽ giúp Chính phủ trong việc thực hiện các đề xuất sửa đổi Nghị định 72 và các hướng dẫn hỗ trợ, chỉ dẫn và quy định thực hiện. Hợp phần này sẽ hỗ trợ một loạt các hoạt động nhằm giúp dự thảo các văn kiện hỗ trợ theo yêu cầu của Nghị định 72, trong đó, có chỉ dẫn thực hiện, hướng dẫn và cơ chế xử phạt, tăng cường cơ chế phối hợp và cơ chế quản lý, cũng như thực hiện các quy định pháp lý.

Các lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và Sông Cả đã được đề xuất làm khu vực thí điểm thực hiện cách tiếp cận an toàn vận hành đập theo lưu vực. Các lưu vực này cơ bản được lựa chọn sau đánh giá nhanh 14 lưu vực sông ở Việt Nam. Nghiên cứu đánh giá lưu vực sông sẽ bao gồm đánh giá tác động lũy tích cấp lưu vực và xây dựng một phương pháp để theo dõi sinh thái cấp lưu vực.

Cải tiến mạng lưới quan trắc thủy văn và các hệ thống thông tin ở cả hai cấp lưu vực và hệ thống sẽ được hỗ trợ. Việc thiếu các thiết bị giám sát tại công trình đập và thượng lưu được coi là trở ngại lớn đối với vận hành an toàn đập và đồng thời có hoạt động phòng ngừa cảnh báo cho cộng đồng ở hạ lưu. Các mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn hiện có ở lưu vực thượng nguồn thường rất hạn chế và khả năng dự báo của Bộ TN&MT không có độ phân giải cần thiết cho các lưu vực nhỏ hơn. Thường có các hệ thống giám sát song song thuộc quản lý và vận hành giữa Bộ TN&MT, Bộ NN&PTNT, Bộ Công Thương và một số chủ sở hữu đập tư nhân. Chỉ có 18 hồ chứa thủy lợi lắp đặt thiết bị đo bán tự động và cách thức giám sát thường là thủ công. Công tác quản lý dữ liệu thường rất manh mún với mỗi chủ sở hữu đập ký kết hợp đồng phân tích dữ liệu và dịch vụ dự báo riêng vào mùa mưa và loại đập, việc vận hành không được tự động kết nối với các cơ quan liên quan.

Sẽ có hỗ trợ mở rộng mạng lưới, thông qua việc cung cấp và lắp đặt thiết bị quan trắc. Hoạt động này sẽ bao gồm thiết bị đo đạc tại chỗ cũng như các trạm khí tượng thủy văn trong lưu vực. Hoạt động này phải được tích hợp trong khuôn khổ các tiêu chuẩn Quốc gia và phù hợp với hỗ trợ từ Dự án quản lý thiên tai Việt Nam đang thực hiện do Ngân hàng Thế giới tài trợ. Trong phạm vi lưu vực thí điểm, sẽ có hỗ trợ để thiết lập hệ thống quản lý dữ liệu, chia sẻ và phân tích để cung cấp các hệ thống hỗ trợ quyết định cho Cơ quan Chính phủ và các đơn vị vận hành đập.

Cải thiện việc theo dõi dòng chảy và dự báo tổng hợp lưu vực trong hệ thống giám sát quốc gia, dự kiến là để giúp cải thiện an toàn vận hành đập và cộng đồng hạ lưu. Cải thiện hoạt động của số lượng tương đối nhỏ các đập lớn, tràn có cửa có thể tạo ra một tác động đáng kể nếu dung tích hồ chứa lớn. Việc sử dụng dung tích hồ chứa để kiểm soát lũ cùng với việc hỗ trợ theo dõi khí tượng thủy văn và dự báo lũ phải được xem xét trên quy mô lưu vực. Cải thiện theo dõi dòng chảy và điều tiết hoạt động có thể tăng cường an toàn đập thủy lợi nhỏ, không cửa và việc tích hợp các đập thủy điện có cải thiện an toàn, sản xuất điện và giá trị tài chính.

Các nghiên cứu kỹ thuật sẽ được hỗ trợ như là một phần các biện pháp phi công trình nhằm thiết lập một hệ thống Quốc gia về giám sát an toàn đập, vận hành và bảo dưỡng hiệu quả hơn. Hệ thống này cũng sẽ bao gồm các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn an toàn để đảm bảo phù hợp với mức độ được Quốc tế chấp nhận. Hệ thống gồm có các kế hoạch ứng phó khẩn cấp, phân tích vỡ đập, lập bản đồ lũ hạ lưu và định chuẩn, cùng với các nghiên cứu kỹ thuật chiến lược liên quan đến quy hoạch đập, khảo sát, thiết kế, xây dựng, vận hành và bảo trì, kiểm tra an toàn đập, v.v. Một trong những đối tượng có thể là đánh giá thủy văn trong nước, bao gồm việc rà soát các số liệu quan trắc khí tượng thủy văn và dự đoán tổng thể lũ lớn. Bài toán sẽ được sử

dụng để ước tính sơ bộ hoặc kiểm tra sơ bộ lưu lượng thiết kế tràn cho thiết kế sửa chữa từng đập.

Dự án sẽ hỗ trợ bổ sung để nâng cao chất lượng và trữ lượng cơ sở dữ liệu đập Quốc gia. Hoạt động này hiện đang được hỗ trợ bởi Dự án Quản lý thiên tai do IDA tài trợ. Mục đích của hỗ trợ bổ sung là để chi tiết hóa thông tin an toàn và dòng thông tin liên quan đến tất cả các đập nhỏ do cộng đồng địa phương quản lý. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về đập sẽ giúp thiết lập một cơ sở dữ liệu Quốc gia về an toàn đập, rất quan trọng cho việc quản lý an toàn trong vận hành lâu dài.

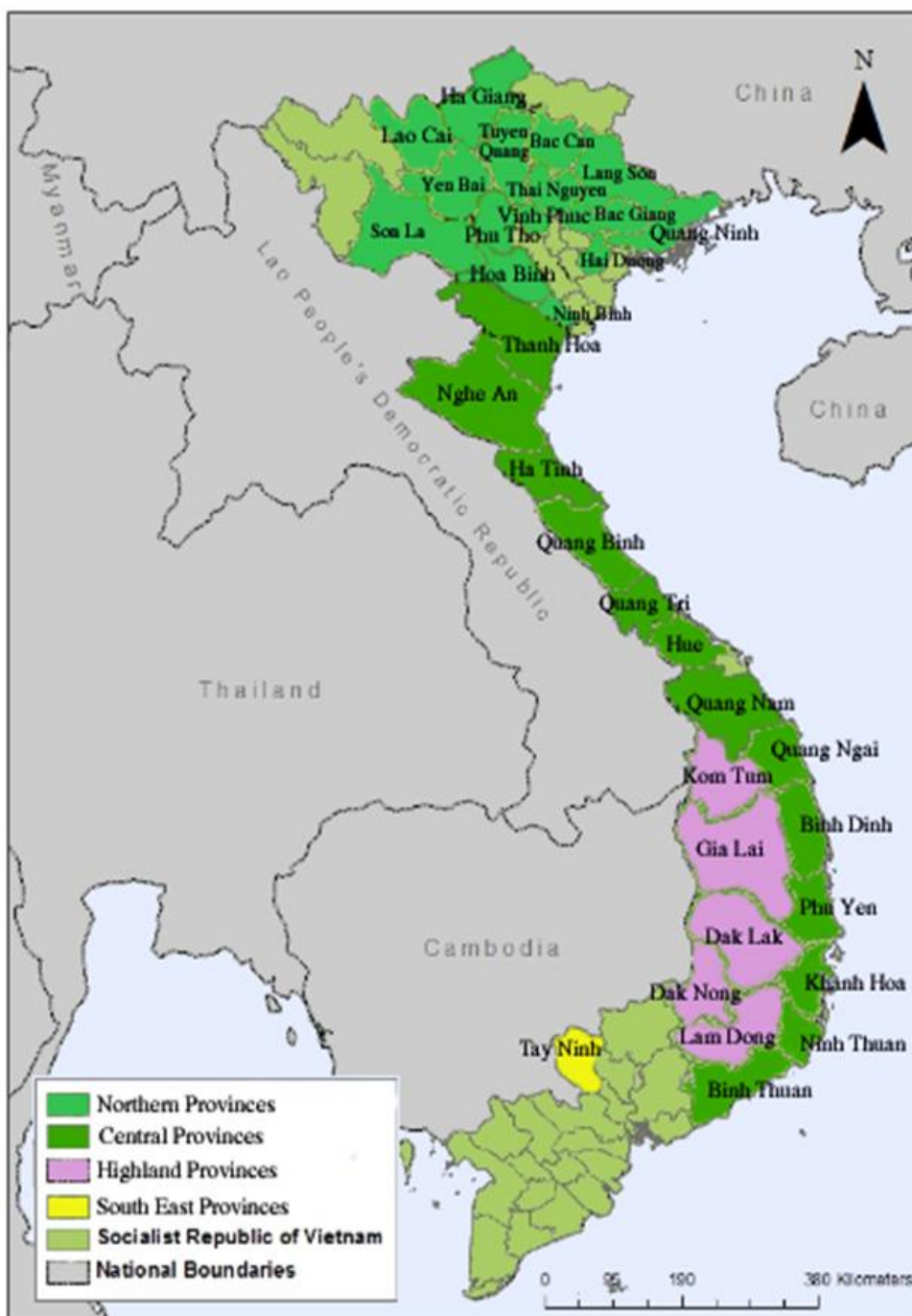
Nâng cao năng lực, nâng cao nhận thức cộng đồng và cải thiện giáo dục về an toàn đập sẽ được hỗ trợ thông qua một loạt các Sản phẩm tri thức, Tập huấn và Trao đổi. Sản phẩm cụ thể có thể bao gồm các hướng dẫn Quốc gia, sổ tay và tiêu chuẩn, v.v., cùng với các nội dung đào tạo cụ thể để xây dựng một đội ngũ vững mạnh các chuyên gia về an toàn đập. Đào tạo sẽ bao gồm đào tạo cho nhóm, cá nhân, với trọng điểm là cán bộ vận hành và quản lý đập, cùng với cộng đồng địa phương. Hoạt động này sẽ được hỗ trợ thông qua trao đổi kiến thức giữa các chuyên gia và cộng đồng trong và giữa các lưu vực, tỉnh và trong cả nước, cũng như các sự kiện Quốc tế.

Hợp phần 3: Hỗ trợ quản lý dự án

Hợp phần này sẽ cung cấp môi trường cần thiết cho phép hỗ trợ thực hiện dự án. Hợp phần này sẽ hỗ trợ cho các đơn vị sau: (i) Ban chỉ đạo dự án (PSC) gồm Bộ NN&PTNT, Bộ Công thương và Bộ Tài nguyên và Môi trường để điều phối tất cả các hoạt động của dự án; (ii) Ban quản lý Trung ương các dự án thủy lợi (CPO) trực thuộc MARD cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cần thiết để thực hiện dự án kịp thời và hiệu quả, bao gồm công tác giám sát, đánh giá, đấu thầu, quản lý tài chính, giám sát thực thi các chính sách an toàn, v.v...; (iii) Hỗ trợ kỹ thuật cho các sở/vụ thuộc Bộ Công thương và Bộ TN&MT để các cơ quan này có khả năng hỗ trợ các dịch vụ cần thiết cho việc thực hiện dự án kịp thời và có hiệu quả; (iv) Thành lập Ban an toàn đập Quốc gia; (v) Kiểm toán độc lập các đập ưu tiên trước và sau khi cải tạo; và (vi) Tính toán chi phí gia tăng đối với các hoạt động liên quan đến dự án.

2.2 Phạm vi của dự án

DRSIP dự kiến sẽ được thực hiện tại 34 tỉnh của miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên (Hình – 2.1). Danh sách của 34 tỉnh cùng với điều kiện kinh tế xã hội và đặc điểm sinh thái chung được trình bày ngắn gọn trong Bảng 2.1. Trên 450 đập/ hồ chứa được đề xuất để tài trợ bởi dự án, hầu hết là hồ thủy lợi, một số là hồ chứa đa mục tiêu (tưới kết hợp với cung cấp nước sinh hoạt). Trong 12 tiểu dự án năm đầu, có 2 hồ chứa đa mục tiêu (tưới và cung cấp nước sinh hoạt) và 10 hồ chứa thủy lợi. Số lượng các đập và các tỉnh có thể thay đổi do mở rộng việc khôi phục an toàn đập và khả năng của nguồn vốn. Những đập sẽ được hỗ trợ bởi DRSIP phải là các đập được xác định trong chương trình An toàn đập Quốc gia. Tiêu chí lựa chọn sẽ được sử dụng để xác định các đập ưu tiên cho DRSIP.



Hình 2. 1. Các tỉnh vùng dự án

Bảng 2. 1. Điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội vùng dự án

Vùng/ Khu vực	Điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội vùng dự án	Tỉnh
Miền Bắc	Địa hình khu vực phía Bắc chủ yếu là đồi núi với thung lũng hẹp và các dải đồng bằng phù sa, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp ổn định. Sự khác biệt về độ cao và địa hình đã tạo thành các khu vực khí hậu và môi trường riêng biệt cho các	1. Hà Giang 2. Tuyên Quang 3. Yên Bái

Vùng/ Khu vực	Điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội vùng dự án	Tỉnh
	<p>tỉnh và tạo ra sự đa dạng các hệ sinh thái, nông nghiệp đáp ứng nhu cầu phát triển cụ thể và ưu tiên. Địa hình khu vực phía Bắc trải dài từ thung lũng lưu vực sông Hồng đến Vịnh Bắc Bộ. Vùng núi phía Bắc có một hệ động thực vật khá đa dạng, có nhiều khu rừng nhiệt đới. Điều kiện khí hậu ở khu vực phía Bắc chủ yếu là khí hậu nhiệt đới với lượng mưa tập trung. Tổng lượng mưa hàng năm ở khu vực này dao động từ 1.400-1.800 mm/năm. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 9 và chiếm 50-55% tổng lượng mưa cả năm. Trong mùa mưa, thường xảy ra xói mòn, trượt lở đất, lũ quét gây ra gián đoạn giao thông đã cản trở nỗ lực cứu trợ cũng như ảnh hưởng đến tài sản, sản xuất và tính mạng của người dân trong vùng.</p> <p>Khu vực phía Bắc là nơi tập trung nhiều nhóm đồng bào dân tộc thiểu số. Ở Tây Bắc, các chương trình xóa đói giảm nghèo đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Đặc biệt, chương trình Quốc gia về giảm nghèo bền vững 2012 - 2015 đề ra mục tiêu giảm nghèo cho các dân tộc thiểu số ở khu miền núi và Tây Tây Bắc trung bình giảm 4%/năm (hiện tại tỷ lệ đói nghèo ở khu vực này là 17,4% năm 2015). Trong giai đoạn 2006-2010, Ủy ban Dân tộc và UNDP đánh giá tỷ lệ hộ nghèo ở vùng Tây Bắc, các tỉnh như Lai Châu và Hà Giang đã giảm mạnh ở mức 5%/năm và 7%/năm, tương ứng. Hiện nay, tỷ lệ các hộ gia đình nghèo theo tiêu chuẩn mới là 29,5%. Bên cạnh đó, chương trình giảm nghèo bền vững đã được thực hiện thành công và đạt nhiều thành tựu trong 5 năm. Trong thời gian này, nhiều mô hình sáng tạo đã được xây dựng cho 218 làng, hỗ trợ 30.000 hộ nghèo để cải thiện sản xuất. Kết quả là gần 65% trong số các hộ nghèo đã thoát nghèo (UNDP, 2010).</p>	<p>4. Phú Thọ 5. Quảng Ninh 6. Hòa Bình 7. Sơn La 8. Bắc Giang 9. Hải Dương 10. Ninh Bình 11. Vĩnh Phúc 12. Lào Cai 13. Thái Nguyên 14. Bắc Cạn 15. Lạng Sơn</p>
Khu vực miền Trung	<p>Địa hình khu vực miền Trung dốc, hẹp, núi cao và đồng bằng ven biển. Mặt khác, địa hình bị chia cắt khá mạnh do các sông suối bắt nguồn từ phía Tây chảy theo hướng Tây - Đông ra biển. Dọc theo bờ biển là đồng bằng nhỏ. Giữa các sườn núi dốc là các thung lũng hẹp và sâu.</p> <p>Khu vực miền Trung được chia thành hai khu vực: Khu vực Bắc Trung Bộ bao gồm các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế. Thuộc khí hậu nhiệt đới gió mùa, chế độ mưa nhiều, với lượng mưa hàng năm biến động từ 1.500 - 2.300mm, chiếm 80-85% và nguy cơ lũ lụt trong thời kỳ này là khá cao. Lượng mưa phân bố không đều theo không gian và thời gian. Mùa lũ từ tháng 7 đến tháng 11. Mùa khô từ tháng 12 đến tháng 6 năm sau.</p> <p>Vùng Nam Trung Bộ trải dài từ tỉnh Quảng Ngãi đến Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Định, khí hậu chia làm hai mùa: mùa khô và mùa mưa. Mùa khô bắt đầu từ tháng 1 đến tháng 8, trong khoảng thời gian này, xuất hiện lũ tiểu mãn với cường độ mưa lớn và thời gian kéo dài gây ra lụt lội cho các tỉnh trong khu vực.</p> <p>Khu vực miền Trung thường xuyên chịu thiên tai lũ, lụt, bão. Bão ảnh hưởng đến các tỉnh miền Trung của Việt Nam có nguồn gốc từ</p>	<p>1. Thanh Hóa 2. Nghệ An 3. Hà Tĩnh 4. Quảng Bình 5. Quảng Trị 6. Huế 7. Quảng Ngãi 8. Quảng Nam 9. Bình Định 10. Khánh Hòa 11. Phú Yên 12. Ninh Thuận 13. Bình Thuận</p>

Vùng/ Khu vực	Điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội vùng dự án	Tỉnh
	<p>các cơn bão nhiệt đới và áp thấp đến từ vùng biển Nam Trung Hoa (biển Đông). Các cơn bão xuất hiện với tần suất lớn và cường độ mạnh, gây mưa lớn. Trong trường hợp một cơn bão nhiệt đới hoặc áp thấp xảy ra cùng với luồng không khí lạnh, nó có thể gây ra những cơn mưa dài và cường độ mạnh, gây ra lũ, lụt nghiêm trọng trên lưu vực sông của khu vực miền Trung. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 9 đến tháng 12. Mùa mưa chỉ xuất hiện trong 4 tháng nhưng chiếm tới hơn 80% tổng lượng mưa trong một năm. Nhóm dân tộc thiểu số trong khu vực rất đa dạng, có trên 90% hộ dân tộc thiểu số được xác định là các hộ nghèo. Kết quả khảo sát cho thấy thu nhập của người dân trong khu vực dự án không cao. Hầu hết các hộ có thu nhập trung bình, chiếm tới 28% (Nghệ An), 80% (Quảng Ngãi); tỷ lệ hộ gia đình có thu nhập cao hơn so với mức trung bình là 12% ở Bình Thuận, 40% ở Nghệ An và tỉnh Thanh Hoá có tỷ lệ đói nghèo cao nhất là 22,9%. Nguồn thu nhập chính của các hộ là từ sản xuất nông nghiệp (ví dụ, tại Thanh hóa, có tới 96% tổng số hộ sản xuất nông nghiệp).</p>	
Khu vực Tây Nguyên	<p>Địa hình khu vực Tây nguyên khá bằng phẳng, có những ngọn núi cao nằm rải rác trong khu vực. Tổng diện tích toàn vùng khoảng 51,800km², có các khu rừng nguyên sinh và tái sinh rộng lớn và đất đai màu mỡ. Khu vực này bao gồm 5 cao nguyên bazan tương đối bằng phẳng thuộc các tỉnh Đắk Lắk, Gia Lai và Kon Tum, tổng diện tích đất canh tác của vùng chiếm đến 16% diện tích đất canh tác toàn quốc, trong đó, diện tích đất có rừng chiếm tới 22% tổng diện tích đất.</p> <p>Khí hậu Tây Nguyên gồm nhiều tiểu vùng, nhưng phổ biến là khí hậu nhiệt đới gió mùa cao nguyên và chia thành hai mùa rõ rệt: Mùa khô từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau, khí hậu khô và lạnh, độ ẩm thấp, thường có gió cao nguyên từ cấp 4 đến cấp 6. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, khí hậu ẩm và dịu mát, rất thuận lợi cho các loại cây trồng phát triển. Nhiệt độ trung bình hàng năm 24⁰C; lượng ánh sáng dồi dào, cường độ ổn định. Tổng lượng bức xạ mặt trời trung bình hàng năm 240-250 kcal/cm². Số giờ nắng trung bình 2.200-2.700 giờ/năm. Biên độ dao động nhiệt giữa ngày và đêm khá lớn (mùa khô biên độ từ 15-20⁰C, mùa mưa biên độ từ 10-15⁰C). Lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 1.900-2.000 mm, tập trung chủ yếu trong mùa mưa</p> <p>Tây Nguyên có tổng diện tích rừng khoảng 3.868.400ha, trong đó, rừng phòng hộ chiếm 39% và rừng đặc dụng chiếm 28% tổng diện tích đất rừng. Đến nay, diện tích rừng của Tây Nguyên chỉ còn 2.902.000 ha. Về hệ động vật, được coi là khu vực phong phú bậc nhất về động vật hoang dã ở Đông Nam Á, là một vùng rất đáng chú ý về số loài đặc hữu, với 93 loài thú thuộc 26 họ và 16 bộ, 197 loài chim thuộc 46 họ và 18 bộ, gần 50 loài bò sát, 25 loài lưỡng thê, trên 50 loài cá nước ngọt và hàng ngàn loài côn trùng, động vật đất. Trong số 56 loài động vật có xương sống ở cạn được coi là</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Gia Lai 2. Đắk Lắk 3. Đắk Nông 4. Lâm Đồng 5. Kon Tum 6. Tây Ninh

Vùng/ Khu vực	Điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội vùng dự án	Tỉnh
	<p>hiếm ở Đông Dương, có tới 17 loài được Hiệp hội Quốc tế về Bảo vệ Thiên nhiên (IUCN) xếp vào danh sách các loài quý hiếm cần được bảo vệ như tê giác, voi, gấu, bò rừng, bò xám, bò tót, hổ, báo, hươu vàng, nai cà toong, vượn đen, gà lôi, công, trĩ. Có 14 khu bảo tồn và vườn quốc gia trong khu vực. Sự suy giảm nguồn tài nguyên rừng là nguyên nhân chính gây nên sự bất thường của thời tiết: như hạn hán, lũ lụt, mùa khô kéo dài và nhiệt độ cao. Tây Nguyên là một khu vực quan trọng để phát triển cây cà phê của Việt Nam.</p> <p>Năm 1996, Tây Nguyên có tỷ lệ nghèo khoảng 45,35%, nhưng đến năm 2008 giảm xuống 24,1% và đến năm 2015 còn 15% theo chuẩn nghèo mới. Xóa đói giảm nghèo ở các tỉnh Tây Nguyên là mục tiêu quan trọng đề ra của chính phủ. Cho đến nay, tỷ lệ nghèo chung trong khu vực khoảng 20%. Trong đó Kon Tum 21,96%, Gia Lai 18%, Đắk Lắk 15%, Đắk Nông 16%, Lâm Đồng 13% ở vào năm 2008. Khoảng cách giàu nghèo khá lớn. Người dân tộc thiểu số trong khu vực này có tỉ lệ nghèo chiếm đến 27 - 40% tổng số hộ. Hàng năm, nhiều hộ dân bị đói do thiếu lương thực, thực phẩm.</p>	

Nhìn chung, khoảng cách về phúc lợi giữa các nhóm đa số và thiểu số đã gia tăng sự cách biệt, kết quả là hộ dân tộc thiểu số nghèo chiếm đến 39% tổng số hộ nghèo trong toàn quốc, mặc dù người dân tộc thiểu số chỉ chiếm 14% tổng dân số của Việt Nam. Nếu xu hướng này vẫn không thay đổi, thì số hộ, người dân tộc thiểu số ngày càng tăng, ở khu vực Tây Bắc, khu vực nghèo nhất trong cả nước, đồng bào dân tộc thiểu số có rất ít kinh nghiệm áp dụng các phương thức sản xuất mới để tăng năng suất cây trồng. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có hơn 90% người dân tộc thiểu số đang sống trong nghèo đói. Điều này đặc biệt đúng ở phía Đông Bắc và Tây Bắc, nơi mà 42% số hộ nghèo đói nằm trong khu vực có rừng chiếm 28% tổng số đất rừng trong khu vực.

Những nhóm này chủ yếu dựa vào thu nhập từ nông nghiệp, với việc tiếp cận rất hạn chế các cơ sở hạ tầng, giáo dục, dịch vụ y tế và các cơ hội phi nông nghiệp. Những nhóm này có tỉ lệ nghèo rất cao trong những vùng thuộc miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên, tỉ lệ nghèo gấp 3,5 lần so với những nơi khác. Hầu hết các huyện vùng đồi núi và giáp biên giới khoảng 90% dân số là dân tộc thiểu số và thu nhập hàng năm khoảng 4,7 triệu VNĐ (tương đương 200 USD/người/năm). Các nguồn thu nhập chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp. Với doanh thu hàng năm khoảng 3 tỉ VNĐ/năm/huyện, nghĩa là nguồn kinh phí này không đủ để hỗ trợ cho người nghèo giải quyết những vấn đề của họ

2.3 Tổ chức thực hiện dự án

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (MARD) sẽ chịu trách nhiệm thực hiện và quản lý tổng thể dự án. MARD sẽ phối hợp chặt chẽ với Bộ Công thương (MoIT), Bộ Tài nguyên và Môi trường (MoNRE) trong thực hiện dự án thông qua các thỏa thuận hưởng lợi để thực hiện các hoạt động cụ thể. Ban chỉ đạo cấp cao (HLWG) sẽ được thành lập ở cấp Trung ương để phối hợp các chính sách và vấn đề chiến lược, chỉ đạo tổng thể và hỗ trợ công tác phối hợp. Nhóm HLWG sẽ bao gồm 3 Bộ và sẽ do Phó Thủ tướng Chính phủ hoặc người được ủy quyền

chủ trì. Cách tổ chức thực hiện dự kiến tiếp tục được lồng ghép trong các Chương trình Quốc gia để tạo nền tảng cho các giai đoạn thực hiện dự án. Những cơ chế này dự kiến sẽ tiếp tục để tăng cường phối hợp giữa các cơ quan Chính phủ khác nhau.

Ban quản lý Trung ương các dự án Thủy lợi (CPO) thuộc MARD sẽ hỗ trợ việc phối hợp cho cả 3 Bộ tham gia. CPO sẽ chịu trách nhiệm giám sát công tác đấu thầu, quản lý tài chính, quản lý chính sách an toàn, theo dõi dự án và quản trị tổng thể. Việc thực hiện các công trình sửa chữa và lập kế hoạch an toàn đập, bao gồm chính sách an toàn và ủy thác, sẽ được phân cấp cho chính quyền cấp tỉnh. Ban Quản lý dự án tỉnh (PPMU) chủ yếu nằm trong Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (DARD) sẽ chịu trách nhiệm lập kế hoạch tiểu dự án, thiết kế và thực hiện. Ủy ban nhân dân tỉnh phải chịu trách nhiệm phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động Môi trường của các tiểu dự án. Ban Quản lý dự án tỉnh chịu trách nhiệm thuê tư vấn lập Báo cáo đánh giá tác động Môi trường Xã hội (ESIA) và/hoặc Kế hoạch Quản lý Môi trường Xã hội (ESMP) cho từng tiểu dự án. Các PPMU phải đảm bảo thuê được các chuyên gia có đủ trình độ để xây dựng báo cáo ESIA/ESMP cho các tiểu dự án từ năm thứ 2 đúng thời điểm

Dự án sẽ thành lập một Hội đồng an toàn đập quốc gia (DSRP). Ngoài ra, để phù hợp với Chính sách an toàn đập của Ngân hàng thế giới, cần có sự tham gia của Hội đồng chuyên gia (PoE) quốc tế để hỗ trợ thực hiện. Dự kiến PoE độc lập sẽ huy động ít nhất hai lần một năm trong thời gian tối thiểu hai tuần để rà soát, đánh giá và tư vấn cho Chính phủ về chương trình.

Sẽ chỉ định thêm một đơn vị giám sát độc lập bên thứ ba để tiến hành đánh giá độc lập thường xuyên, được hỗ trợ thông qua xây dựng và ứng dụng các công nghệ mới, ưu việt nhằm nâng cao tiếng nói của người dân và sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình thực hiện dự án. Đánh giá sẽ được thực hiện đối với các tài liệu khung đã phê duyệt cho các hợp phần kỹ thuật và chính sách an toàn, kế hoạch đã duyệt, bao gồm thiết kế chi tiết, quản lý tài chính, mua sắm đấu thầu, quản lý hợp đồng, thi công xây dựng và giải ngân. Đơn vị giám sát bên thứ ba sẽ đồng thời đánh giá sự tuân thủ các Chính sách an toàn áp dụng cho dự án và việc thực hiện các công cụ an toàn khác nhau.

CHƯƠNG III. CHÍNH SÁCH VÀ KHUNG LUẬT PHÁP, THỂ CHẾ

3.1 Các chính sách và quy định của Quốc gia về an toàn Môi trường và Xã hội

Phần này cung cấp ngắn gọn những chính sách của Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Thế giới liên quan tới Môi trường và Xã hội (Danh mục các văn bản qui phạm pháp luật, tiêu chuẩn, qui chuẩn Việt Nam liên quan đến đánh giá Môi trường, Xã hội được thống kê ở phụ lục I)

3.1.1 Môi trường

Luật Bảo vệ môi trường (Số 55/2014/QH13) ban hành ngày 23/6/2014 và Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ban hành ngày 14/2/2015 về Quy hoạch vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và Kế hoạch bảo vệ môi trường là khung pháp lý quan trọng để quản lý môi trường ở Việt Nam. Luật Bảo vệ môi trường cung cấp các quy định pháp luật về hoạt động bảo vệ môi trường; biện pháp và nguồn lực được sử dụng cho mục đích bảo vệ môi trường; quyền, quyền hạn, nhiệm vụ và nghĩa vụ của cơ quan quản lý, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được giao nhiệm vụ bảo vệ môi trường. Luật Bảo vệ môi trường được áp dụng đối với cơ quan quản lý, các cơ quan công quyền, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong phạm vi lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời.

Mục 3 Chương II của Luật BVMT mô tả các yêu cầu đánh giá tác động môi trường. Chủ các dự án quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này cần tự thực hiện hoặc thuê tổ chức tư vấn để thực hiện việc đánh giá tác động môi trường và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện đánh giá tác động môi trường. Việc đánh giá tác động môi trường phải được thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị của dự án. Kết quả thực hiện đánh giá tác động môi trường thể hiện dưới hình thức báo cáo đánh giá tác động môi trường. Chi phí lập, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc nguồn vốn đầu tư dự án do chủ dự án chịu trách nhiệm.

Theo Điều 21 của Luật BVMT, tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường nhằm hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, hạn chế thấp nhất các tác động xấu đến môi trường và con người, bảo đảm sự phát triển bền vững của dự án. Chủ dự án phải tổ chức tham vấn cơ quan, tổ chức, cộng đồng chịu tác động trực tiếp bởi dự án.

Điều 22 của Luật BVMT mô tả nội dung của báo cáo ĐTM. Báo cáo sẽ bao gồm: (i) Xuất xứ của dự án, chủ dự án, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án; phương pháp đánh giá tác động môi trường; (ii) Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và các hoạt động của dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường; (iii) Đánh giá hiện trạng môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội nơi thực hiện dự án, vùng lân cận và thuyết minh sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án; (iv) Đánh giá, dự báo các nguồn thải và tác động của dự án đến môi trường và sức khỏe cộng đồng; (v) Đánh giá, dự báo, xác định biện pháp quản lý rủi ro của dự án đến môi trường và sức khỏe cộng đồng; (vi) Biện pháp xử lý chất thải; (vii) Các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng; (viii) Kết quả tham vấn; (ix) Chương trình quản lý và giám sát môi trường; (x) Dự toán kinh phí xây dựng công trình bảo vệ môi trường và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; (xi) Phương án tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.

Điều 23 của Luật BVMT qui định thẩm quyền thẩm định báo cáo ĐTM. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án sau: a) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; b) Dự án liên ngành, liên tỉnh thuộc đối tượng quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 18 của Luật này, trừ dự án thuộc bí mật quốc phòng, an ninh; c) Dự án do Chính phủ giao thẩm định. Bộ, cơ quan ngang bộ tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt đầu tư của mình nhưng không thuộc đối tượng quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt đầu tư của mình và các dự án thuộc bí mật quốc phòng, an ninh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư trên địa bàn không thuộc đối tượng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 26 của Luật BVMT mô tả trách nhiệm của chủ đầu tư dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt. Các trách nhiệm bao gồm: Khoản 1: Thực hiện các yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Khoản 2: Trường hợp thay đổi quy mô, công suất, công nghệ làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt nhưng chưa đến mức phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 của Luật này, chủ đầu tư dự án phải giải trình với cơ quan phê duyệt và chỉ được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 27 của Luật BVMT giải thích trách nhiệm của chủ đầu tư trước khi đưa dự án vào vận hành. Bao gồm – Khoản 1: Tổ chức thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; và Khoản 2: Phải báo cáo cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ vận hành dự án đối với dự án lớn, có nguy cơ tác động xấu đến môi trường do Chính phủ quy định. Những dự án này chỉ được vận hành sau khi cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

Điều 28 của Luật BVMT đề cập đến trách nhiệm của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Bao gồm Khoản 1: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định và quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Khoản 2: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của chủ đầu tư dự án được quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật này, cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường phải tổ chức kiểm tra và cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án. Trường hợp phải phân tích các chỉ tiêu môi trường phức tạp thì thời gian cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.

Điều 13 của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP giải thích điều kiện của tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường. Khoản 1: Chủ dự án, tổ chức tư vấn khi thực hiện đánh giá tác động môi trường phải có đủ các điều kiện dưới đây: a) Có cán bộ thực hiện đánh giá tác động môi trường đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều này; b) Có cán bộ chuyên ngành liên quan đến dự án với trình độ đại học trở lên và (c) Có phòng thí nghiệm, các thiết bị kiểm chuẩn được xác nhận đủ điều kiện thực hiện đo đạc, lấy mẫu, xử lý, phân tích mẫu về môi trường phục vụ việc đánh giá tác động môi trường của dự án; trường hợp không có phòng thí nghiệm, các thiết bị kiểm chuẩn đáp ứng yêu cầu, phải có hợp đồng thuê đơn vị có đủ năng lực. Khoản 2: Cán bộ thực hiện đánh giá tác động môi trường phải có trình độ đại học trở lên và phải có chứng chỉ tư

vấn đánh giá tác động môi trường đúng chuyên ngành và Khoản 3: Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý việc đào tạo, cấp chứng chỉ tư vấn đánh giá tác động môi trường.

Thêm vào đó, các điều quan trọng khác có liên quan như:

- Điều 14: Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
- Điều 15: Lập lại báo cáo ĐTM; Điều 16: Trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt;
- Điều 17: Kiểm tra và xác nhận các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án;
- Điều 21: Báo cáo

3.1.2 Các quy định về an toàn đập

Nghị định số 72/NĐ-CP ngày 07/05/2007 của Chính phủ Việt Nam về quản lý an toàn đập. Theo Nghị định này, đập lớn là đập có chiều cao tính từ mặt đất lên tới đỉnh đập bằng hoặc lớn hơn 15 mét hoặc hồ chứa nước với dung tích bằng hoặc lớn hơn 3.000.000m³ (ba triệu mét khối). Đập nhỏ là đập với chiều cao tính từ mặt sàn tầng trên cùng của các đập nhỏ hơn 15 mét. Chủ đập là tổ chức, cá nhân sở hữu đập để khai thác lợi ích của hồ chứa nước hoặc được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao quản lý, vận hành khai thác hồ chứa nước. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý Nhà nước về an toàn đập. Bộ Công nghiệp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan tổ chức thẩm định, phê duyệt hoặc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy trình vận hành liên hồ chứa thủy lợi, thủy điện. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý Nhà nước về an toàn đập trên địa bàn.

Mục đích của phần này là cung cấp một nền tảng cho việc so sánh các luật và quy định hiện hành đối với các tiêu chuẩn quốc tế ban hành. Pháp luật về quản lý an toàn đập Việt Nam bao gồm các luật và quy định được ban hành bởi các cơ quan lập pháp như Quốc hội Việt Nam (NAV), Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ và văn bản dưới luật như các Thông tư, chỉ thị, Quyết định của Bộ trưởng các Bộ có liên quan hoặc UBND cấp tỉnh. Luật pháp và các quy định đối với quản lý an toàn đập bao gồm: (1) Luật tài nguyên nước (sau đây gọi tắt là LWR, số 17/2012/QH13); (2) Nghị định số 72 về quản lý an toàn đập và (3) Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi (sau đây gọi tắt là Pháp lệnh, 04 tháng 4 năm 2001).

i) Cơ quan quản lý an toàn đập ở Việt Nam

Thể chế. Thể chế quản lý an toàn đập tại Việt Nam được quy định bởi các Điều 53, 54, 55 của LWR, Điều 24 của Nghị định số 72 và Điều 30 của Pháp lệnh. Theo đó, Việt Nam có một số cơ quan quản lý khác nhau, từ trung ương đến địa phương. Ở cấp Trung ương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN & PTNT) là cơ quan thường trực thực hiện các chức năng Nhà nước liên quan đến quản lý an toàn đập. Tổng cục Thủy lợi được ủy quyền của Bộ NN & PTNT tư vấn cho chính phủ và giám sát các tổ chức quản lý an toàn đập của địa phương. Ngoài ra, các công ty quản lý và khai thác công trình thủy lợi được thành lập theo Bộ NN & PTNT hỗ trợ trong công tác quản lý đập. Ở cấp địa phương, cấu trúc chung của ban quản lý an toàn đập của các huyện và các xã tương tự như của tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền hạn cao nhất theo luật định trong quản lý an toàn đập ở cấp địa phương. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý chiến lược và quy phạm pháp luật về an toàn đập. Ngoài ra, công ty quản lý và khai thác công trình thủy lợi của

tỉnh được thành lập quản lý trực tiếp hoạt động của hồ đập trong địa bàn tỉnh. Ở cấp xã có nơi có các hiệp hội sử dụng nước được thành lập, thay vì các công ty quản lý thủy lợi, quản lý hoạt động của đập và hồ chứa nước tại địa bàn xã.

Quyền hạn theo luật định và trách nhiệm của cơ quan quản lý. Quyền hạn và trách nhiệm của ba cơ quan theo luật định thuộc Bộ NN & PTNT, Bộ Công nghiệp và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, được quy định tại Điều 24 của Nghị định số 72 và Điều 30 của Pháp lệnh. Cả hai điều quy định rằng Bộ NN & PTNT có quyền hạn cao nhất và chịu trách nhiệm trong quản lý an toàn đập. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được phân công (của Chính phủ) phải chịu trách nhiệm đối với các đập ở tại tỉnh và/hoặc con đập đang hoạt động và quản lý của các tổ chức trên địa bàn tỉnh. Trách nhiệm bao gồm:

- Đề xuất các văn bản dưới luật và giám sát việc thực hiện các văn bản
- Tiến hành kiểm tra, giám sát và đánh giá để đảm bảo thiết kế phù hợp, xây dựng các phương án và kế hoạch và bảo trì của các đập
- Phê duyệt kế hoạch quản lý an toàn đập và kiểm soát lũ lụt và đưa ra các kế hoạch giảm thiểu.
- Xác định các hành động khẩn cấp và kế hoạch ứng phó trong trường hợp xảy ra vỡ đập trên địa bàn tỉnh
- Cấp giấy phép và thủ tục cần thiết; và
- Nghiên cứu và áp dụng công nghệ tiên tiến cho quản lý an toàn đập cũng như kiểm soát lũ lụt và kế hoạch giảm thiểu.

Không có quy định cụ thể về quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan quản lý theo luật định ở cấp địa phương khác, ví dụ ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân xã.

Nguồn lực và tài chính cho các cơ quan quản lý. Nguồn lực tài chính và nhân lực cho cơ quan quản lý ở cấp trung ương và địa phương không được quy định trong bất kỳ luật hoặc các qui định nào nêu trên. Nguồn lực tài chính cho các hoạt động và quản lý đập được đưa ra tại Điều 12-15 của Pháp lệnh. Công ty quản lý và khai thác công trình thủy lợi được tài trợ bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và hoạt động theo chế độ công ích.

ii) Các khuôn khổ pháp lý hiện tại của Việt Nam

Luật pháp và các quy định. Vấn đề an toàn đập tại Việt Nam được giải quyết hoặc thông qua các quy định cụ thể tại Nghị định 72 hoặc trong luật tài nguyên nước và Pháp lệnh.

Nội dung của pháp luật và các quy định. Tất cả ba luật và các quy định chỉ quy định chung mà không đưa ra hướng dẫn chi tiết, tiêu chuẩn và thủ tục. Ví dụ, luật tài nguyên nước (LWR) quy định chung rằng "tất cả các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ công trình thủy lợi" (khoản 1 Điều 48) và "các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi phải xây dựng kế hoạch để bảo vệ nó" (khoản 1 Điều 49).

Đăng ký và phân loại của các đập. Nghị định số 72 là tài liệu duy nhất xác định sự cần thiết phải đăng ký đập (Điều 4) và phân loại đập về quy mô (Điều 2). Cơ quan quản lý đập phải đăng ký con đập mà họ quản lý với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo Điều 4. Điều 2 định nghĩa đập lớn như "tất cả các đập cao từ 15m trở lên, hoặc hồ chứa có dung tích từ lớn hơn hoặc bằng 3000 triệu lít hoặc lớn hơn" và những đập nhỏ là "tất cả các đập có chiều cao nhỏ hơn 15 m và có dung tích nhỏ hơn 3 triệu m³"

3.1.3 Thu hồi đất

Khung Pháp lý của Chính phủ Việt Nam: Các quy định pháp luật và nghị định liên quan đến công tác thu hồi đất, bồi thường và tái định cư được áp dụng tại Việt Nam như Hiến pháp của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam 2013, Luật đất đai 2013 (sửa đổi) và các nghị định, thông tư, quy định của các Bộ, thành phố/tỉnh. Các luật sau đây của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng:

- Hiến pháp nước Việt Nam 2013
- Luật đất đai 45/2013/QH13 có hiệu lực từ 1/7/2014
- Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai
- Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về định giá đất. Cung cấp phương pháp định giá đất; điều chỉnh khung giá đất, bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn định giá đất
- Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất
- Thông tư 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ TN&MT quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất
- Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ TN&MT quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.
- Quyết định 1956/2009/QĐ-TTg ngày 17/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể về đào tạo hướng nghiệp cho lao động nông thôn đến năm 2020
- Quyết định số 52/2012/QĐ-TTg, ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ việc làm và đào tạo hướng nghiệp cho nông dân có đất bị Nhà nước thu hồi;
- Các quy định liên quan khác.

Các luật, nghị định và các quy định khác liên quan tới quản lý đất, thu hồi đất và tái định cư gồm có:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ban hành ngày 18/06/2014 về các hoạt động xây dựng, quyền và nghĩa vụ của tổ chức và cá nhân đầu tư xây dựng công trình và các hoạt động xây dựng;
- Nghị định 102/2014/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.
- Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Nghị định 12/2009/NĐ-CP của Chính phủ, ban hành ngày 12/2/2009 về quản lý các dự án đầu tư xây dựng, thay thế cho Nghị định 16/2005/NĐ-CP.
- Nghị định 38/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (vốn ODA) :
- Nghị định 126/2014/NĐ-CP của Chính phủ về việc thực hiện Luật hôn nhân và gia đình, quy định tất cả các giấy tờ đăng ký tài sản và quyền sử dụng đất phải đề tên của cả vợ và chồng; và
- Quyết định của các tỉnh liên quan tới bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh

cũng sẽ được áp dụng cho từng tỉnh dự án tương ứng.

Luật, nghị định và quyết định liên quan tới phổ biến thông tin tại Điều 67. Luật đất đai số 45/2013/QH13, yêu cầu phổ biến thông tin cho những người BAH trước khi thu hồi đất nông nghiệp và phi nông nghiệp trong khoảng thời gian tương ứng tối thiểu là 90 và 180 ngày.

Các nghị định liên quan tới bảo vệ và bảo tồn tài sản văn hóa có trong Nghị định 98/2010/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa, theo đó yêu cầu các khu vực được công nhận là di tích văn hóa và lịch sử không xâm phạm hoặc làm tổn hại theo các quy định pháp lý hiện hành.

Văn bản liên quan đến cơ chế khiếu nại và giải quyết khiếu nại: Luật khiếu nại 02/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011. Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại

3.1.4 Người dân tộc thiểu số và người bản địa

Việt Nam có Nghị định số 84/2012/NĐ-CP ngày 12/10/2012 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban dân tộc và Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BTP-UBDT ngày 17/1/1012 của Bộ Tư pháp và Ủy ban dân tộc về việc hướng dẫn trợ giúp pháp lý đối với người dân tộc thiểu số và các chương trình được thiết kế đặc biệt để hỗ trợ phát triển dân tộc thiểu số (chi tiết xem phụ lục I). Chính phủ Việt Nam (GOV) đã rất quan tâm đến phúc lợi của các nhóm dân tộc thiểu số này. Ủy ban Dân tộc và miền núi là cơ quan chính phủ ngang Bộ được giao các chức năng phụ trách quản lý người dân tộc thiểu số và miền núi. Hồ sơ quốc gia của Việt Nam được xuất bản bởi Nhóm quốc tế làm việc về các vấn đề người bản địa (IWGIA) báo cáo rằng:

“Người bản địa là công dân của Nhà nước Việt Nam và hưởng các quyền hiến pháp bảo đảm với các ngôn ngữ và truyền thống văn hóa... Ở cấp độ lập pháp, "Hội đồng Dân tộc" có nhiệm vụ tham mưu cho Quốc hội về vấn đề dân tộc thiểu số và giám sát, kiểm soát việc thực hiện các chính sách dân tộc thiểu số của chính phủ và các chương trình phát triển ở các vùng dân tộc thiểu số.”

Tài liệu này cũng báo cáo rằng từ những năm 1960, một số chính sách và các chương trình đã được thiết kế đặc biệt cho các dân tộc thiểu số, nhưng chủ yếu là nhằm mục đích gắn kết họ vào với xã hội chứ không phải cho phép tăng cường các thể chế của họ. Về vấn đề đất đai, báo cáo cũng nêu rằng "điểm nổi bật là hiện nay pháp luật tại Việt Nam cho phép cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và rừng, trong năm 2004, Quốc hội đã thông qua luật đất đai mới, phù hợp nhất cho người dân bản địa, hiện nay bao gồm các chủng loại "đất xã". Bằng việc giới thiệu các khái niệm về đất xã, luật mới quy định về khả năng của cộng đồng để xin giấy chứng nhận đối với đất đai.

3.2 Những ảnh hưởng của chính sách Quốc gia và quy định về dự án được đề xuất

Dựa trên phân tích của các khung pháp lý Quốc gia, dự án sẽ phải thực hiện các yêu cầu và quy trình tối thiểu sau đây:

- PPMU hoặc các công ty tư vấn tiến hành lập báo cáo ĐTM phải có cán bộ có bằng đại học trở lên và Chứng chỉ thực hiện tư vấn ĐTM. Các đơn vị này cần có đủ năng lực để

thực hiện việc đo đạc, lấy mẫu, xử lý và phân tích các mẫu môi trường phục vụ các báo cáo ĐTM (Điều 13 của Nghị định).

- Xem xét bản chất của các tiểu dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh (PPC) phê duyệt báo cáo ĐTM (Điều 14 của Nghị định). UBND tỉnh sẽ lập hội đồng thẩm định các báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh (Điều 23 của Luật BVMT).
- Việc thẩm định báo cáo ĐTM được thực hiện thông qua Hội đồng thẩm định do Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định báo cáo ĐTM thành lập với ít nhất 07 thành viên. Cơ cấu Hội đồng thẩm định gồm: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch, 01 thành viên thư ký, 02 thành viên phản biện và một số ủy viên, trong đó ít nhất 30% các thành viên hội đồng đánh giá có từ 07 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ĐTM (Điều 14 của Nghị định).
- Thời hạn thẩm định báo cáo ĐTM là trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn xin thẩm định hợp lệ (Điều 14 của Nghị định).
- PPMU sẽ phải tuân thủ các yêu cầu và quy định trong việc phê duyệt báo cáo ĐTM. Đối với bất kỳ sự thay đổi, chủ dự án phải có văn bản giải thích tới PPC (Điều 26 của Luật BVMT).
- PPMU sẽ phải thông báo cho UBND tỉnh và các đập được sẽ được bắt đầu sửa chữa sau khi các cơ quan phụ trách việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được kiểm tra và chứng nhận hoàn thành công tác bảo vệ môi trường (Điều 27 của Luật BVMT).
- PPMU sẽ chuẩn bị một báo cáo hoàn thành công tác bảo vệ môi trường và trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, UBND tỉnh phải kiểm tra và cấp giấy chứng nhận hoàn thành công tác môi trường (Điều 28 của Luật BVMT).
- Việc kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của các tiểu dự án được tiến hành thông qua đoàn kiểm tra do thủ trưởng cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cơ quan được ủy quyền thành lập (Điều 17 của Nghị định).
- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 15 tháng 01 hàng năm gửi báo cáo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường về hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; hoạt động thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; hoạt động đăng ký và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường chi tiết; hoạt động kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường của năm trước đó trên địa bàn mình quản lý (Điều 21 của Nghị định).

3.3 Chính sách an toàn của ngân hàng thế giới

Mục tiêu của chính sách an toàn là để ngăn chặn và giảm thiểu tác động không đáng có cho người dân và môi trường trong quá trình phát triển. Chính sách an toàn cung cấp nền tảng cho sự tham gia của các bên liên quan trong thiết kế dự án và thực thi như một công cụ quan trọng để xây dựng quyền lợi của người dân địa phương.

Hiệu quả và tác động của các dự án từ các chương trình hỗ trợ của Ngân hàng đã tăng lên đáng kể như là kết quả của việc xem xét đến các chính sách này. Các chính sách an toàn của Ngân hàng Thế giới được cung cấp ở các trang web của Ngân hàng: <http://web.worldbank.org/WBSITE/EXTERNAL/PROJECTS/EXTPOLICIES/EXTSAFEPOL/0,menuPK:584441~pagePK:64168427~piPK:64168435~theSitePK:584435,00.html>.

3.4 Ý nghĩa của chính sách an toàn của Ngân hàng thế giới đối với dự án được đề xuất

Tám chính sách của Ngân hàng Thế giới đã được kích hoạt cho dự án bao gồm: Đánh giá môi trường (OP/BP 4.01), Môi trường sinh sống tự nhiên (OP/BP 4.04), Quản lý dịch hại (OP/BP 4.09), Tài nguyên văn hóa vật thể (OP/BP 4.11), người bản địa (OP/BP 4.10), Tái định cư không tự nguyện (OP/BP 4.12), An toàn Đập (OP/BP 4.37) và Dự án Đường thủy Quốc tế (OP/BP 7.50).

Theo Chính sách (OP 4.01) của WB, việc đánh giá tác động môi trường phải được thực hiện trong một tiêu dự án cụ thể phần lớn sẽ phụ thuộc vào danh mục của các tiêu dự án. Như đã đề cập trước đó, Chính sách của Ngân hàng Thế giới (OP) 4.01 phân loại các dự án thành ba loại chính (A, B và C), tùy thuộc vào loại, vị trí, độ nhạy, quy mô của dự án, tính chất và mức độ của tác động tiềm tàng. Xem xét các rủi ro môi trường và sự phức tạp liên quan đến một số lượng lớn các tiêu dự án được thực hiện trong một khu vực rộng rãi, dự án đã được xếp vào hạng "A". Tuy nhiên, các tiêu dự án được tài trợ trong dự án có thể được phân loại 'A' hoặc 'B' hoặc 'C' tùy theo mức độ, phạm vi và tác động của các tiêu dự án cụ thể.

Các hoạt động của dự án sẽ được thực hiện trên các con đập hiện có và có thể sẽ không dẫn đến chuyển đổi hoặc suy thoái của môi trường sống tự nhiên quan trọng hoặc bán quan trọng. Tuy nhiên, cần thiết phải xem xét phạm vi, sàng lọc và đánh giá tác động tiềm tàng như là một phần của đánh giá tác động MT-XH của tiêu dự án. Dự án sẽ không tài trợ cho việc mua sắm các loại phân bón và thuốc trừ sâu. Tuy nhiên, do đập được nâng cấp, sửa chữa, diện tích tưới nông nghiệp được phục hồi theo thiết kế dẫn đến việc sử dụng các loại phân bón và thuốc trừ sâu trong khu vực tiêu dự án có thể tăng lên. Dự án sẽ thúc đẩy việc áp dụng Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và hướng dẫn đã được bao gồm trong ESMF.

Do vị trí chính xác của tiêu dự án chưa được xác định ở giai đoạn này, nên có khả năng một số tuyến đường đi lại được nâng cấp sửa chữa có thể đi qua các khu vực có tài nguyên văn hóa vật thể. Các tác động này sẽ được xem xét như là một phần của sàng lọc / đánh giá môi trường của các tiêu dự án khác nhau. Ngoài ra, thủ tục “Phát hiện” cần phải phù hợp với pháp luật địa phương về di sản sẽ được đánh giá để không làm ảnh hưởng đến bất kỳ nguồn lực vật chất, văn hóa nào.

Dự án có thể ảnh hưởng khu vực nơi người dân bản địa sinh sống (địa điểm cụ thể của tiêu dự án sẽ được xác định trong quá trình thực hiện). Ngoài ra, dự án có thể yêu cầu thu hồi đất và tái định cư. Như vậy, Khung chính sách dân tộc thiểu số (EMPF) và Khung chính sách tái định cư (RPF) là bắt buộc đối với dự án và sẽ được chuẩn bị riêng.

Dự án sẽ không tài trợ cho việc xây dựng đập mới hoặc thay đổi đáng kể kết cấu đập. Chính sách của dự án sẽ tài trợ để phục hồi và cải tạo các đập hiện có bao gồm cả các đập lớn (chiều cao 15 mét hoặc lớn hơn). Vì vậy, nó đòi hỏi phải sắp xếp một hoặc nhiều hơn các chuyên gia đập độc lập để (a) Kiểm tra, đánh giá tình trạng an toàn của các đập hiện có, các công trình phụ trợ và lịch sử hoạt động của đập; (b) xem xét và đánh giá các thủ tục của chủ sở hữu đối với các hoạt động và bảo dưỡng; và (c) cung cấp các báo cáo về phát hiện và khuyến nghị cho bất kỳ công việc sửa chữa hoặc nâng cao an toàn đập cần thiết để nâng cấp các đập hiện có để đạt được hiệu quả theo đúng yêu cầu về an toàn. Chính sách và thực tiễn liên quan đến an toàn đập cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, chẳng hạn như khung chính sách của Ngân hàng Thế

giới cho an toàn đập. Những biện pháp này được thiết kế thành dự án, trong đó bao gồm việc thành lập một ban đánh giá an toàn đập (DSRP). Ngoài ra, dự án sẽ thành lập Hội đồng độc lập các chuyên gia về an toàn đập (PoE), người sẽ thực hiện đánh giá độc lập các báo cáo an toàn đập và các biện pháp giảm thiểu đề xuất. PoE sẽ làm việc chặt chẽ với ban đánh giá an toàn đập đã được lập để đảm bảo tính đồng bộ của các đầu tư kỹ thuật. Mỗi tiểu dự án sẽ có Kế hoạch An toàn đập riêng biệt (DSP) ngoài các ESIA/ESMP.

Có sáu lưu vực sông xuyên biên giới trong nước; Tuy nhiên, Việt Nam là thượng nguồn duy nhất trong lưu vực sông Sê-san - Srepok, một nhánh của sông Cửu Long, thượng nguồn của Campuchia và lưu vực Bằng Giang - Kỳ Cùng là thượng nguồn của Trung Quốc. Vì vậy, dự kiến sẽ có một số đập sẽ được đặt trên các lưu vực sông quốc tế, do đó chính sách Dự án đường thủy quốc tế được kích hoạt.

WB cung cấp hướng dẫn về các vấn đề EHS nhất định, trong đó, bao gồm tiêu chuẩn cho các thông số môi trường (chất lượng không khí xung quanh, nước và chất lượng nước thải, độ ồn, quản lý chất thải), nguy cơ và phòng ngừa tai nạn nghề nghiệp, sức khỏe cộng đồng và an toàn (trong thời gian vận hành và công trình ngừng hoạt động) vv. Những nguyên tắc này sẽ được áp dụng trực tiếp cho các tiểu dự án được đề xuất. Như một quy luật chung, các hướng dẫn của WB cần phải được bổ sung các hướng dẫn hoặc tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam. Trong trường hợp các hướng dẫn hay tiêu chuẩn của Việt Nam khác với hướng dẫn WB, dự án sẽ theo dõi nghiêm ngặt hơn.

Việc tiếp cận các chính sách thông tin của WB sẽ được thực hiện trực tiếp. Dự án sẽ thực hiện đánh giá môi trường/xã hội và các văn bản ESMF sẽ được phổ biến cho cộng đồng thông qua việc công khai trên trang web của WB. Ngoài ra, bản cứng của các tài liệu bằng tiếng Anh (bao gồm cả ngôn ngữ tiếng Việt) sẽ được cung cấp tới Bộ NN & PTNT và tất cả các Sở NN & PTNT.

CHƯƠNG IV. HƯỚNG DẪN MÔ TẢ CÁC THÔNG TIN NỀN CỦA TIỂU DỰ ÁN

4.1 Mô tả tiểu dự án

Để đánh giá Môi trường và Xã hội hợp lý, một tiểu dự án được xác định rõ ràng là một điều quan trọng. Yêu cầu về thông tin sẽ phụ thuộc vào loại và phạm vi của tiểu dự án. Phần này cung cấp những hướng dẫn về những thông tin chính sẽ được thu thập cho việc mô tả chính xác tiểu dự án. Chỉ duy nhất những thông tin liên quan được thu thập.

(1) Tên của tiểu dự án:

Tên của tiểu dự án với những thông tin liên quan như huyện, tỉnh và vùng

(2) Mô tả ngắn gọn tiểu dự án:

- Hồ chứa và đập:

- o Năm xây dựng của hồ đập, loại cấu trúc (ví dụ: đập đất), chiều cao, chiều dài và bề rộng đỉnh đập, dung tích trữ, diện tích mặt nước, độ sâu của hồ....
- o Mô tả những đặc điểm của lưu vực (các sông chính, các nguồn nước tạm thời, dòng chảy thấp nhất, trung bình và lớn nhất của các nguồn nước, yêu cầu dòng chảy sinh thái, đập và kênh chuyển nước, ...)
- o Lũ (đỉnh lũ hàng năm), vấn đề xói mòn và bồi lắng.
- o Các vấn đề và điều kiện hiện tại liên quan đến đập
- o Các hoạt động được đề xuất với các thông số hoặc số lượng khi có thể, ví dụ lót các mái dốc (diện tích bao nhiêu, với vật liệu gì), xử lý mối (loại hóa chất được sử dụng nếu có thể), xây dựng hệ thống thoát nước trên mái và chân đập (loại, kích thước và số lượng), trồng cỏ (diện tích) để ổn định và bảo vệ mái dốc,...
- o Đập phụ.

- Tràn xả lũ:

- o Vị trí trong môi trường liên quan đến đập chính, bề rộng và chiều cao của cấu trúc, các cấu trúc liên kết, ...
- o Mô tả kênh tiếp nhận nước của tràn xả lũ (các điểm chính – loại kênh tiếp nhận – dòng chảy tự nhiên hoặc nhân tạo, khoảng cách tới dòng chảy tự nhiên, khi cạn kiệt, ước tính lưu lượng thể tích khi tràn không xả nước, ước tính lưu lượng thể tích khi tràn xả nước, khả năng lớn nhất của kênh tiếp nhận nước, khả năng tràn,.....)
- o Các vấn đề vận hành hiện tại.
- o Các hoạt động đề xuất như là gia cố hoặc tăng cường cấu trúc đập. Bất kỳ sự thay đổi trong cấu trúc tràn xả lũ nên được chỉ rõ trong phần này.

- Cổng lấy nước:

- o Vị trí trong môi trường liên quan đến đập chính, cấu trúc, kích thước
- o Các vấn đề về vận hành hiện tại

- Các hoạt động đề xuất như sửa chữa, thay thế đường ống, xây dựng hoặc lắp đặt hệ thống van mới, ...
- **Đường thi công và quản lý :**
 - Vị trí với điểm đầu và điểm cuối, loại đường, chiều dài, bề rộng và vận hành hiện tại.
 - Các hoạt động đề xuất như sửa chữa, nâng cấp, mở rộng.... Chi rõ kích thước và khối lượng nếu có thể.
- **Các cơ sở khác:**
 - Nhà quản lý và các cơ sở hiện tại khác, nếu có, như xây dựng nhà hành chính tại công trường.
 - Các hạng mục phụ trợ khác
- **Ảnh chụp:**
 - Một số ảnh chụp nên được bổ sung để thể hiện trực quan về điều kiện hiện tại của tiểu dự án.

(3) Bản đồ vị trí của tiểu dự án:

Đính kèm bản đồ vị trí chỉ ra những đặc điểm quan trọng bao gồm hệ thống sông, mỏ đất, mỏ đá, đường thi công, các cơ sở hạ tầng xã hội và môi trường quan trọng.

(4) Mặt bằng của tiểu dự án:

Đính kèm bản đồ tổng thể các thành phần của tiểu dự án.

(5) Mô tả ngắn gọn khu vực tiểu dự án:

Chỉ ra những thông tin về hiện trạng sử dụng đất, khu vực được tưới, đặc điểm vùng hạ lưu, mức độ lũ lớn trong 30 năm qua và các đặc điểm môi trường quan trọng (IEF) gần khu vực tiểu dự án.

(6) Các vấn đề liên quan đến hoạt động xây dựng chính của tiểu dự án:

Mô tả ngắn gọn những nội dung chính liên quan đến hoạt động xây dựng như xả một phần nước từ hồ chứa trước khi xây dựng, vấn đề lũ vùng hạ lưu, thoát nước, các nguồn mỏ đất và mỏ đá,

(7) Chi phí ước tính của tiểu dự án:

Đề cập chi phí ước tính của các hạng phục quan trọng bằng tiền Việt Nam và USD.

(8) Kế hoạch thực hiện:

- (a) Thời gian thực hiện tiểu dự án (tháng)
- (b) Ngày bắt đầu dự kiến
- (c) Ngày kết thúc dự kiến

(9) Các lợi ích tiềm năng từ tiểu dự án:

Mô tả ngắn gọn lợi ích tiềm năng của tiểu dự án bao gồm ước tính số người được hưởng lợi và các khu vực được tưới .

4.2 Môi trường nền của tiểu dự án

Rất quan trọng để định nghĩa đầy đủ “môi trường nền” đối với các tác động Môi trường và Xã hội của một tiểu dự án sẽ được đánh giá sau đó. Môi trường nền của tiểu dự án có thể được thu thập dựa trên việc nghiên cứu tài liệu của các báo cáo gần đây và dữ liệu được thu thập từ các nguồn thứ cấp khác. Dữ liệu và thông tin bổ sung rất cần thiết và có thể được thu thập thông qua việc lấy mẫu, phỏng vấn và quan sát thực tế. Thông tin môi trường nền được trình bày trong mục nhỏ này nên bao gồm ít nhất các đặc điểm sau:

- **Môi trường tự nhiên:** Địa chất, địa hình, mô hình thoát nước, điều kiện về đất, khí hậu (mưa và nhiệt độ trung bình), mùa khô, mùa mưa, thủy văn, nước mặt bao gồm thời gian lũ trong năm, tiềm năng gây hại của lũ, dòng chảy của nước, vấn đề bồi lắng và xói mòn; chất lượng môi trường liên quan: chất lượng nước tiếp nhận – cả nước mặt và nước ngầm, độ ồn, chất lượng không khí xung quanh.
- **Môi trường sinh học:** Sinh thái của hồ và khu tiếp nhận (hoạt động đánh bắt, nuôi trồng thủy sản và hoạt động du lịch, các loài động vật và thực vật thủy sinh, các giá trị đa dạng sinh học các loài quý hiếm hoặc bị đe dọa), môi trường sống nhạy cảm, bao gồm đất ngập nước, công viên hoặc khu bảo tồn, môi trường sống quan trọng bên trong/ trong khu vực dự án, các loài có giá trị kinh tế/ thương mại trong vùng bị ảnh hưởng của tiểu dự án
- **Môi trường văn hóa xã hội và kinh tế xã hội:** Dân số, dân tộc, đặc điểm dân số, điều kiện kinh tế, phong tục tập quán riêng, nguồn và mức thu nhập của người dân trong vùng tiểu dự án bị ảnh hưởng. Những thông tin khác bao gồm: sử dụng đất, lịch canh tác nông nghiệp, thị trường lao động, nguồn thu nhập hộ gia đình, cân bằng giới và ra quyết định, vai trò của phụ nữ trong hoạt động xã hội và phát triển kinh tế hộ gia đình. Khảo sát cơ bản nên bao gồm: giáo dục, sức khỏe và giải trí, dữ liệu thứ cấp, khảo sát hộ gia đình, tập trung phỏng vấn nhóm và người quan trọng.
- **Tài sản văn hóa vật thể và cơ sở hạ tầng quan trọng trong vùng tiểu dự án:** Các khu vực văn hóa/ tôn giáo/ lịch sử, điểm đến du lịch, bất kỳ khu vực khác có giá trị khảo cổ. Ngoài ra, thông tin ngắn gọn về cơ sở hạ tầng quan trọng hiện tại và các dịch vụ công cộng bao gồm đường và tuyến vận chuyển khác, cung cấp điện và nước, vệ sinh và tiêu thoát nước, quản lý chất thải, cơ sở chăm sóc sức khỏe và giáo dục.
- **Các dân tộc thiểu số:** Mô tả ngắn gọn các dân tộc thiểu số trong vùng bị ảnh hưởng của tiểu dự án (chính sách OP 4.10 của Ngân hàng Thế giới). Phần này sẽ được liên kết với Khung phát triển dân tộc thiểu số (EMDF) và Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP) .

4.3 Khu vực ảnh hưởng của tiểu dự án

Đối với việc thực hiện đánh giá môi trường, quan trọng là phải phân biệt được "khu vực ảnh hưởng của tiểu dự án". Các khu vực này phải được xem xét trong đề xuất đánh giá tác động. Khu vực ảnh hưởng của tiểu dự án thuộc dự án DRSIP được xác định bởi: (i) các khu vực có các hoạt động sửa chữa, nâng cấp hoặc xây dựng các công trình như cống lấy nước, tràn xả lũ,

đập chính, đập phụ, tràn phụ, nhà quản lý, đường thi công kết hợp quản lý, khu lán trại, bãi vật liệu, nhà vận hành công lấy nước, khu vực để máy móc và phương tiện vận tải, bãi đậu xe, mỏ vật liệu, bãi thải và các khu vực xung quanh, tuyến đường vận chuyển vật liệu và các khu vực xung quanh, khu dân cư xung quanh công trường xây dựng; (ii) Khu vực bị ảnh hưởng hoặc được hưởng lợi từ dự án, bao gồm khu vực hồ chứa (do tháo nước thi công) và các vùng hạ lưu không giới hạn về địa giới hành chính.

CHƯƠNG V. PHÂN TÍCH PHƯƠNG ÁN THAY THẾ

5.1 Tính cấp thiết của việc nâng cao an toàn và khôi phục đập

Mục đích chính của dự án là đáp ứng nhu cầu về an toàn đập của Việt Nam, kiểm soát lũ và bảo vệ đời sống của người dân vùng hạ lưu và tài sản của họ. Nhu cầu cung cấp nước tưới và sử dụng sinh hoạt sẽ tiếp tục tăng do kết quả của việc tiếp tục phát triển và tăng trưởng kinh tế. Truyền tải và phân bố thiệt hại ở Việt Nam là tương đối thấp so với nhiều nước láng giềng Đông Nam Á và tăng chi tiêu về hiệu quả dự kiến sẽ giảm thiểu những thiệt hại hơn nữa, từ mức hiện nay là 11,5% xuống còn 8,5% vào năm 2020.

Để đáp ứng được nhu cầu này, Việt Nam đang lên kế hoạch để tăng việc khôi phục và nâng cao an toàn đập. DRSIP là một phần của chiến lược phát triển quốc gia. Tại Việt Nam, hầu hết sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi phụ thuộc vào việc cung cấp nước từ hồ chứa và nước mặt từ các sông, suối, hồ tự nhiên và/ hoặc nước ngầm. Dự án này đã được chứng minh là có hiệu quả và phát triển bền vững và sẽ dẫn đến các chiến lược an toàn nước đáng kể.

Theo thống kê của Bộ Nông nghiệp và PTNT, có khoảng 1.150 hồ chứa đã bị hư hỏng, hầu hết các hồ này đều nằm trong vùng có điều kiện thời tiết khắc nghiệt, địa hình dốc ở các khu vực miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên. Nhiều đập đã xuống cấp và sự an toàn của chúng ở mức thấp hơn theo tiêu chuẩn an toàn đập Quốc tế, dẫn đến gia tăng nguy cơ mất an toàn cho cư dân sống xung quanh vùng TDA và gây ra thiệt hại lớn về kinh tế. Sự suy thoái của các đập này, cùng với sự gia tăng các nguy cơ và rủi ro do biến đổi chế độ thủy văn (hoạt động quá mức ở thượng nguồn hồ chứa), đã đặt nhiều hồ chứa vào nguy cơ sự cố cao. Các rủi ro còn được kể đến do sai sót trong thiết kế, ví dụ: không đủ mặt cắt ngang, thân đập quá mỏng không ổn định, lún cấu trúc chính, thấm qua thân đập, rò rỉ ở mang cống lấy nước, hư hỏng các công trình phụ trợ, đỉnh đập bị biến dạng, lồi lõm, hư hỏng mái thượng lưu và hạ lưu, sự cố đập tràn, sử dụng không hiệu quả hoặc trang bị không đầy đủ các thiết bị giám sát an toàn.

Đa số các đập trong chương trình an toàn đập Quốc gia đều không vận hành theo đúng quy định. Các đập vừa và nhỏ xây dựng từ năm 1960 - 1980 với những hạn chế về mặt kỹ thuật và chất lượng xây dựng kém. Chỉ có 179 hồ chứa được thông qua quy chế vận hành. Khó khăn lớn nhất trong việc quản lý, duy trì vận hành, đảm bảo an toàn là do thiếu các số liệu thực địa và kỹ thuật hiện đại để giám sát và quản lý. Một vài đập lớn thì không được trang bị những thiết bị quan trọng như: thiết bị theo dõi khí tượng, thủy văn, hệ thống cảnh báo sớm.

Các hồ chứa xây dựng trong năm 1960-1970 với nguồn ngân sách hạn hẹp, thiết kế không phù hợp và đất đắp không đồng nhất, xảy ra nhiều sự cố. Bảng 5.1 tổng hợp các sự cố và các tác động tiêu cực đến Môi trường, Xã hội. Bảng này minh chứng cho kịch bản “không có tiểu dự án” thì sẽ xảy ra rủi ro như thế nào.

Những sự cố về an toàn vận hành hồ chứa đã làm giảm các lợi ích về kinh tế. Trong 5 năm trở lại đây, đã có sự cố xảy ra ở 30 hồ chứa. Lũ lụt tàn phá một khu vực rộng, gây chết người, thiệt hại kinh tế. Từ năm 1995 đến 2002, thiệt hại do thiên tai ước tính khoảng 18.700 tỷ đồng (US\$ 1,25).

Thiếu sự phối hợp đồng bộ của các ban ngành, các tổ chức và chủ sở hữu đập, hạn chế năng lực trong công tác giám sát cũng là một nguyên nhân gây nên tình trạng lũ lụt ngày càng trầm trọng. Các phản hồi của cộng chúng về tình trạng thường xuyên bị ngập lụt do vỡ đập hoặc xả nước khẩn cấp không có kế hoạch và không thông báo trên các phương tiện truyền thông, do đó một chiến dịch nâng cao nhận thức cộng đồng về an toàn đập đã được Chính phủ hỗ trợ thực hiện.

Năm 2003, do nhận thức được tầm quan trọng của việc duy trì ổn định cho an toàn đập, Chính phủ đã đưa ra một chương trình đa ngành tập trung vào an toàn đập. Điều này đã được xem xét trong một nỗ lực để khôi phục các chương trình và dự kiến sẽ được chính thức phê duyệt vào cuối năm. Dựa trên những thông tin có sẵn từ Bộ NN & PTNT có khoảng 1.150 con đập cần được tu sửa hoặc nâng cấp khẩn cấp. Trong số này, 311 hồ chứa nước cần được đầu tư ngay để cải thiện điều kiện an toàn.

Bảng 5. 2: Các sự cố xảy ra liên quan đến công trình

<i>TT</i>	<i>Sự cố</i>	<i>Nguyên nhân</i>	<i>Tác động đến môi trường, xã hội</i>
1	Nước tràn qua đập	<ul style="list-style-type: none"> - Xảy ra lũ bất thường, mực nước trong hồ chứa vượt quá công suất thiết kế - Hư hỏng tràn xả lũ hoặc thiết kế không phù hợp 	<ul style="list-style-type: none"> - Xảy ra lũ lụt vùng hạ lưu - Nhà ở và cơ sở hạ tầng - Sạt lở và mất đất - Giảm năng suất cây trồng và thủy sản - Tác động đến thu nhập và cuộc sống người dân ' - Ô nhiễm môi trường tự nhiên - Gia tăng dịch bệnh
2	Xả nước khẩn cấp	Xảy ra lũ bất thường hoặc vỡ đập	<ul style="list-style-type: none"> - Xảy ra lũ lụt vùng hạ lưu - Nhà ở và cơ sở hạ tầng - Sạt lở và mất đất - Giảm năng suất cây trồng và thủy sản - Tác động đến thu nhập và cuộc sống người dân ' - Ô nhiễm môi trường tự nhiên - Gia tăng dịch bệnh
3	Hông công lấy nước	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế không phù hợp hoặc sửa chữa - Không bảo dưỡng thường xuyên hoặc eo hẹp hạn ngân sách 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm sản lượng và năng suất cây trồng - Mất nước do không kiểm soát được dòng chảy hoặc bị rò rỉ - Tác động đến nguồn cung cấp nước sinh hoạt - Vận hành khó khăn

4	Có thể xảy ra vỡ đập	<ul style="list-style-type: none"> - Xảy ra hiện tượng thấm tại móng đập và đập chính - Tổ mối - Vận hành không đúng quy cách 	<ul style="list-style-type: none"> - Sơ tán người dân - Tăng chi phí gây nên gánh nặng cho nguồn ngân sách địa phương
---	----------------------	--	---

5.2 Phạm vi phân tích phương án thay thế của tiểu dự án

Mục tiêu cơ bản của việc “phân tích phương án thay thế” là để xác định vị trí/ thiết kế/ công nghệ cho riêng từng tiểu dự án sẽ phát sinh ít nhất các tác động bất lợi và tối đa các tác động tích cực. Các phân tích thay thế sẽ khác nhau đối với các tiểu dự án khác nhau.

Đối với việc phục hồi đập, so sánh các lợi ích về môi trường và xã hội theo chi phí liên quan cho những lựa chọn sau.

- (a) Kịch bản không có tiểu dự án
- (b) Khôi phục an toàn đập mà không có bất kỳ thay đổi nào về chiều cao và kích thước đập; và
- (c) Khôi phục an toàn đập bao gồm sự thay đổi về chiều cao và kích thước của đập từ quan điểm an toàn.

Đối với đường thi công hoặc các hợp phần nhỏ khác, xây dựng nhà điều hành hoặc văn phòng... so sánh các lợi ích môi trường và xã hội theo chi phí liên quan cho những lựa chọn sau:

- (a) Kịch bản không có tiểu dự án
- (b) Vị trí và tuyến đường thay thế; và
- (c) Các phương pháp xây dựng thay thế.

Do hoạt động chính của dự án là khôi phục đập, dự án sẽ sử dụng một mẫu đơn giản (bảng 5.2) cho việc phân tích những thay thế.

Các tiêu chí nhất định cần phải được đánh giá để hiểu đúng về các lựa chọn thay thế và những thuận lợi và bất lợi tương đối của chúng. Bảng 5.3 cung cấp một số chỉ tiêu đánh giá được xem xét trong quá trình thực hiện đánh giá các thay thế.

Sử dụng biểu mẫu tương tự (Bảng 5.2 và 5.3) các phân tích thay thế có thể được thực hiện đối với đường thi công khi (i) không có tiểu dự án với đường thi công; (ii) các tuyến đường và vị trí (nếu được áp dụng); và (iii) Phương pháp xây dựng và công nghệ.

Phụ thuộc vào bản chất và phạm vi của vấn đề, một tiểu dự án có thể yêu cầu đánh giá sâu hơn về các biện pháp thay thế trong quá trình đánh giá tổng thể môi trường của tiểu dự án. Điều này bao gồm việc ước tính định lượng của những thông số quan trọng.

Bảng 5. 3: Phân tích thay thế sửa chữa đập

<i>Phương án thay đổi</i>	<i>Tác động tích cực đến môi</i>	<i>Tác động tiêu cực đến môi</i>	<i>Ước tính Chi phí đầu</i>	<i>Ước tính chi phí môi trường, xã hội</i>
---------------------------	----------------------------------	----------------------------------	-----------------------------	--

	<i>trường và xã hội</i>	<i>trường và xã hội</i>	<i>tư</i>	<i>và cán đối tài chính</i>
Phương án 1: Không thực hiện dự án				
Phương án 2: Sửa chữa đập giữ nguyên chiều cao và dung tích hồ chứa.				
Phương án 3: Sửa chữa đập tăng chiều cao và dung tích hồ chứa.				

Bảng 5. 4: Các tiêu chí đánh giá được xem xét trong quá trình phân tích thay thế

<i>Các tiêu chí chính</i>	<i>Các tiêu chí phụ</i>
Các khía cạnh kỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> • Độ chắc chắn • Khả năng xây dựng • Bảo vệ • Bồi lắng và xói mòn • Các yêu cầu bảo trì • Lịch sử hiệu suất vv
Các khía cạnh tài chính	<ul style="list-style-type: none"> • Chi phí xây dựng • Chi phí bảo trì
Các khía cạnh môi trường	<ul style="list-style-type: none"> • Phạm vi tiểu dự án • Các yêu cầu vật liệu • Tác động đến dòng chảy • Tác động đến sinh thái hồ • Tác động đến sinh thái kênh tiếp nhận • Tác động đến môi trường nước và không khí • Các công việc liên quan đến xây dựng khác • An toàn và sức khỏe lao động, ...
Các khía cạnh xã hội	<ul style="list-style-type: none"> • Thu hồi đất • Tái định cư • Dân tộc thiểu số • Tác động lên giao thông thủy • Tác động lên sinh kế • Các nguy cơ bệnh dịch • Các tác động kinh tế xã hội khác

CHƯƠNG VI. CÁC TÁC ĐỘNG TIỀM TÀNG VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU

6.1 Đánh giá các tiêu dự án năm đầu

12 đập ưu tiên của 11 tỉnh đã được xác định thực hiện trong năm đầu. Tất cả đều là đập đất được quản lý bởi Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Những đập này đáp ứng tiêu chí lựa chọn và thuộc các tỉnh có Ban quản lý dự án được thành lập đủ năng lực để bắt đầu thực hiện ngay lập tức. Trong số đó, 7 đập được phân loại là đập lớn, với 6 đập với chiều cao trên 15 m và một đập có chiều cao từ 10 -15m và dung tích trên 3 triệu mét khối nước. Dung tích chứa trung bình của 12 đập là 11 triệu mét khối nước, với dung tích chứa lớn nhất là 73 triệu mét khối nước và nhỏ nhất là 0,5 triệu mét khối nước. Bảng 6.1 là danh sách các tiêu dự án năm đầu.

Bảng 6. 2: Danh sách các tiêu dự án năm đầu

<i>TT</i>	<i>Hồ chứa</i>	<i>Huyện</i>	<i>Tỉnh</i>	<i>Vùng</i>
1	Ngòi Là 2	Yên Sơn	Tuyên Quang	Miền Bắc
2	Hồ Ban	Cẩm Khê	Phú Thọ	Miền Bắc
3	Đai Thẳng	Lạc Thủy	Hoà Bình	Miền Bắc
4	Khe Chè	Đông Triều	Quảng Ninh	Miền Bắc
5	Đồng Bề	Như Thanh	Thanh Hoa	Miền Trung
6	Khe Gang	Quỳnh Lưu	Nghệ An	Miền Trung
7	Khe Sân	Quỳnh Lưu	Nghệ An	Miền Trung
8	Phú Vinh	Đông Hới	Quảng Bình	Miền Trung
9	Đập Làng	Nghĩa Hành	Quảng Ngãi	Miền Trung
10	Thạch Bàn	Phù Cát	Bình Định	Miền Trung
11	Sông Quao	Hàm Thuận Bắc	Bình Thuận	Miền Trung
12	Đạ Tẻh	Da Tẻh	Lâm Đồng	Tây Nguyên

Tất cả các hoạt động phục hồi /nâng cấp các công trình để cải thiện an toàn đập bằng cách sửa chữa các hư hỏng và hiệu chỉnh các lỗi thiết kế (Bảng - 6.2), tăng cường và củng cố cấu trúc hiện tại. Dựa trên kết quả của các tiêu dự án năm đầu tiên, khoảng 7 tiêu dự án sẽ được làm tăng chiều cao của đập (tối thiểu: 0,5m, tối đa 2,2m chiều cao), 9 tiêu dự án sẽ mở rộng đỉnh đập (tối thiểu 1m, tối đa 7m chiều rộng) và 6 tiêu dự án sẽ sửa chữa các đập tràn bằng cách tăng chiều rộng (tối thiểu 7m, tối đa 30m.) Nhưng tất cả những tiêu dự án được đề cập là không làm tăng dung tích hồ chứa, chỉ để củng cố các đập và đảm bảo kiểm soát lũ lụt trong mùa mưa mùa

**Bảng 6. 3: Các vấn đề về hiện trạng an toàn đập có liên quan đến cấu trúc đập
(Dựa trên kết quả điều tra của 12 TDA năm đầu)**

<i>Hạng mục</i>	<i>Vấn đề</i>	<i>Chi tiết</i>
-----------------	---------------	-----------------

Hồ chứa	Dung tích chứa thấp hơn so với thiết kế	Bồi lắng, rò rỉ cống, rò rỉ tràn xả lũ
Đỉnh đập	Nước tràn qua đỉnh đập	Dự báo sai các thông số thủy văn, chặn đập tràn, vượt quá lũ thiết kế, đỉnh đập thấp hơn so với thiết kế.
	Sụt, lún đỉnh đập	Hư hại do giao thông, hoạt động của động vật đào hang (chuột), mất ổn định đập
	Nứt ngang	Choãi chân đập, mất ổn định đập, vật liệu chất lượng thấp
	Nứt dọc	Tăng /giảm đột ngột mực nước trong hồ, tạo ra trầm tích, choãi chân đập, sạt lở đập
	Sống trâu dọc theo đỉnh đập	Hư hại do giao thông đi lại
Mái thượng lưu	Thấm nền, thấm thân đập	Vật liệu chất lượng kém, hoạt động của các loài gặm nhấm, đánh giá địa chất không chính xác.
	Sạt lở và ổ sụt lún	Thiếu/ mất vật liệu thân đập chính, ảnh hưởng hoạt động của các loài gặm nhấm, xói mòn, hư hại do giao thông, mái hạ lưu quá dốc
	Hố sụt	Dịch chuyển nền móng tạo ra các hố, vật liệu không chống thấm, hang động vật.
Mái hạ lưu	Thấm qua thân đập	Các loài gặm nhấm đào hang qua đập, vai đập thiết kế và xây dựng không theo tiêu chuẩn
	Thấm qua vai đập	Vai đập thiết kế và xây dựng không theo tiêu chuẩn, động vật/ cây cối không được di dời trong khi xây dựng
	Sạt lở và lún sụt	Thiếu/ mất vật liệu trên thân đập chính, hoạt động các loài gặm nhấm, mái hạ lưu quá dốc
Tràn xả lũ	Xói tràn xả lũ	Xói mòn, độ dốc tràn quá dốc
	Tràn xả lũ bị chặn	Xói mòn, đất đá rơi xuống, cành cây gãy, thiết kế không theo tiêu chuẩn
Cống lấy nước	Xói mòn cống lấy nước	Cống quá nhỏ, xói mòn ống dẫn nước, dịch chuyển nền móng
	Vỡ và rò rỉ	Hông van cống, cống quá nhỏ

6.2 Dự kiến các loại công trình sửa chữa

Dựa trên đánh giá mười hai (12) tiểu dự án, Bảng 6.3 cho biết các vấn đề về cấu trúc/thiết kế và đề xuất công trình sửa chữa/nâng cấp. Dựa trên 12 tiểu dự án xác định cho năm đầu tiên thực hiện, dự kiến các loại công trình sửa chữa và nâng cao an toàn sẽ được giới hạn và liên quan đến: (i) sửa chữa đập (đập kè, đập phụ), xử lý thấm, đào, mở rộng đỉnh đập, nâng cao trình dâng bao, mở rộng chiều dài đập; cứng hóa mặt đập, gia cố mái thượng/hạ lưu, chống xói mòn; xử lý riêng; (ii) sửa chữa và nâng cấp tràn, xây mới cầu qua tràn, bể tiêu năng, sửa chữa ngưỡng tràn; (iii) xây mới hoặc sửa chữa cống tiêu mới ở chân mái hạ lưu; (iv) xử lý thấm và sửa chữa mô hàn, sửa chữa

hoặc xây mới công trình công xã; (v) cải tạo hoặc xây mới nhà quản lý; (vi) nâng cấp đường công vụ bằng bê tông.

Các hoạt động này có thể bao gồm: (i) Thu hồi đất tạm thời và vĩnh viễn; (ii) Giải phóng mặt bằng cho công trường xây dựng (chặt phá cây, san lấp mặt bằng); (iii) Vận chuyển vật liệu và chất thải; (iv) Xây dựng công trình phụ trợ: kho, bãi thải, lán trại cho công nhân, khu vực tập kết nguyên liệu; (v) Tập trung máy móc và vật liệu; (vi) Xây dựng hệ thống thu rác thải sinh hoạt, xử lý nước thải và xây dựng một hệ thống thoát nước thải, trạm điện tại công trường xây dựng; (viii) Nạo vét bùn, vận chuyển bùn; ix) Rà phá bom mìn và vật liệu nổ.

Công trình xây lắp sẽ gây: (i) Phát sinh chất thải rắn, phá dỡ công trình xây dựng cũ, dỡ bỏ bề mặt đất ban đầu, san lấp mặt bằng, phát sinh chất thải rắn từ sử dụng và khai thác vật liệu xây dựng, từ công nhân tại công trường xây dựng và lán trại; (ii) Phát sinh nước thải sinh hoạt từ công nhân, từ vệ sinh rửa máy móc; (iii) Phát sinh bụi và khí thải do giải phóng mặt bằng, vận hành máy và vận chuyển; (iv) Gia tăng tiếng ồn và độ rung. Tuy nhiên, những tác động này hầu như có thể khoanh vùng và mang tính tạm thời; giám sát chặt chẽ và đình chỉ thi công trong trường hợp bất thường là đủ. Thông tin chi tiết về các đập ưu tiên thực hiện năm đầu tiên được cung cấp tại Phụ lục-A.

Bảng 6. 4. Các vấn đề về cấu trúc, thiết kế và đề xuất các hạng mục sửa chữa/ nâng cấp

<i>Cấu trúc/Thiết kế</i>	<i>Đề xuất công việc</i>
1. Thiết kế không phù hợp hoặc hư hỏng tràn xả lũ	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa chữa/mở rộng tràn - Xây mới cầu mới qua tràn - Sửa chữa/xây bề tiêu năng - Sửa chữa/xây mới đỉnh tràn
2. Hông cống lấy nước/ thiếu cống lấy nước	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa chữa/xây mới cống lấy nước - Sửa chữa/thay thế cống lấy nước, van điều tiết - Sửa chữa hoặc xây mới nhà vận hành cống lấy nước
3. Vỡ đập do nước tràn	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa chữa/xây mới đập phụ - Khoan phụt chống thấm - Mở rộng đỉnh đập, thân đập - Gia cố thân đập và mái đập - Xử lý môi

Trong 12 tiểu dự án trong năm đầu tiên của dự án DRSIP, chỉ có hai tiểu dự án (tiểu dự án Đồng Bê, tỉnh Thanh Hóa và tiểu dự án Sông Quao, tỉnh Bình Thuận) yêu cầu để sửa chữa các đập phụ trợ.

6.3 Tác động Môi trường Xã hội của các tiểu dự án năm đầu/ tác động dự kiến

Việc sửa chữa các công trình này sẽ cải thiện chức năng của đập và đảm bảo sự an toàn của người dân địa phương. Những tác động kinh tế tích cực là nhờ rút ngắn thời gian thi công và phát triển

sinh kế như nông nghiệp, ngư nghiệp và du lịch. Tăng tính ổn định kinh tế và cải thiện đầu tư nhờ nguồn cung cấp điện, nước ổn định và giảm thiểu rủi ro cho cuộc sống và tài sản của người dân.

Lợi ích của tiểu dự án – 12 tiểu dự án năm đầu sẽ mang lại lợi ích trực tiếp cho 56.537 hộ gia đình và 239.181 người bằng việc nâng cao an toàn chống lại sự cố đập và cung cấp nước tưới. Trong số đó, 9,67% là người dân tộc thiểu số. Bảng 6.4 cung cấp thông tin chi tiết cho mỗi tiểu dự án.

**Bảng 6. 5: Các hộ được hưởng lợi
(Dựa trên cơ sở 12 tiểu dự án năm đầu)**

<i>TDA/ Tỉnh</i>	<i>Số hộ</i>	<i>Số người</i>	<i>%DTTS</i>
1. Ngòi Là 2, Tuyên Quang	2.198	7.194	0
2. Hồ Ban, Phú Thọ	1.280	5.663	0
3. Đại Thắng, Hòa Bình	354	1.420	70,1
4. Khe Chè, Quảng Ninh	15.305	52.149	2,59
5. Đồng Bề, Thanh Hoá	2.495	24.716	24,2
6. Khe Sâu, Nghệ An	400	1.800	0
7. Khe Giang, Nghệ An	800	2.500	0
8. Phú Vinh, Quảng Bình	4.600	27.600	0
9. Đập Làng, Quảng Ngãi	346	1.651	0
10. Thạch Bàn, Bình Định	355	1.460	0
11. Sông Quao, Bình Thuận	26.690	106.422	5,9
12. Da Teh, Lâm Đồng	1.614	6.606	8,4
Tổng cộng	56.437	239.181	9,25

Ngoài ra, tiểu dự án sẽ tạo cơ hội việc làm cho lực lượng lao động địa phương, dịch vụ, thương mại và nâng cao cơ sở hạ tầng địa phương (xem phụ lục A- A3).

Tuy nhiên, việc phục hồi đập cũng yêu cầu khai thác đá hoặc sử dụng đất. Việc thi công cũng yêu cầu thu hồi đất hoặc sử dụng tạm thời đường giao thông, cần thiết phải di dời tạm thời hoặc vĩnh viễn nhà cửa, trang trại. Các hoạt động khai thác đá và xây dựng mới có thể triển khai ở các khu vực trước đây chưa bị xáo trộn có thể còn sót lại vật liệu nổ từ chiến tranh hoặc khu vực khảo cổ.

Các mục sau đây đã mô tả các tác động tổng quát và các vấn đề Môi trường và Xã hội được mong đợi. Ngoài ra, các hướng dẫn được cung cấp trong Phụ Lục D về các biện pháp giảm thiểu và Phụ lục E mô tả quản lý xây dựng, thông số kỹ thuật đấu thầu và trách nhiệm của nhà thầu (Qui tắc môi trường thực tiễn - ECoP).

6.3.1 Các vấn đề xã hội

i) Mất đất, cây trồng, công trình và nhà cửa không tự nguyện:

Tác động: Có yêu cầu thu hồi đất và tái định cư. Thu hồi đất được yêu cầu chủ yếu để xây dựng khu lán trại, kho, bãi thải, đường vận chuyển vật liệu và chất thải hoặc thi công đường phục vụ vĩnh viễn hay tạm thời. Tuy nhiên, mục tiêu chính của dự án là sửa chữa và nâng cấp công trình hiện có, vì vậy, tác động thu hồi đất và tái định cư là không đáng kể với cộng đồng địa phương. Ngoài ra, sinh hoạt của hộ gia đình có thể thay đổi do thực hiện dự án, do các hộ gia đình ở địa phương chưa sẵn sàng (không có kế hoạch) để thích nghi với điều kiện mới khi một hộ gia đình nhận được tiền bồi thường hay hỗ trợ.

Tái định cư đối với các hộ bị ảnh hưởng là kết quả của thu hồi đất tạm thời và vĩnh viễn để mở đường công vụ cũng như mở vật liệu và khai thác mỏ. Hộ gia đình bị ảnh hưởng sẽ mất nhà cửa, đất canh tác phục vụ sinh hoạt và mô mã tổ tiên, thường nằm bên dưới ngôi nhà riêng của họ. Do vị trí nơi ở của họ nằm trong phạm vi hồ chứa, một số khu dân cư bị ảnh hưởng nặng nề nhất. Khu Tái định cư cũng có thể gây ô nhiễm môi trường do thiếu cơ sở xử lý chất thải phù hợp (chất thải sinh hoạt và chất thải xây dựng).

Đất canh tác cũng là một trong những đối tượng chính bị ảnh hưởng bởi dự án. Tuy nhiên, cũng có những giai đoạn thi công vào giữa các đợt canh tác trong năm. Khu tái định cư chỉ định phải có khả năng hỗ trợ cư dân hiện tại và các hộ gia đình tái định cư phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp. Hộ gia đình tái định cư cũng có thể được duy trì cho đến vụ thu hoạch tiếp theo hoặc được đền bù tài chính bổ sung trong thời gian canh tác.

Đối với các hộ gia đình di dời tại chỗ và những hộ di dời đến khu vực tái định cư chỉ định, nhu cầu về tài nguyên hữu hạn sẽ tăng. Trong cả hai trường hợp, đất sẽ được chia cho nhiều hộ. Việc này sẽ làm giảm số lượng đất sản xuất cho mỗi hộ gia đình sử dụng. Giảm nguồn lực sẵn có sẽ làm tăng tính cạnh tranh giữa người dùng dẫn đến thu nhập hộ gia đình giảm.

Biện pháp giảm thiểu: Hộ gia đình phải di dời sẽ được cấp nhà mới ở khu tái định cư chỉ định. Các hộ gia đình sẽ được hỗ trợ trong suốt quá trình di dời. Hỗ trợ có thể bao gồm hỗ trợ vật chất trong quá trình di dời, cung cấp phương tiện để vận chuyển đồ đạc cá nhân và vận chuyển gia súc. Bồi thường tài chính và cung cấp thực phẩm dự trữ để hỗ trợ cho các gia đình trong giai đoạn chuyển tiếp. Hộ di dời được cấp đất nhằm tiếp tục hỗ trợ sản xuất nông nghiệp. Các biện pháp sẽ được thực hiện cho phát triển sinh kế và hỗ trợ trong một thời gian đủ cho các hộ thu hoạch nông sản trở lại cũng như học được cách thay đổi sinh kế của mình.

Chương trình đào tạo để nâng cao nhận thức về quản lý tài nguyên đất canh tác và tạo điều kiện quản lý tài nguyên đất canh tác hiện có giữa các xã. Tại các khu vực tái định cư, sản lượng sản xuất giống cao sản sẽ được đưa ra nhằm tăng thu hoạch. Hộ BAH bởi dự án cũng sẽ yêu cầu được vay lãi suất thấp để giúp họ mua thêm vật nuôi và các nguồn lực khác.

Khả năng xảy ra và mức độ tác động sẽ thấp nếu các biện pháp giảm thiểu thích hợp được áp dụng trong suốt quá trình xây dựng. Tác động tích lũy được đánh giá là vừa phải nếu như cư dân hiện tại và các hộ tái định cư có thể chỉ bị ảnh hưởng do tăng nhu cầu về tài nguyên hữu hạn. Cần có biện pháp giảm nhẹ bổ sung để đưa tác động xuống loại thấp.

Tác động và biện pháp giảm thiểu được phân tích chi tiết hơn trong Kế hoạch Hành động Tái định cư (RAP) và Khung Chính sách Tái định cư (RPF).

Liên quan đến việc di dời mồ mả - có kế hoạch di dời mộ. Tất cả chi phí đào, di dời và cải táng sẽ được bồi hoàn bằng tiền mặt cho các gia đình bị ảnh hưởng. Thực hiện khai quật và di dời mồ mả phù hợp và tập quán về văn hóa.

ii) Tác động đến dân tộc thiểu số

Tác động: Dân tộc thiểu số có một số phong tục, truyền thống và nhu cầu phát triển nhất định có thể bị bỏ qua khi lập kế hoạch và thực hiện công trình sửa chữa và nâng cao an toàn. Mất đất không tự nguyện, nhà cửa, hoặc sinh kế có thể ảnh hưởng đến các nhóm dân tộc thiểu số nhiều hơn so với nhóm dân số đa số. Một số hộ gia đình bị ảnh hưởng có thể mất sinh kế. Những hộ này dựa vào tài nguyên thiên nhiên để sinh sống. Những hộ gia đình không có nguồn thu nhập bổ sung sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng dẫn đến đói nghèo. Điều này có thể dẫn đến các hộ gia đình phải tự di chuyển đến các khu vực thuận lợi hơn hoặc thay đổi tập quán truyền thống để tự hỗ trợ tài chính cho mình.

Biện pháp giảm thiểu: Hoạt động xây dựng phải giới hạn trong khu vực qui định để tránh giải phóng thêm mặt bằng hoặc gián đoạn đến các hộ liền kề. Trước thời gian giải phóng mặt bằng, theo qui định của RPF và EDMF mặc dù đã được bồi thường nhưng vẫn cho phép các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi dự án được thu hoạch các sản phẩm nông nghiệp có giá trị kinh tế trước khi bàn giao mặt bằng. Cũng theo RAP và EDMP, các chương trình đào tạo và hỗ trợ sẽ được thực hiện để ổn định thu nhập và xây dựng các chương trình nâng cao nhận thức về quản lý tài nguyên thiên nhiên và canh tác nông nghiệp cho người dân phải di dời.

Khu tái định cư phải có đất sản xuất phù hợp để hỗ trợ các xã khi dựa vào hoạt động nông nghiệp để có thực phẩm và thu nhập. Thời gian tác động được đánh giá là vừa phải nếu các hoạt động xây dựng ảnh hưởng đến các xã trong suốt quá trình xây dựng. Độ lớn của tác động sẽ là vừa phải nếu việc giải phóng lớp phủ rừng dẫn đến mất đất sản xuất và thu nhập cho các hộ gia đình. Phạm vi địa lý của tác động sẽ là vừa phải nếu khu vực cần giải phóng gồm có các xã và các hộ khác. Khả năng xảy ra và tái diễn tác động sẽ thấp nếu các biện pháp giảm thiểu thích hợp được áp dụng trong suốt quá trình xây dựng. Cần có biện pháp giảm nhẹ bổ sung để đưa tác động xuống loại thấp.

iii) Môi quan tâm và nhu cầu của phụ nữ

Tác động: Phụ nữ ở các vùng nông thôn thường làm việc nhà như giặt giũ, chăm sóc con cái, dọn dẹp và nấu ăn. Do đó, mối quan tâm và nhu cầu của họ có thể đã bị bỏ qua khi xác định và ưu tiên công trình sửa chữa và nâng cao an toàn. Trong cấu trúc gia đình, người phụ nữ có vai trò chính trong việc nuôi con. Do tập quán dân tộc, đàn ông hiếm khi làm việc nhà (nấu ăn, dọn dẹp, giặt giũ, v.v.). Rất ít đàn ông chia sẻ việc nhà với phụ nữ, đặc biệt ở các xã dân tộc, còn phụ nữ thường phải địu con trên lưng khi làm việc nhà. Gánh nặng việc nhà đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến khả năng được đi học hoặc tham gia công tác xã hội của phụ nữ. Thiếu giáo dục và đào tạo đã hạn chế kiến thức của phụ nữ, trực tiếp ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc con cái. Tác động bình đẳng giới và tạo hoặc chuyển đổi công ăn việc làm địa phương có thể khoanh vùng, nhưng đặc biệt ảnh hưởng đến phụ nữ và trẻ em ở địa phương, dẫn đến khả năng sử dụng dân cư địa phương làm lao động phổ thông. Tuyển dụng công nhân có thể làm giảm đi các hoạt động nông nghiệp truyền thống.

Biện pháp giảm thiểu: Mối quan tâm, nhu cầu, ưu tiên và an toàn của phụ nữ sẽ được đánh giá

riêng. Phải đảm bảo đào tạo và cơ sở vật chất thích hợp để sinh kế, việc sinh hoạt thường xuyên và tính riêng tư của phụ nữ không bị ảnh hưởng do công việc liên quan đến thi công. Kế hoạch hành động riêng về giới sẽ được lập dựa trên đánh giá này.

iv) Gián đoạn cấp nước tưới và/hoặc cấp nước sinh hoạt

Tác động: Gián đoạn cấp nước có thể xảy ra trong quá trình xây dựng. Tác động này xảy ra do thi công xây dựng hoặc sửa chữa tràn và công trình cống. Trong giai đoạn này, nước trong hồ phải xả xuống dưới mực nước chết của hồ chứa, do đó, làm gián đoạn cấp nước cho diện tích canh tác vùng hạ du. Hầu hết cư dân địa phương sinh sống ở khu vực nông thôn và dựa vào hoạt động nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản (hơn 90%) và hầu hết các hộ gia đình ở nơi này đều nghèo và có thu nhập thấp (2,5 triệu đồng/năm/hộ). Ngoài ra, 16/20 tỉnh (90% số lượng) có dân tộc thiểu số và được nhận hỗ trợ từ chương trình giảm nghèo của Chính phủ Việt Nam. Do đó, việc gián đoạn cấp nước tưới là vấn đề chính đối với người địa phương và dẫn đến giảm thu nhập. Tác động được đánh giá là cao nhưng chỉ xảy ra trong quá trình xây dựng và có thể khắc phục hoặc giảm nhẹ được.

Biện pháp giảm thiểu: Thời điểm thi công sẽ được lựa chọn để ít gây tác động nhất đến việc cấp nước tưới. Vụ thứ ba thường không liên quan đến nước tưới. Tuy nhiên, cần phải có đánh giá cụ thể và thực hiện theo RPF và phải đảm bảo công tác bồi thường cho người bị ảnh hưởng.

v) Tác động đến du lịch

Tác động: Một số đập thủy lợi đang hoạt động đa chức năng và bao gồm cả du lịch sinh thái. Tác động xảy ra trong giai đoạn thi công (do hạ mực nước), nhưng có thể khôi phục sau khi hoàn thành thi công. Khảo sát cho thấy thu nhập trung bình trong các xã vùng dự án là rất thấp và thường là dưới chuẩn nghèo. Hầu hết các nguồn kinh tế hộ gia đình là dựa vào du lịch, dịch vụ, canh tác nông nghiệp và thủy sản (90% tổng dân số).

Biện pháp giảm thiểu: Chương trình thi công sẽ được thiết kế theo cách gây ít tác động hơn trong giai đoạn thi công. Tất cả các vật liệu liên quan đến xây dựng sẽ phải được quản lý xa một chút để ít gây xáo trộn. Vật liệu thải sẽ được quản lý một cách cẩn thận. Cảnh quan khu vực có thể được cải thiện hơn nữa thông qua tham vấn cộng đồng và chính quyền địa phương. Ngoài ra, RAP sẽ giải quyết việc bồi thường sinh kế liên quan đến du lịch.

vi) Tác động đến điều kiện giao thông

Tác động: Trong quá trình thực hiện tiểu dự án, việc tăng nhanh số lượng các phương tiện vận chuyển và công nhân trên diện tích nhỏ, đường và cơ sở hạ tầng địa phương hiện tại không đủ đáp ứng cho hoạt động này. Do đó, cần phải xem xét các tác động đến giao thông và người sử dụng giao thông tại địa phương. Tuy nhiên, trong giai đoạn tiền thi công, tác động này là không đáng kể. Hàm lượng bụi và lượng xe vận tải tăng trên đường giao thông qua dân cư sẽ ảnh hưởng đến người dân địa phương và các hộ gia đình. Mật độ giao thông tăng trên các tuyến đường địa phương có thể cản trở khả năng vận chuyển người dân địa phương và làm tăng nguy cơ tai nạn giao thông liên quan đến đường giao thông. Phương tiện vận chuyển cũng làm tăng mức độ bụi, giảm chất lượng không khí cho cư dân địa phương. Tác động này được đánh giá là cao và đòi hỏi phải có một biện pháp giảm thiểu thích đáng.

Biện pháp giảm thiểu: Để giảm thiểu tác động trong quá trình thi công đường công vụ và vận chuyển vật liệu, cần nỗ lực thực hiện các biện pháp bảo vệ và quản lý để duy trì tính nguyên vẹn của các khu vực bảo tồn. Giao thông trên tuyến đường công vụ sẽ được điều tiết để hạn chế tối đa ô nhiễm không khí và hoạt động xây dựng sẽ giới hạn vào ban ngày nhằm giảm thiểu xáo trộn cho người dân địa phương, lán trại công nhân và các loài động vật hoang dã.

Thời gian tác động sẽ thấp nếu áp dụng được các biện pháp giảm nhẹ thích hợp trong giai đoạn thi công. Mức độ tác động sẽ là vừa phải nếu hoạt động thi công không ảnh hưởng đến người dân địa phương và các loài động vật hoang dã. Phạm vi địa lý của tác động sẽ là vừa phải khi xét đến chiều dài của đường công vụ. Khả năng xảy ra và tái diễn tác động sẽ thấp nếu các biện pháp giảm thiểu thích hợp được áp dụng trước khi thi công. Tác động tích lũy được đánh giá là thấp vì tác động được coi là không đáng kể khi đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu thích hợp trong quá trình thi công.

6.3.2 Vấn đề môi trường

i) Thay đổi cảnh quan ban đầu

Tác động: Có thể sẽ có thay đổi cảnh quan ban đầu tại khu vực thi công và tại các mỏ vật liệu hoặc mỏ đá. Đặc biệt là hiện tượng này xảy ra khi các bãi dự trữ đất, bãi thải và hoạt động giải phóng mặt bằng. Hoạt động thi công xây dựng hoặc sửa chữa công trình riêng biệt yêu cầu một lượng lớn vật liệu đất, đá và do đó, sẽ làm phát sinh một khối lượng lớn chất thải rắn từ hoạt động đào xới và khai thác. Mỗi tiểu dự án cần phải sử dụng 2-5 ha đất làm bãi dự trữ đất đào hoặc bãi thải. Việc khai thác đất và bãi thải là nguyên nhân chính của việc thay đổi cảnh quan. Các đánh giá kết luận rằng tác động tiêu cực tiềm tàng của các hoạt động này là vừa phải và có thể áp dụng các biện pháp đề xuất để giảm thiểu.

Biện pháp giảm thiểu: Cần phải nỗ lực để hạn chế thấp nhất thay đổi cảnh quan ban đầu. Mỏ vật liệu và mỏ đá sau khi khai thác cần được hoàn trả mặt bằng và phục hồi để khu vực này trở về cảnh quan ban đầu. Để giảm thiểu tác động tại khu vực thi công, độ dốc và cống thoát nước thải phải được duy trì để thích hợp cho thoát nước thải. Cần thực hiện các biện pháp giảm thiểu để hạn chế hoạt động trong phạm vi vị trí đã được xác định và hạn chế tối đa việc phát sinh bụi và rơi vãi đất đá trong quá trình vận chuyển. Cần thực hiện các biện pháp bảo vệ trong quá trình vận chuyển (như che phủ vật liệu, giám tốc độ di chuyển, v.v.). Tất cả các khu vực bị thay đổi cảnh quan sẽ được cải tạo phù hợp, các sườn dốc sẽ được chỉnh trị lại và hệ thống thoát nước phù hợp sẽ được duy trì.

Thời gian, cường độ, phạm vi địa lý và khả năng tái diễn tác động được đánh giá là thấp nếu có các biện pháp giảm thiểu thích hợp được áp dụng trong suốt quá trình thi công. Tác động tích lũy được đánh giá là thấp vì tác động được coi là không đáng kể khi đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu thích hợp trong quá trình thi công.

ii) Tăng lắng đọng trầm tích khi thi công xây dựng

Tác động: Hầu hết các hồ chứa đều nằm ở khu vực dốc, do đó quá trình lắng đọng trầm tích dễ

dàng xảy ra. Các vấn đề chính đối với các công trình là do sự diễn biến xói mòn thượng lưu (ở các khu vực đất trống hoặc khu vực khai thác mỏ vật liệu) của hồ chứa. Hoạt động bóc bỏ thảm thực vật và lớp đất bề mặt có thể sẽ làm tăng bồi lắng của tuyến kênh tiếp nhận. Tác động này dự kiến sẽ chỉ là tạm thời.

Biện pháp giảm thiểu: Có thể giảm thiểu bằng cách thực hành các hoạt động thi công tốt hơn và đánh giá chi tiết về vị trí công trình. Nếu cần, sẽ phải có các biện pháp bảo vệ tạm thời để làm giảm bớt xói mòn và bồi lắng. Để giảm thiểu tác động, công tác thi công xây dựng sẽ diễn ra khi đã hạ thấp mực nước hồ và các công trình dẫn dòng vẫn phải duy trì trong suốt quá trình thi công. Sẽ xây công để duy trì lưu lượng nước và sẽ hạn chế các hoạt động thực hiện đồng thời. Mái đập sẽ được ổn định và lát đá hoặc vật liệu khác nếu cần thiết. Ngoài ra, nên trồng thêm lớp phủ thực vật trong khu vực khi thi công tại các vị trí có điều kiện khí tượng thuận lợi cho thực vật phát triển. Đối với các sườn đồi, ngay sau hoàn thành công tác hoàn trả mặt bằng, phải bắt đầu ngay việc trồng các loại thực vật có khả năng phát triển nhanh. Ở các khu vực có lượng mưa lớn, vị trí có sườn dốc sâu, khu vực có tiềm năng xói mòn đất cao và khu vực có mùa sinh trưởng ngắn, cần có thảm chống xói mòn. Giai đoạn sau thi công, tất cả các sườn đồi chịu tiếp xúc nên được phủ bằng thảm thực vật như các loại cỏ, bụi cây, v.v. Các loài có sẵn tại địa phương có đặc điểm: (i) Tăng trưởng nhanh, (ii) Mật độ phủ đất dày và: (iii) Rễ ăn sâu sẽ giúp ổn định đất.

iii) Mất thảm thực vật tự nhiên

Tác động: Việc sử dụng đất làm lán trại thi công và công trình tạm, mỏ vật liệu và hoạt động khai thác đá có thể dẫn sẽ làm mất thảm thực vật. Trên cơ sở các tiêu dự án năm đầu tiên, tác động này là không đáng kể, bởi vì, hầu hết đất chiếm dụng cho thi công công trình phụ trợ (mỏ vật liệu, lán trại, đường công vụ, v.v.) đều nằm trong vùng đất chưa sử dụng và không có các loài động thực vật quý hiếm hay các loài đang bị đe dọa cần được bảo vệ. Chỉ có những loại cây phổ biến, như bạch đàn, keo, rừng tái sinh, cây ăn quả và ruộng lúa.

Biện pháp giảm thiểu: Vị trí lán trại, kho bãi, v.v. sẽ được lựa chọn sao cho ít gây tác động đến thảm thực vật tự nhiên. Nếu bắt buộc phải chặt phá cây, thì sau khi công trình hoàn thành trồng bù diện tích cây trồng đã bị chặt qui định tại Thông tư số 24/2013/TT/BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác Các loài cây trồng lại được xác định thông qua tham vấn với chính quyền/cộng đồng địa phương, cần xác định tầm quan trọng thiết yếu của hệ thực vật địa phương.. Phương án trồng cây nên gợi ý trồng ăn quả và các loại cây khác phù hợp. Trường hợp chủ dự án không có điều kiện tổ chức trồng rừng thay thế, phải lập báo cáo nêu rõ lý do, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chấp thuận nộp bằng tiền. Số tiền nộp để trồng rừng thay thế theo thiết kế, dự toán được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm cả chi phí khảo sát, thiết kế, xây dựng rừng, chi phí quản lý đến khi thành rừng)

iv) Thay đổi dòng chảy và chất lượng nước

Tác động: Công trình sửa chữa có thể kéo theo các công trình dẫn dòng tạm thời hoặc xả nước hồ chứa, dẫn đến thay đổi dòng chảy thượng lưu và hạ lưu đập. Điều này có thể gây ra hiện tượng sạt lở bờ sông ảnh hưởng đến tài sản và cơ sở hạ tầng. Trước khi thi công xây dựng, nước trong hồ sẽ được xả dần dần và duy trì mực nước hồ chứa ở mức an toàn hơn cho thi công xây dựng. Tuy nhiên, điều này có thể ảnh hưởng đến dòng chảy môi trường tạm thời, mô hình thủy lực và hệ sinh

thái thủy sinh. Mặt khác, việc phát sinh chất thải rắn, mảnh vỡ từ công trường xây dựng và lán trại có thể làm ách tắc dòng chảy và gây ô nhiễm nước. Tuy nhiên những tác động này có thể khoanh vùng và mang tính tạm thời, giám sát chặt chẽ và thực hành quản lý xây dựng tốt hơn có thể cải thiện tình hình.

Biện pháp giảm thiểu: Phải duy trì dòng chảy môi trường vùng hạ lưu để giảm tác động cho người dân và môi trường. Sẽ thực hiện các chính sách và xây dựng quy trình vận hành để duy trì dòng chảy môi trường. Thời gian, cường độ, phạm vi địa lý và khả năng tái diễn tác động được đánh giá là thấp các biện pháp giảm thiểu thích hợp được áp dụng trong suốt quá trình thi công. Tác động còn tích lũy được đánh giá là thấp vì tác động được coi là không đáng kể khi đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu thích hợp trong suốt quá trình thi công.

Xử lý không đúng cách chất thải rắn và chất thải lỏng phát sinh từ công trường sẽ gây ô nhiễm chất lượng nước và cần thực hiện các biện pháp phòng ngừa thích hợp. Xử lý nước thải, vệ sinh môi trường/nhà vệ sinh có thể có tác động tích cực đối với sức khỏe con người, nhưng nếu thực hiện không đúng cách có thể ảnh hưởng đến ô nhiễm đất và chất lượng nước ngầm; nhà thầu phải chú ý đến vấn đề này trong suốt quá trình thi công. Cần có biện pháp bảo vệ nguồn nước không bị lắng cặn từ lưới lọc bùn, màng bọt hay các rào cản khác.

v) Tác động đến môi trường sống tự nhiên và hệ sinh thái

Tác động: Hoạt động xả nước hồ chứa và các hoạt động thi công xây dựng sẽ làm xáo trộn hệ sinh thái thủy sinh và trên cạn. Các hoạt động này có thể dẫn đến thay đổi luân phiên tạm thời các loài thực vật về thành phần, cấu trúc, tính phong phú và làm thay đổi môi trường sống của chúng. Việc phá bỏ thảm thực vật sẽ dẫn đến mất đa dạng sinh học và môi trường sống. Ảnh hưởng đến các loài bị đe dọa được coi là tối thiểu. Một vấn đề khác từ việc giải phóng mặt bằng là mảnh vụn từ gỗ, thảm thực vật và cỏ dại. Chất thải sinh ra có thể dẫn đến sự phá vỡ các hệ sinh thái địa phương (nước, đất và thảm thực vật). Một tác động đáng kể khác là sự có mặt của lán trại công nhân. Một số loài nhạy cảm có thể bị ảnh hưởng do các hoạt động thi công trong khu vực. Có thể giảm bớt hoạt động thi công trong các thời điểm nhạy cảm như sinh sản và làm tổ. Ngoài cây bị chặt bỏ khi giải phóng mặt bằng trong khu vực hồ chứa, cây ở các khu vực khác sẽ được trồng lại sau khi thi công hoặc trồng bù lại ở một số vị trí khác.

Biện pháp giảm thiểu: Nhà thầu tham vấn với các cơ quan liên quan và cộng đồng địa phương để chuẩn bị một kế hoạch xây dựng phù hợp với môi trường sống tự nhiên. Cần cân nhắc kỹ thời điểm cư trú, thời điểm di cư, thói quen sinh sản và bất kỳ hiện tượng đặc biệt khác diễn ra trong khu vực có hệ thực vật hoặc động vật liên quan. Nghiêm cấm sử dụng bất kỳ loại vật liệu xây dựng nào từ môi trường sống tự nhiên. Ngoài ra, nghiêm cấm xử lý chất thải xây dựng trong môi trường sống tự nhiên. Sẽ thực hiện trồng bù cây trong khu vực dự án.

Để bổ sung thêm cho hành động trên, sẽ phối hợp với các nhà thầu, chính quyền địa phương và các Ban quản lý khu bảo tồn thực hiện các chương trình đào tạo và giáo dục để nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của môi trường sống tự nhiên và hệ sinh thái. Nhà thầu phải tăng cường các biện pháp bảo vệ và quản lý đối với các khu bảo tồn. Tăng cường an ninh để tránh các hoạt động khai thác gỗ, săn bắn và săn bắt bất hợp pháp.

Mỏ vật liệu: Việc mở ra một mỏ vật liệu mới sẽ gây tác động tiêu cực đến cảnh quan, ảnh hưởng

đến thoát nước tự nhiên hiện có, làm tăng tiềm năng xói mòn khi thảm thực vật hiện có được thay thế bằng các loại đất cằn cỗi, đào đắp, tạo ra các mái dốc. Lở đất và rui ro cũng có thể tăng lên ở khu vực mỏ vật liệu. Khai thác từ mỏ vật liệu, bụi và mảnh vỡ sinh ra trong quá trình vận chuyển vật liệu có thể tác động đáng kể đến nước mặt và nước ngầm do trầm tích trong nước và nước thải từ nơi lưu trữ vật liệu và các khu vực xử lý. Có thể quản lý những tác động này bằng cách áp dụng các biện pháp giảm thiểu thích hợp

Bãi thải: Thường được bố trí tại các ao hiện có hoặc các khu ruộng thấp. Đất dùng cho bãi thải là đất thu hồi tạm thời, sau thời gian thi công sẽ được hoàn trả để tiếp tục canh tác. Chất thải được đổ tại bãi thải bao gồm chất thải xây dựng, đất, đá không sử dụng và rác thải sinh hoạt của công nhân. Do đó, nếu nền móng và khu vực xung quanh bãi thải không được đầm nén kỹ, sẽ gây ô nhiễm nguồn nước ngầm và gây cản trở thoát nước cho các khu vực xung quanh. Sau khi hoàn thành thi công xây dựng, sẽ không thể tiếp tục canh tác nếu lớp đất hữu cơ không được hoàn trả lại. Trường hợp bãi thải được sử dụng lại để trồng lúa, chủ đầu tư phải căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa, phương án tổng thể của địa phương, phối hợp với chính quyền địa phương và thỏa thuận với người sử dụng đất để lập phương án cụ thể cơ sở lựa chọn các biện pháp phù hợp theo quy định tại Điều 4, Điều 5 của Thông tư số 30/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn việc xây dựng phương án sử dụng lớp đất mặt và bù đắp sung diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị mất do chuyển mục đích sử dụng. Trường hợp người sử dụng đất bị thiệt hại về cây trồng, công trình trên đất hoặc bị thiệt hại do chậm, lỡ thời vụ canh tác do thực hiện phương án thì chủ đầu tư thỏa thuận với người sử dụng đất về mức hỗ trợ, bồi thường theo các quy định hiện hành và được tính vào chi phí chung thực hiện phương án. Những tác động này có thể khắc phục được bằng cách thực hiện đầy đủ các quy định về xử lý chất thải và các qui định trong Thông tư số 30/2013/TT-BNNPTNT

Chất thải xây dựng: Quá trình xây dựng sẽ làm sinh ra một khối lượng chất thải bao gồm đất, đá, bao xi măng, vật liệu còn sót lại... bố trí khu lưu giữ không phù hợp gây cản trở giao thông; chất thải sẽ gây bồi lắng trong hồ chứa, gây cản trở dòng chảy và gây ô nhiễm môi trường nếu không được thu gom và xử lý kịp thời. Những tác động này có thể giảm thiểu được nếu áp dụng đúng các quy định quản lý chất thải trong thi công.

vi) Vấn đề về tiếng ồn và chất lượng không khí

Tác động: Hoạt động vận chuyển đất và vận hành của máy móc thi công trên công trường sẽ làm phát sinh bụi và khí thải. Hoạt động thi công, vận hành thiết bị nặng và vật liệu nổ sẽ tạo ra tiếng ồn và rung chấn gây phiền toái cho cư dân ở gần công trường. Trong giai đoạn thi công, bụi sẽ phát sinh do vận chuyển vật liệu, giải phóng mặt bằng, đào xới, san lấp, nổ mìn, xe tải chuyên chở, kho trữ vật liệu, xử lý chất thải, xây dựng đường. Ngoài ra, khí thải còn sinh ra từ các máy móc thi công và phương tiện vận tải, đặc biệt là vào mùa khô. Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động di chuyển xe cộ, máy đào, trộn bê tông và các hoạt động thi công khác. Các hoạt động đó tạo thêm điều kiện bất tiện cho người dân sống xung quanh công trường và cho công nhân. Các tác động này là vừa phải, hầu hết có thể giảm thiểu được bằng cách áp dụng các biện pháp giảm thiểu thích hợp.

Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Hoạt động nổ mìn, thi công và giao thông trên đường chỉ diễn ra vào ban ngày. Nếu cần thi công hoặc hoạt động giao thông ngoài giờ làm việc, cần phải thực hiện thông báo và tham vấn với cộng đồng và các hộ gia đình. Hoạt động nổ mìn sẽ diễn ra trong giờ qui định và người dân địa phương sẽ được thông báo trước khi nổ mìn.

Máy móc xây dựng và các loại phương tiện phải được bảo quản ở điều kiện tốt nhất và sẽ lắp đặt bộ giảm thanh trên tất cả các máy móc để giảm mức độ ồn. Thiết bị như trạm trộn bê tông phải đặt càng xa càng tốt với khu dân cư gần nhất. Nhà thầu phải có sổ đăng ký khiếu nại để giải đáp bất kỳ vấn đề nào về tiếng ồn do hoạt động của nhà thầu gây ra. Thời gian tác động được đánh giá là thấp vì các biện pháp giảm thiểu thích hợp sẽ được áp dụng trong suốt thời quá trình thi công. Cường độ tác động là vừa phải vì một số hoạt động như nổ mìn, khoan, đào, xây đường, và phương tiện vận tải sẽ ảnh hưởng đến các hộ gia đình, vật nuôi và động vật hoang dã địa phương. Phạm vi địa lý của tác động là vừa phải vì cách đập vài km vẫn nghe thấy tiếng ồn và rung chấn.

Khả năng xảy ra có thể là cao do tiếng ồn từ hoạt động xây dựng và đường giao thông ảnh hưởng đến các cộng đồng và động vật hoang dã. Khả năng tái diễn tác động là thấp vì các biện pháp giảm thiểu thích hợp được áp dụng trong suốt giai đoạn thi công. Tác động tích lũy được đánh giá là vừa phải vì sẽ yêu cầu có biện pháp giảm thiểu hoặc đền bù để giảm mức độ tác động xuống mức thấp, hoặc mức độ chấp nhận được.

Biện pháp giảm thiểu chất lượng không khí: Để giảm thiểu tác động tại khu vực thi công, sẽ thực hiện các biện pháp kiểm soát bụi trên tất cả các con đường không trải nhựa và bề mặt xây dựng, đặc biệt trong điều kiện mùa khô và nhiều gió. Hoạt động tưới nước chỉ diễn ra trong giờ quy định (nhà thầu sẽ xác định sau khi tham vấn với người dân). Tiêu chuẩn chất lượng không khí phải duy trì trong suốt quá trình xây dựng. Những khu dân cư ở gần địa điểm xây dựng phải được thông báo trước để giúp họ chuẩn bị và/hoặc thích nghi với môi trường mới. Tất cả những con đường chưa trải nhựa và công trường xây dựng phải được phun nước khi cần thiết để kiểm soát bụi. Bụi sinh ra từ các bãi thải phải được kiểm soát bằng cách đấm nén và không được phép để các bãi thải lộ thiên trong các giai đoạn kéo dài.

Việc lát đường công vụ chính đến tuyến đập và mỏ vật liệu, mỏ đá, bãi thải có thể xem xét nếu đó là phương án khả thi và hiệu quả về chi phí. Tất cả các xe tải chở vật liệu xây dựng phải được che phủ. Thực hiện bảo trì thường xuyên phương tiện (hàng ngày/tuần) tại khu vực quy định. Điều tiết giao thông trên các tuyến đường công vụ và dịch vụ để giảm thiểu ô nhiễm không khí. Ngoài ra, tất cả các quá trình thực hiện theo các quy tắc thực hành trong giai đoạn thi công đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 5939-2005). Phải xác định tất cả các vị trí lấy nước tưới đường và lượng nước lấy đi phải ghi lại để không tạo ra xung đột với cộng đồng địa phương.

Thời gian và cường độ tác động dự đoán là thấp nếu các biện pháp giảm thiểu thích hợp được áp dụng trong suốt giai đoạn thi công. Phạm vi địa lý của tác động là vừa phải vì dự kiến hoạt động thi công đường sẽ ảnh hưởng đến công nhân xây dựng, hộ gia đình và cộng đồng sinh sống tại khu vực lân cận. Khả năng xảy ra là vừa phải do phương tiện giao thông và hoạt động thi công làm phát sinh bụi trong không khí và khí thải. Tác động tích lũy được dự đoán là thấp nếu các biện pháp giảm thiểu thích hợp được áp dụng trong suốt quá trình thi công.

vii) An toàn của dân cư địa phương và công nhân, vệ sinh tại công trường

Tác động: An toàn trên công trường luôn là mối quan tâm vì nhà thầu có thể không tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn như quy định về PPE đối với công nhân và đăng biển báo, xử lý đúng cách vật liệu độc hại như hóa chất. Số cư dân sống gần các địa điểm xây dựng và mỏ vật liệu sẽ phải tiếp xúc với một số rủi ro tạm thời như nguy cơ an toàn liên quan đến các hoạt động thi công và

phương tiện vận chuyển, tiếp xúc với bụi, tiếng ồn, ô nhiễm, bệnh truyền nhiễm và các mối nguy hiểm khác nhau, kể cả khả năng xung đột với ‘người ngoài’ khu vực ảnh hưởng bởi chương trình về việc làm và thu nhập. Việc du nhập và ăn ở của số lượng lớn công nhân sẽ dẫn đến mối quan ngại gia tăng về sức khỏe và an toàn của người dân địa phương. Cộng đồng địa phương phải đối mặt với nguy cơ mất bản sắc văn hóa dân tộc của mình do gia tăng biến động về số lượng công nhân xây dựng ở lán trại. Mật độ người cao hơn có thể dẫn đến tệ nạn mại dâm, ma túy, cờ bạc, xâm phạm, trộm cắp và xáo trộn xã hội khác, làm thay đổi động lực cộng đồng và gây căng thẳng quan hệ giữa các nhóm dân tộc thiểu số.

Rác thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực lán trại và công trường xây dựng nếu không quản lý và xử lý đúng cách sẽ là vấn đề chính đối với sức khỏe địa phương (muỗi, ruồi). Các hóa chất độc hại như thuốc trừ sâu, dầu thải có thể làm ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm.

Biện pháp giảm thiểu: Nhà thầu cần đảm bảo sẽ lắp đặt biển báo/an toàn thích hợp để thông báo cho công dân về tình hình rủi ro, an toàn và sức khỏe trong giai đoạn thi công ở khu vực lân cận của dự án. Thường xuyên dọn sạch công trường xây dựng để không còn mảnh vụn và phế liệu vì sự an toàn cho cộng đồng và công nhân. Công nhân phải được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động. Tư vấn E&S và PPMU sẽ thực hiện kiểm tra thường xuyên để đảm bảo rằng tất cả các biện pháp được thực hiện theo kế hoạch.

Nhà thầu phải đảm bảo rằng các công nhân trong lán trại không xung đột với người dân địa phương. Phải tăng cường biện pháp an ninh để duy trì tính toàn vẹn của các khu bảo tồn. Nhà thầu có trách nhiệm đào tạo nhân viên và cung cấp hỗ trợ tài chính để duy trì chất lượng dịch vụ và hoạt động cộng đồng. Cần nỗ lực để đảm bảo việc cung cấp nước uống, đặc biệt là vào mùa khô và phải thi hành các quy định nhằm ngăn chặn khai thác tài nguyên thiên nhiên (củi). Cán bộ quản lý lán trại phải đảm bảo rằng các lán trại được trang bị đầy đủ các dịch vụ vệ sinh môi trường phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam. Thông tin chi tiết hơn được trình bày trong Phụ lục - D.

viii) Khả năng lây lan bệnh truyền nhiễm

Tác động: Nhiều trong số công nhân xây dựng có thể đến từ những vùng khác trong nước và có thể mang theo dịch bệnh mới. Bản thân họ cũng rất dễ bị tổn thương với dịch bệnh địa phương. Theo kết quả điều tra đối với các tiểu dự án năm đầu, khoảng 13% số hộ gia đình sống quanh công trường xây dựng và mỏ vật liệu có vấn đề về sức khỏe. Nước, không khí, hoặc tiếp xúc giữa công nhân và người địa phương là tác nhân phát tán có thể cao nhất. Lực lượng lao động bổ sung tại công trường có thể làm lây lan các bệnh truyền nhiễm và lây truyền qua đường tình dục như HIV/AIDS. Rác thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực lán trại và công trường xây dựng nếu không quản lý và xử lý đúng cách sẽ là vấn đề chính đối với sức khỏe ở địa phương (muỗi, ruồi). Vật liệu độc hại như thuốc diệt mối, rò rỉ dầu có thể ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn nước.

Biện pháp giảm thiểu: Nhà thầu cần thực hiện chương trình đào tạo và nâng cao nhận thức cho cộng đồng địa phương và công nhân. Công nhân xây dựng (bao gồm người dân địa phương được tuyển dụng) phải được hưởng dịch vụ chăm sóc y tế thích hợp. Phòng khám tại lán trại phải có đội ngũ nhân viên y tế và vật tư y tế. Dịch vụ y tế phải nâng cao nhận thức và giáo dục người dân và công nhân về vệ sinh cá nhân, bệnh lây truyền qua đường tình dục và các hoạt động liên quan đến ma túy. Nhà thầu phải đảm bảo rằng các khu vực công cộng phải được làm sạch và khử trùng. Mức độ an ninh phải tăng cường.

Công nhân xây dựng và người dân địa phương được tuyển dụng sẽ được xét nghiệm thường xuyên để phát hiện ma túy và dịch bệnh. Sẽ tăng cường an ninh làng xã để ngăn chặn xâm nhập và trộm cắp. Di sản văn hóa và dân tộc được duy trì thông qua các chương trình và các hoạt động hỗ trợ thông qua việc thực hiện RAP và RPF.

ix) Tăng diện tích tưới và khả năng sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu

Tác động: Mục tiêu chính của các tiểu dự án là sửa chữa và nâng cấp công trình chính để ổn định diện tích tưới theo thiết kế, không tăng diện tích phục vụ nông nghiệp. Tuy nhiên, can thiệp của dự án sẽ mang đến ích lợi phục hồi các diện tích được tưới theo thiết kế. Điều này có thể dẫn đến sự gia tăng sử dụng thuốc trừ sâu và phân bón.

Biện pháp giảm thiểu: PPMU sẽ lập kế hoạch và thực hiện quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) theo Phụ lục-H của ESMF này.

x) Mất/Thay đổi khu văn hóa vật thể (nếu có)

Tác động: Trong quá trình thi công và vận chuyển có thể gây thiệt hại hoặc hư hỏng khu vực văn hóa vật thể và khu vực mới được phát hiện. Khi tiến hành các hoạt động giải phóng mặt bằng, cũng có khả năng phát hiện di tích khảo cổ, di tích lịch sử, công trình văn hóa.

Biện pháp giảm thiểu: Để giảm thiểu tác động khi thi công xây dựng, cần tiến hành các biện pháp để giảm thiểu thiệt hại trong hoạt động đào xới và không địa điểm nào được phép làm xáo trộn cho đến khi được khảo sát thỏa đáng. Khai quật địa điểm khảo cổ, di tích lịch sử và công trình văn hóa đòi hỏi phải tuân thủ các nghi lễ địa phương trước khi ngừng hoạt động các địa điểm đó. Tổ chức cúng dường, như gạo và vật nuôi. Nghiên cứu bổ sung cũng có thể được yêu cầu trước khi khai quật và sẽ có yêu cầu về khả năng khai quật. Chương XII sẽ cung cấp hướng dẫn về quản lý tài sản văn hóa vật thể bao gồm cả ‘Quy trình phát lộ’.

Thời gian, cường độ, phạm vi địa lý và khả năng xảy ra sẽ thấp nếu các biện pháp giảm thiểu thích hợp được áp dụng trong suốt quá trình thi công. Khả năng tái diễn sẽ cao nếu người dân tái định cư không thể thiết lập lại môi trường xã hội và văn hóa truyền thống. Tác động tích lũy được dự đoán là thấp nếu các biện pháp giảm thiểu thích hợp được áp dụng trong suốt quá trình thi công.

xi) Rà phá bom mìn (UXO)

Tác động: Một trong những hậu quả liên tục của các cuộc chiến tranh từ những năm 1960 đến 1970 là vật liệu chưa nổ (UXO). UXO được phát hiện trên khắp Việt Nam và đã có những thương vong do tai nạn liên quan đến những vật liệu này. Đạn súng cối, bom mìn và các vật liệu chưa nổ khác đều có thể tìm thấy trong khu vực dự án. Một số sự kiện phá mìn đã xảy ra ở độ sâu khá nông, tuy nhiên hầu như chưa có sự kiện nào xảy ra trên đất phi sản xuất hoặc ở độ sâu lớn hơn 2m. Mỗi quan tâm là nguy hiểm gây ra từ vật liệu chưa nổ còn sót lại sau chiến tranh, nếu công trình xây dựng đòi hỏi phải triển khai ở các khu vực trước đây bị chưa bị xáo trộn thuộc tuyến đập. Rà phá bom mìn (UXO) có thể là vấn đề đáng quan tâm của một số tiểu dự án.

Biện pháp giảm thiểu: Quy trình an toàn sẽ bao gồm: liên hệ với các cơ quan có trách nhiệm và

hoàn thành việc rà phá bom mìn, vật liệu nổ trước khi tiến hành các hoạt động thi công. Việc quản lý công tác UXO sẽ được thực hiện theo hướng dẫn của Chính phủ (Xem Phụ lục - L). Báo cáo đầu tư phải đề cập và thực hiện các điều tra cần thiết. Trong những trường hợp đó, yêu cầu các tiểu dự án cung cấp chứng nhận đã rà phá bom mìn trước khi thực hiện giải phóng mặt bằng và/hoặc thi công, có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan liên quan và được phép giải phóng mặt bằng để đảm bảo an toàn khu vực dự án.

CHƯƠNG VII. SÀNG LỌC, QUI TRÌNH ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

7.1 Tổng quát

Để đảm bảo rằng các vấn đề môi trường xã hội được giải quyết đúng theo quy định và phù hợp với các chính sách an toàn của Ngân hàng Thế giới, tất cả các tiểu dự án thuộc dự án “Sửa chữa và nâng cao an toàn đập” đều phải trải qua quá trình sàng lọc, đánh giá, xem xét và thông qua trước khi thực hiện các hoạt động thi công công trình. Dự án sẽ sử dụng một phương pháp có cấu trúc cho quản lý Môi trường Xã hội để quá trình phát triển dự án tuân theo hệ thống cấp bậc phòng tránh, giảm thiểu, bồi thường/giảm nhẹ các tác động tiêu cực và tăng cường tác động tích cực khi khả thi và có lợi trong thực tiễn. Chương này mô tả quy trình để đảm bảo rằng những lo ngại về Môi trường Xã hội sẽ được giải quyết thỏa đáng thông qua tổ chức thể chế và các thủ tục được sử dụng bởi dự án để quản lý việc chuẩn bị, phê duyệt và triển khai thực hiện các tiểu dự án.

7.2 Sàng lọc môi trường và xã hội

Bước quan trọng trong việc chuẩn bị tiểu dự án là sàng lọc Môi trường và Xã hội. Sàng lọc này là cần thiết để nhanh chóng đánh giá tác động Môi trường và Xã hội tiềm tàng của các hoạt động dự án. Sàng lọc xác định hậu quả của các tiểu dự án đề xuất trong phạm vi rộng hơn mà không có điều tra chi tiết. Thông qua sàng lọc cũng xác định được những vấn đề quan trọng cần điều tra chi tiết trong quá trình đánh giá tác động. Dựa vào mức độ tác động Môi trường Xã hội thu được từ kết quả sàng lọc, sẽ quyết định đánh giá thêm các tác động Môi trường Xã hội. Sàng lọc bao gồm hai bước, sàng lọc tính hợp lệ và sàng lọc kỹ thuật để đánh giá tác động tiềm tàng, chính sách kích hoạt và công cụ cần chuẩn bị. Sàng lọc kỹ thuật phải thực hiện với tất cả các hợp phần chính của tiểu dự án. Ví dụ, nếu một tiểu dự án sửa chữa đập có bao gồm xây dựng đường công vụ và xây nhà quản lý, v.v., cần tiến hành sàng lọc kỹ thuật riêng biệt.

7.2.1 Sàng lọc hợp lệ về chính sách an toàn

Mục tiêu chính của dự án là nâng cao an toàn đập. Do đó, dự án sẽ tăng cường bảo vệ cho người dân và cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội ở hạ lưu đập đang phải đối mặt với rủi ro cao và cải thiện quản lý an toàn đập ở cấp quốc gia và hệ thống. Tiêu chí hợp lệ để đưa vào dự án quy định rằng bất kỳ đập nào được tài trợ theo dự án năm đầu tiên phải nằm trong danh sách 1.150 đập dự kiên trong chương trình an toàn đập của Chính phủ. Dự án không có ý định hỗ trợ bất kỳ sự thay đổi nào về cấu trúc chính của đập. Tiểu dự án được lựa chọn thông qua các tiêu chí ưu tiên sẽ được kiểm tra thêm bằng cách sử dụng phương pháp sàng lọc hợp lệ về chính sách an toàn. Mục đích của việc sàng lọc hợp lệ này là để tránh các tác động Xã hội và Môi trường bất lợi mà không thể giảm nhẹ thỏa đáng bởi dự án hoặc bị cấm bởi luật pháp quốc gia, hoặc một chính sách của Ngân hàng Thế giới, hoặc các điều ước quốc tế. Bảng B.1 (Phụ lục B) sẽ được sử dụng để sàng lọc hợp lệ cho dự án này.

Tiêu dự án nào rơi vào một trong các tiêu chí không hợp lệ sẽ không đủ điều kiện được dự án tài trợ. Nguyên tắc loại trừ thường áp dụng cho các tiêu dự án có thể gây ra thiệt hại đáng kể hoặc thiệt hại đến tài nguyên văn hóa vật thể quan trọng quốc gia, môi trường sống tự nhiên quan trọng và rừng tự nhiên quan trọng. Tiêu dự án như vậy sẽ không đủ điều kiện được tài trợ theo dự án

7.2.2 Sàng lọc kỹ thuật (xác định yêu cầu về chủng loại và công cụ)

Sau khi các tiêu dự án được xác định là có đủ điều kiện được tài trợ, sẽ tiến hành sàng lọc kỹ thuật. Mục đích của sàng lọc kỹ thuật là: (i) Xác định các chính sách an toàn của Ngân hàng Thế giới được kích hoạt; và (ii) Xác định các loại công cụ chính sách an toàn cần chuẩn bị cho tiêu dự án (ví dụ, ESIA hoặc ESMP). Tiêu dự án (và cả hợp phần chính) sẽ được sàng lọc bằng cách sử dụng định dạng trình bày trong Bảng B.2 và Bảng B.3 (Phụ lục B). Định dạng sàng lọc cũng sẽ mô tả ngắn gọn mức độ tác động tiềm năng về không khí/tiếng ồn/độ rung; đất đai/đất/nước; chất thải rắn; môi trường sống tự nhiên/thủy sản/sinh vật thủy sinh; sinh kế và xáo trộn cư dân địa phương; và các khía cạnh khác như lũ cục bộ, an toàn/rủ ro công cộng, tác động ngoài công trường, v.v. Ngoài ra, sàng lọc cũng sẽ kiểm tra khả năng của công tác rà phá bom mìn (UXO) và vấn đề di sản văn hóa theo mẫu B4.

Sàng lọc cũng mô tả ngắn gọn bản chất và mức độ tác động tiêu cực tiềm tàng đối với người dân địa phương liên quan đến thu hồi đất, tái định cư, hiến đất, di dời mồ mả, và/hoặc liên quan đến dân tộc thiểu số. Nếu có những tác động này tồn tại, phải lập RAP và/hoặc EMDP phù hợp với Khung chính sách tái định cư (RPF) và/hoặc Khung chính sách dân tộc thiểu số (EMPF) đã xây dựng cho Dự án. Cần lưu ý giải quyết các vấn đề liên quan đến giới, dân tộc thiểu số và các nhóm bất lợi khác, đặc biệt là khi họ có khả năng bị ảnh hưởng bởi thiên tai. Việc di dời mồ mả phải phù hợp với chính sách của WB về tài sản văn hóa vật thể (PCR) Di dời mồ mả sẽ được thực hiện dựa trên nguyên tắc chi phí thay thế và phù hợp với tập quán văn hóa địa phương, có tính đến ưu tiên văn hóa truyền thống cho từng nhóm dân tộc như quy định trong RAP và EMDP. Bắt buộc phải có phê duyệt của WB cho RAP và EMDP.

Tóm lại, tùy thuộc vào kết quả sàng lọc sẽ yêu cầu các tài liệu sau đây ở cấp tiêu dự án:

- Đánh giá tác động Môi trường Xã hội (ESIA) hoặc Kế hoạch quản lý Môi trường Xã hội (ESMP) theo qui định của NHTG
- Đánh giá Tác động Môi trường (ĐTM) hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường (KBM) theo qui định của Việt Nam
- Kế hoạch hành động tái định cư (RAP)
- Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP)
- Kế hoạch hành động giới, kể cả Kế hoạch giám sát giới.
- Kế hoạch bảo vệ sức khỏe cộng đồng
- Kế hoạch truyền thông có sự tham gia
- Kế hoạch quản lý dịch hại tổng hợp IPM
- Báo cáo trách nhiệm về Vấn đề di sản văn hóa

Ngoài ra, tất cả các tiểu dự án sửa chữa đập đều phải áp dụng Quy trình phát lộ và Thủ tục giải quyết khiếu nại, kèm theo các tài liệu như là một phần của gói đề xuất tiểu dự án.

7.3 Quy trình đánh giá tác động

7.3.1. Mục đích của đánh giá tác động

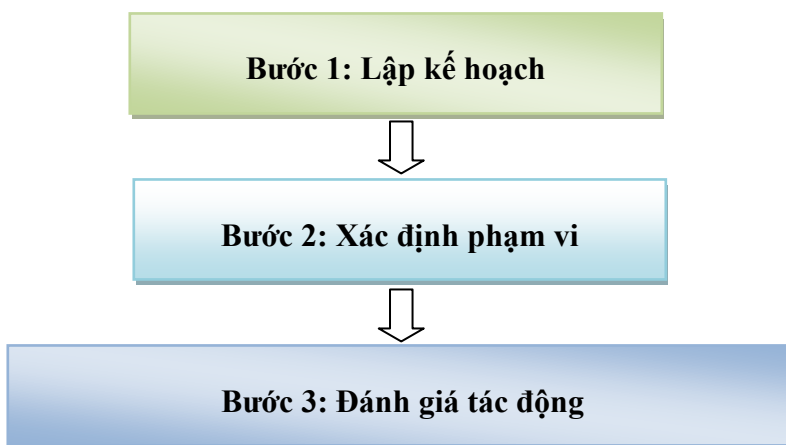
Mục đích của đánh giá tác động là xác định tầm quan trọng thỏa đáng cho các vấn đề môi trường và xã hội trong quá trình ra quyết định bằng cách đánh giá rõ những hậu quả về môi trường và xã hội của dự án đề xuất trước khi thực hiện hành động. Sớm xác định và mô tả đặc điểm của các tác động môi trường và xã hội quan trọng cho phép cộng đồng và chính phủ có những khái quát về khả năng chấp nhận về môi trường và xã hội của một dự án đề xuất và những điều kiện cần áp dụng để giảm nhẹ hoặc giảm thiểu rủi ro và tác động đó. Trong giai đoạn chuẩn bị, ESIA/ESMP phải đạt được các mục tiêu sau đây:

- Thiết lập môi trường nền trong khu vực dự án và xác định các vấn đề về môi trường;
- Đánh giá các tác động này và chỉ ra biện pháp giải quyết các tác động bất lợi bằng cách đưa ra các biện pháp phòng tránh, giảm thiểu và bồi thường cần thiết;
- Tích hợp các vấn đề môi trường trong quy hoạch và thiết kế dự án;
- Xây dựng kế hoạch quản lý thích hợp để thực hiện, giám sát và báo cáo việc thực các biện pháp giảm thiểu môi trường đã đề xuất.

Phạm vi của các ESIA sẽ phụ thuộc vào kết quả sàng lọc. Thu thập dữ liệu, khảo sát thực địa và tham vấn cộng đồng và người dân bị ảnh hưởng sẽ phải tiến hành. ESIA sẽ kiểm tra ở cấp tiểu dự án tác động tiêu cực môi trường tiềm tàng và các tác động tích cực. Phụ lục - C sẽ cung cấp hướng dẫn chuẩn bị ESIA/ ESMP của tiểu dự án.

7.3.2 Quy trình đánh giá tác động

Đánh giá môi trường sẽ được tiến hành bằng cách sử dụng các bước chính như thể hiện trong sơ đồ sau đây:





Bước 4: Tham vấn cộng đồng

Hình 7. 2: Quy trình đánh giá tác động

Bước 1: Lập kế hoạch

Ngay sau khi hoàn thành công tác sàng lọc và bắt đầu quá trình lập kế hoạch và thiết kế, dựa trên nghiên cứu tài liệu, khảo sát thăm dò và kinh nghiệm từ các dự án trước đó, cần chuẩn bị phương pháp luận chi tiết và lịch trình thực hiện ESIA/ESMP hiệu quả và kịp thời.

Nghiên cứu tài liệu: Thu thập thông tin thứ cấp và kiểm tra phương pháp luận thực hiện nghiên cứu ESIA/ ESMP và điều chỉnh trách nhiệm của các thành viên nhóm công tác ESIA để chuẩn bị một ESIA/ ESMP hoàn chỉnh.

Khảo sát thăm dò: Thu thập thông tin trực tiếp về khu vực dự án và xây dựng phối cảnh toàn đội và chỉnh sửa lại phương pháp luận và kế hoạch công việc.

Các vấn đề trọng tâm:

- Tập trung vào các vấn đề chính: Quan trọng là ESIA/ ESMP không phải bao trùm quá nhiều chủ đề một cách quá chi tiết. Xác định phạm vi hiệu quả có thể tiết kiệm cả thời gian và kinh phí bằng cách tập trung nghiên cứu ESIA vào các vấn đề chính đã được xác định khi sàng lọc và đồng thời rà soát các tác động xác định trong Chương VI.
- ESIA/ ESMP đòi hỏi phải hình thành của một nhóm đa ngành và vai trò lãnh đạo của Đội trưởng ESIA/ ESMP giỏi: Phạm vi ảnh hưởng xem xét trong ESIA/ ESMP đòi hỏi các chuyên gia kỹ thuật được tuyển chọn phải có kỹ năng về đánh giá. Nhóm nghiên cứu do trưởng nhóm dẫn đầu. Điều quan trọng là có sự tham gia của chuyên gia có chuyên môn đúng (ví dụ, chuyên gia môi trường, sinh thái học, xã hội học, chuyên gia truyền thông, v.v.) trong nhóm ESIA/ ESMP.
- Sử dụng tối đa các thông tin hiện có trước khi tham gia nghiên cứu thực địa tốn kém.
- Xác định khu vực ảnh hưởng của dự án. Dựa trên khảo sát thăm dò và nghiên cứu tài liệu, khu vực ảnh hưởng của dự án sẽ được xác định.

Bước 2: Xác định phạm vi

Để xác định phạm vi sẽ phải xác định các hoạt động nào có khả năng tương tác với môi trường và xã hội. Xác định phạm vi sẽ được tiến hành sớm trong quy trình ESIA/ ESMP để có thể xác định các vấn đề ưu tiên (tức là những vấn đề có khả năng ảnh hưởng lớn nhất đến môi trường tự nhiên và/hoặc môi trường xã hội) cho phần còn lại của quy trình ESIA/ ESMP. Tham vấn với các bên liên quan cần thiết được thực hiện sau khi xác định phạm vi để kết hợp với các nội dung cần được

giám sát. Các yếu tố chính/đầu vào cho bài toán xác định phạm vi như sau:

- Thu thập và xem xét các dữ liệu cơ bản về môi trường xã hội hiện có (xem chương IV để biết chi tiết)
- Xác định các bên liên quan của dự án; bao gồm người bị ảnh hưởng, người hưởng lợi, cơ quan Chính phủ và phi chính phủ (dịch vụ tiện ích) v.v.
- Thu thập các nguồn thông tin hiện có và kiến thức địa phương;
- Thông báo cho các bên liên quan về dự án và các mục tiêu của dự án và thu thập số liệu đầu vào cho ESIA/ ESMP;
- Xác định mối quan tâm chính về môi trường xã hội (cộng đồng và khoa học) liên quan đến một tiểu dự án và tầm quan trọng tương đối của vấn đề;
- Xác định/chuẩn bị chương trình công tác ESIA/ ESMP, bao gồm một kế hoạch cho sự tham gia của cộng đồng và các bên liên quan;
- Xác định phạm vi của các lựa chọn thay thế tiểu dự án được xem xét;
- Lấy ý kiến/đồng thuận về phương pháp và kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu ESIA/ ESMP và chuẩn bị tài liệu; và
- Hoàn thiện các ranh giới không gian và thời gian cho các nghiên cứu ESIA/ESMP.

Các vấn đề sau đây sẽ được giải quyết thông qua xác định phạm vi, nhưng sẽ không giới hạn ở:

- Nâng cao chất lượng thông tin ESIA/ ESMP bằng cách sử dụng các phương pháp khoa học và phân tích các vấn đề thực sự quan trọng của ESIA/ ESMP;
- Đảm bảo mối quan tâm về môi trường xã hội đã được xác định và sớm tổng hợp vào quá trình lập kế hoạch dự án, đồng thời với xem xét các yếu tố chi phí và thiết kế;
- Hạn chế việc bỏ qua vấn đề môi trường và xã hội quan trọng; và
- Giảm bớt cơ hội chậm trễ kéo dài và xung đột sau này trong quy trình ESIA/ ESMP bằng sự tham gia của các bên liên quan tham gia vào quá trình quy trình thực hiện ESIA/ ESMP.

Bước 3: Đánh giá tác động

Quy trình nghiên cứu ESIA/ ESMP được mô tả ngắn gọn dưới đây:

- Phân tích thiết kế dự án và các hợp phần: Tất cả các hợp phần của tiểu dự án và chi tiết thiết kế kỹ thuật sẽ được phân tích để hiểu rõ được các biện pháp sửa chữa của dự án. Việc này sẽ hướng dẫn điều tra cơ bản chi tiết về Môi trường Xã hội và điều tra đặc biệt (theo các yêu cầu thông tin cơ bản trong Chương IV).
- Thu thập dữ liệu điều tra cơ bản về môi trường xã hội: Điều kiện cơ bản về môi trường xã hội của tiểu dự án đề xuất cần thu thập thông qua khảo sát thực địa và tham vấn chuyên sâu với người dân địa phương. Tham vấn chuyên sâu với các bên liên quan cần được thực hiện một cách chi tiết để nắm được nhận thức của họ về các biện pháp sửa chữa đề xuất và các tác động có thể.
- Điều tra thực địa: Ở khâu này, khảo sát thực địa chi tiết (xã hội và môi trường) sẽ được thực hiện để lấy thông tin về tác động có thể của các biện pháp sửa chữa vào các thông số

môi trường xã hội.

- Phân tích thay thế: Tiến hành phân tích thay thế tiêu dự án theo hướng dẫn tại Chương V.
- Đánh giá tác động môi trường xã hội: Tác động của tiêu dự án đề xuất lên các hợp phần môi trường xã hội sẽ được xác định thông qua tham vấn các bên liên quan và cộng đồng địa phương. Tác động sẽ được phân tích và định lượng để xác định các tác động chính. Để dự đoán tác động thực sự, cần có được câu trả lời cho bảng hỏi sau:
 - Hoạt động tiêu dự án cụ thể sẽ làm phát sinh tác động như thế nào?
 - Khả năng xảy ra tác động ra sao?
 - Hậu quả của mỗi tác động là gì?
 - Phạm vi không gian và thời gian của mỗi tác động?

Đánh giá tác động tiêu dự án cần giải quyết các khía cạnh chính sau đây:

- Tác động đến môi trường nước: Đánh giá tác động môi trường của tiêu dự án đề xuất về môi trường nước (kể cả ngầm nước), bao gồm (nhưng không giới hạn) chất lượng nước, cá và môi trường sống của cá trong ranh giới đánh giá môi trường. Tác động của các hoạt động dự án lên chất lượng nước và môi trường sinh vật đáy sẽ được đánh giá. Dự báo tác động môi trường của bất kể suy giảm/cải thiện tiềm năng về chất lượng nước lên môi trường nước.
- Tác động đến các loài có nguy cơ (thực vật & động vật): Đánh giá tác động môi trường của dự án đề xuất về các loài được coi là có nguy cơ theo hệ thống phân loại quốc gia, tỉnh và khu vực (ví dụ, nguy cấp, bị đe dọa, loài thuộc tình trạng bảo tồn đặc biệt và các loài quý hiếm) hoặc danh sách Đỏ. Bao gồm việc xem xét bất kỳ loài nào có nguy cơ (động thực vật) được biết đã xuất hiện trong vùng ảnh hưởng của dự án đề xuất.
- Tác động đến môi trường trên cạn và ngập nước: Đánh giá tác động môi trường tiềm tàng của tiêu dự án đề xuất về môi trường trên cạn và ngập nước. Dự đoán tác động tiềm tàng trên đất ngập nước từ bất kể là suy giảm hay cải thiện chất lượng nước.
- Tác động đến chất lượng không khí và khí hậu: Đánh giá tác động môi trường của dự án đề xuất về chất lượng không khí. Phải xem xét việc phát sinh bụi do gió từ tiêu dự án đề xuất (kể cả nhu cầu giám sát bụi (nếu có)). Phải đánh giá phát thải tiềm tàng của dự án góp phần vào tải trọng khí quyển của khí nhà kính (GHG). Ngoài ra, khả năng mất hoặc tăng cường các bể hấp thụ carbon dioxide sẽ được thảo luận. Phải đưa vào nội dung thảo luận về tác động dự kiến bất kỳ của tiêu dự án đề xuất đối với khí hậu địa phương.
- Tác động tiếng ồn đến cộng đồng và công nhân: Đánh giá tác động môi trường tiềm tàng về tiếng ồn đối với công nhân và cộng đồng lân cận từ khâu chuẩn bị tuyến đập, nâng cấp đường, phương tiện vận tải và máy móc, khối lượng vận chuyển từ mỏ vật liệu và mỏ đá, đào xới, khoan, san lấp và trộn bê tông, v.v.
- Tác động đến hoạt động giao thông/cơ sở hạ tầng đường xá: Đánh giá tác động môi trường tiềm tàng của tiêu dự án đề xuất đến hoạt động giao thông. Đánh giá này phải xem xét đến những thay đổi hiện có và thay đổi dự kiến đối với hình thức/lưu lượng giao thông và an toàn đường xá, trong đó, dự đoán về cơ sở hạ tầng đường xá và sử dụng hiện tại/tương lai.
- Tác động đối với cơ sở hạ tầng và tài sản văn hóa vật thể: Tác động của tiêu dự án đề xuất lên cơ sở hạ tầng hiện tại (và quy hoạch) ở các vùng lân cận đập, bao gồm ống dẫn cấp

nước, công trình thoát nước, đường ống, bãi thải và cơ sở hạ tầng công cộng khác phải được kiểm tra. Điều này bao gồm khả năng rò rỉ/tràn hoặc sử dụng vật liệu độc hại. Tác động đối với tài sản văn hóa vật thể (xem hướng dẫn ở Chương XII) cần được đánh giá trong suốt giai đoạn thi công và vận hành.

- Tác động về đất đai và tài nguyên do người dân tộc thiểu số sử dụng: Đánh giá tác động của tiểu dự án đề xuất về tình hình sử dụng đất hiện nay của người DTTS đối với đất đai và tài nguyên cho các mục đích truyền thống.
- Tác động kinh tế xã hội khác: Đánh giá tác động sinh kế của tiểu dự án, đặc biệt là trong giai đoạn thi công. Phải dự đoán lợi ích và tác động kinh tế xã hội có khả năng phát sinh từ tiểu dự án đề xuất. Đánh giá tác động môi trường xã hội của tiểu dự án đề xuất về sử dụng đất, kể cả thu hoạch tài nguyên (ví dụ, trong ranh giới đánh giá môi trường của dự án), và thay đổi về nguy cơ lũ có thể ảnh hưởng đến sử dụng đất như thế nào.
- Tác động thẩm mỹ/thị giác tiềm năng của tiểu dự án đề xuất: Việc này phải bao gồm xác định các đặc tính được công chúng địa phương công nhận là được ưa thích về mặt thẩm mỹ, và việc xem xét đầu vào chuyên môn liên quan đến thẩm mỹ học và kiến trúc cảnh quan.

Đánh giá tác động chủ yếu phụ thuộc vào mức độ và thời gian thay đổi, số lượng người hoặc quy mô nguồn lực bị ảnh hưởng và tính nhạy cảm của chúng với thay đổi. Tác động tiềm tàng có thể vừa tiêu cực vừa tích cực (có lợi), còn phương pháp luận định nghĩa dưới đây sẽ được áp dụng để xác định cả tác động tiềm tàng có lợi và bất lợi.

Tiêu chí xác định tầm quan trọng nhìn chung là cụ thể cho từng khía cạnh môi trường xã hội, nhưng nói chung, cường độ của mỗi tác động tiềm tàng được xác định cùng với tính nhạy cảm của thụ thể. Tiêu chí chung cho xác định cường độ và tính nhạy cảm có thể được sử dụng để đánh giá tiểu dự án được tóm tắt dưới đây.

Cường độ tác động: Đánh giá cường độ được thực hiện theo hai bước. Thứ nhất, vấn đề chủ chốt liên quan đến Chương trình được phân loại là có lợi hay bất lợi. Thứ hai, tác động tiềm tàng được phân loại là lớn, vừa, nhỏ hoặc không đáng kể dựa trên việc xem xét các thông số như:

- Thời gian của tác động tiềm tàng;
- Phạm vi không gian của tác động tiềm tàng;
- Khả năng tái diễn;
- Khả năng có thể xảy ra; và
- Tiêu chuẩn pháp lý và tiêu chí chuyên môn thiết lập.

Cường độ của tác động tiềm tàng của tiểu dự án được xác định theo các loại nêu trong Bảng 7.1.

Bảng 7. 1: Các thông số xác định mức độ tác động

<i>Chỉ số</i>	<i>Chính</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Nhỏ</i>	<i>Không đáng kể</i>
Thời gian tác động tiềm tàng	Lâu dài (trên 15 năm)	Tuổi thọ trung bình của tiểu dự án (5 đến 15 năm)	Ít hơn tuổi thọ của tiểu dự án	Nhất thời và không có tác động tiềm tàng

<i>Chỉ số</i>	<i>Chính</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Nhỏ</i>	<i>Không đáng kể</i>
				được phát hiện
Phạm vi không gian của các tác động tiềm tàng	Mở rộng ra bên ngoài phạm vi của tiểu dự án	Dựa vào các hợp phần hiện tại của tiểu dự án, khu vực biên giới hoặc khu vực địa phương	Bên trong biên giới của tiểu dự án	Vị trí cụ thể trong các hợp phần của tiểu dự án hoặc khu vực ranh giới không có tác động tiềm năng phát hiện
Khả năng đảo ngược của tác động tiềm tàng	Các tác động tiềm tàng thì tác động lâu dài, yêu cầu can thiệp đáng kể để trả lại về môi trường nền ban đầu	Môi trường nền yêu cầu 1 năm hoặc hơn với những can thiệp để trở về trạng thái ban đầu	Môi trường nền trở về trạng thái tự nhiên với những can thiệp được giới hạn trong vài tháng	Môi trường nền vẫn được duy trì
Tiêu chuẩn pháp lý và thành lập tiêu chuẩn nghiệp vụ	Vi phạm tiêu chuẩn quốc gia và những hướng dẫn/ nghĩa vụ quốc tế	Tuân thủ những giới hạn trong tiêu chuẩn quốc gia nhưng vi phạm nguyên tắc cho vay quốc tế trong một hoặc nhiều tham số	Đáp ứng tối thiểu giới hạn tiêu chuẩn quốc gia hoặc những hướng dẫn quốc tế	Không áp dụng
Khả năng xảy ra của các tác động tiềm tàng	Xảy ra trong những điều kiện xây dựng và vận hành cụ thể (Chắc chắn)	Xảy ra trong trường hợp xấu nhất (tác động tiêu cực) hoặc tốt nhất (tác động tích cực) trong điều kiện vận hành (có thể xảy ra)	Xảy ra dưới điều kiện khẩn cấp đặc biệt hoặc bất thường (không thường xuyên)	Gần như không xảy ra

Độ nhạy cảm: Sự nhạy cảm của một thụ thể được xác định dựa trên đánh giá của người dân (bao gồm khoảng cách gần / số lượng / khả năng dễ bị tổn thương) và sự hiện diện của những đặc điểm trên trang khu vực dự án hoặc các khu vực xung quanh. Tiêu chí xác định độ nhạy cảm thụ thể của các tác động tiềm tàng của Tiểu dự án được trình bày trong bảng 7.2.

Bảng 7.2: Tiêu chí để xác định độ nhạy cảm

<i>Xác định độ nhạy cảm</i>	<i>Định nghĩa</i>
Rất nghiêm trọng	Thụ thể nhạy cảm với khả năng nhỏ hoặc không có khả năng để thích ứng những thay đổi dự kiến hoặc các cơ hội nhỏ nhất cho việc giảm thiểu.
Nghiêm trọng	Thụ thể nhạy cảm với khả năng nhỏ hoặc không có khả năng để thích ứng những thay đổi dự kiến hoặc các cơ hội nhỏ nhất cho

<i>Xác định độ nhạy cảm</i>	<i>Định nghĩa</i>
	việc giảm thiểu.
Trung bình	Thụ thể nhạy cảm với một số khả năng để thích ứng những thay đổi dự kiến hoặc các cơ hội trung bình cho việc giảm thiểu
Thấp/ có thể bỏ qua	Thụ thể nhạy cảm với khả năng tốt để thích ứng những thay đổi dự kiến hoặc các cơ hội tốt cho việc giảm thiểu

Phân cấp tầm quan trọng: Sau khi đánh giá cường độ, chất lượng và độ nhạy cảm của các thụ thể môi trường tiếp nhận phải được xác định và tầm quan trọng của mỗi tác động tiềm năng thành lập bằng cách sử dụng ma trận của tầm quan trọng tác động tiềm năng thể hiện trong Bảng 7.3.

Bảng 7.3: Đánh giá tác động tiềm tàng

<i>Độ lớn của các tác động tiềm tàng</i>	<i>Độ nhạy cảm của người tiếp nhận</i>			
	<i>Rất nghiêm trọng</i>	<i>Nghiêm trọng</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Thấp/ Có thể bỏ qua</i>
Lớn	Quan trọng	Cao	Trung bình	Không đáng kể
Trung bình	Cao	Cao	Trung bình	Không đáng kể
Nhỏ	Trung bình	Trung bình	Thấp	Không đáng kể
Không đáng kể	Không đáng kể	Không đáng kể	Không đáng kể	Không đáng kể

Bước 4: Tham vấn cộng đồng

Việc lập và thực hiện các tài liệu chính sách an toàn cho tiểu dự án trong quá trình chuẩn bị dự án cần thực hiện theo các yêu cầu của Ngân hàng về tham vấn cộng đồng theo OP 4.01. Tham vấn cộng đồng nói chung là một quá trình liên tục nhằm mục đích kêu gọi sự tham gia nỗ lực của các bên liên quan trong suốt quá trình lập kế hoạch, thiết kế, thi công và vận hành một dự án. Mục tiêu của tham vấn là tạo nhận thức cộng đồng bằng cách cung cấp thông tin về một tiểu dự án cho tất cả các bên liên quan, đặc biệt là những người bị ảnh hưởng (PAP) bởi tiểu dự án một cách kịp thời và cung cấp cơ hội để các bên liên quan để phát biểu ý kiến và quan ngại đối với các khía cạnh khác nhau của dự án. Tham vấn là một quá trình liên tục mà nhờ đó tiếp nhận ý kiến từ công chúng về những vấn đề ảnh hưởng đến họ. Các ý kiến và đề xuất của các bên liên quan sẽ hỗ trợ các Sở NN&PTNT trong việc ra quyết định thích hợp đối với công tác quản lý môi trường xã hội có hiệu quả của tiểu dự án. Nó cũng giúp tạo điều kiện và lồng ghép ra quyết định trong khi tạo ra một sự hiểu biết giữa các cá nhân, các nhóm và các tổ chức, là những đối tượng có thể ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng bởi các tiểu dự án. Mục tiêu cụ thể của tham vấn cộng đồng là:

- Giúp cho các bên liên quan được thông tin về các tiểu dự án ở các giai đoạn thực hiện khác nhau
- Giải quyết các mối quan tâm/tác động môi trường xã hội và đề xuất các biện pháp giảm thiểu có xét đến ý kiến/kiến nghị của các bên liên quan
- Tạo và lập hồ sơ hỗ trợ cộng đồng rộng rãi cho tiểu dự án
- Cải thiện thông tin liên lạc giữa các bên quan tâm; và

- Thiết lập cơ chế gửi/giải quyết khiếu nại.

Sẽ phải thực hiện ít nhất 2 bước tham vấn với người bị ảnh hưởng, hưởng lợi từ dự án và các bên liên quan. Yêu cầu tham vấn bước 1 cho đánh giá tác động môi trường xã hội trong quá trình sàng lọc kỹ thuật cấp tiểu dự án. Tham vấn bước hai cần thực hiện một khi xác định rõ được tác động và lập được dự thảo kế hoạch quản lý. Nếu cần thiết, phải tiến hành nhiều hơn 2 bước tham vấn. Sau đây là những hướng dẫn thực hiện tham vấn:

- Chế độ tham vấn hoặc là tham vấn cộng đồng (PC) hoặc là thảo luận nhóm tập trung (FGD). Cuộc họp tham vấn hoặc thảo luận sẽ tạo cơ hội cho người tham gia nâng cao mối quan tâm của họ một cách tự do về các tiểu dự án và tác động của chúng vào tổng thể cuộc sống, sinh kế và cộng đồng. Thảo luận cũng phải tập trung vào vấn đề môi trường xã hội (các) tiểu dự án, để các bên liên quan có thể đóng góp kiến thức của họ về quản lý môi trường và xã hội tốt hơn.
- Thành phần tham gia có thể khác nhau tùy thuộc vào tính chất và vị trí các tiểu dự án. Cần thực hiện một phân tích các bên liên quan để xác định các bên liên quan chính và những người bị ảnh hưởng bởi dự án (PAP). Tùy thuộc vào sự hình thành xã hội và sự quan tâm của các nhóm xã hội khác nhau, nên tổ chức các cuộc họp riêng biệt.
- Thông tin về PC/FGD phải được công bố tại địa phương sử dụng loa và đặt thông báo ở những nơi công cộng quan trọng ít nhất 7 đến 10 ngày trước khi diễn ra các cuộc tham vấn. Nói chung, phải đảm bảo rằng người bị ảnh hưởng và các bên liên quan khác được thông báo và tham vấn về các tiểu dự án, tác động, quyền lợi và lựa chọn của họ và được phép tham gia chủ động vào phát triển tiểu dự án. Hoạt động này cần thực hiện riêng trong trường hợp người bị ảnh hưởng dễ bị tổn thương. Nhiệm vụ này phải tiến hành trong suốt các giai đoạn chuẩn bị, thực hiện và giám sát tiểu dự án. Một chính sách mở cửa nên được duy trì cho người dân cộng đồng, để cho các bên liên quan cảm thấy thoải mái tiếp cận PPMU một cách trực tiếp để đặt câu hỏi và chia sẻ mối quan tâm của họ về vấn đề môi trường xã hội. Nên lập một hệ thống quản lý đáp ứng để ghi chép và trả lời các ý kiến và quan ngại về vấn đề môi trường xã hội. Cần đảm bảo rằng PPMU và Tư vấn có đủ năng lực giải đáp những câu hỏi/ý kiến một cách phù hợp.

7.4 Kế hoạch quản lý Môi trường Xã hội (ESMP)

Tài liệu hướng dẫn lập RAP, EMDP và DSR sẽ được chuẩn bị riêng; phần này tập trung vào chuẩn bị một ESMP mô tả các nguyên tắc cơ bản và hoạt động cần thực hiện để giảm thiểu các tác động tiêu cực tiềm tàng. Mục tiêu chủ yếu của Kế hoạch quản lý Môi trường và Xã hội (ESMP) là ghi lại tác động môi trường và xã hội gây ra do các hoạt động tiểu dự án và đảm bảo thực hiện “các biện pháp giảm thiểu” đã xác định, nhằm giảm bớt tác động bất lợi và tăng cường tác động tích cực. Bên cạnh đó, ESMP cũng giải quyết bất kỳ tác động Môi trường Xã hội không mong muốn hoặc không lường trước nào có thể phát sinh trong giai đoạn thi công và vận hành tiểu dự án. Hướng dẫn chuẩn cho việc lập ESMP đã trình bày tại Phụ lục - C (C2).

ESMP sẽ xác định rõ hành động để đánh giá và giảm thiểu rủi ro cũng như giảm thiểu tác động tiềm tàng trong quá trình giải phóng mặt bằng, thi công và trong quá trình vận hành, ESMP cần đặt ra rõ ràng: (a) các biện pháp cần thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị thi công, giai đoạn thi công và

giai đoạn vận hành một tiểu dự án để loại bỏ hoặc bù đắp những tác động môi trường bất lợi hoặc giảm thiểu tác động đó đến mức chấp nhận được; (b) các hành động cần thiết để thực hiện các biện pháp này; và (c) một kế hoạch giám sát để đánh giá hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu đã sử dụng.

Để giảm thiểu tác động trong quá trình giải phóng mặt bằng và thi công, các hoạt động sau đây sẽ được PPMU thực hiện:

- Đưa các biện pháp giảm thiểu cụ thể mô tả trong ESMP vào thiết kế chi tiết cho phù hợp.
- Trong quá trình lập hồ sơ mời thầu và hợp đồng, đưa các ECOP chuẩn (Phụ lục - E) vào hồ sơ mời thầu và hợp đồng, nỗ lực để đảm bảo các nhà thầu nhận thức được nghĩa vụ về chính sách an toàn và cam kết thực hiện. ECOP gồm 5 phần: (i) mục tiêu và ứng dụng, (ii) mô tả ngắn gọn về chính sách và quy định, (iii) vai trò và trách nhiệm của các bên chủ chốt (chủ đầu tư và nhà thầu), (iv) quy định chung, và (v) quản lý thi công xây dựng.

Phần quy định chung này quy định sự cần thiết phải chuẩn bị một Kế hoạch An toàn Môi trường và Sức khỏe lao động của Nhà thầu (CEOHSP) cụ thể có xét đến ESMP tiểu dự án, yêu cầu về tài liệu đấu thầu và trình bày về tiến độ thi công, vật liệu, thiết bị và nhu cầu nhân lực và kế hoạch giảm nhẹ các vấn đề cụ thể tại hiện trường. Kế hoạch này cũng sẽ bao gồm thủ tục báo cáo không tuân thủ, liên kết với chính quyền và cộng đồng, quan hệ cộng đồng, mục tiêu giảm thiểu và những xem xét đặc biệt, việc thực hiện quy trình “Phát lộ”, các quy định cấm trong khi phần quản lý xây dựng quy định chung công trường xây dựng, quản lý chất lượng môi trường từ các nguồn (nghĩa là kiểm soát ô nhiễm nước, ô nhiễm không khí, phát sinh chất thải, giao thông vận tải, v.v.), và quản lý lán trại công nhân, mỏ đá/mỏ vật liệu, công tác nạo vét và giám sát chất lượng môi trường. Kế hoạch này đã được xem xét và CEOHSP phải được phê duyệt trước khi khởi công xây dựng. CEOHSP cũng sẽ bao gồm một kế hoạch giám sát không khí, tiếng ồn/độ rung, xói mòn/bồi lắng đất và chất lượng nước trong quá trình thi công. Chi phí cho giảm thiểu tác động trong quá trình thi công phải được bao gồm như là một phần của chi phí dự án.

Kế hoạch Quản lý Môi trường Xã hội cần phải được thực hiện như một của công tác lập kế hoạch và thực hiện dự án. Không được xem rằng đó chỉ là một hoạt động bị giới hạn bởi hoạt động giám sát và điều tiết đối với một danh mục kiểm tra xác định trước các hành động cần thiết. Thay vào đó nó phải tương tác mạnh mẽ như là một lợi nhuận thực hiện tiểu dự án, xử lý linh hoạt với các tác động môi trường xã hội, cả dự kiến và ngẫu nhiên. Đối với tất cả các tiểu dự án được thực hiện theo dự án, ESMP là một phần của tài liệu Hợp đồng. ESMP là cụ thể theo tiểu dự án và địa điểm. Ngoài ra, Phụ lục - E có cung cấp chi tiết kỹ thuật đấu thầu: Quản lý xây dựng chung và Trách nhiệm Nhà thầu hoặc ECoP. Cần tiến hành tính toán chi phí cho thực hiện ESMP và ECoP.

7.5 Kế hoạch giám sát

7.5.1 Kế hoạch giám sát Môi trường Xã hội (ESMoP)

Mục tiêu chính của giám sát Môi trường Xã hội là ghi chép các tác động Môi trường Xã hội gây ra từ các hoạt động tiểu dự án và đảm bảo thực hiện “các biện pháp giảm thiểu” đã xác định trước đó

nhằm làm giảm đi tác động bất lợi và tăng cường tác động tích cực từ các hoạt động của dự án.

Kế hoạch giám sát sẽ dựa trên tác động và biện pháp giảm thiểu đã xác định. Quan trọng là Tư vấn E&S phải chuẩn bị một danh mục kiểm tra để giám sát thực hiện kế hoạch giảm thiểu cho cả hai giai đoạn thi công và vận hành. Bảng 7.4 -7.8 đưa ra một số mẫu danh mục giám sát xây dựng mà Tư vấn E&S và PPMU sẽ sử dụng để xác minh các biện pháp giảm thiểu được thực hiện bởi nhà thầu. Hiệu quả thực hiện của nhà thầu sẽ được đánh giá bằng danh mục giám sát. PPMU cũng có thể thực hiện hình phạt cho việc không tuân thủ các hoạt động quản lý môi trường.

Bảng 7. 4 : Danh sách giám sát chất lượng không khí

<i>Nguồn tác động tiềm tàng</i>	<i>Mục tiêu giảm thiểu</i>	<i>Danh sách giảm thiểu (Kiểm tra những hạng mục sau)</i>
Vận chuyển vật liệu	Hạn chế bụi từ vật liệu xây dựng trong quá trình vận chuyển	<ul style="list-style-type: none"> • Phun nước trước khi vận chuyển đất, đá và các vật liệu phát sinh bụi khác ? • Xe tải được che phủ bởi vải bạt ? • Chỉ sử dụng duy nhất tuyến đường được phê duyệt ?
Lưu trữ vật liệu	Hạn chế bụi từ vật liệu xây dựng trong quá trình lưu trữ	<ul style="list-style-type: none"> • Vị trí của mỏ vật liệu được đặt trong khu vực được che chắn xa các khu vực nhạy cảm? • Che phủ bằng vải bạt nếu được yêu cầu?
Khí thải từ vật liệu xây dựng	Tránh xả thải lượng lớn khí thải do bảo trì phương tiện kém	<ul style="list-style-type: none"> • Thông số kỹ thuật của thiết bị như đã thỏa thuận trong kế hoạch? • Bảo trì thường xuyên các phương tiện và thiết bị? • Bất kỳ khí thải nào nhìn thấy được từ các phương tiện và thiết bị?
Đốt tại công trường	Tránh khói và khí thải có thể gây ra những phiền toái	<ul style="list-style-type: none"> • Kiểm tra ngẫu nhiên việc đốt trên công trường trong khu vực đông dân cư? • Kiểm tra 2 lần với cộng đồng ?
Phát sinh bụi trong quá trình vận hành	Tránh bụi phát sinh trong quá trình vận hành khi gió to	<ul style="list-style-type: none"> • Vào thời điểm gió to, bụi phát sinh trong vòng 200m của khu vực nhạy cảm theo hướng gió ?

Bảng 7. 5: Danh sách giám sát chất lượng và số lượng nước

<i>Nguồn tác động tiềm tàng</i>	<i>Mục tiêu giảm thiểu</i>	<i>Danh sách giảm thiểu (Kiểm tra những hạng mục sau)</i>
Dòng chảy mặt không kiểm soát trong quá trình thi công	Tránh dòng chảy mặt không được quy hoạch đầy đủ do việc xây dựng các khu thi công, lán trại công nhân.	<ul style="list-style-type: none"> • Dòng chảy mặt trong quá trình thi công được quản lý trong cách thức được kiểm soát? • Bể tự hoại tạm thời cho khu vực lán trại công nhân?

Gián đoạn nước tưới	Tránh việc gián đoạn cung cấp nước tưới do thi công dự án.	<ul style="list-style-type: none"> • Gián đoạn hệ thống tưới do thi công dự án? • Bất kỳ nguồn thay thế nào được đảm bảo do gián đoạn tạm thời? • Tài liệu chứng minh việc bồi thường?
Các ảnh hưởng của lán trại xây dựng và khu vực chuẩn bị	Tránh việc xử lý nước thải không hợp lý và dòng chảy mặt	<ul style="list-style-type: none"> • Quy định về tiêu chuẩn vị trí và thiết kế cho việc sử dụng đất, cấp thoát nước, cơ sở y tế, vv, được thành lập theo kế hoạch ?

Bảng 7. 6: Danh sách giám sát chất lượng đất

<i>Nguồn tác động tiềm tàng</i>	<i>Mục tiêu giảm thiểu</i>	<i>Danh sách giảm thiểu (Kiểm tra những hạng mục sau)</i>
Thiếu ổn định mái dốc	Hạn chế mất đất trong quá trình tạo mái dốc, do xói mòn và hỏng mái dốc sau thời gian dài	<ul style="list-style-type: none"> • Tiêu chuẩn mái dốc được thiết lập để hạn chế xói mòn tiềm ẩn? • Mái dốc được lát đá xây hoặc vật liệu khác để ngăn chặn xói mòn đất ? • Các mái dốc bằng đất sẽ được ổn định bằng việc khôi phục thảm thực vật với các loài cây chống lại việc chặn thả gia súc, đặt các tấm vải bạt, đá xây, rọ đá, hoặc những vật liệu thích hợp khác
Dòng chảy mặt không được kiểm soát từ khu vực thi công và lán trại công nhân	Tránh đất bị cuốn trôi do thiết kế kém và/hoặc duy trì xây dựng và lán trại công nhân	<ul style="list-style-type: none"> • Dòng chảy mặt được kiểm soát bởi việc chọn địa điểm thích hợp của khu vực lán trại và chuẩn bị thi công ?

Bảng 7. 7: Danh mục giám sát tiếng ồn

<i>Nguồn tác động tiềm tàng</i>	<i>Mục tiêu giảm thiểu</i>	<i>Danh sách giảm thiểu (Kiểm tra những hạng mục sau)</i>
Máy móc xây dựng	Hạn chế tối đa độ ồn, độ rung trong thời gian hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> • Thông số kỹ thuật của thiết bị phù hợp với các tiêu chuẩn thống nhất, chỉ thị về tiếng ồn và độ rung? • Sử dụng máy móc trong thời gian được giới hạn?
Vận chuyển vật liệu	Hạn chế độ ồn cao	<ul style="list-style-type: none"> • Thời gian thích hợp để vận chuyển? • Đúng thông số kỹ thuật và bảo dưỡng định kỳ các phương tiện?

Các hoạt động khôi phục và gia cố	Hạn chế độ ồn cao trong thời gian thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ thời gian thi công được giới hạn trong các khu vực nhạy cảm? Sử dụng rào cản tiếng ồn (nếu được lên kế hoạch trước)? Thông báo cộng đồng về các hoạt động thi công và thời gian của những hoạt động phát sinh tiếng ồn và độ rung đáng kể?
-----------------------------------	---	---

Bảng 7. 8: Danh mục giám sát sức khỏe và an toàn lao động

<i>Nguồn tác động tiềm tàng</i>	<i>Mục tiêu giảm thiểu</i>	<i>Danh sách giảm thiểu (Kiểm tra những hạng mục sau)</i>
Công việc thi công	Hạn chế tối đa nguy cơ tai nạn	<ul style="list-style-type: none"> PPE có sẵn tại khu vực dự án? Sử dụng PPE của công nhân? Hộp sơ cứu tại công trường?
Điều kiện lán trại	Cung cấp các dịch vụ cơ bản để giảm thiểu bệnh dịch và ô nhiễm xung quanh	<ul style="list-style-type: none"> Nguồn nước uống đáng tin cậy? Đầy đủ nhà vệ sinh và công trình tắm rửa khác? Đầy đủ hệ thống thoát nước và bể tự hoại tạm thời? Đầy đủ hệ thống chiếu sáng? Lịch trình kiểm tra sức khỏe? Chương trình nhận thức về lây lan bệnh dịch bao gồm HIV/AIDS
Vận chuyển thiết bị và vật liệu	Nâng cao an toàn giao thông	<ul style="list-style-type: none"> Biển báo phù hợp tại khu vực? Người cầm cờ chỉ dẫn tại các khu vực quan trọng để điều tiết giao thông?

Bên cạnh việc giám sát chung của các biện pháp giảm thiểu/ tăng cường, các thông số môi trường và xã hội quan trọng sẽ được giám sát trong quá trình thi công và vận hành của tiểu dự án. Tần suất và yêu cầu của việc giám sát sẽ phụ thuộc và phạm vi và quy mô của tiểu dự án và tình hình thực tế khu vực. Bảng 7.9 cung cấp biểu mẫu được sử dụng để xây dựng kế hoạch giám sát của các thông số môi trường cụ thể trong giai đoạn vận hành và thi công.

Bảng 7. 9: Biểu mẫu kế hoạch giám sát trong giai đoạn vận hành và thi công

(Các thông số giám sát được chỉ định và sẽ được lựa chọn dựa vào những tác động cụ thể của tiểu dự án)

<i>TT</i>	<i>Mô tả</i>	<i>Chỉ số giám sát</i>	<i>Phương pháp</i>	<i>Tần suất giám sát</i>	<i>Tránh nhiệm và yêu cầu nguồn lực</i>
I	Giai đoạn thi công				
1	Không khí				

	Kiểm tra xu hướng và định lượng các tác động do các hoạt động trong cuộc sống hàng ngày và xây dựng	Bụi PM10, PM 2.5	Đo đạc tại tuyến đường vận chuyển, đặc biệt là đoạn chạy qua khu vực dân cư	Trong quá trình hoạt động nhiều hoặc tại thời gian cao điểm của giai đoạn thi công	QCVN 05:2009/ BTNMT QCVN 06:2009/ BTNMT Trách nhiệm: PPMU thông qua tư vấn trong nước
2	Nước mặt				
	Giám sát chất lượng nước mặt	pH, DO, BOD ₅ , NH ₄ ⁺ , TSS, coliform, Độ đục (NTU)	Khảo sát hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm	2 lần / năm	QCVN 08:2008/ BTNMT – theo tiêu chí ở cột B1 Trách nhiệm: PPMU thông qua tư vấn
II	Giai đoạn vận hành và bảo dưỡng				
1	Nước mặt				
	Giám sát chất lượng nước trong hồ	pH, DO, BOD ₅ , NH ₄ ⁺ , TSS, độ đục (NTU)	Khảo sát hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm	2 lần trong năm đầu tiên	QCVN 08:2008/ BTNMT theo tiêu chuẩn trong cột B1 Trách nhiệm: PPMU thông qua tư vấn
	Chỉ số sinh thái	Các loài thủy sinh (nếu có) được xác định trong quá trình đánh giá	giám sát hiện trường và phỏng vấn người dân địa phương	2 lần trong năm đầu tiên	Trách nhiệm: PPMU thông qua tư vấn

7.5.2 Giám sát và đánh giá RAP/RPF

Giám sát là một quá trình liên tục của việc đánh giá thực hiện Dự án, liên quan tới lịch thực hiện đã được thống nhất, về việc sử dụng các đầu vào, hạ tầng cơ sở và dịch vụ của dự án. Giám sát cung cấp cho tất cả các bên liên quan những phản ảnh liên tục về tình hình thực hiện. Nó xác định được thực tế và khả năng thành công và khó khăn nảy sinh ngay khi có thể, để tạo điều kiện có thể chấn chỉnh kịp thời trong giai đoạn hoạt động Dự án.

Giám sát có 2 mục đích:

- Giám sát các hoạt động của Dự án đó có hoàn thành một cách hiệu quả hay không, kể cả về số lượng, chất lượng và thời gian.
- Đánh giá những hoạt động này có đạt được mục tiêu và mục đích Dự án đề ra hay không và

mục đích đó đạt được như thế nào.

Các cơ quan thực hiện (CPO) cũng như Tư vấn giám sát độc lập do CPO thuê tuyển sẽ theo dõi, giám sát thường xuyên việc thực hiện các Kế hoạch hành động tái định cư.

Giám sát nội bộ

Giám sát nội bộ việc thực hiện Kế hoạch hành động tái định cư của các Tiểu dự án là trách nhiệm của các cơ quan thực hiện, với sự hỗ trợ của tư vấn dự án. Các tổ chức thực hiện sẽ giám sát tiến độ của việc chuẩn bị và thực hiện TĐC thông qua các báo cáo tiến độ thường xuyên. Các chỉ tiêu chính của giám sát nội bộ bao gồm việc giám sát quá trình:

- Chi trả bồi thường cho những hộ bị ảnh hưởng về các loại thiệt hại khác nhau theo chính sách bồi thường được mô tả trong các Kế hoạch hành động tái định cư.
- Thực hiện hỗ trợ kỹ thuật, di chuyển vị trí, chi trả trợ cấp và hỗ trợ di chuyển.
- Thực hiện việc Khôi phục nguồn thu nhập và quyền được hưởng hỗ trợ phục hồi.
- Phổ biến công khai thông tin và các thủ tục tư vấn.
- Bám sát các thủ tục khiếu nại, các vấn đề tồn tại đòi hỏi sự chú ý về quản lý.
- Ưu tiên người bị ảnh hưởng về các lựa chọn đã đưa ra.
- Phối hợp và hoàn thành các hoạt động tái định cư và trao hợp đồng xây lắp.

Các cơ quan thực hiện sẽ thu thập thông tin hàng tháng từ các Ban bồi thường khác nhau. Một cơ sở dữ liệu về thông tin theo dõi thực hiện tái định cư của Dự án sẽ được duy trì và cập nhật hàng tháng.

Các cơ quan thực hiện trình nộp một báo cáo giám sát nội bộ về tình hình thực hiện Kế hoạch hành động tái định cư lên Nhà tài trợ như một phần của báo cáo quý mà họ phải nộp cho bên cho vay. Các báo cáo Giám sát nội bộ phải chứa đựng các thông tin sau:

- Số lượng các hộ BAH theo loại hình bị ảnh hưởng và theo hợp phần Dự án và tình trạng chi trả bồi thường, di dời và khôi phục nguồn thu nhập cho mỗi hạng mục, hợp phần.
- Số kinh phí được phân bổ cho các hoạt động hoặc cho chi trả bồi thường và kinh phí đã giải ngân cho từng hoạt động.
- Danh sách Khiếu nại chưa giải quyết.
- Kết quả cuối cùng về giải quyết các khiếu nại và bất cứ vấn đề tồn tại nào đòi hỏi cơ quan quản lý các cấp giải quyết.
- Những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện.
- Tiến độ thực hiện tái định cư thực tế đã cập nhật.

CHƯƠNG VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

8.1 Tổ chức thực hiện dự án

8.1.1 Quản lý dự án

Việc thực hiện các biện pháp an toàn môi trường, xã hội sẽ tuân theo tổ chức thực hiện dự án. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là đơn vị chịu trách nhiệm tổng thể về công tác thực hiện và quản lý. Bộ NN&PTNT được ủy quyền trách nhiệm quản lý cấp Nhà nước về an toàn đập theo Nghị định 72. Bộ NN&PTNT thành lập nhóm an toàn đập theo dự án hỗ trợ Tài nguyên nước Việt Nam, đây là dự án được Ngân hàng thế giới tài trợ, sau đó sát nhập vào Cục Tài nguyên nước. Bộ phận này có kinh nghiệm trong việc thực hiện các dự án do Ngân hàng thế giới tài trợ, nắm rõ các thủ tục và chính sách của Ngân hàng.

Ban quản lý Trung ương các dự án thủy lợi (CPO) trực thuộc Bộ NN&PTNT được chỉ định làm chủ đầu tư. Đơn vị quản lý dự án cấp Trung ương (CPMU) sẽ được thành lập dưới sự cho phép của Bộ NN&PTNT với trách nhiệm thực hiện các dự án phù hợp với các văn bản khung để xác định dự án đủ điều kiện, các thứ tự ưu tiên và sự sẵn sàng của các khoản đầu tư tiểu dự án, cũng như phù hợp với khung an toàn và đánh giá tiểu dự án. Ngoài việc đảm bảo dự án được thực hiện phù hợp với các khung chính sách an toàn kỹ thuật, CPMU chịu trách nhiệm tổng thể việc quản lý cấp dự án bao gồm việc mua bán, quản lý tài chính, giám sát, đánh giá và truyền thông.

Ban CPO sẽ chịu trách nhiệm cho việc thực hiện có hiệu quả và kịp thời của các chính sách an toàn. CPO sẽ cử một cán bộ có kinh nghiệm và ít nhất một cán bộ chuyên trách về chính sách an toàn để chịu trách nhiệm cho việc giám sát và quản lý các tác động môi trường và xã hội của tiểu dự án xuyên suốt dự án. Trách nhiệm chính sẽ bao gồm, nhưng không bị giới hạn để (a) bắt buộc tuân thủ, bao gồm theo dõi và giám sát, tất cả các khía cạnh môi trường và xã hội; (b) đại diện chủ tiểu dự án cho tất cả các vấn đề liên quan đến an toàn của dự án; và (c) chịu trách nhiệm cho việc điều phối tổng thể của việc thực hiện ESMP của tiểu dự án. Các thông tin về việc thực hiện các biện pháp an toàn nên được công bố định kỳ cho cộng đồng.

8.1.2 Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật quốc tế

CPO sẽ được hỗ trợ trong việc thực hiện tổng thể dự án với một tư vấn hỗ trợ kỹ thuật. Đây sẽ là những tư vấn quốc tế được tuyển dụng thông qua quá trình cạnh tranh để cung cấp hỗ trợ và đảm bảo chất lượng cho tới cấp trung ương trong quá trình thực hiện. Đơn vị tư vấn hỗ trợ kỹ thuật sẽ thực hiện 3 hoạt động chính. Những hoạt động đó là: (i) hỗ trợ CPO xem xét và làm rõ ESIA của các tiểu dự án, theo dõi và giám sát thực hiện ESIA và những kế hoạch khác, chuẩn bị báo cáo quý và báo cáo 6 tháng về việc thực hiện của Khung quản lý môi trường và xã hội (ESMF), Khung hành động tái định cư (RPF) và Khung phát triển dân tộc thiểu số (EMDF); (ii) Xây dựng năng lực trong CPO và PPMU cấp tỉnh về đánh giá môi trường và xã hội liên quan đến các tiểu dự án; và (iii) thực hiện đánh giá tác động tích lũy liên kết đến Hợp phần 2 - Quy hoạch và quản lý an toàn

đập.

Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật sẽ xây dựng một hệ thống để theo dõi hợp lý các nội dung an toàn và xã hội trong dự án. Tư vấn sẽ chuẩn bị báo cáo 6 tháng chi tiết về thực hiện và giám sát chính sách an toàn. Việc này sẽ bổ sung cho báo cáo an toàn trong Báo cáo tiến độ dự án. Phạm vi cụ thể của tư vấn hỗ trợ kỹ thuật Môi trường và xã hội được cung cấp trong phụ lục - G (G.1).

8.1.3 Giám sát độc lập bên thứ ba

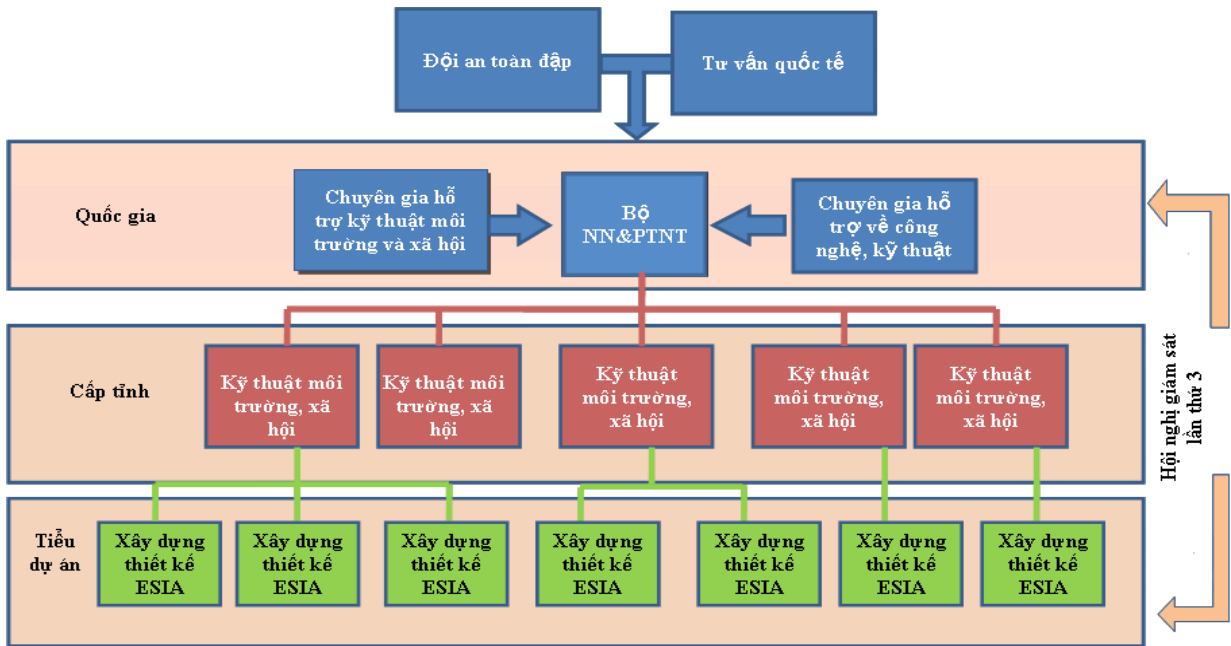
Giám sát độc lập của bên thứ ba sẽ thực hiện thường xuyên, đánh giá độc lập các hoạt động dự án. Việc đánh giá sẽ được thực hiện đối với các tài liệu khung đã được phê duyệt cho các hợp phần kỹ thuật và an toàn, phê duyệt kế hoạch, bao gồm các thiết kế chi tiết, quản lý tài chính, mua bán, hợp đồng, quản lý xây dựng và giải ngân. Giám sát độc lập của bên thứ ba cũng sẽ đánh giá sự tuân thủ việc áp dụng các chính sách và việc thực hiện của các công cụ an toàn, trong đó có kế hoạch quản lý môi trường / Quy tắc môi trường thực tiễn, Khung chính sách tái định cư / Kế hoạch hành động tái định cư, kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số và kế hoạch hành động giới. Mục tiêu và phạm vi của các đơn vị theo dõi độc lập thứ ba đã được cung cấp trong phụ lục G (G.2). Ngoài ra, mục tiêu, chỉ tiêu và phương pháp luận của giám sát độc lập đã được quy định tại Phụ lục G (G.3).

8.1.4 Ban an toàn đập.

Ban an toàn đập quốc gia và ban thẩm định an toàn đập quốc tế sẽ được thành lập theo dự án để cung cấp đánh giá độc lập và xây dựng các hướng dẫn giúp cho Bộ NN & PTNT và các cơ quan của tỉnh trong quá trình thực hiện. Ban an toàn đập quốc gia sẽ có các chuyên gia trong ít nhất ba lĩnh vực: an toàn đập, địa chất và địa kỹ thuật, Thủy văn và thủy lực, mỗi một chuyên gia được tuyển chọn thông qua với kinh nghiệm của họ trong các chương trình khôi phục và sửa chữa đập. Các chuyên gia quốc tế có chuyên môn tương ứng sẽ đi cùng với 2 chuyên gia trong nước để hợp tác và kiểm tra thực địa. Ban chuyên gia này sẽ đi thực địa ít nhất hai lần trong một năm và mỗi một lần khoảng 2 tuần để xem xét, đánh giá và tư vấn cho Chính phủ về chương trình.

8.1.5 Cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thực hiện dự án trong khu vực tỉnh và là cơ quan được chỉ định thực thi dự án, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM). Mỗi tỉnh sẽ có 1 đơn vị thực hiện tiểu dự án (PPMU), đơn vị này có thể đã được thành lập từ trước trực thuộc một Sở (Sở NN&PTNT) và thực thi nhiều dự án tương tự. PPMUs sẽ được thành lập nếu ở tỉnh nào chưa có cơ quan này hoặc sẽ được chỉ định trong thời gian tiến hành TDA. Ban quản lý tiểu dự án chịu trách nhiệm về tất cả các hoạt động đấu thầu, giám sát xây dựng, thực hiện kế hoạch hành động tái định cư, kế hoạch quản lý môi trường, xã hội và các hành động, kế hoạch này phải phù hợp với khuôn khổ chung của dự án tổng thể. Ban quản lý dự án tỉnh - PPMU sẽ được CPO hỗ trợ về kỹ thuật, các tư vấn môi trường và xã hội. Tổ chức thực hiện dự án được trình bày trong hình 8.1



Hình 8. 1: Tổ chức thực hiện dự án

8.1.6 Tư vấn Môi trường và Xã hội cấp tỉnh

PPMU sẽ tuyển tư vấn Hỗ trợ kỹ thuật Môi trường và Xã hội để thực hiện ESIA, lập ESMP, RAP, EMDP và các kế hoạch khác có liên quan, giám sát thực hiện chính sách an toàn của nhà thầu trên cơ sở thường xuyên. Tư vấn E&S của tỉnh sẽ thực hiện, nhưng không giới hạn, các nhiệm vụ sau đây:

- Tiến hành sàng lọc môi trường xã hội .
- Lập ESIA/ESMP, RAP, EMDP và các kế hoạch khác có liên quan theo yêu cầu của ESMF và dựa trên đánh giá tiểu dự án.
- Trước khi khởi công xây dựng, xác nhận rằng (a) đã chi trả bồi thường cho toàn bộ đất và công trình và đã hoàn thành công tác tái định cư và/hoặc thu hồi/hiến tặng đất; (b) ESIA tiểu dự án và/hoặc các biện pháp giảm thiểu cho địa điểm cụ thể đã được UBND tỉnh phê duyệt; và (c) kế hoạch môi trường nêu trên đã được các bên liên quan thông qua.
- Trong thời gian thi công, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các biện pháp an toàn trong suốt giai đoạn thi công.
- Sau khi hoàn thành thi công, xác nhận sự tuân thủ kế hoạch quản lý môi trường đã thống nhất và kiểm tra bất kỳ thiệt hại nào phát sinh do nhà thầu. Nếu cần, lập biên bản yêu cầu bồi thường/khôi phục lại công trường như quy định trong hợp đồng. Kết quả thực hiện chính sách an toàn của nhà thầu sẽ được đưa vào trong các báo cáo tiến độ tiểu dự án.

8.1.7 Nhà thầu

Nhà thầu sẽ tuyển một cán bộ quản lý môi trường, y tế và an toàn (EHSM), người sẽ chịu trách nhiệm đối với tất cả toàn bộ kế hoạch và thực hiện các biện pháp giảm thiểu do nhà thầu chịu trách nhiệm, bao gồm chuẩn bị Kế hoạch An toàn Môi trường và Sức khỏe lao động của Nhà thầu (CEOHSP), thông tin liên lạc với chính quyền và cộng đồng địa phương. Đặc biệt, cán bộ quản lý môi trường, sức khỏe của Nhà thầu sẽ thực hiện nhưng không giới hạn các nhiệm vụ sau đây:

- Chuẩn bị một CEOHSP phù hợp với ESMP và ECOP trước khi khởi công xây dựng với điều kiện lưu ý giảm bớt tác động tiêu cực tiềm tàng về an toàn của người dân và cộng đồng nói chung, hạn chế bụi/tiếng ồn, quản lý chất thải và tắc nghẽn giao thông. Cần nỗ lực để xác định các khu vực nhạy cảm có thể bị ảnh hưởng bởi và/hoặc các vấn đề có thể phát sinh từ các hoạt động thi công do số lượng lớn người dân địa phương và/hoặc sử dụng đáng kể đất và nước.
- Trong giai đoạn thi công, giám sát việc tuân thủ kế hoạch quản lý môi trường đã thống nhất, và duy trì tham vấn chặt chẽ với cộng đồng, phổ biến thông tin và kịp thời giải quyết bất kỳ khiếu nại có thể từ người dân và công chúng nói chung trong suốt thời gian thi công.
- Sau khi hoàn thành thi công, xác nhận việc tuân thủ kế hoạch quản lý môi trường đã thống nhất và kiểm tra bất kỳ thiệt hại nào mà nhà thầu cần chi trả, kể cả lập biên bản yêu cầu bồi thường/khôi phục lại công trường như quy định trong hợp đồng.
- Chuẩn bị báo cáo định kỳ cho nhà thầu và chủ đầu tư cấp tiểu dự án theo thỏa thuận trong CEOHSP.
- Hỗ trợ PPMU và Tư vấn E&S trong thực hiện giám sát thường xuyên và định kỳ thực hiện chính sách an toàn của nhà thầu xây dựng.

8.1.8 Ủy ban nhân dân tỉnh

Theo nghị định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường (số 18/2015/NĐ-CP) ngày 14/2/2015, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn của mình, trừ các dự án quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 1 điều 14). Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 15 tháng 01 hàng năm gửi báo cáo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường về hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; hoạt động thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; hoạt động đăng ký và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường chi tiết; hoạt động kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường của năm trước đó trên địa bàn mình quản lý (điều 21 của nghị định số 18/2015/NĐ-CP))

8.2 Tích hợp khung QLMTXH vào sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án

Để thuận tiện cho kế hoạch thực hiện và giám sát, Sổ tay hướng dẫn thực hiện (POM) sẽ được chuẩn bị trước khi bắt đầu thực hiện dự án. Sổ tay hướng dẫn thực hiện nên có một phần về các vấn đề/thủ tục về Môi trường Xã hội, một phần về bồi thường hỗ trợ và tái định cư. Nội dung hướng dẫn về chính sách an toàn trong POM bao gồm: i) Trách nhiệm, nhiệm vụ của các đơn vị về thực hiện chính sách an toàn môi trường; ii) Yêu cầu về bố trí nhân sự về An toàn, môi trường và

Xã hội; iii) Qui định về Phân loại đập; iv) Quy trình Chuẩn bị và Thực hiện Quản lý An toàn Môi trường - Xã hội; v) Quan Trắc và Giám sát Môi trường, Chế độ báo cáo về an toàn Môi trường - Xã hội; và: vi) Các phụ lục về hướng dẫn sàng lọc môi trường, hướng dẫn lập ESIA/ESMP, mẫu thông số kỹ thuật môi trường cho các tài liệu đấu thầu và hợp đồng và các biểu mẫu giám sát môi trường do tư vấn giám sát thi công thực hiện

Các chuyên gia tư vấn chịu trách nhiệm chuẩn bị Khung QLMTXH đảm bảo rằng các nội dung trên sẽ được tích hợp vào sổ tay hướng dẫn thực hiện POM

8.3 Chuẩn bị, Rà soát, Phổ biến và thông qua ESIA

Chuẩn bị ESIA:

Tư vấn E&S tỉnh sẽ chịu trách nhiệm sàng lọc Môi trường Xã hội và chuẩn bị ESIA/ESMP theo hướng dẫn nêu trong ESMF. Tham vấn là một phần thiết yếu của công tác chuẩn bị ESIA/ESMP.

Rà soát nội bộ:

Sau khi Tư vấn E&S tỉnh nộp Dự thảo ESIA/ESMP cuối cùng, PPMU sẽ là cơ quan đầu tiên xem xét báo cáo kết hợp kiểm tra chéo thông qua thực địa.

PPMU sau đó trình dự thảo ESIA/ESMP cuối cùng này cho MARD - CPO xem xét. Thay mặt MARD - CPO, Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật quốc tế sẽ xem xét báo cáo sàng lọc, ESIA/ESMP và các kế hoạch có liên quan một cách chi tiết. Tư vấn quốc tế sẽ kiểm tra thông tin có liên quan, đánh giá tác động và tính bền vững của kế hoạch giảm thiểu và giám sát. Trong quá trình này nếu cần thiết sẽ yêu cầu xác minh thực địa. Dựa trên khuyến nghị của tư vấn quốc tế, CPO sẽ thông báo cho PPMU các thủ tục thông qua của UBND tỉnh.

Trong quá trình xem xét, PPMU và CPO có thể yêu cầu bổ thêm thông tin chi tiết, phân tích mà báo cáo cần được cập nhật.

Phổ biến:

Các ESIA/ESMP và bao gồm các kế hoạch có liên quan khác của tiểu dự án được chuẩn bị trong khi thực hiện dự án và sẽ được công bố tại địa phương trước khi phê duyệt các tiểu dự án này. Những tài liệu này sẽ được đăng trên trang Web của Bộ NN&PTNT và cấp tỉnh, bản cứng tiếng Việt sẽ có sẵn tại PPMU và các xã trong vùng dự án. Sẽ có thông báo về việc công bố và lấy ý kiến trong vòng một tháng kể từ ngày công bố. ESIA/ESMP tiếng Anh và tiếng Việt sẽ được công khai trong VDIC của Văn phòng Ngân hàng Thế giới tại Hà Nội và bản tiếng Anh của ESIA sẽ được công bố trên Infoshop của Ngân hàng Thế giới.

Quy trình phê duyệt báo cáo ĐTM:

PPMU sẽ trình dự thảo Báo cáo ĐTM cuối cùng cho Ủy ban nhân dân tỉnh (PPC). Xem xét về bản chất của tiểu dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh (PPC) sẽ đánh giá và phê duyệt báo cáo ĐTM. PPC sẽ xác minh các báo cáo đánh giá tác động Môi trường đối với các dự án đầu tư trong phạm vi lãnh

thô của mình. Việc đánh giá các báo cáo ĐTM sẽ được tiến hành do Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM được thành lập bởi lãnh đạo cơ quan thẩm định báo cáo ĐTM với ít nhất 07 thành viên. Thành viên của Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM sẽ bao gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch nếu cần thiết, 01 thành viên thư ký, 02 thành viên phản biện và các thành viên khác, trong đó ít nhất 30% các thành viên của Hội đồng đánh giá đã có ít nhất 06 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ĐTM. Thời hạn thẩm định báo cáo ĐTM là trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng yêu cầu. PPMU sẽ phải tuân thủ các yêu cầu quy định trong phê duyệt báo cáo ĐTM. Đối với bất kỳ sự thay đổi nào, Chủ đầu tư phải có giải trình cho UBND tỉnh.

Qui trình thông qua ESIA, RAP, EMDP

Tất cả các báo cáo ESIA, RAP, EMDP sau khi được CPO với sự hỗ trợ của tư vấn E&S quốc tế xem sẽ sẽ được trình cho Ngân hàng Thế giới sẽ xem xét và thông qua. Tuy nhiên, quá trình này sẽ được xem xét lại theo thời gian và khi đã tăng cường năng lực với sự hỗ trợ tư vấn E&S.

Tất cả các báo cáo ESIA, RAP, ESMP, EMDP do Ngân hàng Thế giới thông qua sau đó phải được UBND tỉnh chấp thuận bằng văn bản

8.4 Lòng ghép EMSP và Thông số kỹ thuật đấu thầu trong quá trình đấu thầu

Sau khi có phê duyệt ESIA/ESMP, PPMU có trách nhiệm đảm bảo ESMP và Thông số kỹ thuật đấu thầu được bao gồm đầy đủ trong tài liệu đấu thầu. Chi phí cho quản lý Môi trường và Xã hội cần được phân bổ cho các hợp đồng tiểu dự án. CPO phải xác nhận rằng các tài liệu đấu thầu đã bao gồm ESMP, Thông số kỹ thuật đấu thầu và đã phân bổ đủ kinh phí.

8.5 Kế hoạch An toàn Môi trường và Sức khỏe lao động của Nhà thầu (CEOHSP)

Như đã đề cập trước đó, nhà thầu trúng thầu sẽ lập Kế hoạch An toàn Môi trường và Sức khỏe lao động của Nhà thầu (CEOHSP) có xét đến ESMP tiểu dự án, các yêu cầu về tài liệu đấu thầu và giải trình kế hoạch thi công, vật liệu, thiết bị, nhu cầu nhân lực và kế hoạch giảm thiểu các vấn đề cụ thể tại công trường. Kế hoạch này sẽ được xem xét bởi Tư vấn E&S ở cả cấp tỉnh và cấp trung ương. CPO sẽ phê duyệt kế hoạch này với khuyến nghị của Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật.

8.6 Thực hiện ESMP và CEOHSP, Giám sát và Báo cáo

Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện ESMP và CEOHSP của tiểu dự án. Cán bộ quản lý môi trường, y tế và an toàn (EHSM) sẽ đóng vai trò chủ đạo trong công tác quản lý môi trường và xã hội của tiểu dự án. Nhà thầu sẽ phải tuân thủ tất cả các biện pháp giảm thiểu và quản lý môi trường đã quy định trong Thông số kỹ thuật, ESMP và CEOHSP. Nhà thầu phải đảm bảo có một Chương trình An toàn sức khỏe toàn diện cho người lao động và cộng đồng quanh đó trong suốt thời gian thi công. Trước khi mùa mưa trong giai đoạn thi công, nhà thầu phải đảm bảo rằng tất cả các hệ thống thoát nước tạm thời hoặc cố định không bị các vật liệu xây dựng rơi vãi làm tắc nghẽn.

Nhà thầu sẽ tự giám sát các biện pháp giảm thiểu và chuẩn bị báo cáo tháng để nộp cho PPMU. Tư vấn E&S tỉnh sẽ xem xét báo cáo tháng. Cả Tư vấn E&S tỉnh và PPMU sẽ xem xét việc thực hiện thường xuyên kế hoạch giảm thiểu và giám sát. Ngoài ra, tư vấn E&S tỉnh sẽ chuẩn bị báo cáo giám sát quý và đưa ra khuyến nghị nhằm tăng cường hơn nữa việc thực hiện biện pháp giảm thiểu và giám sát. Nhà thầu không tuân thủ sẽ được Tư vấn E&S báo cáo và PPMU sẽ áp dụng hình phạt cho bất kỳ hành động không tuân thủ nào với kế hoạch hành động đã thống nhất. PPMU sẽ nộp báo cáo chính sách an toàn quý về thực hiện kế hoạch giảm thiểu và giám sát tại tỉnh cho CPO trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

Tư vấn E&S quốc tế sẽ giám sát việc thực hiện kế hoạch giảm thiểu và giám sát của từng tiểu dự án ít nhất một lần trong mỗi quý. Tư vấn này cũng sẽ chuẩn bị báo cáo giám sát của mình trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Báo cáo sẽ bao gồm các bước chính, kết quả đầu ra và kết quả của các hoạt động quản lý môi trường được thực hiện cho tất cả các hạng mục đầu tư trong suốt chu kỳ dự án. Tư vấn E&S quốc tế sẽ xem xét và có ý kiến về báo cáo tiến độ quý của tỉnh.

Trong các hoạt động giám sát đầu tư thông thường, CPO sẽ kiểm tra với cơ quan môi trường địa phương để xác định xem việc thực hiện dự án có đáp ứng tất cả các yêu cầu ESMF, ESIA và ESMP quy định hay không. CPO cũng sẽ tổ chức đi thực địa giám sát các giai đoạn khác nhau của dự án đầu tư xây dựng để khẳng định ESMP và CEOHSP đang được thực hiện đầy đủ. Một báo cáo giám sát bao trùm các vấn đề quản lý môi trường cần được bao gồm trong báo cáo thực địa tổng thể. Các chuyên gia môi trường xã hội chỉ định sẽ chuẩn bị các báo cáo quý và năm về các bước chính, sản phẩm và kết quả của thực hiện kế hoạch quản lý môi trường đã thực hiện cho tất cả hạng mục đầu tư xuyên suốt chu kỳ dự án.

Là một phần của hệ thống báo cáo thông thường, cơ quan liên quan của MARD sẽ yêu cầu từng PPMU đưa vào một phần về hiệu quả thực hiện môi trường đối với các hạng mục đầu tư của PPMU đó, kể cả bất kỳ biện pháp giảm thiểu quan trọng nào đã thực hiện và bất kỳ sự cố môi trường nào có ý nghĩa. CPO sẽ đưa một phần về môi trường vào trong mỗi báo cáo chuẩn bị cho Ngân hàng Thế giới. Khi thích hợp, phần này sẽ thảo luận chi tiết bất kỳ vấn đề môi trường nào đã xảy ra trong kỳ báo cáo và các hoạt động thực hiện để giải quyết chúng.

Các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện ESMF sẽ được cảnh báo, các cán bộ quản lý sẽ phải quan tâm của và có hành động cụ thể. Bản sao các báo cáo giám sát môi trường xã hội quý và năm cũng sẽ được gửi cho Ngân hàng Thế giới. Ngân hàng cũng sẽ xem xét các báo cáo này trong thời gian diễn ra các đoàn giám sát định kỳ.

8.7 Chứng nhận hoàn thành và Báo cáo

PPMU sẽ phải thông báo cho UBND tỉnh và công tác sửa chữa đập sẽ chỉ bắt đầu sau khi UBND tỉnh (cơ quan có thẩm quyền phê duyệt ĐTM) đã kiểm tra và chứng nhận hoàn thành công tác bảo vệ môi trường.

PPMU sẽ chuẩn bị một báo cáo hoàn thành cho công tác bảo vệ môi trường và trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, UBND tỉnh phải kiểm tra và cấp chứng nhận hoàn thành công tác môi trường.

UBND tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo đánh giá và phê duyệt báo cáo ĐTM, đăng ký và kiểm tra các kế hoạch bảo vệ môi trường cụ thể, kiểm tra và phê duyệt công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh trong những năm trước đó đến Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15/1 hàng năm.

8.8 Giám sát trong giai đoạn vận hành

PPMU và Tư vấn E&S cấp tỉnh sẽ tiếp tục theo dõi vận hành và tiến hành thử nghiệm tham số như đã thống nhất trong Kế hoạch giám sát cho năm đầu vận hành. Sau năm đầu tiên, PPMU sẽ tiếp tục giám sát bằng nguồn cán bộ của PPMU.

Theo Nghị định về Quy hoạch bảo vệ môi trường, Đánh giá môi trường chiến lược, Đánh giá tác động môi trường và các Kế hoạch bảo vệ môi trường (số 18/2015/NĐ-CP) ngày 14/2/2015, công tác thanh tra bảo vệ môi trường các công trình phục vụ giai đoạn vận hành của tiểu dự án sẽ do Đoàn thanh tra của UBND tỉnh thực hiện (Đoàn Thanh tra do Chủ tịch UBND tỉnh thành lập) (Điều 17 của Nghị định).

Trên cơ sở thực địa, Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật quốc tế sẽ chuẩn bị một báo cáo 6 tháng về chính sách an toàn cho tiểu dự án thuộc giai đoạn thực hiện. CPO sẽ xem xét báo cáo và gửi cho Ngân hàng Thế giới trước khi có đoàn hỗ trợ thực hiện.

8.9 Tóm tắt quá trình an toàn

Bảng 8.1 tóm tắt quá trình và trách nhiệm chính liên quan đến đánh giá môi trường và xã hội, thực hiện, giám sát, thông qua và báo cáo.

Bảng 8. 1: Tóm tắt quá trình an toàn

<i>Giai đoạn của tiểu dự án</i>	<i>Các hoạt động an toàn</i>	<i>Trách nhiệm</i>
Xác định và kiểm tra hiện trường	Tiến hành Sàng lọc môi trường và xã hội sử dụng mẫu sàng lọc tiểu dự án của DRASIP và xác định các công cụ được yêu cầu (e.g. ESIA ESMP, RAP, EMDP)	PPMU và đơn vị quản lý đập địa phương (Hỗ trợ kỹ thuật từ đơn vị tư vấn E&S địa phương)
Xác nhận	Rà soát kết quả sàng lọc và xác nhận các công cụ an toàn được yêu cầu	CPO (Hỗ trợ kỹ thuật từ đơn vị E&S quốc tế)
Chuẩn bị các gói thầu đề xuất của tiểu dự án (ví dụ, báo cáo khả thi, thiết kế kỹ thuật chi tiết/ chương trình	Tham vấn với cộng đồng địa phương	PPMU và đơn vị quản lý đập địa phương (hỗ trợ kỹ thuật từ tư vấn E&S địa phương)
	Đánh giá an toàn đập và chuẩn bị báo cáo an toàn đập hoặc báo cáo kiểm tra an toàn đập	PPMU và đơn vị quản lý đập địa phương (hỗ trợ kỹ thuật từ đơn vị kỹ thuật)

<i>Giai đoạn của tiểu dự án</i>	<i>Các hoạt động an toàn</i>	<i>Trách nhiệm</i>
chuẩn bị thi công	Đánh giá tác động môi trường và xã hội (ESIA) và/ hoặc ESMP	PPMU (hỗ trợ kỹ thuật từ đơn vị E&S địa phương)
	Chuẩn bị các yêu cầu từ RDF và EMPF (ví dụ RAP, EMDP)	PPMU (hỗ trợ kỹ thuật từ đơn vị E&S địa phương)
Rà soát nội bộ và thông qua	Rà soát gói thầu đề xuất của tiểu dự án và ban hành thông qua các biện pháp an toàn	CPO (hỗ trợ kỹ thuật từ đơn vị E&S quốc tế)
	Rà soát thiết kế kỹ thuật của tiểu dự án	PPMU, hội đồng rà soát an toàn đập quốc gia và hội đồng quốc tế các chuyên gia của dự án DRSIP
	Công bố các công cụ an toàn. Ở trường hợp CPO rà soát nội bộ, tất cả các tài liệu của tiểu dự án (ví dụ. ESIA/ESMP, EMDP, RAP) sẽ được công bố bằng cả tiếng Anh và Tiếng Việt trên trang web của chính phủ	Công bố ở PPMU đối với cấp tỉnh Công bố ở CPO đối với cấp quốc gia
Thông qua theo Khung quy định quốc gia	Xem xét phạm vi của tiểu dự án, tất cả ESIA của tiểu dự án sẽ được UBND tỉnh (PPC) thông qua	PPMU trình PPC thông qua
Rà soát và phê duyệt của Ngân hàng thế giới	Tất cả các báo cáo ESIA của mỗi tỉnh sẽ được nộp cho Ngân hàng Thế giới xem xét và ban hành thư “không phản đối”	- Trình duyệt: CPO - Rà soát và thông qua: Ngân hàng thế giới
Giai đoạn mua sắm (Chuẩn bị các tài liệu đấu thầu, đấu thầu và ký hợp đồng)	ESMP và các thông số kỹ thuật phải được bao gồm trong tài liệu đấu thầu. Chi phí cho quản lý môi trường và xã hội cần được phân bổ cho hợp đồng của tiểu dự án	- PPMU - Xác nhận bởi CPO
	Thiết lập Cơ chế giải quyết khiếu nại cho tiểu dự án	- PPMU - Xác nhận bởi CPO và cũng được thành lập ở cấp trung ương
	Bắt đầu thực hiện RAP và EMDP được yêu cầu, nếu có	DARD-PPMU và các đơn vị hành chính địa phương
Thông báo cho đơn vị trúng thầu, xây dựng)	Chuẩn bị CEOHSP – Nhà thầu trúng thầu sẽ chuẩn bị cho mình một kế hoạch an toàn sức khỏe lao động và môi trường (CEOHSP)	- Chuẩn bị DOC: nhà thầu; - Xác nhận: PPMU (hỗ trợ kỹ thuật từ đơn vị E&S địa phương) - Rà soát và phê duyệt: CPO (Hỗ trợ kỹ thuật từ đơn vị E&S quốc tế) - Thực hiện các kế hoạch: Nhà

<i>Giai đoạn của tiểu dự án</i>	<i>Các hoạt động an toàn</i>	<i>Trách nhiệm</i>
		thầu
	Giám sát việc tuân thủ các biện pháp trong ESIA/ESMP, CEOHSP, RAP và EMDP và của các thông số chất lượng môi trường được lựa chọn	- Giám sát công trường hàng ngày: Tư vấn giám sát thi công và tự giám sát của nhà thầu - Giám sát thường xuyên: PPMU (hỗ trợ kỹ thuật từ đơn vị E&S địa phương) ;
	Giám sát định kỳ	CPO (Hỗ trợ kỹ thuật từ đơn vị tư vấn E&S quốc tế)
	Giám sát độc lập đối với tiểu dự án tuân thủ với ESMF, RPF, EMPF, DSF, ESMP, RAP và EMDP.	Đơn vị giám sát bên thứ 3 được thuê bởi CPO
	Rà soát lại và kiểm tra hiện trường bởi tư vấn hỗ trợ thực hiện của Ngân hàng Thế giới đối với các tiểu dự án được lựa chọn	Ngân hàng Thế giới
Báo cáo	Báo cáo tiến độ hàng tháng và báo cáo tự giám sát	Nhà thầu
	Báo cáo giám sát hàng quý cấp tỉnh	PPMU (hỗ trợ kỹ thuật từ đơn vị E&S địa phương)
	Báo cáo giám sát hàng quý cấp trung ương	CPO (hỗ trợ kỹ thuật từ đơn vị E&S quốc tế)
	Hàng năm báo cáo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá và phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường, kiểm tra và phê duyệt các công trình bảo vệ môi trường	- Cấp tỉnh: PPC - Cấp quốc gia: MARD
Hoàn thiện	Ban hành chứng chỉ hoàn thành hoặc bất kỳ tài liệu nào để làm cơ sở cho việc thanh toán cuối cùng của nhà thầu sẽ yêu cầu thông qua trách nhiệm pháp lý về môi trường và xã hội còn tồn tại theo hợp đồng	- PPMU (báo cáo tới PPC) - PPC: Kiểm tra và chứng nhận đã hoàn thiện các công việc về môi trường
Vận hành	Giám sát trong quá trình vận hành	PPMU

CHƯƠNG IX. XÂY DỰNG NĂNG LỰC, ĐÀO TẠO VÀ HỖ TRỢ KỸ THUẬT

9.1 Cơ sở lý luận đánh giá năng lực thể chế

Thực hiện hiệu quả Khung quản lý Môi trường và Xã hội (ESMF) đòi hỏi các tổ chức thực hiện phải có đủ nguồn nhân lực kỹ thuật cũng như điều kiện về kinh phí. Người thực hiện cần phải hiểu biết về những giá trị Môi trường Xã hội và có thể xác định rõ ràng chỉ số của những vấn đề đó. Mặc dù đã có đầy đủ các văn bản chính sách và pháp luật như Luật bảo vệ môi trường nhưng thực tế vẫn cho thấy ở cấp huyện và cấp xã còn nhiều hạn chế về khả năng giám sát và quản lý một cách chính xác việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường của các dự án phát triển

Cần phải cung cấp cho các bên liên quan thực hiện tiểu dự án thuộc DRSIP hiểu đầy đủ về cơ chế thực hiện ESMF. Điều này rất quan trọng để hỗ trợ cho các bên xác định được vai trò của họ trong giám sát, theo dõi và đánh giá bao gồm các báo cáo về hoạt động môi trường của tiểu dự án.

Trong quá trình chuẩn bị ESMF, năng lực ở cấp Trung ương và cấp tỉnh đã được xem xét. Có rất ít cán bộ được đào tạo chuyên nghiệp và có liên quan với vận hành an toàn. Để đảm bảo ESIA/ESMP chuẩn bị, thực hiện và giám sát theo đúng qui định, cần thiết phải có tư vấn hỗ trợ ở cấp tỉnh và trung ương trong giai đoạn thực hiện dự án. Tuy nhiên, Bộ NN & PTNT cũng sẽ sử dụng các khoản hỗ trợ kỹ thuật dự án để hỗ trợ trong việc phát triển nguồn lực về Môi trường và Xã hội.

9.2 Yêu cầu năng lực nhân sự

Những thách thức về năng lực nhân sự của các bên liên quan khi thực hiện ESMF gồm hai loại:

- Nhân viên có năng lực không phù hợp hoặc năng lực nhưng hạn chế, và
- Cơ quan không đủ nhân viên hoặc số lượng nhân viên chuyên trách ít.

Các nhân viên có năng lực phù hợp với công việc rất ít và không đồng đều giữa các cơ quan. Các nhân viên chuyên trách cho công tác quản lý Môi trường và Xã hội khá ít, đặc biệt là ở cấp địa phương, đội ngũ cán bộ từ các phòng ban thường kiêm nhiệm. Kết quả là, am hiểu các nguyên tắc quản lý môi trường, công tác sàng lọc dự án, đề xuất các biện pháp giảm nhẹ tác động, giám sát và theo dõi báo cáo bị hạn chế.

Trong nhiều trường hợp, đội ngũ nhân viên cốt lõi trực tiếp giám sát các hoạt động quản lý môi trường. Kết quả là, chất lượng tài liệu không đạt yêu cầu do được thực hiện bởi các nhân viên có ít kiến thức về công việc hoặc không đủ năng lực.

9.2.1 Năng lực của ban QLDA trung ương

Với trên 20 năm kinh nghiệm, CPO của MARD đã chuẩn bị và thực hiện nhiều dự án trong nước và Quốc tế, bao gồm 09 dự án lớn được tài trợ bởi WB và 07 dự án được tài trợ bởi ADB, 04 dự án được tài trợ bởi JICA và 01 dự án được tài trợ của ngân hàng Kexim Hàn Quốc. Trong 05 năm qua, CPO đã chuẩn bị thành công 04 dự án được tài trợ bởi WB, bao gồm: Dự án hỗ trợ nguồn tài nguyên nước Việt Nam (WB3) được thực hiện năm 2013, Dự án quản lý thiên tai (WB5), Quản lý tưới phục vụ phát triển nông thôn ở đồng bằng sông Mekong (WB6) và dự án cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7). Các dự án (WB3, WB5 và WB7) có liên quan đến an toàn hồ chứa và đập đã được thực hiện.

Phòng Môi trường và Tái định cư của CPO sẽ thực hiện các chính sách Môi trường và Xã hội của các dự án do CPO thực hiện. Phòng có 9 nhân viên với lĩnh vực chính của họ là thủy văn – môi trường, môi trường và xã hội. Những nhân viên này có kinh nghiệm trong việc chuẩn bị và thực hiện các chính sách an toàn Môi trường và Xã hội. Các nhân viên của văn phòng đã tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn về môi trường, xã hội, hội thảo chuyên ngành trong chương trình đào tạo chung được thực hiện bởi Ngân hàng thế giới, ADB và các chương trình nội bộ.

Tuy nhiên, do yêu cầu ngày càng cao trong quản lý và thực hiện dự án về chính sách an toàn, các nhà tài trợ đưa ra nhiều yêu cầu mới và khắt khe hơn trong thực hiện chính sách an toàn, các chính sách trong nước về môi trường và tái định cư cũng có nhiều thay đổi đòi hỏi cán bộ thực hiện phải liên tục học hỏi, trau dồi trình độ chuyên môn nghiệp vụ cũng như ngoại ngữ để đáp ứng yêu cầu công việc.

9.2.2 Năng lực quản lý môi trường của các Ban QLDA cấp tỉnh (PPMU)

Hầu hết các công trình hồ, đập đều được xây dựng từ những năm 1990 về trước, khi đó luật BVMT chưa được ban hành và chưa có các qui định về đánh giá tác động môi trường. Kết quả khảo sát tại 12 TDA đều không còn lưu hồ sơ thiết kế, hoàn công khi xây dựng công trình và một số công trình do dân tự làm nên không có hồ sơ thiết kế

Về nguồn lực quản lý môi trường, Kết quả khảo tại 12 TDA năm đầu thuộc 11 tỉnh, có đến 6/12 TDA (chiếm 50%) chưa có bộ phận chuyên môn hoặc cán bộ chuyên trách về Môi trường và Xã hội. Trong số 50% TDA đã có bộ phận chuyên môn về Môi trường (chủ yếu là các địa phương đã được tham gia các dự án của ADB hoặc WB), số lượng cán bộ làm nhiệm vụ quản lý Môi trường chỉ 1-2 người và chủ yếu là kỹ sư Thủy lợi, Kinh tế, chỉ có khoảng 16,6% số TDA có kỹ sư môi trường. Tuy nhiên, các cán bộ này ngoài nhiệm vụ quản lý môi trường còn kiêm nhiệm thêm các nhiệm vụ khác và thường bị thay đổi vị trí công tác.

Trong một số trường hợp, đã có cán bộ môi trường nhưng năng lực trình độ và kinh nghiệm về quản lý môi trường và các công cụ quản lý g đầy đủ. Việc đào tạo và tăng cường nhận thức sẽ được thực hiện cho các cấp khác nhau tham gia dự án để đảm bảo an toàn trong việc thực hiện ESMF.

Những cấp này bao gồm: Chính phủ (trung ương), chính quyền địa phương, khu vực tư nhân, các

tổ chức phi chính phủ và các bên liên quan cấp cơ sở. Các kiến thức sẽ được tùy chỉnh theo nhu cầu của mỗi cấp để đảm bảo tính đầy đủ trong việc thực hiện ESMF

9.3 Xây dựng nâng cao năng lực và đào tạo

Đào tạo và nâng cao năng lực cho cán bộ, nhân viên của các đơn vị là những yếu tố quan trọng của bất kỳ chương trình nào. Nhân viên mới cần đào tạo tập trung vào kỹ thuật an toàn đập, bởi vì công tác thực hành thiết kế đập, xây dựng và hoạt động thanh tra được thay đổi liên tục, thậm chí đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp và giàu kinh nghiệm kỹ thuật cũng cần phải được bổ sung kiến thức về kỹ thuật mới và sử dụng như thế nào để đạt hiệu quả cao trong công việc. Các loại hình đào tạo diễn ra ở tất cả các cấp để bổ sung kiến thức cho nhân viên phù hợp với chuyên môn của họ.

Công tác đào tạo nâng cao nhận thức cho các nhân viên được thực hiện đối với các đối tượng:

- Ủy ban kỹ thuật quốc gia
- Tổ điều phối Dự án Quốc gia
- Chính quyền địa phương
- Cán bộ Môi trường huyện
- Cán bộ kỹ thuật của Bộ NN & PTNT, CPO, PPMU và các chuyên gia Tư vấn Môi trường và Xã hội (bao gồm cả cán bộ khuyến nông)
- NGOs, Hợp tác xã và các hội liên hiệp
- Các đơn vị cộng đồng. Ví dụ tổ chức xã hội, Hội phụ nữ, đoàn thanh niên
- Nhà thầu và các nhân viên quản lý môi trường
- Tư vấn giám sát tuân thủ môi trường

Chương trình đào tạo sẽ quan tâm:

- Sàng lọc môi trường, tác động xã hội và sử dụng danh sách kiểm tra
 - Quá trình sàng lọc
 - Phân loại các yếu tố môi trường
 - Cơ sở lý luận cho việc sử dụng danh mục kiểm tra Môi trường và Xã hội
 - Tầm quan trọng của tham vấn cộng đồng và sự tham gia của các hộ gia đình trong quá trình sàng lọc và lập kế hoạch
 - Làm thế nào để giám sát việc thực hiện ESMF
- Các chính sách an toàn, thủ tục và các hướng dẫn
 - Đào tạo về chính sách môi trường, thủ tục và luật pháp của quốc gia

- Đào tạo về chính sách an toàn của Ngân hàng
- Các chủ đề về bảo vệ môi trường và an toàn xã hội
 - Ô nhiễm không khí, nước và đất
 - Sức khỏe, an toàn lao động và an toàn cộng đồng
 - Quản lý chất thải và xử lý chất thải
 - HIV/AIDS
 - Sử dụng tài nguyên thiên nhiên
 - Doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ
 - IPM

Khi lựa chọn các khóa học đào tạo cần xác định các tài liệu hướng dẫn hoặc thực hành tốt về quản lý môi trường cho các lĩnh vực trọng điểm được tài trợ. Mục tiêu là để giúp cán bộ, nhân viên thực hiện đúng các quy định, người dân hướng tới sản xuất sạch và do đó, cải thiện và phát triển bền vững môi trường, mang lại hiệu quả cao và giảm chi phí (ví dụ, sử dụng ít nước hơn, tiết kiệm năng lượng, phát sinh chất thải ít hơn, vv). Các chuyên gia của Ngân hàng Thế giới sẽ giám sát định kỳ và cung cấp các chương trình đào tạo liên quan đến việc xác định và quản lý rủi ro môi trường trong đánh giá và thực hiện dự án. Ngân hàng Thế giới sẽ hỗ trợ Chính phủ Việt Nam trong việc xác định các cơ hội đào tạo kỹ năng sàng lọc môi trường và quản lý môi trường cho cán bộ dự án DRSIP, nhân viên giám sát hiện trường, cán bộ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ và các đại diện cộng đồng được lựa chọn để làm quen với các nguyên tắc và thủ tục. Các chương trình đào tạo cụ thể:

<i>TT</i>	<i>Nội dung đào tạo</i>	<i>Đối tượng được đào tạo</i>
1	- Chính sách an toàn Môi trường và Xã hội của dự án	- Ban QLDA tỉnh
2	- Nâng cao năng lực về quản lý môi trường	- Ban QLDA tỉnh và các nhà thầu thi công
3	- Nâng cao Kỹ năng giám sát môi trường và Xã hội	- Ban QLDA tỉnh, TV giám sát thi công; TV giám sát môi trường, Chính quyền địa phương
4	- Đào tạo về sức khỏe môi trường và các biện pháp an toàn lao động, phòng chống các bệnh lây, truyền nhiễm	- Nhà thầu thi công
5	- Đào tạo nâng cao nhận thức về an toàn đập	- Cơ quan vận hành dự án
6	- Đào tạo, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới	- Chính quyền địa phương

Trong quá trình thực hiện, việc đánh giá nhu cầu năng lực cụ thể sẽ được thực hiện và chương trình xây dựng năng lực sẽ được thiết kế lại theo nhu cầu và mục đích nâng cao trong quá trình thực hiện dự án.

Tóm lại, Tư vấn Môi trường và Xã hội quốc tế sẽ chỉ đạo xây dựng năng lực. Với sự điều phối của

CPO, họ sẽ tổ chức đào tạo xây dựng năng lực cho PPMU và tư vấn Môi trường Xã hội cấp tỉnh. Tương tự, PPMU và tư vấn Môi trường Xã hội cấp tỉnh sẽ tổ chức chương trình đào tạo cho các nhà thầu. Nhà thầu trúng thầu sẽ chịu trách nhiệm thực hiện tập huấn cho công nhân để đảm bảo an toàn và sức khỏe lao động hợp lý, quản lý môi trường hiệu quả và lưu trữ tốt. Tập huấn quản lý dịch hại tổng hợp cũng sẽ được tổ chức theo kế hoạch của tiểu dự án.

CHƯƠNG X. NGÂN SÁCH THỰC HIỆN

KHUNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Để thực hiện thành công những hoạt động quản lý Môi trường và Xã hội, nên đảm bảo đầy đủ nguồn kinh phí. Ngân hàng Thế giới và Chính phủ sẽ cùng tài trợ kinh phí quản lý Môi trường và

Xã hội. Tổng kinh phí ước tính cho quản lý môi trường và xã hội là 35,6 triệu USD. Ngân hàng sẽ hỗ trợ khoảng 20,6 triệu USD và phần còn lại được phân bổ bởi Chính phủ. Tóm tắt tổng chi phí được trình bày trong bảng 10.1.

Bảng 10. 1: Tóm tắt tổng kinh phí và chi phí

TT	Phân loại	Chi phí thực hiện		Nguồn tài chính	
		VND (Tỷ)	US\$ (triệu)	WB	Vốn đối ứng
1	Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường	359,2	17,1	x	
2	Các kế hoạch giám sát an toàn môi trường và xã hội	32,9	1,5	x	
3	Xây dựng năng lực	6,61	0,3	x	
4	Kế hoạch hành động giới	15,35	0,7	x	
5	Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số	21,93	1,0		
6	Bồi thường và tái định cư	328,95	15		x
	Tổng	764,94	35,6		

Phân bổ kinh phí và yêu cầu sẽ được thực hiện trong quá trình chuẩn bị dự án và việc điều chỉnh có thể là cần thiết dựa vào các yêu cầu thực tế

CHƯƠNG XI. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI KHIẾU KIẾN

11.1 Yêu cầu của ngân hàng thế giới (chính sách OP 4.12)

Các khái niệm về quản lý rủi ro xã hội và các giấy phép hoạt động đã trở thành một phần không thể thiếu trong hoạt động kinh doanh tại các thị trường. Quy mô chiến lược về môi trường và xã hội của tổ chức không thể đạt được hiệu quả nếu không có sự tham gia và phản hồi của nhóm người bị ảnh hưởng/hưởng lợi bởi các hoạt động của dự án. Một cơ chế để xác định mối quan tâm của cộng đồng tới các ảnh hưởng đó là cơ chế giải quyết khiếu nại khiếu kiện, cơ chế này là vấn đề quan trọng cốt lõi tạo điều kiện cho cộng đồng, các tổ chức cùng nhau tham gia vào các quá trình, xác định các vấn đề và đề ra các giải pháp giải quyết vấn đề.

Cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM) là một yếu tố không thể thiếu trong quản lý dự án, nó dùng để tìm kiếm thông tin phản hồi từ đối tượng được hưởng lợi/ảnh hưởng và giải quyết khiếu nại về các hoạt động của dự án và thi hành.

Cơ chế giải quyết khiếu nại phải trở thành một bộ phận quan trọng cho tất cả các tiểu dự án, nó còn bao gồm các vấn đề chưa được xác định trong tái định cư không tự nguyện, cơ chế giải quyết được thành lập không được xác định trong RPF thì sẽ không được sử dụng để giải quyết các thắc mắc liên quan đến dự án. Một ban tiếp thu và phản hồi các ý kiến của cộng đồng tại cấp tỉnh sẽ được thành lập nhằm xử lý các vấn đề liên quan đến khiếu nại, khiếu kiện của người dân và chịu trách nhiệm giải thích cho người dân hiểu vấn đề, một số phản ánh liên quan đến các hoạt động của TDA không thể làm rõ hoặc không có lời giải thích từ các cơ quan cấp tỉnh do các cơ quan này không đủ nguồn nhân lực và kiến thức sẽ được ban này làm thay. Ngoài ra, một cán bộ chuyên trách tại đơn vị quản lý đập địa phương sẽ chịu trách nhiệm tiếp thu và giải thích, trả lời các khiếu nại khiếu kiện của người dân, Cán bộ này sẽ thực hiện các công việc sau:

- Tiếp nhận, ghi lại những vấn đề khiếu nại một cách kịp thời
- Tiến hành sàng lọc sơ bộ về khiếu nại với mục đích phân loại những khiếu nại không liên quan tới dự án, xác định các phòng ban phù hợp giải quyết hoặc xem xét các khiếu nại hoặc chuyển chúng đến cơ quan phù hợp.
- Duy trì cơ sở dữ liệu khiếu nại và giám sát / theo dõi tình trạng của chúng
- Định kỳ thông báo cho người khiếu nại về tình trạng khiếu nại của họ, các vấn đề bồi thường hoặc làm rõ
- Chuẩn bị báo cáo định kỳ về các khiếu nại, bao gồm cả các khiếu nại chưa xử lý cho ban quản lý dự án.

Để đảm bảo rằng các quy định trong cơ chế giải quyết khiếu nại khiếu kiện được tuân thủ trong mỗi tiểu dự án, chủ dự án (tức là đơn vị quản lý đập / hồ chứa địa phương) và các ban quản lý dự án cấp tỉnh sẽ áp dụng thủ tục cơ chế giải quyết khiếu nại khiếu kiện dựa trên mẫu tại phụ lục 8 - Thủ tục giải quyết khiếu nại cho đơn vị QLDA cấp tỉnh. Các thủ tục được thông qua sẽ được đi kèm với gói tài liệu của Tiểu dự án và được trình lên các đơn vị tương ứng của Bộ NN&PTNT để xem xét và chấp thuận

11.2 Phương pháp tiếp cận của IFC trong việc giải quyết khiếu nại khiếu kiện

Cơ chế giải quyết khiếu nại là một phần quan trọng của cách tiếp cận của IFC để thực hiện các yêu cầu liên quan đến sự tham gia của cộng đồng bởi khách hàng dưới các khung chính sách và nghĩa vụ về bền vững xã hội và môi trường. Nơi mà được dự đoán rằng một dự án mới hoặc các hoạt động của một tổ chức sẽ gây ra các nguy cơ và ảnh hưởng xấu đến cộng đồng xung quanh, khách hàng sẽ được yêu cầu thiết lập một cơ chế tiếp nhận khiếu nại và tạo điều kiện giải quyết các mối quan tâm về việc thực hiện môi trường và xã hội của các cộng đồng bị ảnh hưởng. Cơ chế khiếu nại cần được chú ý đến đến các rủi ro và tác động bất lợi của dự án, xác định mối quan tâm, sử dụng một qui trình cụ thể, minh bạch phù hợp với văn hóa, cộng đồng bị ảnh hưởng để dàng tiếp cận, công việc này là miễn phí và không có các hình thức phạt. Cơ chế này không gây cản trở việc tiếp cận với các biện pháp tư pháp và hành chính. Chủ sở hữu sẽ thông báo cho cộng đồng bị ảnh hưởng về cơ chế trong quá trình thực hiện.

Cơ chế khiếu nại sẽ có thể thực hiện với hầu hết các vấn đề cộng đồng được ghi trong tiêu chuẩn thực hiện của IFC. Yêu cầu cơ chế giải quyết khiếu nại liên quan đến các cộng đồng bị ảnh hưởng được quy định rõ ràng đối với các nhân viên an ninh, thu hồi đất và các tác động bất lợi đối với người dân bản địa.

11.2.1 Tại cấp tiểu dự án

Cơ chế khiếu nại cấp dự án cho các cộng đồng bị ảnh hưởng là một quá trình tiếp nhận, đánh giá và giải quyết các khiếu nại liên quan đến dự án từ các cộng đồng bị ảnh hưởng. Trong bối cảnh các dự án tương đối lớn, cơ chế này cũng có thể giải quyết sự bất bình đối với các nhà thầu và các nhà thầu phụ

Cơ chế khiếu nại cấp dự án cung cấp cho các chủ sở hữu và các cộng đồng bị ảnh hưởng biện pháp thay thế cho các quy trình giải quyết tranh chấp bên ngoài (hệ thống pháp luật, hành chính hay cơ chế dân sự). Cơ chế giải quyết khiếu nại khác với các hình thức giải quyết tranh chấp, cái mà họ đề nghị những lợi thế một cách cục bộ, đơn giản và cùng có lợi để giải quyết các vấn đề trong khuôn khổ của các mối quan hệ cộng đồng, trong khi công nhận quyền của người khiếu nại để đưa sự bất bình của họ trở thành một cơ thể tranh chấp chính thức hoặc các cơ chế giải quyết tranh chấp bên ngoài khác. Các vấn đề phức tạp nảy sinh từ tác động môi trường và xã hội thường ít khi được giải quyết một cách đơn giản. Trong trường hợp như vậy, các dự án nên có sự tham gia của bên thứ ba khác trong quá trình giải quyết để đạt được giải pháp với các cộng đồng bị ảnh hưởng. Chúng bao gồm, nhưng không giới hạn, các cơ quan hòa giải khác nhau trong nước và quốc tế, hòa giải viên quốc gia độc với ngành và chuyên môn cụ thể, cơ chế trách nhiệm độc lập về tài chính của khu vực hành chính công.

11.2.2 Cộng đồng được hưởng lợi và trách nhiệm

Cơ chế khiếu nại của một dự án nên được thiết kế đặc biệt và tập trung vào các cộng đồng địa

phương bị ảnh hưởng bởi dự án. Nhiệm vụ của người bị ảnh hưởng là sử dụng cơ chế khiếu nại để khiếu nại các cơ sở, tổ chức gây ra các ảnh hưởng và người khiếu nại phải hiểu rằng, khiếu nại không phải đơn giản và phải phụ thuộc vào hoàn cảnh cụ thể của dự án. Vì vậy, nó có lợi thế xem xét những người có thể bị ảnh hưởng bởi dự án, bản chất của các tác động tiềm tàng, các bên liên quan trong quá trình phân tích xã hội và đánh giá môi trường.

Trọng tâm của cơ chế khiếu nại dựa trên các nhu cầu của cộng đồng bị ảnh hưởng được minh chứng bằng thực tế rằng họ là người trực tiếp bị tác động và trong một số trường hợp người bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của dự án nhưng thường thiếu các lựa chọn khả thi hoặc khả năng để đưa ra các mối quan tâm của họ thông qua các cấu trúc chính thức như các tòa án.

Để một cơ chế khiếu nại có hiệu quả, tất cả các bên liên quan của dự án cần phải hiểu và ủng hộ mục đích của nó. Các cộng đồng bị ảnh hưởng phải được nhận thức và hiểu những lợi ích cơ chế khiếu nại của họ. Các nhóm liên quan khác cần phải hiểu lý do tại sao các cơ chế khiếu nại là không đề cập đến các mối quan tâm của họ (như tranh chấp thương mại hay chính trị) và hướng dẫn cách thức đưa ra khiếu nại của họ.

Cơ chế giải quyết khiếu nại của dự án được thiết kế với sự tham gia của những nhóm bị ảnh hưởng. Dựa vào những hỗ trợ của họ, quá trình này có thể giải quyết những quan tâm với một cách thức mang lại hiệu quả cho cộng đồng và các cơ quan

Theo đúng thiết kế và thực hiện các quy trình quản lý khiếu nại có thể có lợi cho cả đơn vị sở hữu và cộng đồng bằng cách tăng khả năng giải quyết các tranh chấp nhỏ một cách nhanh chóng, không tốn kém với các giải pháp hợp lý đáp ứng cả hai bên. Cơ chế giải quyết khiếu nại cũng có thể giúp xác định và giải quyết vấn đề trước khi chúng được áp dụng các phương pháp giải quyết tranh chấp chính thức, bao gồm cả các tòa án.

Nhận biết và đối phó với các vấn đề cộng đồng bị ảnh hưởng sớm có thể làm lợi cho đơn vị chủ sở hữu bằng cách giảm rủi ro các hoạt động và uy tín có thể dẫn đến loại bỏ những vấn đề chưa được giải quyết. Những rủi ro này có thể có những tác động quan trọng trực tiếp đến kinh doanh. Các cuộc biểu tình, cầu đường tắc nghẽn, bạo lực, đình công và đóng cửa nhà máy chỉ là một vài ví dụ về cách xử lý không đạt yêu cầu của các mối quan tâm của cộng đồng có thể trực tiếp ảnh hưởng đến định hướng của một doanh nghiệp.

Một cơ chế khiếu nại cũng cung cấp cho các công ty tiếp cận với các thông tin quan trọng về môi trường bên ngoài của dự án, có thể giúp các doanh nghiệp xác định điểm yếu chính xác trong hệ thống quản lý của mình hoặc trong quá trình sản xuất.

Đối với chủ sở hữu cũng như cộng đồng, những cuộc xung đột đưa nhau ra tòa án có thể kéo dài và tốn kém, sẽ không đạt được kết quả mong muốn cho cả hai bên. Đối với công ty, công khai tiêu cực có thể gây ra thiệt hại lớn hơn. Bằng cách tạo ra một cơ chế cấp dự án, các công ty có thể giải quyết nguồn gốc của vấn đề hiệu quả hơn. Ví dụ như:

- Cơ chế cấp độ dự án tại địa phương đề nghị các biện pháp giải quyết không giống như cơ chế của chính phủ, có thể phục vụ cho nhu cầu địa phương và kết hợp các quy định phù hợp với các nhóm cộng đồng khác nhau, đặc biệt là những người có hoàn cảnh khó khăn (như phụ nữ, dân tộc thiểu số, các nhóm bị tổn thương).

- Trong trường hợp các cơ chế của chính phủ đưa ra không kịp thời, không hiệu quả và tốn kém, cộng đồng có thể đón nhận một cơ hội để nêu lên khiếu nại của mình và nhận được giải quyết tại chỗ, nhanh chóng, đạt yêu cầu và miễn phí.

11.2.3 Vai trò của bên thứ ba

Các bên thứ ba như các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức cộng đồng, chính quyền địa phương, cộng đồng địa phương, các tổ chức tôn giáo và các hội đồng đôi khi có thể được tham gia vào cơ chế khiếu nại của chủ sở hữu. Họ có thể làm việc như tổ chức địa điểm để tiếp nhận và chuyển đơn khiếu nại cho các đơn vị có chức năng hoặc là người hỗ trợ, người làm chứng, cố vấn, hoặc trung gian. Trong một số trường hợp, nó có thể có ích để đặt một phần trách nhiệm trong quá trình thực hiện, là một tổ chức hình thành trong cộng đồng và được cộng đồng chấp nhận, trong khi các công ty, đơn vị, chủ sở hữu là đơn vị chịu trách nhiệm cuối cùng để giải quyết vấn đề khiếu kiện. Bên thứ ba có thể giúp làm tăng mức độ tin tưởng của cộng đồng cũng như khắc phục những hạn chế nhất định về cơ chế cấp dự án, chẳng hạn như sự thiếu minh bạch, nguồn lực công ty không đủ, xung đột về lợi ích và những thành kiến mà bản thân họ được xem là những thiên vị và khách quan liên quan đến cả hai công ty và cộng đồng.

Để có một cơ chế khiếu nại cấp dự án có hiệu quả, các đơn vị chủ quản cần phải hiểu được vai trò của các bên thứ ba, ví dụ:

- Các tổ chức cộng đồng tự quản (như các hội đồng làng, hội đồng trưởng lão, bộ lạc). Khi phát triển một cơ chế khiếu nại phải đảm bảo rằng cơ chế này phù hợp với văn hóa địa phương, sự tham gia của cộng đồng trong việc ra quyết định và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của cộng đồng hiện tại.
- Các tổ chức NGO địa phương và quốc tế. Xác định những người đang hoạt động trong các lĩnh vực của dự án hoặc công ty, tìm hiểu về tương tác của họ với các cộng đồng bị ảnh hưởng, xác định những đóng góp của họ để giải quyết có hiệu quả, thảo luận về cách lựa chọn cho một tổ chức NGO để quản lý cơ chế khiếu nại của dự án hoặc một phần của nó. Đôi khi các NGO cũng có thể đại diện cho cộng đồng địa phương và giúp họ xây dựng năng lực của họ để hiểu được quá trình và lợi ích của nó, tham gia vào việc ra quyết định, phản ứng một cách mạch lạc và mang lại cho họ sự quan tâm của các công ty. Các tổ chức này có thể được xem như là một tiếng nói của cộng đồng và các công ty cần phải được chuẩn bị để đối phó với những phản ứng được đưa ra bởi các NGO thay mặt cộng đồng.
- Cơ quan chính quyền địa phương. Cộng đồng đôi khi đưa các khiếu nại liên quan đến dự án của họ với chính quyền địa phương. Trong trường hợp này cần thiết lập, xem xét việc hợp tác với chính quyền địa phương để tạo điều kiện tiếp nhận khiếu nại từ cộng đồng. Chính quyền địa phương cũng có thể là một nguồn lực để giúp các công ty giải quyết khiếu nại, do chính quyền địa phương có thể có mối quan hệ được thiết lập với các cộng đồng. Họ có thể tham gia như các bên thứ ba và các cố vấn trong quá trình giải quyết do công ty khởi xướng.

11.3 Cơ chế giải quyết khiếu nại của Việt Nam

Khung chính sách tái định cư của dự án (RPF) đòi hỏi mỗi tiêu dự án phải có một cơ chế giải

quyết khiếu nại (GRM) cho mục đích liên quan đến tái định cư, giải thích mối quan tâm hoặc khiếu nại (Vui lòng tham khảo RPF phần VIII cho các chi tiết của việc thiết lập các GRM tại các tiểu dự án cấp tỉnh.)

Để đảm bảo rằng tất cả các thách thức khiếu nại của người bị ảnh hưởng về bất kỳ khía cạnh nào của việc thu hồi đất, bồi thường và tái định cư đều được giải quyết một cách kịp thời và thỏa đáng và đảm bảo rằng người dân bị ảnh hưởng có thể thoải mái đưa ra thách thức khiếu nại của mình, một cơ chế giải quyết khiếu nại cần phải được thiết lập. Tất cả người bị ảnh hưởng có thể gửi bất cứ câu hỏi nào cho các cơ quan thực hiện về quyền lợi của họ liên quan đến vấn đề bồi thường, chính sách bồi thường, tỷ giá, thu hồi đất, tái định cư, trợ cấp và phục hồi thu nhập. Ngoài ra, người bị ảnh hưởng không phải trả bất kỳ khoản phí liên quan tới thủ tục giải quyết khiếu nại kể cả việc giải quyết khiếu nại đó cần phải giải quyết tại tòa án theo luật định. Chi phí này được bao gồm trong ngân sách để thực hiện RAP.

Thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại sẽ được thực hiện như sau:

Cấp thứ nhất - Ủy ban Nhân dân Xã/Phường/thị trấn: Người bị ảnh hưởng có thể mang đơn khiếu nại của mình đến bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân xã/phường, bằng văn bản hoặc bằng lời nói. Cán bộ của UBND xã/phường ở bộ phận Một cửa có trách nhiệm thông báo cho lãnh đạo UBND xã/phường về đơn khiếu nại. Chủ tịch UBND Xã/phường/Thị trấn, người có trách nhiệm giải quyết sẽ gặp riêng hộ gia đình bị ảnh hưởng thiệt hại để tìm hiểu vấn đề. UBND xã/phường có 30 ngày, kể từ khi tiếp nhận đơn khiếu nại để giải quyết vấn đề. Văn phòng UBND Xã/phường chịu trách nhiệm về việc lưu giữ hồ sơ của tất cả các khiếu nại mà UBND Xã/phường xử lý.

Cấp thứ hai - Ủy ban Nhân dân huyện: Nếu sau 30 ngày, hộ gia đình bị ảnh hưởng thiệt hại không nhận được tin tức gì từ UBND xã/phường/Thị trấn hoặc nếu các hộ gia đình bị ảnh hưởng là không hài lòng với đối với quyết định giải quyết khiếu nại của mình, hộ gia đình bị ảnh hưởng có thể trình vụ việc, hoặc bằng văn bản hoặc bằng lời nói tới UBND quận/huyện tại bộ phận Tiếp dân. UBND huyện sẽ có 30 ngày để giải quyết vụ việc tính từ ngày nhận được đơn khiếu nại. UBND huyện chịu trách nhiệm về việc lưu giữ hồ sơ của tất cả các khiếu nại do UBND huyện xử lý và sẽ thông báo cho Hội đồng Bồi thường cấp quận/huyện và người bị ảnh hưởng về bất kỳ quyết định nào được thực hiện. Các hộ BAH có thể khiếu nại vấn đề của mình tại Tòa án, nếu họ muốn.

Cấp thứ ba - Ủy ban Nhân dân tỉnh: Nếu sau 30 ngày người dân bị ảnh hưởng có khiếu nại không nhận được phản hồi từ UBND huyện, hoặc không thỏa mãn với quyết định đưa ra cho khiếu nại của mình, hộ dân bị ảnh hưởng có thể trình vụ việc của mình hoặc bằng văn bản hoặc trình bày trực tiếp, tới bất cứ cán bộ nào UBND tỉnh tại Trụ sở Tiếp dân. UBND tỉnh sẽ có 45 ngày để giải quyết khiếu nại làm hài lòng các bên có liên quan. UBND tỉnh có trách nhiệm lưu hồ sơ của tất cả các khiếu nại mà mình giải quyết. Các hộ BAH có thể khiếu nại vấn đề của mình tại Tòa án, nếu họ muốn.

Cấp cuối cùng, Tòa án: Nếu sau 45 ngày người dân bị ảnh hưởng có khiếu nại không nhận được phản hồi của UBND tỉnh, hoặc không thỏa mãn với quyết định đưa ra cho khiếu nại của mình, vụ việc có thể được trình lên Tòa án để xem xét và đưa ra phán quyết. Quyết định của Tòa án sẽ là quyết định cuối cùng.

Quyết định giải quyết khiếu nại sẽ phải được gửi cho người khiếu nại và các bên có liên quan và phải được niêm yết công khai tại trụ sở của UBND của cấp giải quyết khiếu nại. Sau 03 ngày có quyết định/kết quả giải quyết khiếu nại tại cấp phường/xã/thị trấn và sau 07 ngày tại cấp huyện hoặc tỉnh.

Để giảm thiểu các khiếu nại lên cấp tỉnh, CPO sẽ phối hợp với HĐBT cấp huyện để tham gia và tư vấn giải quyết, trả lời các khiếu nại.

Nhân sự: Cán bộ Môi trường và tái định cư do CPO lựa chọn sẽ thiết kế và duy trì một cơ sở dữ liệu về các khiếu nại liên quan đến dự án của các hộ bị ảnh hưởng bao gồm các thông tin như: bản chất của khiếu nại, nguồn và ngày nhận khiếu nại, tên và địa chỉ của người khiếu nại, hành động cần thực hiện, tình trạng hiện tại.

Đối với các khiếu nại bằng miệng, ban tiếp nhận/hòa giải sẽ ghi lại những yêu cầu này trong một mẫu đơn khiếu nại tại cuộc họp đầu tiên với người bị ảnh hưởng.

Tư vấn giám sát độc lập có trách nhiệm kiểm tra các thủ tục và các quyết định giải quyết khiếu nại. Tư vấn giám sát độc lập có thể đề nghị thêm các biện pháp khác để giải quyết những khiếu nại còn tồn đọng. Trong quá trình làm việc liên quan đến nhiệm vụ kiểm tra các thủ tục giải quyết khiếu nại và xem xét các quyết định giải quyết khiếu nại, cơ quan giám sát độc lập cần phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các thành viên của Mặt trận có trách nhiệm giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại tại địa phương

Quy trình giải quyết khiếu nại của dự án yêu cầu phải có tên và chi tiết liên lạc của cán bộ tiếp nhận và giải quyết khiếu nại. Những thông tin này sẽ được phổ biến thông qua các tờ rơi thông tin và dán trong các văn phòng của UBND các xã, huyện và CPO.

Đồng thời, để tránh sự chậm trễ trong quá trình giải quyết khiếu nại, tài khoản ký quỹ để thanh toán tái định cư nên được sử dụng đảm bảo thanh toán bồi thường sau khi khiếu nại đã được giải quyết.

Để đảm bảo rằng cơ chế khiếu nại mô tả ở trên là thiết thực và chấp nhận được đối với người BAH, cơ chế đó đã được tham vấn với chính quyền và cộng đồng địa phương có tính đến đặc điểm văn hóa riêng biệt cũng như các cơ chế văn hóa truyền thống trong việc nêu và giải quyết khiếu nại và những vấn đề mâu thuẫn. Những đối tượng và nỗ lực của các dân tộc thiểu số cũng được xác định và quyết định những cách thức chấp nhận được về văn hóa để tìm ra cách giải quyết.

CHƯƠNG XII. HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ TÀI SẢN VĂN HÓA VẬT THỂ

12.1 Khái niệm chung

Có rất nhiều di tích lịch sử có giá trị ở các tỉnh trong dự án. Những địa điểm này được bảo vệ bởi các cấp và cộng đồng địa phương. Dự án sẽ không được đầu tư nếu xâm phạm hoặc làm ảnh hưởng đến bất kỳ địa điểm văn hóa vật thể nào. Các dự án sẽ phải tính toán để giảm thiểu các tác động lên tài sản văn hóa vật thể, theo danh mục tại Phụ lục - C, C1.

Như đã nêu, các hướng dẫn của Ngân hàng Thế giới về quản lý, bảo vệ tài nguyên văn hóa vật thể (PCR), 3 yếu tố trong chính sách này là:

- Các dự án liên quan đến các cuộc khai quật lớn, phá dỡ, lấy đất, lũ lụt hoặc thay đổi môi trường lớn khác.
- Các dự án nằm trong hoặc trong vùng lân cận của một khu bảo tồn hoặc khu vực được công nhận là di sản.
- Dự án được thiết kế để hỗ trợ việc quản lý hoặc bảo tồn PCR

Các tiêu dự án thuộc dự án DRSIP để đảm bảo an toàn công trình, việc đào đắp, vận chuyển đất, và lũ lụt chỉ là tạm thời. Các tỉnh có tổ chức tôn giáo, các khu vực khảo cổ học quan trọng, các viện nghiên cứu cũ, các thư viện công cộng, trung tâm cộng đồng đều có thể được coi là PCR. Tuy nhiên, khu vực ảnh hưởng bởi các tiêu dự án có thể có hoặc không có các khu vực này (các khu vực này sẽ được xác định trong giai đoạn 2 của dự án). Vì vậy, việc đánh giá tác động đến Tài nguyên Văn hóa sẽ được trình bày trong phần này.

12.2 Hướng dẫn xác định PCR

Trong bối cảnh của dự án, có thể tìm thấy PCR ,ví dụ:

- Công trình nhân tạo: tòa nhà tôn giáo như chùa, nhà thờ, tòa nhà mang kiến trúc bản địa, ngôn ngữ địa phương hoặc phần còn lại của tòa nhà có liên quan đến kiến trúc, lịch sử hoặc các kiến trúc quan trọng trên khu vực khảo cổ học (không biết hoặc biết đến, được khai quật hoặc được vùi lấp bảo quản), di tích lịch sử.
- Tự nhiên: cây lịch sử, cảnh quan thiên nhiên mang phong cách thẩm mỹ nổi bật
- Kết hợp nhân tạo hoặc tự nhiên: Các khu vực được sử dụng cho các chức năng tôn giáo hay xã hội như khu tổ chức đám cưới, đám tang hoặc các hoạt động cộng đồng truyền thống khác (trung tâm cộng đồng), bãi chôn lấp, phần mộ gia đình, cảnh quan văn hóa.
- Các hiện vật, tranh, tượng: đăng ký hoặc chưa đăng ký hiện vật trong các đền thờ hay nhà thờ, tranh, tượng của các nhân vật quan trọng trong lịch sử, hiện vật tôn giáo, hiện vật văn hóa, vv.

12.3 Đánh giá các tác động do hoạt động của TDA

Dưới đây là danh sách các hoạt động, các đặc điểm hoạt động của TDA có thể làm tăng tác động tiêu cực đối với PCR, được chia thành hai giai đoạn: giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành.

Giai đoạn xây dựng:

- Hình thành lán trại:
 - Phá hoại, trộm cắp, vận chuyển và xuất khẩu trái phép PCR, các thành phần của PCR mà có thể bị người lao động lấy đi hoặc bị xâm phạm trực tiếp hoặc gián tiếp
 - Xâm phạm vào các khu vực linh thiêng.
- Đào đắp, lu lèn đất:
 - Gây thiệt hại chất trực tiếp đến trạng thái tự nhiên, nhân tạo và chôn lấp các PCR tại khu vực
- Xây dựng đường giao thông:
 - Độ rung, ô nhiễm đất, không khí và nước gây thiệt hại cho các PCR tự nhiên hoặc nhân tạo tại khu vực
 - Ô nhiễm tiếng ồn có thể gây trở ngại cho việc khai thác các hoạt động như du lịch, sự tôn nghiêm của các khu vực PCR như các tòa nhà lịch sử, cơ sở tôn giáo, nghĩa trang.
- Huy động của các thiết bị xây dựng hạng nặng:
 - Thiệt hại đối với các công trình tự nhiên tự nhiên hoặc nhân tạo
 - Nén đất chặt làm tổn hại các khu vực khảo cổ học và làm hư hại đường ống và cống phục vụ cho các khu PCR trong vùng lân cận.
- Lũ lụt và ngập lụt:
 - Ngập nước hoặc tiêu hủy các công trình PCR do con người gây ra.
 - Ngăn cản các hoạt động tiếp cận các PCR.
 - Mực nước dâng cao hơn bình thường cũng gây hại đến PCR.
 - Gây thiệt hại đối với cảnh quan, danh lam thắng cảnh về mặt thẩm mỹ.
- Xử lý chất thải hoặc bãi rác: Chôn vùi hoặc thiệt hại cho các khu vực PCR tự nhiên, làm chôn vùi hoặc làm cho các khu vực PCR ngập dưới nước

Giai đoạn vận hành:

- Đường công vụ:

- Tăng lưu lượng tham gia giao thông của con người đến các khu vực PCR, dẫn đến việc bào mòn hoặc hư hỏng, xâm phạm khu vực linh thiêng, trộm cắp, phá hoại hoặc lấy đi các PCR.
 - Đường công vụ sẽ làm thay đổi đời sống tâm linh của người dân địa phương đối với các PCR.
 - Tăng ô nhiễm không khí và độ rung từ giao thông do con người tạo ra gây thiệt hại cho PCR, đặc biệt là các khu di tích và địa điểm văn hóa.
 - Tăng ô nhiễm tiếng ồn gây ảnh hưởng đến tín ngưỡng và hương thụ của người dân ở các điểm đến du lịch, các tòa nhà lịch sử, cơ sở tôn giáo.
 - Tại các khu vực danh lam thắng cảnh, đường công vụ gây ra sự khó chịu cũng như làm xấu đi hình ảnh của khu PCR
 - Đường và cầu sẽ nhanh bị hư hỏng do lượng người gia tăng trong khu vực.
 - Tác động tích cực của việc hình thành đường công vụ như các khu vực từ trước tới nay khó có thể tiếp cận, nay trở nên dễ dàng hơn, tạo điều kiện phát triển du lịch.
- Tác động cộng hưởng:
 - Tăng lưu lượng tham gia giao thông của con người đến các khu vực PCR, dẫn đến việc bào mòn hoặc hư hỏng, xâm phạm khu vực linh thiêng, trộm cắp, phá hoại hoặc lấy đi các PCR, gây thiệt hại cho đến thẩm mỹ và cảnh quan của các khu danh lam thắng cảnh.
- Phát triển khu vực:
 - Những thay đổi về nhân khẩu học hoặc phải giải quyết các mô hình phát triển dẫn đến bỏ rơi và bỏ bê các khu dân cư cũ mà trong đó có các PCR. Ví dụ như phong cách kiến trúc bản địa.
 - Sự phát triển không quan tâm đến môi trường xung quanh, làm giảm đi giá trị thẩm mỹ, giá trị đích thực của các PCR và cuối cùng, bỏ bê việc chăm sóc, quan tâm đến PCR trong khu vực.
 - Thiệt hại đến thẩm mỹ của của các khu vực cảnh quan, danh lam thắng cảnh.

12.4 Hướng dẫn đánh giá tác động khảo cổ

Để giảm khả năng gây tổn hại các vật khảo cổ, trong trường hợp chúng được tìm thấy trong khi xây dựng các công trình, PPMU sẽ ngay lập tức yêu cầu một đơn vị khảo cổ được ủy quyền hoặc ít nhất là một nhà khảo cổ học đến để theo dõi các khu vực khảo cổ theo định kỳ. Các nhà khảo cổ học sẽ nghiên cứu, kiểm kê và ghi chép đặc tính, đặc trưng của khu vực khảo cổ và đồ khảo cổ tuân theo các quy tắc và quy định của Chính phủ Việt Nam.

12.4.1 Nhiệm vụ:

Các nhiệm vụ trọng tâm của các nhà khảo cổ học là:

- Tiến hành đánh giá tác động khảo cổ học khi cần thiết.
- Thực hiện lấy mẫu khai quật và đánh giá tầm quan trọng của hiện vật tìm thấy, đề xuất các biện pháp giảm thiểu để bảo vệ khảo cổ bị chôn vùi hoặc lộ thiên còn tồn tại và đề xuất các hoạt động nghiên cứu trong tương lai.
- Đánh giá rủi ro đối với các tài liệu khảo cổ học do cơ sở hạ tầng được đề xuất và đề nghị thay đổi thiết kế xây dựng các công trình cơ sở.
- Xác định các biện pháp giảm nhẹ thích hợp và chuẩn bị kế hoạch quản lý.

12.4.2 Điều tra

Đánh giá tác động khảo cổ trong khu vực dự án và vùng phụ cận để xác định các ảnh hưởng đến khu vực khảo cổ liên quan đến việc xây dựng các cơ sở hạ tầng đề xuất. Một nhóm chuyên gia cần phải tiến hành một nghiên cứu và khảo sát tại khu vực tiểu dự án. Mục tiêu của cuộc khảo sát này là đề xuất các biện pháp giảm nhẹ thích hợp được thực hiện để bảo vệ các khảo cổ bị chôn vùi hoặc các khu vực lộ thiên. Mục tiêu khác là đề xuất thay đổi, nếu có, đối với các công trình cơ sở hạ tầng để có thể đảm bảo tốt hơn cho việc bảo vệ các khu khảo cổ học có ý nghĩa văn hóa và lịch sử và cũng là tiền đề cho các nghiên cứu khảo cổ học trong tương lai và tiến hành khai quật.

Nhóm có thể áp dụng ba phương pháp khác nhau cho mục đích này:

- Kiểm tra hồ sơ, chụp ảnh, vẽ bản đồ và các tài liệu khác có sẵn.
- Xem xét các tài liệu hiện có, các báo cáo nghiên cứu khảo cổ học, thăm dò được tiến hành tại khu vực dự án và các khu vực xung quanh.
- Qua kiểm tra khu vực để công bố các sự kiện lịch sử.
- Hợp tác với người dân địa phương để điều tra manh mối nếu có trong truyền thống và truyền thuyết của họ.

12.5 Thủ tục tìm kiếm - phát lộ

Các công trình dự án có thể tác động đến các khu vực linh thiêng, tôn giáo hoặc giá trị di sản. Thủ tục "tìm kiếm - phát lộ" sẽ được áp dụng khi các khu vực thực tế được xác định trong giai đoạn thiết kế hoặc trong thời gian thi công.

Tài sản văn hóa bao gồm di tích, cấu trúc, tác phẩm nghệ thuật, hoặc các khu vực có ý nghĩa quan trọng, các khu vực hoặc cấu trúc mang ý nghĩa khảo cổ, lịch sử, kiến trúc, tôn giáo và các khu vực có giá trị văn hóa tự nhiên. Điều này còn bao gồm các khu nghĩa trang, nghĩa địa và mồ mả.

Trong trường hợp phát hiện các tài sản có giá trị văn hóa trong quá trình xây dựng, các thủ tục sau đây được áp dụng để bảo vệ khỏi nạn trộm cắp và cách thức xử lý các hiện vật được phát hiện, thủ tục này phải được tích hợp trong tài liệu đấu thầu.

- Ngay lập tức ngừng các hoạt động xây dựng trong khu vực.
- Khoanh vùng khu vực phát hiện.
- Bảo mật các khu vực khảo cổ để ngăn chặn bất kỳ thiệt hại hoặc tổn thất của các đối tượng

có thể tháo rời.

- Thông báo cho Kỹ sư giám sát thực địa và thông báo cho những người có trách nhiệm.
- Chính quyền địa phương và các bộ, ngành có liên quan sẽ chịu trách nhiệm bảo vệ và giữ gìn các khu vực này trước khi quyết định các thủ tục thích hợp tiếp theo.
- Quyết định về việc làm thế nào để xử lý khu phát lộ sẽ được thực hiện bởi các cơ quan chức năng có trách nhiệm và các Bộ có liên quan. Điều này có thể bao gồm những thay đổi trong thiết kế hoặc kế hoạch (chẳng hạn như khi tìm thấy một phần PCR không thể di dời), bảo tồn, khôi phục và cứu hộ.
- Thực hiện các quyết định của cơ quan có liên quan đến việc quản lý phát lộ sẽ được thông báo bằng văn bản tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Công trình xây dựng chỉ có thể tiếp tục sau khi nhận được sự cho phép từ chính quyền địa phương và các cơ quan, bộ ngành về bảo vệ di sản.
- Ngân hàng Thế giới cần phải nhận được thông báo của Ban quản lý về các vấn đề và kế hoạch hành động.
- Các thủ tục này phải được coi như là một tiêu chuẩn trong các hợp đồng xây dựng. Trong thời gian giám sát công trình, Kỹ sư hiện trường giám sát các quy định liên quan đến việc xử lý các tình huống nêu trên.
- Phát hiện có liên quan sẽ được ghi nhận trong Báo cáo Giám sát trình Ngân hàng Thế giới và hiệu quả tổng thể của việc giảm thiểu tác động đến tài sản văn hóa vật thể, quản lý của dự án và các hoạt động sẽ được đánh giá.

CHƯƠNG XIII. THAM VẤN KHUNG VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

13.1 Yêu cầu tham vấn

WB yêu cầu tham vấn với các cộng đồng địa phương. Tư vấn sẽ cung cấp thông tin về các khía cạnh sau đây: a) mục đích của dự án; b) Kết quả đánh giá tác động môi trường; và c) trình bày các nghiên cứu bổ sung cần thiết trong trường hợp áp dụng. Khung ESMF đã được chuẩn bị thông qua một quá trình tư vấn chi tiết cả ở cấp tỉnh và cấp trung ương.

13.2 Tham vấn cấp tỉnh

Tham vấn diễn ra rộng rãi ở cấp tỉnh trong suốt quá trình chuẩn bị ESIA của 12 tiểu dự án được ưu tiên lựa chọn. Các cuộc tham vấn này cung cấp thông tin hữu ích cho việc chuẩn bị ESIA cũng như phát triển Khung ESMF.

13.2.1 Yêu cầu của tham vấn

WB yêu cầu tham vấn với các cộng đồng địa phương. Tư vấn sẽ cung cấp thông tin về các khía cạnh sau đây: a) mục đích của dự án; b) Kết quả đánh giá tác động môi trường; và c) trình bày các nghiên cứu bổ sung cần thiết trong trường hợp áp dụng. Các kết quả sẽ được trình bày trong Kế hoạch Quản lý Môi trường Xã hội. Tư vấn thông qua một chương trình tiếp cận cộng đồng hoặc các mối quan hệ trong quá trình thực hiện được coi là một thực hành tốt để đảm bảo rằng các tác động tiêu cực tiềm năng và mối quan tâm được giải quyết đúng thời gian xây dựng và hoạt động của dự án. Yêu cầu tham vấn rộng rãi với dân số bị ảnh hưởng và đồng bào dân tộc thiểu số được yêu cầu khi các hoạt động liên quan đến việc di dời, thu hồi đất và đồng bào dân tộc thiểu số.

13.2.2 Tóm tắt quá trình tham vấn

Tham vấn cộng đồng là một thành phần quan trọng của dự DRSIP và có vai trò nòng cốt trong hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động Môi trường Xã hội, Kế hoạch Quản lý Môi trường Xã hội (ESMP) và Khung quản lý Môi trường Xã hội (ESMF) cho dự án DRSIP là cần thiết.

- Xây dựng kế hoạch hành động tái định cư gồm 3 hợp phần chính: kế hoạch hành động tái định cư, sự cải thiện sinh kế cộng đồng.
- Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số và hợp phần quản lý thông tin, truyền thông
- Hình thành kênh đối thoại giữa người có thẩm quyền của dự án DRSIP, trưởng thôn, hộ bị ảnh hưởng. Mục đích là để di chuyển các hộ bị ảnh hưởng vào khu tái định cư cũng như nâng cao điều kiện, chất lượng sống của họ.

a) Các hoạt động tham vấn đã được thực hiện

Hai buổi tham vấn với cộng đồng và các xã địa phương trong tháng Giêng và tháng Hai đã được thực hiện cho các TDA năm đầu đề:

- Thông báo cho các hộ bị ảnh hưởng và cộng đồng về tác động của dự án
- Sử dụng thông tin thu thập và phản hồi ban đầu như là dữ liệu đầu vào để chuẩn bị cho dự án, đặc biệt là các báo cáo RAP, RPF, DSRF và ĐTM, ESIA, ESMF và ESMoP.
- Các yêu cầu của Ngân hàng Thế giới về việc thực hiện các chính sách bảo vệ môi trường, tham vấn sự đồng thuận về việc thực hiện dự án, phát hiện ra những tác động tích cực, tiêu cực của dự án, sự cố đã xảy ra trong lịch sử và khuyến cáo các nhà đầu tư.

b) Kết quả tham vấn cộng đồng

Trong buổi tham vấn cộng đồng, các đại biểu bày tỏ sự đồng thuận đối với dự án được đề xuất, TDA sẽ tiến hành nâng cao an toàn đập, giải quyết những vấn đề mà người dân địa phương quan tâm để đảm bảo đời sống, ổn định sản xuất và cải thiện chất lượng cuộc sống. Bên cạnh đó, các đại biểu cũng bày tỏ quan ngại của họ về việc bồi thường đất bị thu hồi và các biện pháp để giảm thiểu các tác động của việc xây dựng (như làm gián đoạn nguồn nước tưới và nước sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng, hỗ trợ và bồi thường, vv).

Các mối quan tâm chính của cộng đồng địa phương và chính quyền địa phương có liên quan là:

- Đất nông nghiệp và sản lượng nông nghiệp là mối quan tâm chính của người dân địa phương. Đất tái định cư và khả năng sản xuất của nó phải tương đồng với khu đất bị thu hồi hoặc có ưu điểm hơn. Các hộ gia đình thuộc diện di dời phải thay đổi sinh kế và thích nghi với điều kiện sống mới, nhưng quá trình này phải mất vài tháng. Do đó, việc bồi thường tiền hoặc “đất đổi đất” là rất quan trọng trong việc hỗ trợ người dân địa phương trong thời gian xây dựng, đặc biệt là sau khi dự án hoàn thành. Khu tái định cư và các khu vực bị ảnh hưởng sẽ nhận được các khoản hỗ trợ tài chính, sức khỏe, dịch vụ, giáo dục và cộng đồng.
- An ninh thôn xóm và duy trì trật tự xã hội cũng là mối quan tâm chung. Dân số gia tăng nhanh chóng có thể làm tăng đáng kể nhu cầu về lương thực, nước và an ninh địa phương. Bảng 13.1 hướng dẫn tóm tắt các vấn đề và ghi các ý kiến trong quá trình tham vấn. Hướng dẫn tham vấn cộng đồng trong phụ lục C3

Bảng 13. 1: Hướng dẫn tóm tắt các vấn đề và ghi các ý kiến trong quá trình tham vấn

<i>Tỉnh</i>	<i>Tiểu dự án</i>	<i>Cộng dân tộc đa số/thiểu số</i>	<i>Mối quan tâm chính</i>	<i>Yêu cầu của địa phương</i>	<i>Yêu cầu của tỉnh</i>
Thanh Hoá	Đồng Bề	-	<ul style="list-style-type: none"> - Mất đất nông nghiệp và khả năng sản xuất - Ô nhiễm sông Mã và các nhánh sông - Mất thu nhập 	<ul style="list-style-type: none"> - Cho vay lãi suất thấp để mua gia súc - Hỗ trợ đào tạo và phát triển chương 	<ul style="list-style-type: none"> Khung hành động tái định cư, Phát triển kế hoạch tái

			- Bồi thường đầy đủ và hợp lý theo cơ chế “đất đổi đất” - An ninh và bảo vệ thôn xóm	trình nhằm đa dạng hóa thu nhập - Giáo dục thanh thiếu niên và tạo việc làm	định cư, tạo việc làm
Nghệ An	Khe Sân	-	-	-	-

Các tham vấn cụ thể và các ý kiến phản hồi của chính quyền địa phương, các hộ vị ảnh hưởng, tổ chức phi chính phủ và các cá nhân được chính quyền có liên quan như cấp tỉnh, huyện, địa phương tổng hợp và trình bày trong báo cáo tham vấn.

Hộ gia đình yêu cầu tái định cư đã được cung cấp với các tùy chọn:

- Di dời đến khu tái định cư theo quy hoạch. Di dời đến khu vực nằm trong khu vực dự án thay vì khu tái định cư theo quy hoạch.
- Di dời sang tỉnh khác hoặc khu vực khác nhận được được hỗ trợ hạn chế
- Thực hiện kế hoạch chuẩn bị đất canh tác thay thế và nguồn nước tưới bổ sung
- Quản lý chất thải theo kế hoạch
- Tác động chủ yếu đến cộng đồng địa phương trong giai đoạn xây dựng
- Vận chuyển vật liệu, chất thải phải thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, bụi và độ rung
- Để tăng thu nhập cho địa phương thì điều quan trọng là phải tạo được việc làm cho người dân. Ưu tiên sử dụng lao động địa phương để tạo việc làm và nâng cao nhận thức trong việc bảo vệ hệ thống thủy lợi.
- Tác động của các tiểu dự án trong quá trình xây dựng như rác thải, bụi, tiếng ồn, người lao động ngắn hạn,... ít ảnh hưởng đến dân cư vì hầu hết công trường xây dựng nằm xa khu dân cư. Tuy nhiên, Ban QLDA tỉnh sẽ yêu cầu các nhà thầu thực hiện các biện pháp giảm thiểu.
- Trong suốt thời gian chuẩn bị và xây dựng tiểu dự án, Ban quản lý dự án tỉnh sẽ làm việc với chính quyền địa phương để sắp xếp các hoạt động, thiết kế cho phù hợp với quy hoạch hệ thống giao thông - thủy lợi tại địa phương trong dự án tổng thể xây dựng nông thôn mới của địa phương.
- Đảm bảo an toàn và giảm thiểu tác động của các hoạt động vận chuyển đến việc đi lại của người dân địa phương. Yêu cầu kế hoạch và nguồn vốn để sửa chữa những tuyến đường giao thông bị hư hại do hoạt động của tiểu dự án.
- Đại diện cộng đồng nên giám sát việc thực hiện đền bù. Ủy ban Giám sát các cộng đồng địa phương được thành lập.

13.3 Tham vấn cấp trung ương

Ngày 27/2/2015, Ban CPO đã tổ chức tham vấn về TOR thực hiện chính sách an toàn của dự án với sự tham gia của các cơ quan thuộc Bộ Nông nghiệp (Ban CPO, Tổng Cục Thủy lợi, Vụ HTQT), các tổ chức phi chính phủ (Hội Đập lớn và Phát triển nguồn nước, Hội Thủy lợi, Hội tài nguyên nước, Văn Phòng Mạng lưới cộng tác vì nước Việt Nam, Trung tâm Tài nguyên và Môi trường (CRES); Viện Kinh tế Sinh thái (ECO-ECO); Hiệp hội Việt Nam Bảo vệ Thiên nhiên và

Môi trường (VACNE); Viện Môi trường và Tài nguyên (IER); Đại diện Sở Nông nghiệp và PTNT và Ban QLDA 12 TDA năm đầu; Tư vấn Môi trường và Xã hội Trung ương; Tư vấn Môi trường và Xã hội của 12 TDA năm đầu. Hội nghị đã thảo luận các vấn đề:

- Các Tiểu dự án đều sửa chữa trên các công trình có sẵn, thời gian thực hiện của mỗi TDA chỉ từ 1-2 năm nên các tác động đến môi trường và Xã hội là không đáng kể
- Các TDA cần được phân loại thành 3 nhóm: tác động lớn (A); tác động nhỏ (B) và không có tác động (C).
- Ban CPO cần phải xây dựng khung tiêu chí để sàng lọc tác động Môi trường và Xã hội cho các TDA và lập riêng TOR cho Tư vấn Môi trường Xã hội Trung ương và tư vấn địa phương và phải đáp ứng được yêu cầu của WB

Cần phải chú ý các tác động do thực hiện dự án như:

- Khi tiến hành sửa chữa công trình đầu mối, nâng cao an toàn đập thì có thể phải hạ thấp mực nước hồ hoặc phải tháo cạn. Hành động này có thể dẫn tới thiếu hoặc không đảm bảo cung cấp đủ nước tưới cho người dân và khu tưới ở hạ lưu, chủ dự án phải xây dựng kế hoạch giảm thiểu tác động nêu trên như bồi thường đất sản xuất nông nghiệp của các hộ gia đình bị ảnh hưởng, bổ sung nguồn nước để duy trì sản xuất. Đất trồng sau một thời gian không được sử dụng phải khôi phục như thế nào trước khi đưa vào sản xuất.
- Khi tiến hành sửa chữa, nâng cấp công trình đầu mối thì có thể gây ra tác động đối với các hoạt động nuôi trồng thủy sản và giao thông thủy nội địa do làm giảm mực nước thấp trong hồ chứa xuống thấp. Ngoài ra, các hoạt động này còn gây ra việc thải các chất độc hại ra môi trường do sự phân hủy chất hữu cơ hoặc các loại khí độc trong bùn. Vì vậy, quá trình này yêu cầu thời gian thực hiện kéo dài hơn để loại bỏ hết các chất độc và làm giảm tiến độ thi công
- Trong trường hợp xây dựng lâu hơn, người địa phương có thể sử dụng vùng khô trong hồ để canh tác. Trước khi tích nước trong hồ, chủ dự án và chính quyền địa phương phải thông báo tới những người đó về thời gian và những tác động có thể.
- Phân tích giới và kế hoạch phát triển là rất quan trọng, nguyên nhân là do các hoạt động thương mại của người dân có liên quan đến các hoạt động dự án, chẳng hạn như cung cấp thực phẩm, công việc thời vụ và dịch vụ.
- Cần phải có đơn vị giám sát độc lập hoàn toàn đối với các bên để thực thi các hoạt động hỗ trợ song song với các bên. Đồng thời có các kiến nghị bổ sung các hoạt động cần thiết.
- Cơ chế giải quyết khiếu nại khiếu kiện (được hỗ trợ bởi Ngân hàng) cần được duy trì trong tất cả các giai đoạn của dự án để giải quyết các vấn đề của người bị ảnh hưởng và đảm bảo quyền lợi của họ.
- Chiến lược tái định cư dựa trên chính sách an toàn của Ngân hàng Thế giới, thực tế / điều kiện đặc thù của địa phương, văn hóa và theo bốn nguyên tắc: a) Giảm thiểu tác động môi trường và xã hội trong quá trình thu hồi đất, b) Nếu tái định cư là không thể tránh khỏi, người bị ảnh hưởng sẽ nhận được bồi thường tài chính để duy trì sinh kế. Bồi thường sẽ được thực hiện trước khi hoặc sau khi thu hồi đất theo kế hoạch hành động tái định cư và khung phát triển tái định cư, c) dự án tạo việc làm cho người dân địa phương và d) sự tham gia của người dân địa phương và cộng đồng trong việc lập kế hoạch và thực hiện.

13.4 Công bố thông tin

Theo yêu cầu của Ngân hàng Thế giới về tiếp cận thông tin, tất cả các tài liệu về chính sách an toàn của tiểu dự án như Kế hoạch Quản lý Môi trường Xã hội, Kế hoạch Hành động Tái định cư, Kế hoạch Phát triển Dân tộc Thiểu số... phải được công khai để các đối tượng quan tâm có thể tiếp cận được. Theo đó, tài liệu bằng tiếng Việt phải được công khai tại địa điểm dễ tiếp cận như UBND Xã và văn phòng PPMU. Bản tiếng Anh và tiếng Việt của báo cáo sẽ được công khai trên các trang Web của CPO/Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và tại Trung tâm thông tin phát triển Việt Nam của Ngân hàng Thế giới tại Hà Nội.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC - A: THÔNG TIN 12 TIỂU DỰ ÁN NĂM ĐẦU

Bảng - A.1: Phạm vi công việc đề xuất của 12 tiểu dự án năm đầu

<i>TDA</i>	<i>Địa điểm</i>	<i>Chiều cao đập (m)</i>	<i>Các hạng mục đầu tư</i>
Sửa chữa và nâng cao an toàn Hồ Khe Chè, huyện Đông Triều	Quảng Ninh	12.5	<p>1) Sửa chữa đập</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bê tông hóa 658m chiều dài mặt đập với chiều rộng mặt đập 4,2m, chiều cao 12,5 m không thay đổi; • Thăm dò xử lý mối đập chính; <p>2) Sửa chữa tràn xả lũ: mở rộng tràn xả lũ từ 14m lên 24m, giữ nguyên cao trình ngưỡng tràn 23,8m;</p> <p>3) Sửa chữa cống lấy nước: Cải tạo, thay mới hệ thống cơ khí cống lấy nước, hệ thống điện, sửa chữa nhà tháp cống lấy nước</p> <p>4) Làm đường quản lý và cứu hộ</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bê tông cứng hóa 140m đường quản lý với chiều rộng mặt đường: 5m và chiều rộng nền đường: 3,5m; • Vận hành đường liên xã dài 2.000m, móng đã dăm rộng 7,5m, mặt đường 6,5m kích cỡ: 2x0.5m. • Xây mới cầu qua kênh dài 5m
Sửa chữa và nâng cao an toàn Hồ Ngòi Là 2, huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	15	<p>1) Sửa chữa đập:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Khoan phụt xử lý chống thấm cho thân và nền đập với chiều dài đập là 556m, giữ nguyên cao trình đỉnh đập là 44,8m. • Mở rộng mặt đập từ 3m lên 5m. • Gia cố sửa chữa mái thượng lưu bằng đá lát trong khung bê tông, xử lý tiếp xúc mái hạ lưu, gia cố trồng cỏ và đóng đá mái hạ lưu, gia cố mặt đập; <p>2) Cống lấy nước: Sửa chữa 2 cửa van của cống lấy nước;</p> <p>3) Tràn xả lũ: Mở rộng tràn chính từ 5m lên 17m, giữ nguyên cao độ ngưỡng tràn là 41,5m. Làm lại cầu qua tràn bằng BTCT rộng 5,0m dài 17m;</p> <p>4) Gia cố đường quản lý bằng bê tông với chiều dài 1.885m.</p>
Sửa chữa và	Phú Thọ	11	1) Sửa chữa đập

TDA	Địa điểm	Chiều cao đập (m)	Các hạng mục đầu tư
nâng cao an toàn Hồ Ban, huyện Cẩm Khê			<ul style="list-style-type: none"> • Sửa chữa 354m đập chính. Nâng cao đỉnh đập từ cao trình 32,5m lên 33,5m nhưng không làm thay đổi dung tích hồ • Mở rộng mặt đập từ 4m lên 6m, gia cố mặt đập và mái thượng lưu bằng bê tông, gia cố mái hạ lưu bằng các ô trồng cỏ; <p>2) Tràn xả lũ: Sửa chữa, nâng cấp tràn xả lũ dài 6,5m, chiều rộng ngưỡng tràn 10m, giữ nguyên cao trình ngưỡng tràn là 31,5m;</p> <p>3) Công lấy nước: Xây mới công lấy nước chiều dài 35m tại vị trí bên phải đập C;</p> <p>4) Nhà quản lý: Xây mới nhà quản lý diện tích 108m²;</p> <p>5) Đường công vụ: Gia cố tuyến đường công vụ bằng bê tông dài 1.600m, rộng 5m.</p>
Sửa chữa và nâng cao an toàn Hồ Đại Thắng, huyện Lạc Thủy	Hòa Bình	16	<p>1) Sửa chữa đập:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nâng cấp 200 m đập chính, mở rộng mặt đập từ 3,5 m lên 10m, giữ nguyên cao trình đập là 16m, gia cố mặt đập bằng bê tông. • Gia cố mái thượng lưu bằng bê tông, mái hạ lưu bảo vệ bằng các ô trồng cỏ; <p>3) Công lấy nước: Làm mới công lấy nước có kết cấu bằng ống thép bên ngoài bọc bê tông cốt thép và đất sét luyện (tại vị trí công cũ) với chiều dài 96m, đường kính D400;</p> <p>4) Tràn xả lũ: Bê tông hóa tràn xả lũ (hiện có là cấu trúc đất) với chiều rộng 20m, chiều cao máng tràn là 33,5m;</p> <p>5) Đường quản lý: Nâng cấp tuyến đường quản lý bằng bê tông với chiều dài tuyến là 110m;</p> <p>6) Nhà quản lý: Xây nhà mới nhà quản lý với diện tích sàn 50m²;</p> <p>7) Hệ thống thiết bị quan trắc: Lắp đặt hệ thống thiết bị quan trắc tại đập đầu mối.</p>
Sửa chữa và nâng cao an toàn Hồ Đồng Bề, huyện Như Thanh	Thanh Hóa	11,4	<ul style="list-style-type: none"> • Nâng cao trình đập từ 41,5m lên 42,3m nhưng không làm thay đổi dung tích hồ, mở rộng mặt đập từ 4,0m lên 5,0m, gia cố mặt đập bằng bê tông; • Thay thế tràn cũ bằng tràn mới có dốc nước 5,6m, giữ nguyên đỉnh tràn 39,4m • Xây mới công lấy nước dài 52,65m (vị trí cũ) • Mở rộng chiều dài đê ngăn lũ từ 450 đến 800m

<i>TDA</i>	<i>Địa điểm</i>	<i>Chiều cao đập (m)</i>	<i>Các hạng mục đầu tư</i>
			<ul style="list-style-type: none"> • Xây mới nhà quản lý với tổng diện tích là 60m².
Sửa chữa và nâng cao an toàn Hồ Khe Gang, huyện Quỳnh Lưu	Nghệ An	12,5	<ul style="list-style-type: none"> • Sửa chữa nâng chiều dài đập từ 460m lên 487m, giữ nguyên đỉnh tràn 23,6m, mở rộng đập từ 3 ÷ 4 (m) đến 5m, gia cố bằng bê tông. Gia cố mái thượng lưu và mái hạ lưu. Xử lý thấm vai phải đập • Tràn xả lũ: Mở rộng tràn từ 45m lên 75m, giữ nguyên cao trình ngưỡng tràn 23,6m; • Cổng lấy nước: Xây dựng mới 49m cổng lấy nước, đường kính cổng D800; • Nhà quản lý: Xây dựng mới nhà quản lý 1 tầng với diện tích 54,6m²; • Đường quản lý: Bê tông hóa tuyến đường quản lý dài 303,4m.
Sửa chữa và nâng cao an toàn Hồ Khe Sân, huyện Quỳnh Lưu	Nghệ An	14,5	<p>1) Sửa chữa đập:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nâng cấp, sửa chữa tuyến đập chính, nâng cao trình đỉnh đập từ 46m lên 48,2m, nâng chiều dài đập từ 320m lên 389m, nhưng không làm thay đổi dung tích hồ • Mở rộng mặt đập mặt đập từ (2,6-3,2)m lên 5m, gia cố mặt đập bằng bê tông. • Gia cố mái thượng lưu bằng khung bê tông, gia cố mái hạ lưu bằng các ô trồng cỏ; <p>2) Tràn xả lũ: Gia cố tràn xả lũ, mở rộng ngưỡng tràn từ 23m lên 30m, cao trình tràn xả lũ 45,3m;</p> <p>3) Cổng lấy nước: Xây mới cổng lấy nước (cách cổng cũ 5m về phía vai trái đập) có khẩu độ cổng F500;</p> <p>4) Hàm chắn rác: Xây dựng hàm chắn rác có kích thước B×L×H = (1,0×2,0×1,6) m;</p> <p>5) Đường quản lý: Bê tông hóa 146m đường thi công kết hợp quản lý;</p> <p>5) Nhà vận hành</p> <ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng nhà vận hành cổng lấy nước có kích thước B×L×H = (2,6×2,6×3,2) m; • Xây mới nhà quản lý 1 tầng 80m² ở hạ lưu cách phía hữu vai đập 150m.
Sửa chữa và nâng cao an toàn Hồ Phú Vinh, TP Đồng	Quảng Bình	27,6	<p>1) Sửa chữa đập:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nâng cấp, sửa chữa đập chính dài 1,776 m, giữ nguyên cao trình đỉnh đập là 25m • Mở rộng mặt đập từ 5m lên 6m, gia cố mặt đập

<i>TDA</i>	<i>Địa điểm</i>	<i>Chiều cao đập (m)</i>	<i>Các hạng mục đầu tư</i>
Hối			<p>bằng bê tông. Xây dựng tường chắn sóng mới bằng BTCT.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Khoan phụt chống thấm cho thân và nền đập. Đắp tôn cao và áp trúc mái hạ lưu, gia cố mái thượng lưu và mái hạ lưu đập; <p>2) Cống lấy nước</p> <ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng mới 92m cống lấy nước với khẩu độ 1,2×1,2 (vị trí cách cống cũ 10m); <p>3) Trần xả lũ: Gia cố van cửa xả tràn của đập chính; gia cố thân nền tràn phụ;</p> <p>4) Đường quản lý: Cải tạo nâng cấp 599m đường quản lý hiện có bằng vật liệu bê tông;</p>
Sửa chữa và nâng cao an toàn Hồ Đập Làng, huyện Nghĩa Hành	Quảng Ngãi	13,1	<ul style="list-style-type: none"> • Nâng chiều dài đập từ 135,0m lên 148,5 m, nâng cao trình đỉnh đập từ (30,8-31,1)m lên 32 m nhưng không làm thay đổi dung tích hồ • Mở rộng mặt đập từ 3m lên 6m, xử lý thấm qua nền và thân đập; • Gia cố tràn xả lũ, nâng chiều dài tràn từ 88m lên 165 m, nâng cao trình ngưỡng tràn từ 28,5m lên 28,8m, chiều rộng tràn là 20m; • Xây dựng mới 65m cống lấy nước (chiều dài cống hiện tại là 40m). Thay thế dạng cống tròn D800 bằng ống thép D400 ngoài bọc BTCT; • Xây dựng mới nhà quản lý cấp IV với diện tích 42m².
Sửa chữa và nâng cao an toàn Hồ Thạch Bàn, huyện Phù Cát	Bình Định	12,1	<ul style="list-style-type: none"> • Nâng cấp, sửa chữa 897m đập chính, giữ nguyên cao trình đỉnh đập 52,5m • Mở rộng mặt đập từ 4m lên 5,8 m, gia cố mặt đập bằng bê tông • Gia cố mái thượng lưu bằng các tấm bê tông, gia cố mái hạ lưu bằng các ô trồng cỏ; <p>2) Trần xả lũ: Gia cố sửa chữa tràn xả lũ, làm mới đoạn ngưỡng tràn dài 5m và đoạn đầu dốc nước dài 11,10m. Giữ nguyên cao trình ngưỡng tràn từ 50,6m.</p> <p>3) Cống lấy nước: Xây dựng cống mới cống lấy nước dài 60m bằng ống thép D600 bọc bên ngoài bằng BTCT;</p> <p>4) Đường thi công: Bê tông hóa đường thi công kết hợp quản lý dài 845m.</p>

<i>TDA</i>	<i>Địa điểm</i>	<i>Chiều cao đập (m)</i>	<i>Các hạng mục đầu tư</i>
Sửa chữa và nâng cao an toàn Hồ Đa Têh, huyện Đa Têh	Lâm Đồng	27,3	<p>1) Sửa chữa đập</p> <ul style="list-style-type: none"> Nâng chiều dài đập từ 600m lên 700m đập, nâng cao trình đỉnh đập từ 158 m lên 159m nhưng không làm thay đổi dung tích hồ Gia cố mặt đập bằng bê tông, gia cố mái thượng lưu và mái hạ lưu Làm mới tường chắn sóng bằng bê tông cao trình 159,8m Xử lý chống thấm cho thân đập và nền đập chiều dài là 318m; <p>2) Tràn xả lũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Gia cố tràn xả lũ bằng BTCT Mở rộng ngưỡng tràn từ 18m lên 24m và giữ nguyên cao trình ngưỡng tràn là 151,7m; Làm lại cầu qua tràn với chiều rộng 5m; <p>3) Công lấy nước: Gia cố, sửa chữa công lấy nước, làm mới nhà tháp và cầu công tác;</p> <p>4) Nhà quản lý: Xây dựng mới nhà quản lý cấp IV với diện tích sử dụng là 150m²;</p> <p>5) Đường quản lý: Gia cố tuyến đường quản lý bằng bê tông từ công lấy nước sang tràn xả lũ dài 1,7 km.</p>
Sửa chữa và nâng cao an toàn Hồ Sông Quao, huyện Hàm Thuận Bắc	Bình Thuận	40	<p>1) Sửa chữa đập</p> <ul style="list-style-type: none"> Nâng cấp 886m đập chính, gia cố mặt đập chính bằng bê tông cốt thép Gia cố mái thượng lưu và mái hạ lưu; mở rộng cơ đập hạ lưu ra 6m; Gia cố đập phụ 1 (dài 150m) và đập phụ 3 (dài 325m); Sửa chữa, nâng cấp đập Đan sách; <p>2) Tràn xả lũ: Xây dựng mới tràn xả lũ số 2 bằng BTCT, cao trình ngưỡng tràn 84m;</p> <p>3) Đường quản lý: Sửa chữa, nâng cấp đường thi công kết hợp đường quản lý số 1, 2, 3, 4, 5 với tổng chiều dài 5 km;</p> <p>4) Nhà quản lý: Xây dựng nhà quản lý công trình đầu mối 2 tầng, tổng diện tích sử dụng 475m². Chính trang nhà quản lý vận hành tràn xả lũ;</p>

Bảng - A.2: Các hộ được hưởng lợi của các tiểu dự án năm đầu

Tên TDA/ Tỉnh	Số hộ (hộ)	Số người (người)	Tỷ lệ người DTTS (%)	Loại DT
1. Hồ Ngòi Là 2, tỉnh Tuyên Quang	2.198	7.194	0	Dân tộc Kinh
2. Hồ Ban, tỉnh Phú Thọ	1.280	5.663	0	Dân tộc Kinh
3. Hồ Đại Thắng, tỉnh Hòa Bình	354	1.420	70,1	Dân tộc Kinh, Mường
4. Hồ Khe Chè, tỉnh Quảng Ninh	15.305	52.149	2,59	Dân tộc Kinh, Tày, Thái, Hmong, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, Thối, Són Chay, Són Dấu, Mường, Hoa, Nùng, Giáy, Lào, Khơ Me.
5. Hồ Đồng Bể - Thanh Hóa	2.495	24.716	24,17	Dân tộc Kinh, Mường, Thái, Tày, Thổ.
6. Hồ Khe Sân, tỉnh Nghệ An	400	1.800	0	Dân tộc Kinh
7. Hồ Khe Gang, tỉnh Nghệ An	800	2.500	0	Dân tộc Kinh
8. Hồ Phú Vinh, tỉnh Quảng Bình	4.600	27.600	0	Dân tộc Kinh
9. Hồ Đập Làng, tỉnh Quảng Ngãi	346	1.651	0	Dân tộc Kinh
10. Hồ Thạch Bàn, Bình Định	355	1.460	0	Dân tộc Kinh
11. Hồ sông Quao - Bình Thuận	26.690	106.422	5,9	Dân tộc Kinh, Gialay, Khome, Tày
12. Hồ Đa Têh, tỉnh Lâm Đồng	1.614	6.606	8,35	Dân tộc Kinh, Châu Mạ, Tày, Nùng
Tổng	56.437	239.181	9,25	Dân tộc Kinh, Tày, Cao Lan, Thái, Hmong, Dao, Sán Chay, Sán Dìu, Thối, Són Chay, Són Dấu, Mường, Hoa, Nùng, Giáy, Lào, Khơ Me, Thái, Thổ, Châu Mạ.

Bảng- A.3: Thống kê cơ sở hạ tầng nông thôn được bảo vệ bởi dự án

Tên TDA/ Tỉnh	Các công trình được bảo vệ
---------------	----------------------------

	<i>Đường giao thông (km)</i>	<i>Kênh mương (km)</i>	<i>Trường học</i>	<i>Trạm y tế</i>	<i>Cơ quan hành chính</i>	<i>Công trình cấp nước SH</i>	<i>HT điện</i>
1. Hồ Ngòi Là 2 - tỉnh Tuyên Quang	20	6,8	07	0	01	0	2 tuyến đường dây 35 Kv
2. Hồ Ban - tỉnh Phú Thọ	6,2	8,1	01	01	02	0	0
3. Hồ Đại Thắng - tỉnh Hòa Bình	06	05	03	01	01	0	0
4. Hồ Khe Chè – tỉnh Quảng Ninh	66,2	39,2	04	01	01	0	7 trạm biến áp
5. Hồ Đồng Bể - Thanh Hóa	15	07	11	04	04	0	0
6. Hồ Khe Sên - tỉnh Nghệ An	123,26	6,8	03	01	01	0	6 trạm biến áp 53,6 km đường dây điện
7. Hồ Khe Gang - tỉnh Nghệ An	01	3,5	04	01	01	0	0
8. Hồ Phú Vinh, tỉnh Quảng Bình	87	03	09	02	02	01	02 trạm biến áp
9. Hồ Đập Làng - tỉnh Quảng Ngãi	26	12	03	01	03	0	02 trạm biến áp 15km đường dây điện
10. Hồ Thạch Bàn – tỉnh Bình Định	60	21	03	01	01	0	- 28,9 km lưới 22kV. - 7 trạm biến áp.
11. Hồ sông Quao – tỉnh Bình Thuận	01	NI	11	07	07	01	- Trạm điện biến áp. - 100 km đường dây.
12. Hồ Dạ Têh - tỉnh Lâm Đồng	NI	NI	04	02	02	01	0
Tổng cộng	411,66	173,6	63	23	26	03	

Bảng- A.4: Các diện tích được bảo vệ khi thực hiện dự án

<i>Tên TDA/ Tỉnh</i>	<i>Diện tích được bảo vệ</i>					
	<i>Nông nghiệp (ha)</i>	<i>Lâm nghiệp (ha)</i>	<i>NTTS (ha)</i>	<i>Cây lâu năm</i>	<i>Phòng chống cháy rừng</i>	<i>Các loại khác</i>
1. Hồ Ngòi Là 2 - huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	351.2	257	15	0	275,2	0
2. Hồ Ban - huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ	75	742.6	22	284.7	742.6	0
3. Hồ Đại Thắng - huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình	130	1,600	96	-	1,600	-
4. Hồ Khe Chè – huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	1,000	-	-	-	-	-
5. Hồ Đồng Bê - Thanh Hóa	255	3,051.9	107.5	-	-	-
6. Hồ Khe Sâu - huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	300	1,625.5	126	709.9	1,317	350
7. Hồ Khe Gang - huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	175	1,439.3	160.7	182	0	1,325
8. Hồ Phú Vinh - TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	1,041	0	80	0	0	0
9. Hồ Đập Làng - huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi	160	30	12,9	0	0	0
10. Hồ Thạch Bàn - huyện Phù Cát, Bình Định	130	7,138.7	0	995.3	0	0
11. Hồ sông Quao - Bình Thuận	11,120	-	1,154	-	-	0
12. Hồ Đa Têh - huyện Đa Têh, tỉnh Lâm Đồng	2,300	12,618.1	25.1	0	0	0
Tổng cộng	17,037.2	12,618.1	1,666.2	2,171.8	3,934.8	1,675

Bảng – A.5: Thu hồi đất và tái định cư của các tiểu dự án năm đầu

Tên TDA	Tỉnh	Tổng số hộ BAH	Số người BAH	Số hộ/người ời bị di dời	Số hộ/người bị di dời là người DTTS	DT đất bị thu hồi vĩnh viễn (m ²)	DT đất bị thu hồi tạm thời (m ²)	DT đất ở BAH (m ²)	DT đất NN BAH (m ²)	Số mô mã phải di dời	Số công trình kiến trúc BAH
1. Hộ Ngôi Là 2	Tuyên Quang	12	51	01/02	0	22,100	2,000	300	0	0	77 m ² nhà kiên cố
2. Hộ Ban	Phú Thọ	15	78	0	0	15,000	11,000	0	15,000	0	0
3. Hộ Đại Thắng	Hòa Bình	12	45	1/4	0	15,935	4,438	500	19,373	0	60 m ² nhà cấp 4 và 40 m ² bếp tương đương nhà cấp 4 + 70m tường rào.
4. Hộ Khe Chè	Quảng Ninh	1 (nông trường)	0	0	0	4,000	1,000	0	0	0	200m ² diện tích Khu tập kết vật liệu xây dựng + 400m ² Khu lán trại công nhân
5. Hộ Đồng Bề	Thanh Hóa	13	78	0	0	49,900	10,800	0	4,910	0	0
6. Hộ Khe Sân,	Nghệ An	03	12	1/4	0	14,200	10,000	0	0	0	0
7. Hộ Khe Gang	Nghệ An	01	04	0	0	5,000	10,000	0	0	0	0
8. Hộ Phú Vinh	Quảng Bình	24	105	0	0	12,179	0	0	0	0	0
9. Hộ	Quảng	23	119	0	0	13,778	39,875	0	439,678	0	0

Tên TDA	Tỉnh	Tổng số hộ BAH	Số người BAH	Số hộ/người bị di dời	Số hộ/người bị di dời là người DTTS	DT đất bị thu hồi vĩnh viễn (m ²)	DT đất bị thu hồi tạm thời (m ²)	DT đất ở BAH (m ²)	DT đất NN BAH (m ²)	Số mô mã phải di dời	Số công trình kiến trúc BAH
Đập Làng	Ngãi										
10. Hồ Thạch Bàn	Bình Định	23	98	0	0	1,611	142,893	0	747,765	0	0
11. Hồ Sông Quao	Bình Thuận	18	77	10/39	8/32	164,332	0	2,332	162,000	0	298m ² nhà cấp 4 + 154m ² nhà tạm
12. Hồ Dạ Tẻh	Lâm Đồng	0	0	0	0	0	10,000	0	0	0	0
Tổng cộng		145	667	13/49	8/32	318.035	242,006	3,132	1,388,726	0	

Bảng - A.6-Tóm tắt các tác động Môi trường và Xã hội các tiểu dự án năm đầu

No	Tác động MT- XH	Tiểu dự án bị tác động	Định lượng	Giai đoạn
1	Thu hồi đất vĩnh viễn	Khe Gang, Khe Sân, Đồng Bể, Đại Thắng, Thạch Bàn, Đập Làng, Khe Chè, Sông Quao - Bình Thuận, Ngòi Là 2, Hồ Ban, Phú Vinh, Đạ Tẻh	- 31,8 ha	- Chuẩn bị thi công (giải phóng mặt bằng) - Thi công
2	Thu hồi đất tạm thời	Khe Gang, Khe San, Đồng Bể, Đại Thắng, Thạch Bàn, Đập Làng, Khe Chè, Sông Quao, Ngòi Là 2, Hồ Ban, Phú Vinh, Đạ Tẻh	- 24,2 ha	- Chuẩn bị thi công (giải phóng mặt bằng) - Thi công
3	Di dời	Ngòi Là 2, Sông Quao	- 13 hộ gia đình	- Thi công - Vận hành
4	Mất đất, cây ăn quả và cơ sở hạ tầng.	Khe Gang, Đồng Bể, Đại Thắng, Thạch Bàn, Đập Làng, Ngòi Là 2, Hồ Ban, Phú Vinh, Đạ Tẻh	- 26,3 ha	- Chuẩn bị thi công
5	Tăng lượng bụi và các chất ô nhiễm trong không khí	Khe Gang, Khe San, Đồng Bể, Đại Thắng, Thạch Bàn, Đập Làng, Khe Chè, Sông Quao, Ngòi Là 2, Hồ Ban, Phú Vinh, Đạ Tẻh	- 105,9 m ³ / năm - 128,3 tấn/ năm	- Chuẩn bị thi công - Thi công (bốc xếp vật liệu)
6	Gián đoạn cấp nước sinh hoạt và tưới tiêu	Khe Gang, Khe San, Đồng Bể, Thạch Bàn- Bình Định; Khe Chè, Ngòi Là 2, Phú Vinh, Đạ Tẻh	- 175 ha đất canh tác - 865 người	- Thi công - Vận hành
7	Thay đổi cảnh quan và gia tăng phát sinh bụi.	Khe Gang, Khe San, Ngòi Là 2, Đồng Bể, Thạch Bàn, Đập Làng	- Nước thải: khoảng 50,14 m ³ / ngày. đêm - Phát sinh chất thải rắn: khoảng 245 kg / ngày	- Chuẩn bị thi công (giải phóng mặt bằng) - Thi công - Khu lán trại
8	Chia rẽ đời sống thực vật và	Khe Gang- Nghe An; Đồng Bể - Thanh Hóa;	- Động vật: 30	- Thi công

	động vật	Hồ Ban- Phú Thọ	loài - Thực vật: 25 loài	
9	Bóc bỏ lớp thực vật hoặc chặt cây	Khe Gang- Nghe An; Khe San- Nghe An; Đồng Bề - Thanh Hoa		- Chuẩn bị thi công (giải phóng mặt bằng)
10	Tăng mức độ ngập lụt và bồi lắng lòng hồ	Khe Gang, Đồng Bề, Đại Thắng		- Vận hành
11	Thay đổi chất lượng nước hoặc dòng chảy	Khe Gang, Khe San, Đồng Bề Đại Thắng, Thạch Bàn, Đập Làng, Đạ Tẻh		- Thi công - Vận hành
12	Khả năng xung đột giữa công nhân và người dân địa phương	Khe Gang, Khe San, Đồng Bề, Đập Làng, Sông Quao, Ngòi Là2, Phú Vinh, Đạ Tẻh, Đạ Tẻh		- Chuẩn bị thi công (giải phóng mặt bằng) - Thi công
13	Tăng lượng chất thải (sinh hoạt, thi công) hoặc bổ sung chất ô nhiễm vào trong đất	Thạch Bàn- Bình Định; Đập Làng, Khe Chè, Hồ Ban, Phú Vinh		- Thi công - Vận hành
14	Làm xói mòn và bồi lắng lòng hồ.	Khe San, Thạch Bàn, Khe Chè, Khe Chè, Sông Quao, Ngòi Là 2, Phú Vinh, Đạ Tẻh		- Thi công (mở rộng tràn xả lũ) - Vận hành
15	Các rủi ro an toàn và sức khỏe của công nhân và người dân địa phương	Khe Gang, Khe San, Đồng Bề, Thạch Bàn, Ngòi Là2, Phú Vinh, Đạ Tẻh		- Chuẩn bị thi công - Vận hành
16	Gián đoạn giao thông vận tải và cơ sở hạ tầng	Khe Gang, Đồng Bề, Đại Thắng, Thạch Bàn, Đập Làng, Khe Chè, Sông Quao, Ngòi Là 2, Hồ Ban, Phú Vinh, Đạ Tẻh		- Chuẩn bị thi công - Thi công (Vận chuyển vật liệu) - Vận hành

17	Tăng tiếng ồn hoặc/ và độ rung	Đại Thắng, Thạch Bàn, Đập Làng, Khe Chè, Sông Quao		- Thi công (Vận chuyển vật liệu, chất thải)
18	Rủi ro tai nạn cho công nhân và cộng đồng trong quá trình thi công	Khe Gang, Khe San, Ngòi Là2, Hồ Ban, Phú Vinh, Đạ Tẻh		- Thi công (đào, san lấp, vận chuyển vật liệu)
19	Thi công có thể gây xáo trộn vận tải, tuyến đường giao thông	Đồng Bê, Khe Chè, Sông Quao,		- Chuẩn bị thi công (tập trung vật liệu) - Thi công
20	Rủi ro sạt lở đất khu vực tràn xả lũ	Khe Chè		- Vận hành
21	Sử dụng vật liệu nổ	Sông Quao, Hồ Ban, Phú Vinh		- Chuẩn bị thi công (giải phóng mặt bằng, ra phá bom mìn) - Thi công (Xây dựng tràn xả lũ số 2)
22	Sử dụng hóa chất nguy hại	Hồ Ban, Đạ Tẻh, Phú Vinh		- Chuẩn bị thi công (GP mặt bằng) - Thi công

PHỤ LỤC – B: SÀNG LỌC MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

<i>Tên tiểu dự án</i>	<i>Mô tả</i>
Mô tả tóm tắt các công trình sửa chữa/nâng cấp	
Vị trí tiểu dự án	
Đề xuất tiểu dự án	
Chi phí ước tính	
Ngày khởi công/hoàn thành	

Bảng - B.1: Tiêu chí sàng lọc

<i>Câu hỏi sàng lọc</i>	<i>Có</i>	<i>Không</i>
1. Công việc sửa chữa phục hồi sẽ dẫn đến tăng dung tích trữ nước của hồ?		
2. Tiểu dự án có sử dụng đất của vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, rừng tự nhiên, khu di tích văn hóa lịch sử quốc gia, di sản thế giới, môi trường sống tự nhiên quan trọng và sẽ dẫn đến thiệt hại hoặc gây ra những thay đổi đáng kể ở những khu vực đó không?		
3. Công việc sửa chữa và phục hồi được đề xuất có dẫn tới việc phải di dời, làm thay đổi hoặc cản trở lối vào công trình hoặc khu vực có giá trị văn hóa và lịch sử quan trọng của đất nước, của nhóm người dân tộc thiểu số hoặc cộng đồng bản địa hay không?		
4. Tiểu dự án có nằm trong khu vực tranh chấp lãnh thổ giữa hai hoặc nhiều nước hay không?		
5. Liệu công việc sửa chữa phục hồi đề xuất dẫn đến suy giảm chất lượng nước trong hồ và các sông suối ở hạ lưu ?		
6. Liệu công việc sửa chữa phục hồi đề xuất có dẫn đến bồi lắng, xói mòn trong lòng hồ và vùng hạ lưu do những tác động của hoạt động thi công, thay đổi dòng chảy do mở rộng tràn xả lũ khẩn cấp?		

Nếu ít nhất một trong các câu trả lời là “có” thì tiểu dự án sẽ không hợp lệ và không được đầu tư. Việc sàng lọc sẽ dừng ở đây và không thực hiện bất kỳ bước nào nữa

Kết luận

_____ *Tiểu dự án hợp lệ để được đầu tư trong DRASIP*

_____ *Tiểu dự án KHÔNG hợp lệ nên sẽ KHÔNG được đầu tư trong DRASIP*

Bảng - B.2: Các chính sách của Ngân hàng thế giới được kích hoạt

<i>Câu hỏi</i>	<i>Có/ Không</i>	<i>Chính sách liên quan</i>	<i>Các yêu cầu</i>
1. Tiểu dự án có tác động bất lợi đến môi trường và xã hội hay không. Nếu có, hãy liệt kê các tác động chính		OP 4.01 Đánh giá môi trường	Lập ESIA/ESMP; EIA/EMP

2. Tiểu dự án có tác động bất lợi đối với tài sản văn hóa vật thể như đền chùa, miếu, tượng đài, cây thiêng, thác nước, nguồn nước tự nhiên có ý nghĩa tâm linh của người bản địa nào không? Nếu có thì nêu tên tài sản bị ảnh hưởng		OP 4.11 Tài sản văn hóa vật thể	Lồng ghép biện pháp giảm thiểu vào ESMP/EMP
3. Tiểu dự án dẫn tới bất kỳ sự thay đổi hoặc làm suy thoái môi trường sống tự nhiên quan trọng như khu vực đất ngập nước, nơi sinh sống của một loài quý hiếm hoặc bị đe dọa nào đó, nơi dừng chân của các loài di cư định kỳ? Nếu có hãy mô tả ngắn gọn tác động		OP 4.04 Môi trường sống tự nhiên	ESIA phải bao gồm đánh giá cụ thể về môi trường sống tự nhiên bị ảnh hưởng, ESMP phải bao gồm biện pháp giảm thiểu.
4. Hồ/ đập được sửa chữa/ nâng cấp là đập lớn (có chiều cao đập từ 15m trở lên hoặc dung tích hồ chứa từ 3 triệu m3 trở lên?		OP 4.37 An toàn đập được kích hoạt cho tất cả các tiểu dự án của DRSIP	Phải lập Kế hoạch ứng phó khẩn cấp độc lập hoặc là một phần trong Kế hoạch an toàn đập
5. Tiểu dự án có liên quan đến việc mua hoặc sử dụng thuốc trừ sâu hóa học (ví dụ hóa chất để kiểm soát mối) hoặc dẫn tới tăng diện tích tưới cho đất nông nghiệp có sử dụng thuốc trừ sâu hay không		OP4.09 quản lý dịch hại	Lập và thực hiện Kế hoạch Quản lý dịch hại
6. Tiểu dự án có liên quan đến thu hồi đất không tự nguyện, mất tài sản hoặc tiếp cận tài sản, hoặc mất nguồn thu nhập hoặc phương tiện sinh kế hay không? nếu có hãy mô tả ngắn gọn		OP 4.12 Tái định cư không tự nguyện	Lập và thực hiện Kế hoạch hành động tái định cư .
8. Có cộng đồng người dân tộc thiểu số hiện diện trong vùng tiểu dự án bị ảnh hưởng tiêu cực hoặc tích cực bởi tiểu dự án đề xuất? nếu có hãy mô tả ngắn gọn.		OP 4.10 Người bản địa	Lập và thực hiện Kế hoạch Phát triển Dân tộc Thiểu số
9. Công việc sửa chữa và khôi phục có tác động tiềm tàng lên chất lượng rừng, quyền và phúc lợi của người dân và mức độ lệ thuộc vào nhau hoặc tương tác với rừng; hoặc mang lại những thay đổi trong quản lý, bảo vệ hoặc sử dụng rừng tự nhiên hoặc rừng trồng hay không? nếu có hãy mô tả ngắn gọn		OP4.36 Rừng	ESIA phải bao gồm đánh giá về tác động lên rừng tự nhiên và rừng trồng và các biện pháp giảm thiểu theo yêu cầu của OP 4.36.
10. Tiểu dự án có được thực hiện tại hồ chứa hoặc nguồn nước là đường thủy Quốc tế hay không?		OP7.50 Dự án đường thủy Quốc tế	Thông báo (hoặc trường hợp ngoại lệ) Điều này là để ghi lại, không có hành động cần thiết ở cấp tiểu dự án.

B.4: Sàng lọc bổ sung

<i>Câu hỏi tiêu chí</i>	<i>Có/ Không</i>	<i>Yêu cầu</i>
1. Tiểu dự án có nằm trong khu vực có vật liệu chưa nổ (UXO) còn sót lại từ chiến tranh?		Nếu có, rà phá bom mìn phải được thực hiện trước khi khởi công theo hướng dẫn của Quốc gia (Phụ lục L trong ESMF)
2. Tiểu dự án có tính kế thừa về tác động môi trường tiêu cực (về sinh thái, môi trường sống tự nhiên) liên quan tới hoạt động xây dựng đập, hồ chứa trong quá khứ hay không? nếu có hãy mô tả		Nếu có, nghiên cứu chi tiết sẽ được yêu cầu trong quá trình đánh giá theo ESIA
3. Tiểu dự án có nhiều mục tiêu? hãy mô tả _____		Nếu có, việc đánh giá chi tiết cần thiết được thực hiện theo ESIA về đánh giá của những người sử dụng đập khác nhau
4. Tiểu dự án có một trong những đặc điểm sau: - Tiểu dự án năm đầu; hoặc - Các đập lớn (cao trên 15m hoặc dung tích từ 3 triệu m ³ trở lên); - Tiểu dự án có tổng khối lượng đào đắp đất từ 200.000 m ³ trở lên; - Có mở đường công vụ hoặc đường quản lý mới với tổng chiều dài từ 2 km trở lên; - Có tổng diện tích mỏ đất và bãi thải trên 10 ha trở lên - Mở rộng tràn		- Nếu câu trả lời là có: Tiểu dự án phải lập ESIA trình NHTG xem xét và lập ĐTM theo yêu cầu của chính phủ Việt Nam - Nếu câu trả lời là không: Lập ĐTM theo yêu cầu của Chính phủ Việt Nam và lập ESMP theo yêu cầu của NHTG

Kết luận về Kết quả sàng lọc:

Tiểu dự án được yêu cầu chuẩn bị các tài liệu/ hoạt động về chính sách an toàn sau đây:

- ESIA hoặc ESMP theo yêu cầu của NHTG
- Đánh giá Tác động Môi trường (ĐTM) theo yêu cầu của Chính phủ Việt Nam
- Kế hoạch hành động tái định cư (RAP)
- Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP)
- Báo cáo An toàn đập (DSP)
- Kế hoạch phát triển giới
- Kế hoạch bảo vệ sức khỏe cộng đồng
- Kế hoạch truyền thông có sự tham gia
- Bảng chứng về công khai thông tin các tài liệu chính sách an toàn của TDA tại địa phương

Đơn vị thực hiện sàng lọc (Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn):

Phê duyệt bởi: _____

B2. Sàng lọc xã hội

Cho các tiểu dự án mới được xác định trong quá trình thực hiện dự án. PPMU cần phải tuân theo các bước sàng lọc để xác định làm thế nào tiến hành chuẩn bị các công cụ an toàn môi trường:

- RAP: Sàng lọc nếu có bất kỳ tác động thu hồi đất. Nếu có, chuẩn bị RAP.
- RAP: sàng lọc nếu có bất kỳ tác động tạm thời cho người sử dụng nước ở hạ lưu do cắt nước trong quá trình phục hồi chức năng của tiểu dự án, hay bất kỳ tác động khác mà bị ảnh hưởng đến các hoạt động tạo thu nhập / sinh kế của người dân. Nếu có, chuẩn bị RAP.
EMDP: Sàng lọc cho thấy xuất hiện của người dân tộc thiểu số trong vùng tiểu dự án hoặc vùng bị ảnh hưởng (được xác nhận bởi ESIA trước đó). Nếu người dân tộc thiểu số xuất hiện trong vùng tiểu dự án, thực hiện một đánh giá xã hội của tiểu dự án liên quan đến các can thiệp của tiểu dự án.
- Các vấn đề kế thừa: Sàng lọc các nội dung xã hội kế thừa - như hướng dẫn dưới đây (trong phụ lục này).
- Khung quy trình: trong quá trình thực hiện dự án, các tiểu dự án mới được đề xuất sẽ được sàng lọc để kiểm tra nếu tiểu dự án mới đó liên quan đến hạn chế không tự nguyện của việc tiếp cận (của người địa phương) tới các công viên được chỉ định hợp pháp và/ hoặc các khu vực được bảo vệ. Khi đó là trường hợp, trong quá trình thiết kế và thực hiện tiểu dự án, tham vấn với những người bị ảnh hưởng tiềm tàng phải được thực hiện để kiểm tra thực chất của việc giới hạn và xác định loại biện pháp được yêu cầu để giảm thiểu các tác động bất lợi đó. Trên cơ sở cho việc tham vấn, một Khung quy trình (như là một công cụ an toàn) phải được chuẩn bị. Khung quy trình sẽ cung cấp chi tiết về quá trình làm thế nào giới hạn tiếp cận được xác định trong quá trình thực hiện tiểu dự án. Trên cơ sở tham vấn với người bị ảnh hưởng, một kế hoạch hành động hạn chế chi tiết và các biện pháp giảm thiểu sẽ được định nghĩa về việc thực hiện, giám sát và đánh giá. Ngân hàng thế giới sẽ xem xét và chấp thuận Khung quy trình của tiểu dự án trước khi thực hiện tiểu dự án. Như chính sách OP 4.12 của ngân hàng, Khung quy trình nên có những thành phần chính sau đây:
 - Các tiêu chí hợp lệ đối với các biện pháp đền bù;
 - Phục hồi sinh kế,
 - Giải quyết xung đột,
 - Giám sát và đánh giá, và;
 - Ngân sách và thời gian,
- Đánh giá xã hội: như là một phần của ESIA, PPMUs phải thực hiện một đánh giá xã hội của tiểu dự án, bao gồm cả tác động tiêu cực và tích cực tiềm tàng của tiểu dự án đề xuất và các biện pháp giảm thiểu dự kiến. Đánh giá xã hội phải có một Phân tích giới (bao gồm kế hoạch hành động giới và một kế hoạch giám sát)

HƯỚNG DẪN SÀNG LỌC XÃ HỘI VÀ THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ RIÊNG BIỆT CHO TÁI ĐỊNH CƯ ĐÃ ĐƯỢC HOÀN THIỆN TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐẬP/ HỒ CHỨA

1. Mục đích:

Trong dự án, ước tính 450 đập/ hồ chứa sẽ được sửa chữa để nâng cao an toàn cho đập, như là một phần các yêu cầu của Ngân hàng, yêu cầu thực hiện sàng lọc các vấn đề xã hội – được thực hiện bởi Ban quản lý dự án cấp tỉnh (PPMU) cho các tiểu dự án được đề xuất. Mục đích của sàng lọc là để kiểm tra liệu có bất kỳ các vấn đề liên quan đến thu hồi đất/ tái định cư, những vấn đề được tích hợp với thu hồi đất trong quá trình xây dựng các đập, những vấn đề chưa được giải quyết mà các biện pháp có thể được thực hiện để giải quyết các vấn đề nổi cộm và đảm bảo rằng kết quả tái định cư (được thực hiện bởi chính quyền địa phương) đáp ứng được mục tiêu của chính sách OP 4.12 của Ngân hàng.

2. Các qui trình:

Trong khi chuẩn bị các tài liệu đầu tư của tiểu dự án nộp cho Ban quản lý Trung ương các dự án thủy lợi và Ngân hàng xem xét và chấp thuận, Ban quản lý cấp tỉnh (PPMU) được yêu cầu để thực hiện các bước sàng lọc dưới đây.

Bước 1. Xác định năm thu hồi đất và tái định cư hoàn thành cho việc xây dựng ban đầu của tiểu dự án đề xuất.

Bước 2. Xác định phạm vi của đánh giá riêng biệt (DD) xem xét một trong các hướng sau:

- Hướng 1: Nếu quá trình tái định cư được hoàn tất gần đây, (ít hơn 2 năm trước khi Ngân Hàng thế giới tài trợ – được xác định từ ngày khi bắt đầu nhiệm vụ), ban quản lý dự án cấp tỉnh PPMU được yêu cầu để thực hiện đánh giá riêng biệt (DD) (như khái quát trong phần 3 và 4 dưới đây). Xem xét đánh giá riêng biệt nên tập trung vào các nội dung sau: (a) xem xét các khiếu nại nổi cộm, nếu chúng tồn tại; (ii) kiểm tra liệu có một cơ chế giải quyết khiếu nại hiệu quả tại chỗ; và (iii) xác định nếu có người bị ảnh hưởng, đặc biệt là những người dễ bị tổn thương có khả năng phục hồi sinh kế. Nếu các nội dung/ khoảng cách đáng kể được phát hiện, các đề xuất và hành động sẽ được đề xuất tới chủ dự án để giải quyết tình hình. Tiếp tục tới bước 3.
- Hướng 2: nếu quá trình tái định cư được hoàn tất trong vòng vài năm gần đây (từ 2 đến 5 năm), Ban quản lý dự án cấp tỉnh (PPMU) được yêu cầu để thực hiện một đánh giá riêng biệt (DD) (xem phần 3 và 4 dưới đây để biết thêm chi tiết về hướng dẫn các quy tắc và phương pháp thực hiện một đánh giá riêng biệt (DD)). Đánh giá riêng biệt (DD) phải xác định liệu có các nội dung không xuất hiện hoặc/ và các rủi ro đặc trưng nhất đã xảy ra trong quá khứ. Nếu có, các kiến nghị sẽ được đề được tới ban quản lý dự án cấp tỉnh và các cơ quan nhà nước liên quan để thực hiện khắc phục tình huống, như là giải quyết các khiếu nại nổi cộm hoặc sự cố an toàn đập để phục hồi thu nhập và sinh kế. Tiếp tục bước 3
- Hướng 3: Nếu quá trình tái định cư được hoàn tất trong vòng 5 năm hoặc nhiều hơn, ban quản lý dự án cấp tỉnh được yêu cầu để xác nhận liệu có các vấn đề tồn tại, và hoặc các rủi ro tiềm ẩn của cho dự án. Trong việc tìm kiếm thể hiện rằng không có vấn đề nổi cộm, không có thêm hành động được yêu cầu bởi các ban quản lý cấp tỉnh PPMUs. Nếu các vấn đề đáng kể còn tồn tại, các biện pháp giải quyết phù hợp sẽ được thực hiện.

Bước 3. Thực hiện xem xét đánh giá riêng biệt (DD) và nộp cho Ngân hàng để xem xét. Nếu cần thiết, sửa và nộp lại để kết luận xem xét đánh giá riêng biệt (DD).

3. Các qui tắc của tiếp cận đánh giá riêng biệt

Như là một quy tắc hướng dẫn, xem xét đánh giá riêng biệt phải tìm kiếm để xác định việc tuân thủ hoặc thiếu các vấn đề được đề cập với chính sách OP 4.12 và các bước sau cần phải được thực hiện để đạt được tuân thủ, hoặc trong trường hợp tái định cư được hoàn thành để đạt được mục tiêu của OP 4.12 và/ hoặc khắc phục các thiếu sót và rủi ro đặc trưng. Trong mỗi quan hệ này, các kiến nghị sau được thực hiện:

- Số lượng các tài liệu được xem xét và số lượng các hộ bị ảnh hưởng được phỏng vấn là lớn hơn cho việc bồi thường gần đây (hoặc ít hơn để bồi thường đã được thực hiện các năm về trước). Số lượng các cuộc phỏng vấn hộ gia đình nên lấy đại diện và tương xứng với mức độ của các vấn đề.
- Các cuộc phỏng vấn nên được thực hiện cho các loại tác động khác nhau (mất đất, mất nhà cửa, mất kinh doanh, mất các loại tài sản khác, cần thiết di dời,...) nhưng phải được ưu tiên cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng nặng nề bằng việc phân tích thêm và lấy mẫu.
- Các phương pháp điều tra: tập trung vào thảo luận nhóm và phỏng vấn thông tin quan trọng sẽ được sử dụng như là các phương pháp điều tra chính để đảm bảo độ tin cậy và giá trị của các kết quả xem xét.

4. Phương pháp xem xét đánh giá riêng biệt

4.1 Thu thập, xem xét và phân tích các thông tin và tài liệu quan trọng

Cho mỗi hoạt động kế thừa hoặc tiêu dự án liên quan, mục tiêu cơ bản là để có một sự hiểu biết chung về dự án, phạm vi của tác động tái định cư không tự nguyện và các biện pháp giảm thiểu, khung pháp lý cho tái định cư không tự nguyện, kế hoạch tái định cư và thực tiễn thực hiện. Nền tảng này là cần thiết để đánh giá việc tuân thủ của tái định cư không tự nguyện được thực hiện hoặc được quy hoạch với chính sách OP 4.12, xác định những thiếu hụt hiện tại và đánh giá các vấn đề còn tồn tại. Các tài liệu được thu thập và xem xét là:

- Thông tin chung của dự án, các hoạt động, chi phí, nguồn vốn, tổ chức thực hiện, kế hoạch thực hiện và tiến độ
- Dự án tái định cư – liên quan đến thông tin và tài liệu quy hoạch, bao gồm Khung chính sách tái định cư (RPF) nếu một vấn đề tồn tại; các quy trình và các quy định chính sách và tất cả kế hoạch tái định cư không tự nguyện nếu chúng tồn tại;
- Thông tin về tham vấn và công bố;
- Cơ sở thông tin tái định cư (hoặc tất cả thông tin nào sẵn có) để xem xét khả năng bao quát của những người bị di dời (DPs), chi trả và độ chính xác của cơ sở dữ liệu.
- Các quy định và chính sách tái định cư không tự nguyện được công bố bởi Chính phủ và các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (PPCs).
- Tài liệu hướng dẫn thực hiện trên:
 - Tiếp tục tham vấn với những người bị di dời (DPs) và công bố thông tin,
 - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt các kế hoạch bồi thường,
 - Các kế hoạch bồi thường chi tiết cho DPs, đặc biệt kế hoạch bồi thường chi tiết cho các hộ bị ảnh hưởng nghiêm trọng, những hộ phải di dời và những hộ thu nhập bị ảnh

hường nghiêm trọng,

- Bộ tài liệu đầy đủ bồi thường và tái định cư không tự nguyện của những người bị di dời (DPs);
- Cơ chế giải quyết khiếu nại, danh sách người bị di dời (DPs) có khiếu nại và kết quả giải quyết, các khiếu nại còn tồn đọng,
- Tài liệu hướng dẫn về phương pháp và thời gian chi trả bồi thường;
- Khu tái định cư không tự nguyện và giao đất để di dời; và
- Các hoạt động/ kế hoạch khôi phục và phục hồi sinh kế.
- Các báo cáo giám sát - nội bộ và bên ngoài, nếu tồn tại

4.2. Thực hiện phỏng vấn và thảo luận nhóm tập trung của những người cung cấp thông tin chính

- Các cuộc phỏng vấn với nhà đầu tư dự án về hiện trạng của các hoạt động tái định cư không tự nguyện; sắp xếp thể chế cho việc giám sát nội bộ; kết quả của giám sát nội bộ; và các vấn đề thực hiện.
- Các cuộc phỏng vấn và thảo luận với các bên liên quan khác, bao gồm cán bộ chính của cơ quan và tổ chức thực hiện tái định cư và trực tiếp liên quan đến thực hiện tái định cư, để:
 - Thu thập và kiểm tra chéo thông tin về quan điểm và mối quan tâm của hộ về việc thực hiện tái định cư không tự nguyện của tiểu dự án;
 - Đánh giá việc tuân thủ của các quy định chính sách tái định cư không tự nguyện của dự án và những thiếu sót với chính sách OP 4.12;
 - Xác định các cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM) tại khu vực và chức năng và hiệu quả của chúng;
 - Xác định liệu là những người liên quan tin rằng những người bị ảnh hưởng cụ thể PAPs và những người đó của nhóm dễ bị tổn thương có thể khôi phục sinh kế và mức sống của họ hay không;
 - Đánh giá các chương trình đào tạo và hỗ trợ xã hội hiện có được cung cấp cho những người bị ảnh hưởng cụ thể PAPs và các những chương trình này được thực hiện tiếp cận tới những người bị ảnh hưởng nặng nề và những người bị ảnh hưởng dễ bị tổn thương.
 - Kiểm tra và đánh giá kết quả giám sát.

4.3 Thực hiện phỏng vấn và đi thực địa

- Đi thực địa nơi những người bị ảnh hưởng (PAPs) phải di dời và những nơi người bị ảnh hưởng được chuyển đến;
- Thực hiện thảo luận với những người bị ảnh hưởng (PAPs), những người không bị ảnh hưởng và những người cung cấp thông tin chính, đoàn thể dân sự, bao gồm các tổ chức địa phương (đặc biệt là hội Phụ nữ, hội Nông Dân, Mặt trận Tổ quốc), các tổ chức phi chính phủ (NGOs), sử dụng các câu hỏi mở, các kỹ thuật cho các cuộc phỏng vấn người cung cấp thông tin chính (KIIs) và các cuộc thảo luận nhóm tập trung (FGDs).

Quá trình này được thực hiện để kiểm tra và kiểm duyệt thông tin được thu thập từ những bên liên quan khác nhau về thực hiện dự án.

4.4 Các phương pháp tiếp cận định tính và định lượng

Xem xét đánh giá riêng biệt (DD) nhìn chung sẽ sử dụng một cách tiếp cận định tính. Trong một số trường hợp nhất định của tiếp cận định tính, đặc biệt nơi có một số lượng lớn những người bị di dời (DPs) có liên quan, sẽ là hợp lý. Những tiếp cận định lượng có thể tận dụng các phương pháp lựa chọn phân tầng và ngẫu nhiên với kích thước lấy mẫu được giới hạn. Phụ thuộc vào quy mô và phạm vi của các tác động tái định cư được kế thừa hoặc có liên quan của dự án, mức độ và số lượng các đơn vị hành chính cũng như số lượng người bị ảnh hưởng được phỏng vấn sẽ thay đổi.

Các xã/ huyện/ tỉnh có kinh nghiệm về thu hồi đất và các tác động của tái định cư không tự nguyện nên được ưu tiên và chú trọng. Các ưu tiên tương tự sẽ được áp dụng cho những người bị di dời (DPs) ảnh hưởng nghiêm trọng, bao gồm những hộ bị ảnh hưởng nghiêm trọng về thu nhập và di dời và những người dễ bị tổn thương.

4.5. Kế hoạch hành động

Dựa vào kết quả của xem xét đánh giá riêng biệt của dự án liên quan hoặc kết quả đánh giá nhanh của dự án kế thừa, một kế hoạch hành động phải được xây dựng để giải quyết các vấn đề tái định cư không tự nguyện, phù hợp với giai đoạn tái định cư, đảm bảo đạt được chính sách tái định cư không tự nguyện của Ngân hàng Thế giới.

Các khu tái định cư không tự nguyện đã được hoàn thành không nằm trong kế hoạch, nhưng nguyên tắc này có thể có ngoại lệ khi công tác tái định cư vẫn chưa bắt đầu, kế hoạch hành động nên đề nghị một RAP chung với Ngân hàng Thế giới (xem Phụ lục 1) hoặc RAP sửa đổi sau OP 4.12.

Kế hoạch hành động minh họa được trình bày trong bảng dưới đây

<i>TT</i>	<i>Hoạt động</i>	<i>Trách nhiệm</i>	<i>Các hành động(Phụ thuộc vào các nội dung được xác định)</i>	<i>Ngày hoàn thiện</i>
1	Khắc phục những thiếu sót và những vấn đề nổi bật	Chủ dự án	- Khắc phục những thiếu sót được xác định với chính sách Ngân hàng thế giới - Giải quyết những khiếu nại nổi bật - Cung cấp đầy đủ các biện pháp hỗ trợ để giúp đỡ những người bị ảnh hưởng nghiêm trọng và những người bị ảnh hưởng dễ bị tổn thương để khôi phục mức thu nhập và mức sống như trước khi có tiểu dự án	ngày/tháng/ năm
2	Giám sát độc lập và hậu đánh giá	Tư vấn giám sát bên ngoài	Giám sát tuân thủ của việc thực hiện chính sách dự án và đạt được chính sách OP 4.12	ngày/tháng/ năm
3	Giám sát của Ngân hàng thế giới	Tư vấn/nhân viên của Ngân hàng thế giới	Giám sát những kết quả đạt được của chính sách OP 4.12	ngày/tháng/ năm

PHỤ LỤC – C: HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ TÀI LIỆU CHÍNH SÁCH AN TOÀN MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

C.1 – Hướng dẫn về chuẩn bị ESIA

Việc lập các báo cáo ESIA phải có sự tham gia của chủ dự án, tư vấn nghiên cứu khả thi, tư vấn môi trường, cộng đồng bị ảnh hưởng và các bên quan tâm đến dự án. Bố cục của báo cáo ESIA như sau:

Tóm tắt

1. Giới thiệu dự án
2. Mô tả tiểu dự án
3. Cơ sở pháp lý
4. Đặc điểm môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội vùng dự án
5. Tác động môi trường và xã hội tiềm tàng
6. Phân tích thay thế
7. Tham vấn cộng đồng
8. Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội
9. Kế hoạch Công khai thông tin

Phụ lục

Tài liệu tham khảo

Bản vẽ Thiết kế của tiểu dự án

Bảng Sàng lọc môi trường và xã hội đã được CPO phê duyệt

Bản đồ vị trí lấy mẫu, kết quả phân tích mẫu, hình ảnh hiện trạng tiểu dự án

Biên bản và hình ảnh tham vấn

Kế hoạch quản lý dịch hại tổng hợp (IPM)

Quy trình xử lý khi phát lộ hiện vật

Thủ tục quản lý bom, mìn và vật liệu nổ

Kế hoạch ứng phó sự cố

Kế hoạch phát triển giới

Kế hoạch quản lý sức khỏe cộng đồng

Kế hoạch truyền thông, tham vấn cộng đồng có sự tham gia

Quy trình giải quyết khiếu nại

vvv.

Việc lập ESIA phải được thực hiện trong các bước sau:

- 1) Chuẩn bị kế hoạch khảo sát thực địa: Quan sát công trường, thu thập thông tin, dữ liệu bổ sung, giám sát môi trường nền. Trong việc chuẩn bị kế hoạch này, thông tin được yêu cầu trong mỗi phần của ESIA được miêu tả dưới đây nên được chú ý cẩn thận để các thông tin đầy đủ có thể được thu thập trong suốt quá trình khảo sát thực địa

- 2) Công việc thực địa cơ bản: các cuộc họp với chủ dự án, tư vấn nghiên cứu khả thi, đại diện cộng đồng bị ảnh hưởng/ hưởng lợi và những người liên quan, tham quan công trường để quan sát
- 3) Phạm vi các tác động tiềm tàng được xác định ban đầu
- 4) Cuộc họp tham vấn cộng đồng (PCM) để chia sẻ các phát hiện ban đầu của các tác động tiềm tàng và tiếp nhận những phản hồi về đầu tư được đề xuất
- 5) Khảo sát hiện trường chi tiết về những tác động cơ bản được xác định trong phạm vi
- 6) Đánh giá các tác động tiềm tàng và kiểm tra những biện pháp giảm thiểu của các tác động tiềm tàng
- 7) Dự thảo báo cáo ESIA
- 8) Thực hiện các tham vấn về đánh giá các tác động và các biện pháp giảm thiểu được đề xuất
- 9) Đánh giá về năng lực thể chế, đề nghị kế hoạch xây dựng năng lực và tổ chức thực hiện hợp lý cho việc giám sát và thực hiện ESMP.

Dưới đây là hướng dẫn về cách biết mỗi phần của ESIA cho một tiểu dự án của DRASIP:

Tóm tắt chung:

Trong phần tóm tắt chung, các nội dung chính của ESIA nên được trình bày: bối cảnh của tiểu dự án, phạm vi công việc được đề xuất, danh sách các rủi ro và các tác động chính, các biện pháp giảm thiểu, kế hoạch theo dõi và giám sát, kế hoạch xây dựng năng lực và ước tính tổng chi phí. Các phản hồi chính từ tham vấn cộng đồng cũng nên được đề cập trong tóm tắt chung

1. Giới thiệu dự án

Phần này không nên dài quá một trang. Đoạn đầu nên giới thiệu về Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập và các yêu cầu về chính sách an toàn có thể áp dụng cho tiểu dự án.

Đoạn tiếp theo đưa ra một giới thiệu ngắn gọn về tiểu dự án được tài trợ của dự án DRASIP với những thông tin về tên, vị trí, điều kiện hiện tại và sự cần thiết phải nâng cấp công trình, phạm vi của sự can thiệp được đề xuất và những mục tiêu.

2. Mô tả tiểu dự án

Phần này nên mô tả chi tiết tiểu dự án, bao gồm các biện pháp can thiệp được đề xuất, nhân lực phục vụ thi công, tiến độ xây dựng và các vấn đề liên quan khác. (Xin vui lòng thực hiện theo các thông tin yêu cầu để mô tả các tiểu dự án theo Chương IV)

Các công trình phụ trợ. Mục nhỏ này nên bao gồm các hạng mục sẽ được xây dựng để sử dụng trong suốt quá trình xây dựng nhưng những khu vực này chỉ được sử dụng một lần sau khi thi công kết thúc. Những công trình này bao gồm lán trại công nhân, khu vực lưu trữ vật liệu, khu vực trộn vật liệu, bãi đỗ xe, mỏ đất, mỏ đá, bãi đổ thải...

- Lán trại công nhân: vị trí, diện tích khu đất, số lượng công nhân được bố trí chỗ ở, các công trình phụ như là bếp, khu giặt giũ, nhà vệ sinh,....
- Mỏ đất, mỏ đá và tuyến đường vận chuyển: vị trí, khoảng cách tới công trường, diện tích khu đất, trữ lượng,.....

- Bãi đổ thải và tuyến đường: vị trí, khoảng cách tới công trường, diện tích khu đất, lượng vật liệu được đổ thải....
- Nguồn cung cấp điện cho công trường
- Cung cấp nước, điện cho khu lán trại
- Các nội dung khác.

Lượng vật liệu và các nguồn lực được sử dụng hoặc phát sinh trong tiểu dự án. Trong mục này, các thông tin nên được trình bày trong bảng từ các đề nghị dưới đây:

Bảng C.1: Ước tính các nguồn lực được sử dụng trong tiểu dự án

TT	Hạng mục	Đơn vị	Loại/ công suất	Số lượng
1	Đào			
2	Đắp			
3	Vật liệu xây dựng (cát, sắt, đá dăm, bê tông, dầu máy....)			
4	Máy xây dựng (xe tải, máy đào, xe ủi, ...)			
5	Các loại khác.			

3. Cơ sở pháp lý

Các cơ sở pháp lý an toàn của Việt Nam được áp dụng cho tiểu dự án và các chính sách an toàn của Ngân hàng thế giới được kích hoạt trong tiểu dự án nên được liệt kê và thảo luận ngắn gọn trong tiểu dự án. Đề cập trong chương 3 trong phần chính của tài liệu hướng dẫn ESMF.

4. Đặc điểm tự nhiên và kinh tế xã hội vùng dự án

Hãy thực hiện theo yêu cầu thu thập dữ liệu cơ sở như trong chương IV của ESMF. Phần điều kiện kinh tế xã hội cập nhật từ báo cáo đánh giá xã hội do tư vấn chính sách an toàn xã hội thực hiện. Ngoài ra, Bảng C.2 cung cấp một số hướng dẫn bổ sung để thu thập các điều kiện hiện có trong khu vực tiểu dự án

Bảng C.2: Hiện trạng chi tiết trong vùng tiểu dự án

TT	Hạng mục cụ thể	Các yêu cầu
1	Vùng hạ lưu của tràn xả lũ	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống thoát nước - Các vấn đề về ngập nước, xói mòn và bồi lắng khu vực xung quanh trong lịch sử
2	Mỏ đất, mỏ đá Bãi đổ thải	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích đất - Hệ thống thoát nước - Các vấn đề về lũ trong khu vực xung quanh trong lịch sử - Hiện trạng sử dụng đất tại khu vực: đất nông nghiệp, đất ở, đất công, - Cơ sở hạ tầng hiện tại tại khu vực như là đường dây điện, đường nước, rãnh thoát nước, kênh tưới,....

		<ul style="list-style-type: none"> - Cây cối, thảm thực vật tại khu vực, các loài thủy sinh, đặc biệt nếu có các loài quý hiếm, loài đang bị đe dọa có trong sách đỏ - Trữ lượng khai thác/ dung tích chứa - Khoảng cách tới khu dân cư gần nhất - Khoảng cách tới các khu công cộng gần nhất như là trường học, trạm y tế, văn phòng ủy ban nhân dân,
3	Đường công vụ, bao gồm (i) từ đường chính đến khu vực đập, (ii) từ công trường tới mỏ đá, mỏ đất nếu khác với đường công vụ, (iii) từ công trường thi công tới bãi đổ thải, nếu không có tuyến đường tương tự như là đường công vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài và bề rộng - Hiện trạng sử dụng đất dọc tuyến đường công vụ: đất công, đất ở, đất nông nghiệp.... - Cơ sở hạ tầng hiện tại khu vực như là đường dây điện, đường nước, rãnh thoát nước, kênh tưới... - Cây cối, thảm thực vật dọc đường công vụ - Làm rõ nếu bất kỳ cây cối hoặc cơ sở hạ tầng quan trọng tới cộng đồng dân cư thì phải được bảo vệ trong quá trình thi công - Các vị trí nhạy cảm dọc đường công vụ, như là nhà dân, tòa nhà công cộng, trường học, trạm xá, văn phòng,

Đối với mỏ đất và mỏ đá, các sơ họa chỉ ra ranh giới và đặc điểm hiện tại xung quanh khu vực nên được đưa ra. Những hình ảnh thể hiện mỏ đất, mỏ đá, và các đặc điểm nhạy cảm hiện tại cũng nên được trình bày.

Đối với đường công vụ, bản đồ hoặc sơ họa thể hiện tuyến đường và hiện trạng sử dụng đất/ các điểm nhạy cảm dọc tuyến đường và những bức ảnh thể hiện các điểm nhạy cảm dọc tuyến đường cũng nên được trình bày

Các nội dung kế thừa nên được thảo luận trong phần này của ESIA; lịch sử xây dựng đập và vận hành hồ chứa, các tác động tiêu cực, các hành động được thực hiện và sẽ thực hiện để giảm thiểu....

5. Đánh giá tác động môi trường xã hội

Trong suốt quá trình thực hiện của mỗi tiểu dự án DRASIP sẽ có những tác động xây dựng chung và những tác động cụ thể khác dựa vào các điều kiện cơ bản và phạm vi đầu tư. Những tác động tiềm tàng này phải được sàng lọc trước khi đánh giá chi tiết được thực hiện. Sàng lọc các tác động phải được thực hiện sử dụng các bảng đề xuất dưới đây.

Sau khi các tác động tiềm tàng được xác định thông qua bảng sàng lọc bên trên, thực hiện đánh giá chi tiết. Việc thảo luận phải được trình bày trong bảng trên. Đối với mỗi loại đánh giá, các khía cạnh sau đây nên được thảo luận.

- Các nguồn tác động: Loại hoạt động gây ra các tác động
- Khoảng thời gian tác động xảy ra và độ lớn của ảnh hưởng
- Ranh giới không gian bị ảnh hưởng và số lượng các đối tượng bị ảnh hưởng
- Số người hoặc đối tượng bị ảnh hưởng bởi các tác động
- Khả năng đảo ngược của tác động

(Sử dụng chương VI của ESMF như là tài liệu tham khảo cho việc đánh giá các tác động)

6. Phân tích thay thế

Sử dụng chương V của ESMF để tham khảo cho việc thảo luận các phân tích thay thế của tiểu dự án

7. Tham vấn cộng đồng

Dự án quy định, ở cấp độ tiểu dự án, chủ đầu tư phải tổ chức tham vấn với cộng đồng bị ảnh hưởng, cộng đồng người dân tộc thiểu số nếu có và các bên liên quan. Trong các cuộc tham vấn, chủ đầu tư, BQLDA sẽ cung cấp thông tin về: a) mục đích của dự án; b) Kết quả đánh giá môi trường và xã hội; và c) trình bày các nghiên cứu bổ sung cần thiết. Tham vấn sẽ được tổ chức 2 lần trong quá trình lập ESIA, lần 1 khi chuẩn bị thực hiện và lần 2 khi đã có dự thảo báo cáo ESIA

8. Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (ESMP)

Các nội dung chính của ESMP là:

- Các biện pháp giảm thiểu
- Kế hoạch theo dõi và giám sát, Các yêu cầu về báo cáo
- Tổ chức thể chế cho việc giảm thiểu, giám sát và theo dõi
- Kế hoạch đào tạo, và xây dựng năng lực
- Ước tính chi phí cho việc thực hiện ESMP

Sau đây là các nội dung được trình bày trong mỗi phần của ESMP

i) Các biện pháp giảm thiểu

Các biện pháp giảm thiểu sẽ được đề xuất để giải quyết những tác động tiêu cực tiềm tàng đã được xác định. Biện pháp giảm thiểu có thể được đề xuất cho các giai đoạn khác nhau của một tiểu dự án, chẳng hạn như thiết kế kỹ thuật, xây dựng, giai đoạn vận hành. Nếu không được bao gồm trong các ước tính giá trị hợp đồng xây dựng, các chi phí liên quan đến việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu cũng nên được ước tính và được bao gồm trong tổng ngân sách của một tiểu dự án

Khi chuẩn bị các đề xuất về các biện pháp giảm thiểu cho một tiểu dự án, mục VI của ESMF nên được sử dụng như là tài liệu tham khảo. Chú ý rằng kế hoạch giảm thiểu nên xem xét các nội dung kế thừa, ví dụ, có thể cần thiết bao gồm các biện pháp để giải quyết các nội dung kế thừa đã được xác định

ii) Kế hoạch theo dõi và giám sát, Các yêu cầu về báo cáo

Theo dõi và giám sát môi trường bao gồm:

- Giám sát sự thay đổi các điều kiện môi trường kết hợp với các hoạt động của tiểu dự án
- Giám sát việc thực hiện các vấn đề về môi trường của nhà thầu để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của ESIA/ ESMP mà các tác động tiềm tàng được giải quyết đầy đủ,

- Giám sát chất lượng môi trường để thẩm định tính hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu và để xác định nếu có phát sinh các vấn đề môi trường kết hợp với các hoạt động của tiểu dự án. Giám sát chất lượng môi trường có thể cũng được yêu cầu để đáp ứng các quy định về môi trường của Việt Nam
- Theo dõi nhà thầu để thực hiện đúng những hành động khi việc không tuân thủ được xác định, khi có các phản ánh về môi trường, hoặc sự cố, tai nạn xảy ra, hoặc hướng dẫn các nhà thầu về những hành động khi có những “Phát Lộ”.

ESMP nên chi tiết các yêu cầu giám sát cho mỗi loại giám sát, bao gồm các chỉ số được giám sát, vị trí và phương pháp đề xuất, tần suất và ai thực hiện giám sát. Xem hướng dẫn trong Chương VII và VIII của ESMF cho việc giám sát. Chi phí cho việc giám sát nên được ước tính và trình bày trong bảng C.3.

Về các yêu cầu báo cáo, ESMP nên chi tiết các loại báo cáo được chuẩn bị, chuẩn bị bởi ai, nội dung chính, tần suất chuẩn bị và nộp cho ai. Bảng C.6 được sử dụng để trình bày các yêu cầu về báo cáo

Bảng C.3 Kế hoạch giám sát tuân thủ

<i>TT</i>	<i>Các tác động/ rủi ro</i>	<i>Thông số giám sát</i>	<i>Vị trí/ phương pháp</i>	<i>Tần suất</i>	<i>Đơn vị giám sát</i>
	(Dưới đây chỉ là những chú ý)				
1	Thu hồi đất				
2	Các rủi ro an toàn liên quan đến (UXO)				
3	Các tác động xã hội:				
4	Các tác động về giới:				
5	Thay đổi cảnh quan				
6	Các tác động sinh học				
7	Tăng lượng bụi và khí thải				
8	Tiếng ồn và độ rung				
9	Quản lý chất thải rắn				
10	Nước thải và chất thải từ khu vực lán trại				
11	Quản lý nguy hại				
12	Thay đổi chất lượng nước và dòng chảy				
13	Bồi lắng, các rủi ro xói mòn				
14	Gián đoạn giao thông, tăng rủi ro an toàn giao thông				
15	Thiệt hại đường địa phương % cơ sở hạ tầng nông thôn khác				
16	Rủi ro an toàn và sức khỏe cho công nhân				
17	Rủi ro an toàn và sức khỏe cho cộng đồng dân cư				

<i>TT</i>	<i>Các tác động/ rủi ro</i>	<i>Thông số giám sát</i>	<i>Vị trí/ phương pháp</i>	<i>Tần suất</i>	<i>Đơn vị giám sát</i>
18	Gián đoạn cấp nước tưới và các dịch vụ công khác				
19	Sử dụng hóa chất nông nghiệp trong các khu tưới được mở rộng				
20	Bồi lắng trong lòng hồ trước khi tích nước				

Bảng C.4 Các yêu cầu kế hoạch lấy mẫu môi trường

<i>TT.</i>	<i>Mẫu</i>	<i>Vị Trí</i>	<i>Tần suất</i>	<i>Chỉ số</i>	<i>Tiêu chuẩn</i>
1	Chất lượng không khí				
2	Nước mặt				
3	Nước ngầm				
4	Đất				
	Etc.				

Bảng C.5 Ước tính chi phí cho hoạt động giám sát môi trường và xã hội

<i>TT</i>	<i>Loại</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>Khối lượng</i>	<i>Giá</i>	<i>Thành tiền</i>
	Tổng số				

Bảng C.6 Tóm tắt các yêu cầu về báo cáo

<i>Trách nhiệm chuẩn bị</i>	<i>Báo cáo cần được chuẩn bị</i>	<i>Nội dung chính</i>	<i>Tần suất</i>	<i>Nộp cho</i>
Nhà thầu				
Tư vấn giám sát thi công (CSC)				
Tư vấn môi trường độc lập				
PPMU				

iii) Tổ chức thực hiện

Trong phần này, ESMP nên trình bày cấu trúc tổ chức cho việc thực hiện ESMP. Các bên liên quan trong việc thực hiện ESMP có thể là Chủ dự án, tư vấn FS, tư vấn thiết kế kỹ thuật, nhà thầu, tư vấn giám sát thi công, tư vấn giám sát độc lập, các hộ bị ảnh hưởng, và những hộ được hưởng lợi... Vai trò và trách nhiệm của họ có thể là thực hiện các biện pháp giảm thiểu, theo dõi hoặc giám sát, hoặc cung cấp các phản hồi. ESMP nên mô tả các vai trò chính trong tiêu dự án sử dụng bảng C-7 dưới đây

Bảng C.7 Vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan trong việc thực hiện ESMP

<i>TT</i>	<i>Các bên liên quan</i>	<i>Trách nhiệm</i>
1	Bộ nông nghiệp và PTNT	
2	CPO	
3	PPMU	
4	Tư vấn FS	
5	Tư vấn thiết kế chi tiết	
6	Nhà thầu	
7	Tư vấn giám sát thi công	
8	Tư vấn giám sát độc lập	
9	Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật (PIC))	
10	Cộng đồng	
11	Đơn vị quản lý hồ.	
12	Bộ TN và MT/ Sở TN và MT	
13	Chính quyền địa phương/UBND xã	
	Etc.	

iv) Đào tạo và xây dựng năng lực

Trong phần này, ESMP nên thảo luận năng lực hiện có của các bên liên quan trong việc quản lý và thực hiện các nội dung an toàn. Số lượng cán bộ, chuyên môn được đào tạo, kinh nghiệm của họ trong các dự án liên quan nên được thảo luận. Sau đó đưa ra đánh giá xem là năng lực đó có đủ để quản lý và thực hiện ESMP của tiểu dự án hay không. ESMP có thể đề xuất một kế hoạch đào tạo/ xây dựng năng lực để đảm bảo rằng nội dung an toàn được quản lý hợp lý trong quá trình thực hiện. Bảng C.8 dưới đây có thể được sử dụng để trình bày đề xuất xây dựng năng lực.

Bảng C.8 Kinh phí cho đào tạo và xây dựng năng lực

<i>TT</i>	<i>Các hoạt động</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Thành tiền</i>
	Tổng			

v) Ước tính chi phí

Trong phần này, chi phí được ước tính cho việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu, theo dõi và giám sát, đào tạo và nâng cao năng lực có thể được gộp lại trong bảng C.9 cuối cùng chỉ ra tổng kinh phí cho việc thực hiện ESMP.

Bảng C.9 Kinh phí của việc thực hiện ESMP

<i>TT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Kinh phí</i>
-----------	-----------------	-----------------

		<i>Giai đoạn thi công</i>	<i>Vận hành</i>
	Các biện pháp giảm thiểu		
	Giám sát độc lập		
	Đào tạo IPM		
	Xây dựng năng lực		
	Tổng		

9. Kế hoạch Công khai thông tin

Trước và sau khi được thông qua, các báo cáo ESIA phải được công bố tại sở Nông nghiệp và PTNT, Ban Quản lý dự án và các xã trong vùng tiểu dự án

- Trước khi được thông qua: công bố để lấy các thông tin phản hồi
- Sau khi được thông qua: công bố để theo dõi thực hiện

C.2: Hướng dẫn lập ESMP

Trình tự các bước lập ESMP tương tự như đối với lập ESIA, tuy nhiên, các phần từ 1 đến 7 được tóm tắt ngắn gọn nhưng vẫn đảm bảo đánh giá được đầy đủ các hoạt động tiểu dự án và các tác động đến môi trường và xã hội. Bố cục của báo cáo ESMP như sau:

Tóm tắt

1. Giới thiệu chung: Xuất xứ của tiểu dự án; Căn cứ pháp lý và kỹ thuật thực hiện tiểu dự án; Tổ chức thực hiện
2. Mô tả tiểu dự án
3. Đặc điểm môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội vùng tiểu dự án
4. Đánh giá tác động môi trường và xã hội tiềm tàng
5. Tham vấn cộng đồng
6. Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội
7. Kế hoạch Công khai thông tin

Phụ lục

- Bản vẽ Thiết kế của tiểu dự án
- Bảng Sàng lọc môi trường và xã hội đã được CPO phê duyệt
- Bản đồ vị trí lấy mẫu, kết quả phân tích mẫu, hình ảnh hiện trạng tiểu dự án
- Biên bản và hình ảnh tham vấn
- Kế hoạch quản lý dịch hại tổng hợp (IPM)
- Quy trình xử lý khi phát lộ hiện vật
- Thủ tục quản lý bom, mìn và vật liệu nổ
- Kế hoạch ứng phó sự cố
- Kế hoạch phát triển giới
- Kế hoạch quản lý sức khỏe cộng đồng

Kế hoạch truyền thông, tham vấn cộng đồng có sự tham gia
Cơ chế giải quyết khiếu nại
vvv.

Dưới đây là hướng dẫn về cách biết mỗi phần của báo cáo ESMP cho một tiểu dự án của DRASIP:

Tóm tắt chung:

Trong phần tóm tắt chung, các nội dung chính của ESMP nên được trình bày: bối cảnh của tiểu dự án, phạm vi công việc được đề xuất, danh sách các rủi ro và các tác động chính, các biện pháp giảm thiểu, kế hoạch theo dõi và giám sát, kế hoạch xây dựng năng lực và ước tính tổng chi phí. Các phản hồi chính từ tham vấn cộng đồng cũng nên được đề cập trong tóm tắt chung

1. Giới thiệu chung

Đoạn đầu nên giới thiệu về Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập và các yêu cầu về chính sách an toàn có thể áp dụng cho tiểu dự án.

Đoạn tiếp theo đưa ra một giới thiệu ngắn gọn về tiểu dự án được tài trợ của dự án DRASIP với những thông tin về tên, vị trí, điều kiện hiện tại và sự cần thiết phải nâng cấp công trình, phạm vi của sự can thiệp được đề xuất và những mục tiêu.

Căn cứ pháp lý và kỹ thuật thực hiện tiểu dự án: Các cơ sở pháp lý về chính sách an toàn của Việt Nam được áp dụng cho tiểu dự án và các chính sách an toàn của Ngân hàng thế giới được kích hoạt trong tiểu dự án nên được liệt kê đầy đủ trong tiểu dự án. Tham khảo chương 3 trong ESMF.

Tổ chức thực hiện ESMP: Nêu danh sách chuyên gia, trình độ chuyên môn, năm kinh nghiệm và nhiệm vụ được phân công trong thực hiện ESMP

2. Mô tả tiểu dự án

Phần này mô tả tiểu dự án như trong hướng dẫn lập ESIA và bổ sung thêm mục Phân tích thay thế (Sử dụng chương V của ESMF để tham khảo cho việc thảo luận các phân tích thay thế của tiểu dự án)

3. Đặc điểm môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội vùng tiểu dự án

Phần này thực hiện như trong hướng dẫn lập ESIA. Đối với các công trình phụ trợ (mỏ đất, đá, bãi thải, đường công vụ...) không yêu cầu vẽ sơ họa, chỉ cần mô tả và hình ảnh minh họa

4. Đánh giá tác động môi trường xã hội; Thực hiện như trong hướng dẫn lập ESIA

5. Tham vấn cộng đồng; Thực hiện như trong hướng dẫn lập ESIA

6. Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (ESMP); Thực hiện như trong hướng dẫn lập ESIA

7. Kế hoạch công khai thông tin; Thực hiện như trong hướng dẫn lập ESIA

C3: Hướng dẫn tham vấn cộng đồng

Trong quá trình chuẩn bị ESIA, 2 đợt tham vấn cộng đồng nên được thực hiện. Đối với ESMP, ít nhất 1 đợt (đợt 2 được mô tả dưới đây) tham vấn cộng đồng nên được thực hiện sau khi bản dự thảo ESMP được chuẩn bị.

Đợt 1: Đội ESIA nên gặp chủ dự án, tư vấn kỹ thuật và những người liên quan để thông báo với họ về những yêu cầu an toàn của tiểu dự án, thu thập thông tin hữu ích cho việc chuẩn bị ESIA và ESMP

Đợt 2: Đợt 2 của cuộc họp tham vấn nên được thực hiện sau khi đã có bản dự thảo thứ nhất của ESIA. Đội tham vấn ESIA kết hợp với chủ dự án và tham vấn nghiên cứu khả thi nên gặp gỡ cộng đồng dân cư, đặc biệt là đại diện những hộ bị ảnh hưởng, để thông báo với họ về:

- Những mục tiêu và những can thiệp dự án được đề xuất
- Các tác động xã hội và môi trường tiềm tàng có thể xảy ra trong quá trình xây dựng và vận hành của dự án
- Các biện pháp giảm thiểu được đề xuất

Sau đó những người tham gia cuộc họp nên được đề nghị đưa ra nhận xét, phản hồi và đề xuất về các tác động tiềm tàng, các biện pháp giảm thiểu và mong muốn của họ, vvv.

Thông tin từ tham vấn cộng đồng nên được ghi lại trong biểu mẫu được đưa ra dưới đây:

Dự án cải tạo và nâng cao an toàn đập (DRSIP)		
THAM VẤN CỘNG ĐỒNG VỀ ESIA		
BIÊN BẢN HỌP		
Tên tiểu dự án:		
I. Thông tin chung		
Ngày:		
Vị trí:		
Số lượng người tham gia: (Kèm theo danh sách những người tham gia dự buổi họp)		
Số lượng phụ nữ:		
Số lượng các đại diện từ hộ dân tộc thiểu số:		
II. Các thông tin quan trọng đưa cho người tham gia (Tập trung vào những tác động tiềm tàng quan trọng và các biện pháp giảm thiểu được thông báo cho những người tham gia)		
III. Phản hồi nhận được từ người tham gia (ghi rõ)		
<i>TT</i>	<i>Tên</i>	<i>Phản hồi/ nhận xét/ đề xuất</i>

Thời gian bắt đầu:	Thời gian kết thúc		
Biên bản được chuẩn bị bởi:			
Danh sách những người tham gia (đính kèm biên bản họp)			
TT	Tên	Làng/xã	Ký tên

C4. Hướng dẫn chuẩn bị Kế hoạch Hành động Tái định cư (RAP)

Thủ tục chuẩn bị và phê duyệt cho Kế hoạch hành động tái định cư (RAP)

Nguyên tắc chung:

Trong giai đoạn chuẩn bị Dự án, Kế hoạch hành động tái định cư của tiểu dự án sẽ được chuẩn bị dựa trên các nguyên tắc của Khung chính sách TĐC và Báo cáo đầu tư của từng tiểu dự án. Trong giai đoạn thực hiện, Kế hoạch hành động tái định cư cập nhật của từng tiểu dự án sẽ được chuẩn bị khi đã có thiết kế kỹ thuật chi tiết được hoàn thiện và cho phép công tác đo đạc và kiểm kê chi tiết các thiệt hại (DMS), xác định chính xác những người BAH được thực hiện, điều tra kinh tế-xã hội, khảo sát giá thay thế. Bản Kế hoạch hành động tái định cư được cập nhật sẽ được UBND tỉnh phê duyệt trước khi chi trả bồi thường.

Nếu những tác động tới toàn bộ người bị ảnh hưởng là nhỏ ¹, hoặc số người bị ảnh hưởng ít hơn 200 thì sẽ áp dụng Kế hoạch hành động tái định cư rút gọn. Nếu những tác động tới toàn bộ người bị ảnh hưởng là lớn ², hoặc số người bị ảnh hưởng lớn hơn hoặc bằng 200 người thì sẽ áp dụng Kế hoạch hành động tái định cư đầy đủ.

Kế hoạch hành động tái định cư rút gọn sẽ bao gồm các yếu tố tối thiểu sau đây: (i) Mô tả dự án và điều kiện kinh tế xã hội của cộng đồng và của hộ bị ảnh hưởng trong khu vực tiểu dự án; (ii) Khung pháp lý, chính sách tái định cư và quyền lợi của người BAH; (iii) Kết quả điều tra dân số và kiểm kê tài sản của những người BAH; (iv) Tác động gây ra do việc thu hồi đất sản xuất (đặc biệt về sinh kế, thu nhập); (v) Kết quả tham vấn; (vi) Quyền lợi và hỗ trợ cho hộ/người BAH; (vii) Tổ chức thực hiện; (viii) Cơ chế quản lý khiếu nại; (ix) Nguồn vốn và ước tính chi phí; và (x) Kế hoạch thực hiện.

Kế hoạch hành động tái định cư đầy đủ sẽ bao gồm: (i) Giới thiệu chung; (ii) Kết quả điều tra

¹ Tác động nhỏ: Được định nghĩa theo chính sách OP 4.12, khi người bị ảnh hưởng không bị ảnh hưởng vật lý và ít hơn 10% (đối với dự án này: 20% áp dụng cho nhóm không bị tổn thương, và 10% cho nhóm dễ bị tổn thương và những hộ gia đình nghèo bị ảnh hưởng) của tài sản sản xuất của họ bị mất hoặc ít hơn 200 người bị ảnh hưởng.

² Tác động đáng kể: được định nghĩa theo chính sách OP 4.12, Khi việc đầu tư dẫn đến di dời bằng hoặc nhiều hơn 200 người bị ảnh hưởng hoặc nhiều hơn 10% (Đối với dự án này: ≥20% được áp dụng cho nhóm không bị tổn thương, và ≥10% cho nhóm dễ bị tổn thương và những hộ gia đình nghèo bị ảnh hưởng) những tài sản sản xuất của họ bị mất.

kinh tế - xã hội của người bị ảnh hưởng; (iii) Phạm vi thu hồi đất và các tác động do thu hồi đất; (iv) Khung pháp lý; (v) Kế hoạch và thời gian thực hiện RAP; (vi) Quyền lợi và các biện pháp phụ hồi sinh kế và thu nhập; (vii) Phổ biến thông tin và tham vấn cộng đồng; (viii) Cơ chế khiếu nại và giải quyết khiếu nại; (ix) Tổ chức thực hiện; (x) Nguồn vốn và ước tính chi phí; và (xi) Giám sát và đánh giá.

Tiêu chí hợp pháp và quyền lợi

(i). Người bị ảnh hưởng bởi dự án

Là những người bị ảnh hưởng trực tiếp bởi một dự án do bị mất đất, nhà ở, các công trình khác, bị mất công việc kinh doanh, các tài sản, hoặc không còn tiếp cận được với các nguồn lực, cụ thể là:

- Người có đất nông nghiệp sẽ bị ảnh hưởng (tạm thời hoặc vĩnh viễn) bởi dự án.
- Người có đất ở/nhà cửa sẽ bị ảnh hưởng (tạm thời hoặc vĩnh viễn) bởi dự án.
- Người có nhà thuê sẽ bị ảnh hưởng (tạm thời hoặc vĩnh viễn) bởi dự án.
- Người có công việc kinh doanh, hoạt động sản xuất nông nghiệp, việc làm, hoặc nơi làm việc sẽ bị ảnh hưởng (tạm thời hoặc vĩnh viễn) bởi dự án.
- Người có hoa màu/cây cối (hàng năm và lâu năm) sẽ bị ảnh hưởng một phần hoặc toàn bộ bởi dự án.
- Người có các tài sản khác hoặc việc tiếp cận với các tài sản đó, sẽ bị ảnh hưởng một phần hoặc toàn bộ bởi dự án; và
- Người có sinh kế sẽ bị ảnh hưởng (tạm thời hoặc vĩnh viễn) do hạn chế tiếp cận khu vực được bảo vệ bởi dự án.
- Người bị ảnh hưởng thiếu nước tưới trong thời gian thi công

(ii). Xác định các nhóm hoặc hộ gia đình dễ bị tổn thương

Qua các cuộc điều tra nhanh ban đầu về kinh tế xã hội thì các nhóm dễ bị tổn thương thường sẽ gồm có:

- Các hộ thuộc diện nghèo và cận nghèo theo tiêu chí phân loại của Bộ LĐTB & XH và theo các quy định của địa phương
- Các hộ nghèo với diện tích đất sản xuất hạn chế (diện tích đất nông nghiệp tối thiểu để một nông dân có thể sống được trong khu vực dự án).
- Các hộ dân tộc thiểu số³
- Những người khuyết tật và thiếu năng hoặc những người có sức khỏe kém; trẻ sơ sinh, trẻ em và phụ nữ không có hỗ trợ; những hộ nghèo nhất có phụ nữ làm chủ hộ.
- Hộ nghèo có phụ nữ làm chủ hộ hoặc hộ có phụ nữ làm chủ hộ và không có nguồn hỗ trợ khác.
- Những người BAH khác được xác định bởi Ban Quản lý dự án và những người có thể không được bảo hộ bởi chính sách bồi thường đất hoặc quyền sử dụng đất của nhà nước; hoặc

³ Bất kỳ việc thu hồi đất nào đối với cộng đồng dân tộc thiểu số sẽ phải phù hợp với Khung Chính sách Dân tộc thiểu số được xây dựng cho Dự án theo quy định trong Chính sách hoạt động 4.10 của Ngân hàng Thế giới.

- Các nhóm khác được xác định bởi các cuộc điều tra kinh tế xã hội và qua các cuộc tham vấn thực tế.

(iii). Tính hợp lệ

Tính hợp lệ để được hưởng các quyền bồi thường thông thường được xây dựng dựa trên 3 khái niệm liên quan đến quyền sở hữu tài sản như sau:

- Những người có quyền lợi hợp pháp đối với đất đai được chính thức công nhận (bao gồm cả các quyền sử dụng đất theo truyền thống và tập quán được luật pháp nhà nước công nhận. Khi xem xét các trường hợp này, giấy tờ xác minh thời gian sử dụng đất hoặc các tài sản gắn với đất của người BAH sẽ được sử dụng).
- Những người không có quyền lợi hợp pháp đối với đất đai được chính thức công nhận tại thời điểm bắt đầu thống kê nhưng có yêu cầu bồi thường về đất hoặc các tài sản – miễn là các yêu cầu đó được pháp luật nhà nước công nhận hoặc được công nhận thông qua quá trình được xác định trong kế hoạch hành động tái định cư.
- Những người không có quyền hợp pháp được chính thức công nhận hoặc yêu cầu bồi thường được công nhận đối với đất đai mà họ đang chiếm giữ.

Những người trong mục (i) và (ii) được bồi thường cho đất bị mất và các hỗ trợ khác. Những người trong mục (iii) thay vì được bồi thường cho đất chiếm giữ bị mất sẽ chỉ được hỗ trợ tái định cư và các hỗ trợ khác, nếu cần thiết, để đạt được các mục tiêu đặt ra trong chính sách này nếu đất đó bị chiếm giữ trước ngày khóa sổ do Bên vay quy định và được NHTG chấp nhận. Những người lấn chiếm vào khu vực này sau ngày khóa sổ không được hưởng bồi thường hay bất kỳ hình thức hỗ trợ nào. Tất cả những người trong mục (i), (ii), hoặc (iii) được bồi thường cho những thiệt hại về tài sản không phải là đất mà họ đang sử dụng hoặc sở hữu.

(iv). Quyền bồi thường

Căn cứ theo từng nhóm hợp lệ mà các quyền bồi thường có thể là các khoản tiền bồi thường và các hình thức hỗ trợ khác được cung cấp cho người bị di dời (tham khảo Ma trận quyền lợi trong báo cáo RPF).

(v) Chuẩn bị kế hoạch hành động tái định cư

Trong quá trình thực hiện dự án, RAP, nếu cần thiết, sẽ được chuẩn bị bởi PPMU cho phù hợp với các yêu cầu của RPF này và tham khảo ý kiến UBND tỉnh, các đơn vị có liên quan và UBND huyện. Phần sau đây trình bày các mục tiêu biểu cần có trong RAP và các bước lập RAP.

(vi) Các mục của RAP

Tùy thuộc vào phạm vi tác động của việc thu hồi đất, một RAP đầy đủ hoặc một RAP rút gọn có thể được chuẩn bị.

Cần có RAP đầy đủ khi báo cáo đánh giá xã hội của dự án đã xác định được tác động tái định cư. RAP cần được lập trước khi thẩm định dự án và phải trình bày về mục tiêu, chính sách và nguyên tắc của dự án. Cụ thể, RAP cần bao gồm các mục sau:

- Mô tả dự án

- Tác động có thể có của tái định cư trong dự án;
- Mục tiêu
- Điều tra kinh tế - xã hội
- Khung pháp lý
- Điều kiện hợp lệ để nhận bồi thường và hỗ trợ phục hồi sinh kế
- Định giá tài sản và giá trị bồi thường thiệt hại
- Lựa chọn địa điểm tái định cư, chuẩn bị mặt bằng và di dời
- Nhà cửa, hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ xã hội
- Trách nhiệm và tổ chức
- Cơ chế giải quyết khiếu nại, tham vấn và đẩy mạnh sự tham gia của người dân
- Kế hoạch thực hiện các hoạt động tái định cư
- Dự kiến chi phí và Ngân sách; và
- Giám sát và đánh giá.

Trong trường hợp các tác động đến toàn bộ dân số phải di dời là không lớn (nếu người bị ảnh hưởng không phải di dời và chỉ thiệt hại không đến 10% tài sản phục vụ hoạt động sản xuất) hoặc ảnh hưởng không đến 200 người thì chỉ cần lập RAP rút gọn trước khi thẩm định dự án. RAP rút gọn cần bao gồm ít nhất các hạng mục sau:

- Điều tra dân số đối với người bị ảnh hưởng và tài sản bị thiệt hại
- Trình bày về nội dung bồi thường và các hình thức hỗ trợ tái định cư khác
- Tham vấn người bị ảnh hưởng về các phương án đề xuất
- Trách nhiệm tổ chức thực hiện
- Tiến độ và ngân sách.

Quy trình lập Kế hoạch tái định cư

RAP được lập trên cơ sở có sự tham gia của cộng đồng và phân tích đa chiều, bao gồm đánh giá xã hội học. Trong giai đoạn lập dự án có thể thực hiện các bước sau:

Bước 1. Dựa trên thiết kế sơ bộ dự án cho tiểu dự án, thực hiện đánh giá sơ bộ về mức độ tác động xã hội để xác định phạm vi đánh giá xã hội của dự án (mức độ thu hồi đất, tái định cư).

Bước 2. Trên cơ sở các tác động xã hội đã biết, hiệu chỉnh thiết kế dự án nếu cần thiết, để tránh, giảm thiểu, hoặc giảm thiểu tác động của tiểu dự án.

Bước 3. Nếu không cần thực hiện bước 2, tiến hành một cuộc khảo sát điều tra dân số để hiểu rõ mức độ ảnh hưởng ở cấp hộ. Điều này có thể liên quan đến việc thu thập dữ liệu kinh tế xã hội của các hộ bị ảnh hưởng so với mức độ tác động thu hồi đất. Cần thu thập các loại số liệu sau đây trong quá trình điều tra kinh tế xã hội:

(i) Số liệu về người bị ảnh hưởng, tổng số người bị ảnh hưởng:

- Nhân khẩu, giáo dục, thu nhập, và nghề nghiệp
- Bảng liệt kê toàn bộ tài sản và tài sản bị ảnh hưởng

- Tình hình sản xuất kinh tế xã hội và sử dụng tài nguyên thiên nhiên
- Bảng liệt kê nguồn tài sản chung, nếu có
- Hoạt động kinh tế của người bị ảnh hưởng, bao gồm nhóm dễ bị tổn thương
- Mạng lưới và tổ chức xã hội
- Hệ thống và công trình văn hóa
- Các tiện ích công cộng như trạm y tế, bưu điện, cấp nước, cấp điện, chợ.

(ii) Số liệu về diện tích và đất đai:

- Bản đồ khu vực và thôn làng, khu phố bị ảnh hưởng do thu hồi đất
- Tổng diện tích đất bị thu hồi trong phạm vi dự án
- Loại đất và công năng sử dụng
- Tình trạng sở hữu, thời gian sở hữu, sơ đồ sử dụng đất
- Các thủ tục thu hồi đất và bồi thường
- Các công trình xây dựng và hạ tầng kỹ thuật hiện có.

Bước 4. Song song với điều tra dân số đối với người bị ảnh hưởng, tiến hành tham vấn người bị ảnh hưởng để xác định lựa chọn của họ và các yêu cầu đặc biệt cần giải quyết trong RAP. Ngoài ra, tiến hành khảo sát giá thay thế cho đất đai, cây trồng và các tài sản khác để lập dự toán cho RAP.

Bước 5. Lập RAP. Sử dụng Ma trận quyền lợi trong Khung chính sách TĐC (Bảng 5).

Bước 6. Khi bản dự thảo RAP được Ngân hàng chấp nhận, dự thảo RAP sẽ được trình bày tại cuộc họp công khai để tham vấn các hộ có khả năng bị ảnh hưởng và cộng đồng nói chung.

Thẩm định và Phê duyệt RAP

Việc lập RAP cho dự án phải phù hợp với các quy định trong khung RPF. Khi tài liệu RAP hoàn thiện phải được gửi đến Ngân hàng Thế giới để xem xét và chấp thuận. Sau đó, UBND tỉnh sẽ chịu trách nhiệm phê duyệt RAP và tất cả các vấn đề tái định cư liên quan, để cho phép thực hiện RAP. Ngân hàng Thế giới sẽ không chấp nhận giải ngân từ vốn vay cho các hợp đồng xây dựng dự án trừ khi việc thanh toán bồi thường và các biện pháp phục hồi sinh kế đã được giải quyết một cách thỏa đáng, phù hợp với RPF của dự án.

Thực hiện RAP

Kế hoạch thực hiện công tác tái định cư chi tiết sẽ được thể hiện trong các báo cáo Kế hoạch hành động tái định cư của từng tiểu dự án. Kế hoạch thực hiện này sẽ được xây dựng dựa trên kế hoạch thực hiện của việc xây dựng công trình.

Quy trình thực hiện bồi thường, hỗ trợ và TĐC

Cần tuân thủ các quy định và thủ tục trong Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định trong Khung chính sách tái định cư (RPF). Các bước và thủ tục cụ thể như sau:

- a) Căn cứ vào thiết kế kỹ thuật chi tiết của công trình, Tư vấn thiết kế và PPMU bàn giao

mốc giới GPMB cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng để xác định các hộ BAH và đo đạc kiểm đếm các tài sản BAH.

- b) Hợp các hộ BAH để phổ biến thông tin và chính sách bồi thường, bao gồm mục tiêu và lợi ích của dự án, các tác động tích cực và tiêu cực của dự án, các biện pháp giảm thiểu, các phương pháp được sử dụng để xác định giá các tài sản BAH, các khoản bồi thường, hỗ trợ khôi phục và cơ chế giải quyết khiếu nại.
- c) Điều tra cơ bản được thực hiện nhằm khảo sát các hộ BAH và kiểm kê tài sản BAH để thu thập thông tin về người BAH, số lượng tài sản BAH, các quyền lợi về bồi thường, tái định cư và hỗ trợ phục hồi cho người BAH. Tham vấn người BAH về các biện pháp giảm thiểu tác động của dự án và các biện pháp hỗ trợ phục hồi sinh kế.
- d) Tiến hành điều tra kinh tế xã hội cho lập RAP đầy đủ và các cuộc điều tra hạn chế để đánh giá tác động đối với lập RAP rút gọn.
- e) Điều tra giá thay thế;
- f) Lập phương án bồi thường, công khai phương án bồi thường để lấy ý kiến của người BAH, hoàn chỉnh phương án bồi thường và trình UBND huyện phê duyệt.
- g) Thực hiện chi trả bồi thường và các khoản hỗ trợ
- h) Thực hiện tái định cư (nếu có) và bàn giao mặt bằng cho thi công
- i) Các hoạt động giám sát nội bộ và độc lập sẽ được triển khai ngay từ khi bắt đầu các hoạt động phổ biến thông tin và trong suốt quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và TĐC để đảm bảo rằng việc thực hiện bồi thường và TĐC tuân thủ Khung chính sách tái định cư (RPF).

Sự phối hợp giữa thực hiện tái định cư và xây lắp.

Đối với các TDA có thu hồi đất, việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ và TĐC cần đảm bảo phù hợp với tiến độ thi công các hạng mục của mỗi tiểu dự án. Vì vậy, một khung thời gian thực hiện bồi thường và GPMB kết hợp với kế hoạch xây lắp cần được thiết lập và giám sát chặt chẽ để đảm bảo tất cả người BAH đều được nhận bồi thường thỏa đáng trước khi bắt đầu các hoạt động xây lắp. Chi trả bồi thường và TĐC cho người BAH phải được hoàn thành như một điều kiện cho việc thu hồi đất và trước khi bắt đầu thi công.

Nếu TDA gây ra các tác động TĐC thì cần tham vấn người phải di dời về các phương án di dời như nhận tiền và tự lo chỗ ở hay di chuyển vào các khu TĐC. Trường hợp thứ nhất, Hội đồng bồi thường và chính quyền địa phương cần hỗ trợ người phải di dời tìm nơi ở mới. Đối với trường hợp thứ hai, UBND huyện cần xây dựng khu TĐC với đầy đủ điều kiện phát triển cho người BAH. Việc di dời các hộ BAH vào khu TĐC chỉ được thực hiện khi đã hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng khu TĐC và đảm bảo đủ điều kiện để sinh sống.

Để việc thực hiện các hoạt động TĐC phù hợp với kế hoạch xây lắp và đảm bảo không có người BAH nào phải di dời trước khi trả bồi thường và các hoạt động xây lắp được bắt đầu, CPO và các PPMU cần xây dựng một kế hoạch thực hiện dự án bao gồm các mốc thời gian cụ thể:

- a) Các ngày khởi công và kết thúc xây lắp các công trình,
- b) Kế hoạch thời gian bàn giao khu TĐC đã hoàn thành cho người BAH (ngày bàn giao phải trước ngày bắt đầu thi công ít nhất một tháng),
- c) Ngày mà người BAH phải bàn giao đất cho dự án (để họ có kế hoạch phá dỡ nhà và bàn giao đất đúng thời gian quy định để được nhận khoản tiền thưởng di dời đúng tiến độ).

Việc thanh toán các khoản bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ bị ảnh hưởng (bằng tiền mặt hoặc đất đổi đất) phải được hoàn thành trước khi trao thầu thi công.

Công bố thông tin

Theo yêu cầu của Ngân hàng, Kế hoạch hành động tái định cư (RAP/A-RAP) sẽ được công bố bằng tiếng Việt ở cấp địa phương, đặc biệt tại trụ sở Ban QLDA, UBND quận, phường/xã trước và sau khi được Chính phủ Việt Nam phê duyệt. Phiên bản tiếng Anh của Kế hoạch hành động tái định cư (RAP/A-RAP) cũng sẽ được công bố tại Cơ sở thông tin Ngân hàng Thế giới ở Washington D.C. trước khi phê duyệt dự án.

Khảo sát chi phí thay thế

Như đề nghị trong hướng dẫn của NHTG về Tái định cư không tự nguyện (OP 4.12), Khảo sát giá thay thế cần phải thực hiện để làm căn cứ tính giá thay thế cho tất cả các ảnh hưởng về đất/cây trồng/ tài sản/ công trình bởi dự án. Một đơn vị tư vấn thẩm định giá độc lập có chuyên môn về thẩm định giá sẽ được huy động để tiến hành khảo sát chi phí thay thế cho đất/ cây trồng/ tài sản/ công trình bị ảnh hưởng của Dự án.

UBND huyện và Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng đảm bảo rằng khoản dự kiến chi trả bồi thường cho các hộ BAH là giá thay thế (đối với đất và các công trình) và giá thị trường (đối với cây /hoa màu). Khảo sát chi phí thay thế sẽ được tiến hành theo cách thức có sự tham gia của các bên liên quan.

C5. Hướng dẫn Chuẩn bị kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP)

EMDP được xây dựng dựa trên việc tham vấn với người DTTS trong khu vực thực hiện dự án. Tham vấn là việc làm rất quan trọng đối với việc chuẩn bị một EMDP bởi nó cung cấp cho những nhóm người DTTS (kể cả những người bị ảnh hưởng, những người hưởng lợi và những người có khả năng bị ảnh hưởng bởi tiêu dự án) có những cơ hội tham gia vào quá trình lập kế hoạch và thực hiện các tiểu dự án. Quan trọng hơn, nó giúp xác định được các yếu tố tác động tiêu cực tiềm năng, nếu có, như là một kết quả của tiêu dự án, trên các hoạt động tạo thu nhập của người DTTS và sinh kế của họ, từ đó có thể đưa ra các biện pháp phù hợp để làm thế nào có thể tránh, giảm thiểu những tác động tiêu cực. Tham vấn cũng nhằm mục đích đảm bảo cho người DTTS có cơ hội để hiểu rõ ràng hơn, trên cơ sở hiểu biết của họ về mục đích của tiêu dự án/dự án, những điều họ cần dự án hỗ trợ, mà có liên quan đến mục tiêu và các hoạt động của dự án.

Các thành phần cho một Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP) bao gồm:

Tóm tắt:

Phần này mô tả ngắn gọn các sự kiện quan trọng, phát hiện quan trọng từ các đánh giá xã hội và khuyến khích hành động để quản lý các tác động bất lợi (nếu có) và đề xuất các hoạt động can thiệp phát triển trên cơ sở kết quả đánh giá xã hội.

I. Mô tả về dự án

Phần này cung cấp mô tả chung về các mục tiêu dự án, các hợp phần của dự án, tác động tiêu cực tiềm ẩn (nếu có) theo mức dự án và tiểu dự án.

II. Khung pháp lý và thể chế áp dụng cho người dân tộc thiểu số

III. Mô tả về dân số tiểu dự án

- Thông tin cơ bản về các đặc điểm nhân khẩu học, xã hội, văn hóa và chính trị của các dân tộc thiểu số có khả năng bị ảnh hưởng, hoặc cộng đồng của người DTTS.
- Sản xuất, hệ thống sinh kế, hệ thống sở hữu của người DTTS có thể dựa vào, bao gồm cả tài nguyên thiên nhiên mà họ phụ thuộc (bao gồm cả nguồn tài sản chung, nếu có).
- Các loại hoạt động tạo thu nhập, bao gồm cả các nguồn thu nhập, phân chia theo thành viên gia đình của họ, công việc theo mùa
- Thiên tai hàng năm có thể ảnh hưởng đến khả năng sinh kế và thu nhập của họ
- Mọi quan hệ cộng đồng (vốn xã hội, quan hệ họ hàng, mạng xã hội ...)

IV. Đánh giá tác động xã hội

Phần này mô tả:

- Phương pháp tham vấn đã được sử dụng để đảm bảo tham vấn tự do, tham vấn trước và tham vấn công bố thông tin với người DTTS bị ảnh hưởng trong khu vực tiểu dự án.
- Tóm tắt các kết quả của tham vấn tự do, tham vấn trước và tham vấn công bố thông tin với dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng. Kết quả bao gồm hai khu vực:
 - Tác động tiềm năng của các tiểu dự án (tích cực và tiêu cực) đối với sinh kế của người DTTS trong vùng dự án (cả trực tiếp và gián tiếp);
 - Kế hoạch hành động của các biện pháp để tránh, giảm thiểu tối đa, giảm thiểu hoặc đền bù cho những tác dụng phụ.
 - Lựa chọn hỗ trợ (từ dự án) của người DTTS vào các hoạt động phát triển dành cho họ (tìm hiểu thông qua tham vấn cộng đồng xác định nhu cầu trong thực hiện đánh giá xã hội)
 - Một kế hoạch hành động giảm thiểu để đảm bảo người DTTS trong khu vực tiểu dự án nhận được lợi ích kinh tế xã hội và văn hóa thích hợp với họ, bao gồm các biện pháp để nâng cao năng lực của các cơ quan thực hiện dự án tại địa phương.

V. Công bố thông tin, tham vấn và sự tham gia:

Phần này sẽ:

- a) Mô tả công bố thông tin, tham vấn và quá trình tham gia với các dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng đã được thực hiện trong thời gian chuẩn bị dự án với họ;
- b) Tóm tắt ý kiến, kết quả của việc đánh giá tác động xã hội và xác định mối quan tâm lớn trong quá trình tư vấn và làm thế nào những điều này đã được đề cập trong thiết kế dự án;
- c) Trong trường hợp của các hoạt động dự án yêu cầu cộng đồng tiếp cận trên diện rộng và hỗ trợ, tư liệu về quá trình và kết quả tham vấn với các cộng đồng DTTS bị ảnh hưởng và bất kỳ thỏa thuận do tham vấn cho các hoạt động dự án và biện pháp tự vệ các tác động của các hoạt động này;
- d) Mô tả quá trình tham vấn và tham gia các cơ chế được sử dụng trong quá trình thực

- hiện để đảm bảo người dân tộc thiểu số tham gia trong quá trình thực hiện; và
- e) Xác nhận công bố thông tin của dự thảo EMDP cuối cùng để các cộng đồng DTTS bị ảnh hưởng

VI. Nâng cao năng lực: Phần này cung cấp các biện pháp để tăng cường khả năng xã hội, pháp lý và kỹ thuật của (a) chính quyền địa phương trong việc giải quyết các vấn đề dân tộc thiểu số trong khu vực dự án; và (b) Các tổ chức dân tộc thiểu số trong khu vực dự án để họ có thể đại diện cho dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng một cách hiệu quả hơn.

VII. Cơ chế giải quyết khiếu nại: Phần này mô tả các thủ tục để giải quyết khiếu nại của người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng. Nó cũng giải thích các thủ tục có sự tham gia của các dân tộc thiểu số và phù hợp với văn hóa của họ.

VIII. Cơ cấu tổ chức: Phần này mô tả sắp xếp thể chế, cơ chế và trách nhiệm để thực hiện các biện pháp khác nhau của EMDP. Mô tả các quá trình bao gồm các tổ chức và chính quyền địa phương có liên quan trong việc thực hiện các biện pháp của EMDP.

IX. Giám sát và Đánh giá: Phần này mô tả các cơ chế và tiêu chuẩn phù hợp với các dự án để theo dõi và đánh giá việc thực hiện EMDP. Quy định tham vấn tự do, tham vấn trước, tham vấn công bố thông tin và tham gia của các dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng trong việc chuẩn bị và xác nhận của giám sát, báo cáo và đánh giá.

X. Ngân sách và Tài chính: Phần này cung cấp một ngân sách được phân bổ cho tất cả các hoạt động được mô tả trong EMDP.

XI. Tổ chức thực hiện

MARD là cơ quan Chủ quản dự án, MARD giao CPO làm chủ dự án, chịu trách nhiệm điều phối chung các hoạt động của dự án với nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Một Ban Chỉ đạo Dự án (PSC) sẽ được thành lập, bao gồm đại diện của MARD, các Bộ, ngành, các cơ quan chính quyền của các tỉnh dự án, chịu trách nhiệm theo dõi thường xuyên và quản lý các dự án trong quá trình thực hiện.

Ở cấp Trung ương. CPMU sẽ được thành lập thuộc CPO để điều phối chính sách và các vấn đề chiến lược, đưa ra toàn bộ hướng dẫn và hỗ trợ trong việc điều phối. CPMU chịu trách nhiệm thực hiện chung của các EMDP đã được chuẩn bị thuộc Dự án DRASIP/WB8. CPMU sẽ đảm bảo rằng tất cả các PPMU hiểu rõ mục đích của EMPF và biết làm thế nào để trình EMDP cho các tiểu dự án có liên quan. CPMU có trách nhiệm cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho PPMU trong quá trình chuẩn bị EMDP cho các tiểu dự án có liên quan. CPMU có trách nhiệm đảm bảo việc thực hiện dự án EMDP một cách hiệu quả, bao gồm giám sát và đánh giá kết quả việc thực hiện EMDP. Tại giai đoạn đầu của việc thực hiện dự án, CPMU sẽ đào tạo cho nhân viên xã hội địa phương, nhằm giúp họ có khả năng tiến hành việc nghiên cứu (về những người DTTS hiện sinh sống tại khu vực bị ảnh hưởng của tiểu dự án) để quyết định khi nào cần thiết có EMDP và trên cơ sở kết quả nghiên cứu, đánh giá yếu tố tác động xã hội, và chuẩn bị EMDP. Khi nguồn lực địa phương không đủ để chuẩn bị EMDP, những tư vấn có trình độ có thể sẵn sàng hỗ trợ PPMU lập một EMDP cho một tiểu dự án theo EMPF.

Ở cấp địa phương. Ban Quản lý dự án cấp tỉnh (PPMU) và chính quyền địa phương chịu trách nhiệm chuẩn bị và thực hiện EMDP. Nguồn nhân lực và ngân sách phù hợp và đủ để đạt mục tiêu của EMDP, cần bao gồm trong bản EMDP để NHTG xem xét và thông qua. Trong trường

hợp những người DTTS bị ảnh hưởng do việc thu hồi đất nhằm mục đích xây dựng cho các tiểu dự án, vấn đề bồi thường, hỗ trợ người DTTS sẽ được đặt ra thông qua RAP được chuẩn bị cho tiểu dự án theo hướng dẫn RPF của dự án.

PHỤ LỤC- D: CÁC TÁC ĐỘNG TIỀM TÀNG VÀ LỰA CHỌN CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU

Sau đây là phương pháp giảm thiểu mang tính chung chung dựa trên các tác động dự kiến và các vấn đề liên quan đến công tác sửa chữa đập. Tùy thuộc vào điều kiện môi trường và xã hội thực tế ở các vùng dự án và mức độ nghiêm trọng của các tác động, các tiểu dự án phục hồi chức năng đập có thể áp dụng và / hoặc sửa đổi các biện pháp giảm thiểu..

Bảng–D.1: Danh sách các tác động có thể và lựa chọn các biện pháp- trong giai đoạn chuẩn bị

<i>Vấn đề / Tác động tiêu cực</i>	<i>Mức độ giảm nhẹ</i>
1. Mất vĩnh viễn hoặc tạm thời đất hoặc các nguồn lực cho bất kỳ gia đình, tái định cư	<ul style="list-style-type: none"> - Tác động về thu hồi đất và tái định cư là thấp, chỉ có một vài chục hộ, hầu hết các tiểu dự án không yêu cầu lập kế hoạch tái định cư. Một tiểu dự án Yêu cầu tái định cư cho hộ gia đình cần: - Xác định diện tích và bản chất của đất cần bồi thường, chủ sở hữu, và/hoặc các vấn đề khác và chuẩn bị kế hoạch hành động tái định cư để cung cấp bồi thường và/ hoặc hỗ trợ tiếp sau khung chính sách tái định cư.
2. Di dời các ngôi mộ nếu có thể	<ul style="list-style-type: none"> - Hầu hết các tiểu dự án không có di dời mộ. Nếu đây có trường hợp di dời sẽ tuân theo các thủ tục được mô tả trong khung chính sách tái định cư.
3. Giao thông đường bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Cần tham khảo ý kiến các nhà chức trách địa phương trước khi giải phóng mặt bằng. - Kế hoạch quản lý giao thông cần được có để quản lý giao thông và tổ chức lại tuyến giao thông - Tránh vận chuyển qua các khu vực dễ bị ảnh hưởng, chẳng hạn như trường học, bệnh viện hoặc chợ. - Lắp đặt hệ thống chiếu sáng nếu cần thiết - Lắp đặt chỉ dẫn và biển cảnh báo. - Lắp đặt biển báo tín hiệu giao thông - Lắp đặt biển báo tín hiệu giao thông đường thủy nếu cần thiết
4. Ảnh hưởng sức khỏe công nhân xây dựng/ lán trại	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục và nâng cao nhận thức về vệ sinh cá nhân và dịch bệnh - Lắp hàng rào, biển cảnh báo, khu vực hạn chế và hệ thống chiếu sáng để bảo vệ người dân địa phương và cảnh báo mối nguy hiểm tiềm tàng. - Nhà thầu phải quy định sự an toàn và theo dõi việc tuân thủ để bảo vệ người dân và các khu vực dễ bị ảnh hưởng

<i>Vấn đề / Tác động tiêu cực</i>	<i>Mức độ giảm nhẹ</i>
5. UXO	<p>Nó tác động đến nhiều đối tượng sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu phải thông báo với địa phương và cư dân xung quanh khu vực về các tác động như tiếng ồn, nổ mìn khai thác đá và phải có biện pháp giảm thiểu - Nhà thầu nên áp dụng phương pháp thích hợp để giảm tiếng ồn càng nhiều càng tốt và không làm ảnh hưởng các khu vực dễ bị ảnh hưởng (trường học, bệnh viện, phòng khám trung tâm thành phố, khu dân cư, vv) - Không được khai phá trong khu dân cư bán kính 200m - Không khai phá trong điều kiện thời tiết bất thường - Trước khi nổ mìn, phải tưới nước bề mặt của khu vực nổ mìn, xây dựng một hàng rào mới để bảo vệ và tránh các mảnh vỡ văng ra - Không cho nổ vào ban đêm, trừ khi đó là một lịch trình đã được phê duyệt bởi UBND xã và PEO - Tắt tất cả các thiết bị truyền dẫn trong vòng 50m vị trí trước, sau và trong thời gian nổ mìn - Vật liệu nổ phải được giữ an toàn và kiểm tra hàng tuần.
6. Ảnh hưởng đến người dân tộc thiểu số và/hoặc nhóm dân tộc thiểu số	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện quá trình đánh giá tác động xã hội phải thông qua tham vấn trước, thứ tự ưu tiên, hình thức thông báo và phải chuẩn bị kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số phù hợp với khung quản lý MTXH - Dự án sẽ hỗ trợ nâng cao nhận thức của người bị ảnh hưởng, theo ngôn ngữ phù hợp với các nhóm dân tộc thiểu số, về cơ chế khiếu nại và xây dựng năng lực của những người tham gia trong cơ chế giải quyết khiếu nại hiện hành về nhiệm vụ cần thiết, kể cả xử lý hoặc khiếu nại trung gian của cá nhân và / hoặc các nhóm dân tộc, ghi chép và báo cáo giám sát các nghị quyết đề ra.
7. Tác động đến sức khỏe những người dân địa phương và cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Sức khỏe người dân và kế hoạch quản lý cộng đồng cần thiết. Giáo dục và nâng cao nhận thức về vệ sinh cá nhân và dịch bệnh - Định kỳ kiểm tra sức khỏe người dân và cộng đồng - Trung tâm y tế địa phương phải đảm bảo đủ nhân lực và có nguồn đáp ứng điều trị lớn
8. Tác động đến cơ sở hạ tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các biện pháp bảo vệ khi vận chuyển - Thông báo kế hoạch cung cấp nước và điện trên các phương tiện công cộng và thông báo cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng ít nhất 2 ngày trước khi tiến hành. - Sửa chữa, bảo trì và đền bù đường dân sinh, cơ sở hạ tầng cần thiết theo yêu cầu, đặc biệt là những nơi bị hư hỏng do vận chuyển.
9. Ảnh hưởng giới	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch đền bù cần thiết cho các hộ gia đình bị thiệt hại về kinh tế - Sử dụng lao động địa phương để tăng thu nhập cho hộ gia đình, đặc biệt là phụ nữ ở địa phương cùng tham gia với các công việc của tiểu dự án

<i>Vấn đề / Tác động tiêu cực</i>	<i>Mức độ giảm nhẹ</i>
10. Thay đổi cảnh quan do các khu vực khai thác đất và các khu vực bãi thải	<p>Công tác đào đắp; xây dựng lán trại và xây dựng các hạng mục sẽ làm thay đổi cảnh quan của khu vực xây dựng và tăng mức độ xói mòn. Nhà thầu nên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các chất thải rắn như gỗ được thu gom để tái sử dụng hoặc chôn lấp tại bãi rác. - Tái sử dụng lớp đất bỏ để trồng và san lấp mặt bằng - Nhà thầu sẽ thu gom và loại bỏ tất cả các vật liệu, rác thải của công trình sau khi hoàn thành công trình
11. Ô nhiễm không khí, nước và đất trong địa điểm xây dựng	<p>Vận chuyển chất thải rắn và lỏng làm nguy hại tới không khí, ô nhiễm nước và đất ở mức thấp. Tuy nhiên, nhà thầu phải có biện pháp giảm thiểu tác động như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu gom chất thải rắn, nước thải tại công trường xây dựng - Tưới nước mặt đường để giảm bụi - Làm che phủ thảm thực vật xung quanh
12. Bồi lắng lòng hồ	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý lưu vực để giảm thiểu xói mòn và bồi lắng lòng hồ do các hoạt động đổ thải và khai thác đất - Vùng khác cần được che chắn, lắp đặt hàng rào để tránh vật liệu rơi xuống
13. Tác động đến đa dạng sinh học và môi trường sống tự nhiên	<p>Các hoạt động của dự án không thể tránh được các tác động đến đa dạng sinh học và môi trường sống tự nhiên, một số biện pháp giảm nhẹ có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển một kế hoạch để giảm thời gian nổ mìn, tiếng ồn - Giảm tác động đến sinh vật thủy sản - Giảm thiểu việc thu hồi đất ở các khu vực khác - Không được sử dụng hóa chất để phát quang - Tưới cây dọc hai bên đường vận chuyển - Không được làm hư hại thảm thực vật mà không có hướng dẫn trực tiếp. Hoặc chặt cây cho bất kỳ lý do nào ngoài khu vực xây dựng được phê duyệt

Bảng– D.2: Các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực Môi trường và Xã hội trong giai đoạn thi công

<i>Vấn đề/tác động</i>	<i>Biện pháp giảm thiểu</i>
I. Tác động xã hội	
1. Tác động đến giao thông đi lại trong vùng dự án	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tham vấn với chính quyền địa phương, cộng đồng và kế hoạch quản lý giao thông phải được xây dựng trong giai đoạn chuẩn bị - Kế hoạch quản lý giao thông, tránh khu vực nhạy cảm - Lắp đặt đèn tín hiệu để đảm bảo an toàn giao thông vào ban đêm. - Lắp đặt các bảng hướng dẫn xung quanh các công trường xây dựng và các khu vực khai thác vật liệu. - Tránh vận chuyển vật liệu vào giờ cao điểm.

<i>Vấn đề/tác động</i>	<i>Biện pháp giảm thiểu</i>
	- Cấm biển chỉ đường phù hợp cho các tuyến đường vận chuyển.
2. Tác động tiêu cực đến cấp nước sinh hoạt và sản xuất	- Bố trí thời gian thi công vào các thời điểm ít nhu cầu cấp nước. - Sử dụng nguồn nước thay thế cho sinh hoạt và sản xuất - Thông tin đến người dân về thời gian cắt nước - Chủ đầu tư đã tính toán phương án bồi thường thiệt hại
3. Tác động đến việc nuôi trồng thủy sản và vùng hạ lưu	- Tránh tháo nước - Sử dụng nguồn nước thay thế cho sinh hoạt và sản xuất - Thông báo thời gian tháo nước
4. Tác động du lịch và giao thông đường thủy	- Tránh tháo nước - Công bố thời gian thi công và tác động tiềm tàng cho các cơ quan du lịch và các cơ quan đại diện giao thông - Đặt hàng rào bảo vệ để tránh tác động đến hoạt động du lịch
5. Tác động thu nhập và đời sống người dân	- Bồi thường các thiệt hại theo Khung chính sách TĐC của dự án - Bố trí cho các hộ bị thu hồi đất, bị ảnh hưởng sản xuất tham gia các hoạt động thi công để có thêm việc làm và thu nhập
6. Tiềm năng gây xung đột giữa công nhân thi công và người dân địa phương	- Xây dựng qui chế quản lý công nhân và phổ biến thực hiện - Đăng ký tạm trú cho công nhân và phối hợp với chính quyền địa phương, trưởng thôn/ bản trong quản lý công nhân - Sử dụng tối đa công nhân lao động phổ thông tại chỗ - Tuyên truyền vận động người dân trong việc hợp tác hỗ trợ công nhân trong thời gian thi công
7. Rủi ro tai nạn cho công nhân và cộng đồng trong giai đoạn thi công	- Tập huấn cho người lao động về các quy định an toàn lao động và cung cấp đủ quần áo bảo hộ lao động theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. - Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn như dựng hàng rào bảo vệ, rào chắn, cảnh báo nguy hiểm và hệ thống chiếu sáng để tránh tai nạn giao thông cũng như các nguy hiểm khác cho người dân và các khu vực nhạy cảm
8. Lây lan dịch bệnh	- Xây dựng kế hoạch bảo vệ sức khỏe cộng đồng - Kiểm tra sức khỏe người lao động và cộng đồng địa phương - Vệ sinh công trường và lán trại
9. Tác động đến sức khỏe người dân địa phương	- Cung cấp tủ thuốc - Kế hoạch quản lý làng sức khỏe cộng đồng, dân cư - Cung cấp quần áo bảo hộ cho người lao động và giám sát việc tuân thủ
10. Hoạt động thi công có thể gây hư hại đối với đường bộ và hạ tầng nông thôn	- Giới hạn trọng tải xe và mật độ phương tiện giao thông - Bất kỳ hư hại nào đối với các dịch vụ tiện ích phải được báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền và được sửa chữa ngay khi có thể. - Bồi thường những thiệt hại do hư hỏng đường bộ và cơ sở hạ tầng
11. Tác động đến giới	- Bồi thường thỏa đáng và kịp thời những thiệt hại do tác động thi công gây ra

<i>Vấn đề/tác động</i>	<i>Biện pháp giảm thiểu</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Bố trí cho phụ nữ, các hộ có khó khăn, hộ nghèo, hộ bị ảnh hưởng sản xuất tham gia lao động để có thêm việc làm và thu nhập
12. Tác động đến các tổ chức xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn cho các tổ chức xã hội về quyền và trách nhiệm trong giám sát thực hiện Kế Hoạch Quản lý Môi trường của các nhà thầu thi công - Tập huấn kỹ năng giám sát, phản ánh thông tin về tác động đến môi trường và xã hội của các hoạt động thi công - Xây dựng mạng lưới cung cấp thông tin giữa các tổ chức xã hội với Chính quyền địa phương, Ban QLDA, nhà thầu thi công và tư vấn giám sát để tiếp nhận và xử lý thông tin kịp thời
13. Tác động đến các dịch vụ tiện ích	<ul style="list-style-type: none"> - Có kế hoạch dự trữ lương thực, thực phẩm và điều chuyển từ các nơi khác đến để cung cấp cho công nhân - Nhà thầu thi công phải bố trí thêm cán bộ y tế. Hợp đồng dịch vụ y tế với trạm y tế xã, trung tâm y tế của huyện để khắc phục các sự cố phát sinh và khám sức khỏe định kỳ cho công nhân - Hoàn thiện cơ sở hạ tầng, hệ thống điện, dịch vụ viễn thông trước khi thi công TDA - Hợp đồng với phụ nữ, các hộ nghèo và hướng dẫn cung cấp dịch vụ lương thực, thực phẩm cho công nhân để có thêm thu nhập.
II. Tác động môi trường	
1. Thay đổi chất lượng nước mặt hoặc dòng chảy	<p>Do hoạt động đào đắp và phát sinh chất thải của công nhân. Nhà thầu phải thực hiện một biện pháp giảm thiểu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm thiểu các chất thải rắn hoặc đá rơi xuống hồ chứa - Sử dụng lao động địa phương để giảm chất thải sinh hoạt. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải theo tiêu chuẩn - Nước thải phải được thu gom và vận chuyển - Các hố tự hoại sẽ được đóng kín - Các chất thải nguy hại như dầu thải, hóa chất xử lý môi phải được thu gom và xử lý theo quy định - Chất thải nguy hại phải được dán nhãn và lưu trữ trong các thùng chứa riêng biệt với ghi nhãn phù hợp. Container được đặt cách xa bờ sông và nguồn nước trong nước để tránh làm ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước
2. Lượng bụi, khí phát sinh gây ô nhiễm môi trường khí	<ul style="list-style-type: none"> - Phun nước rửa các đoạn đường bị bụi bẩn tại công trường thi công; - Che đậy các kho tập kết vật liệu; - Che phủ xe chở nguyên vật liệu và đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển để đất cát, vật liệu hay bụi bẩn không bị phát tán; - Đất cát và các kho tập kết bãi vật liệu ngoài trời phải được che chắn tránh gió.
3. Gia tăng tiếng ồn, độ rung	<ul style="list-style-type: none"> - Tất cả các xe phải có "Giấy chứng nhận tiêu chuẩn kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường" phù hợp với Quyết định số 35/2005 / QĐ-BGTVT để tránh gây tiếng ồn quá mức do máy móc không được bảo dưỡng thường xuyên - Tất cả các xe tránh vận chuyển vật liệu trong các giờ cao điểm và ban đêm

<i>Vấn đề/tác động</i>	<i>Biện pháp giảm thiểu</i>
	- Sắp xếp thời gian làm việc để tránh tất cả các hoạt động xảy ra trong cùng một thời gian
4. Làm thay đổi cảnh quan	Hoạt động đào đất; xây dựng lán trại và các hạng mục sẽ thay đổi cảnh quan của khu vực xây dựng và tăng xói mòn. Nhà thầu nên làm theo: <ul style="list-style-type: none"> - Các chất thải rắn như gỗ được thu gom để tái sử dụng hoặc chôn lấp tại bãi rác. - Tái sử dụng lớp đất loại bỏ để trồng rừng và san lấp mặt bằng - Nhà thầu sẽ thu gom vật liệu, rác thải và các công trình tạm thời sau khi hoàn thành xây dựng
5. Tác động do bồi lắng hồ	<ul style="list-style-type: none"> - Thu dọn sạch sẽ tàn dư thực vật trong lòng hồ trước khi tích nước. - Trồng rừng phòng hộ phía thượng lưu hồ để tăng khả năng trữ nước và giảm thiểu mức độ xói mòn và bồi lắng - Hạn chế các hoạt động khai thác trên sườn dốc, khu vực lòng hồ
6. Rủi ro an toàn đập	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian xây dựng phải trong mùa khô - Đẩy nhanh tiến độ xây dựng
7. Tác động đến môi trường sống của thực vật và động vật	<ul style="list-style-type: none"> - Các hoạt động của dự án có thể không tránh được các vấn đề, một số biện pháp giảm thiểu có thể được - Xây dựng kế hoạch để giảm thiểu thời gian nổ mìn, tiếng ồn - Giám tác động đến sinh vật thủy sinh - Hạn chế chiếm đất để giải phóng mặt bằng - Làm sạch lớp thực bì xung quanh con đường vận chuyển - Không cho phép sử dụng chất hóa học - Không phá bỏ hoặc di dời thảm thực vật mà không có hướng dẫn trực tiếp. Hoặc chặt cây cho bất kỳ lý do nào ngoài khu vực xây dựng đã được phê duyệt
8. Tác động tiêu cực do tích nước trong hồ sau khi thi công	<ul style="list-style-type: none"> - Sau khi hoàn thành các công trình, các nhà thầu sẽ làm sạch và loại bỏ tất cả các vật liệu, rác thải và các công trình tạm thời trước khi tích nước vào hồ.
9. Tác động tiêu cực của các hoạt động phá dỡ các công trình phụ trợ sau thi công	<ul style="list-style-type: none"> - Các khu vực bãi thải, mỏ đất, lán trại công nhân tại công trường, khu vực tập kết nguyên vật liệu, sẽ phải được phục hồi bằng các biện pháp tôn tạo cảnh quan, thoát nước đầy đủ và che phủ thực vật. - San ủi mặt bằng các mỏ đất, xếp lại lớp đất mặt và trồng cây che phủ - Đất bị ô nhiễm hóa học sẽ được loại bỏ, di chuyển và chôn lấp tại các khu vực được chỉ định - Khu vực bãi thải phải được che phủ bằng lớp đất sét, nèn chặt để chống thấm và xếp lại lớp đất mặt để trồng cây che phủ

Bảng D.3: Các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực Môi trường và Xã hội trong giai đoạn vận hành

<i>Vấn đề/ Tác động tiêu cực</i>	<i>Biện pháp giảm thiểu</i>
----------------------------------	-----------------------------

<i>Vấn đề/ Tác động tiêu cực</i>	<i>Biện pháp giảm thiểu</i>
1. Tác động do bồi lắng hồ	Ban quản lý hồ chứa cần phải thực hiện các biện pháp giảm thiểu để giảm nguy cơ xói mòn hoặc lở đất trong giai đoạn này. Bao gồm: - Trồng cây trong khu vực đất trống và khu vực dốc để giảm thiểu rui ro. - Hạn chế hoạt động trên vùng mái đập và trong hồ chứa
2. Chất thải từ hoạt động nông, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản làm ô nhiễm môi trường nước	- Đào tạo cộng đồng địa phương về pháp luật bảo vệ môi trường và phát triển bền vững - Xây dựng các quy định, chế tài để ngăn cấm người hoặc hộ gia đình vi phạm việc bảo vệ môi trường như xả hóa chất nguy hiểm vào hồ chứa hoặc phát sinh chất thải chưa qua xử lý - Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt xung quanh hồ chứa - Chỉ định một tổ chức/ cá nhân có trách nhiệm quản lý chất thải hoặc vật liệu liên quan để bảo vệ môi trường địa phương. - Nâng cao năng lực cho nhân viên môi trường
2. Chất thải sinh hoạt tác động đến chất lượng nước	Các hộ gia đình, cơ quan du lịch có trách nhiệm quản lý chất thải sinh hoạt, xây dựng hệ thống xử lý chất thải đáp ứng theo QCVN
3. Tác động tiêu cực do mở rộng tràn xả lũ	- Cần thiết phải tính toán lượng vận chuyển trầm tích vào hồ chứa trong trường hợp mở rộng tràn xả lũ - Công bố các tác động tiêu cực tiềm năng cho người dân và chính quyền địa phương trong khu vực bị ảnh hưởng
4. Tác động do xả lũ khẩn cấp	- Thông báo kịp cho người dân và chính quyền địa phương về thời gian xả lũ, mức nước lũ và các tác động tiêu cực có thể xảy ra - Có phương án sơ tán, bảo vệ tài sản của người dân vùng hạ du khi có xả lũ cần thiết
5. Rủi ro an toàn đập	- Cần phải đánh giá an toàn đập trước và sau khi thực hiện dự án. - Nâng cao năng lực cho các đơn vị quản lý đập - Thực hiện đúng các qui trình vận hành để đảm bảo an toàn cho hồ chứa. - Định kỳ kiểm tra và duy tu bảo dưỡng các hạng mục công trình theo đúng quy định.

Các biện pháp giảm thiểu rủi ro, sự cố trong quá trình thực hiện dự án

Những rủi ro xảy ra trong quá trình thực hiện có thể là: lượng mưa không đều, ngập lụt khu lán trại, xói mòn đất, cháy nổ... Do đó, phải có một kế hoạch quản lý để tránh hoặc giảm thiểu những rủi ro.

Bảng - D.4: Biện pháp giảm thiểu nguy cơ rủi ro

<i>Vấn đề/ sự cố</i>	<i>Biện pháp giảm thiểu</i>
1. Rà phá	- Nếu hoạt động này được xác nhận thực thi, các thủ tục sẽ bao gồm: liên

bom mìn	<p>hệ với các cơ quan có trách nhiệm và hoàn thành việc giải phóng mặt bằng trước khi tiến hành các hoạt động xây dựng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu các tiểu dự án cung cấp giấy chứng nhận trước khi tiến hành rà phá bom mìn giải phóng mặt bằng và / hoặc xây dựng.
2. Sự cố cháy nổ, chập điện	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện biện pháp an toàn về điện và hướng dẫn phòng chống cháy nổ trên các công trường xây dựng. - Cung cấp đầy đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy - Thành lập các đội cứu hộ và thiết bị để ứng phó với trường hợp khẩn cấp
3. Lũ lụt bất thường tại khu vực xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp thông tin dự báo thời tiết: mưa, áp thấp nhiệt đới, bão. - Dựng hàng rào bảo vệ xung quanh hố đào, cài đặt biển báo hiệu và hệ thống chiếu sáng - Thoát nước nếu xả ra lũ. - Quản lý và giám sát các khu vực bị ảnh hưởng. - Dọn dẹp và làm sạch các khu vực bị ảnh hưởng sau khi lũ lụt - Cảnh báo về bệnh phát sinh trong mùa mưa - Cung cấp thuốc
4. Tai nạn lao động và tai nạn giao thông trong giai đoạn xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Lắp đặt các biển báo, cảnh báo, giới hạn tốc độ, hàng rào bảo vệ trên các công trường xây dựng và tuyến đường giao thông. - Thực hiện các quy định về giám sát tuân thủ cho các nhà thầu - Thực hiện sơ cứu cho các nạn nhân khi có tai nạn xảy ra và chuyển đến các cơ sở y tế gần nhất - Thông báo cho các chủ sở hữu và các nhà thầu. - Hợp đồng với chủ đầu tư và nhà thầu.

PHỤ LỤC -E: THÔNG SỐ ĐẦU THẦU - TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ THẦU VÀ QUẢN LÝ XÂY DỰNG CHUNG (Quy chuẩn thực hành môi trường-ECOP)

Nhằm giảm thiểu tác động của các hoạt động xây dựng đối với cộng đồng địa phương và môi trường, nhà thầu thi công phải lập và thực hiện Kế hoạch an toàn sức khỏe lao động và môi trường của nhà thầu (**CEOSHHP**), bao gồm các nội dung sau:

E-1: Quản lý lán trại thi công

Lán trại và lực lượng lao động- Yêu cầu chung

Bất cứ khi nào có thể, Nhà thầu phải tuyển dụng nhân công ở địa phương và đào tạo một cách thích hợp nếu thấy cần thiết. Nhà thầu phải xem xét tất cả các khía cạnh của công tác quản lý nhân công và giải quyết nguy cơ căng thẳng sắc tộc giữa nhân công và các cộng đồng địa phương, nguy cơ mại dâm, bệnh tật truyền nhiễm, trộm cắp, tệ nạn ma túy và rượu chè tăng lên, biến đổi thị trường do nhu cầu cung cấp lương thực, thực phẩm tạm thời cho nền kinh tế địa phương và các áp lực khác đối với địa phương như thất nghiệp, sắc tộc và các giá trị văn hóa khác nhau. Phải xem xét những biện pháp chung đối với lán trại thi công như sau:

1. Khu vực lán trại thi công phải được chính quyền địa phương thông qua.
2. Nhà thầu phải trình bày thiết kế lán trại bao gồm chi tiết về tất cả các khu nhà, trang thiết bị và dịch vụ để phê duyệt chậm nhất hai tháng trước khi khởi công bất cứ công trình xây dựng nào. Phải có quyết định phê duyệt và giấy phép đúng theo luật định, tiêu chuẩn áp dụng và yêu cầu về môi trường đối với nhà ở và công trình hạ tầng cho mỗi khu vực lán trại.
3. Nhà thầu phải cung cấp đủ trang thiết bị phù hợp cho việc giặt giũ quần áo và đồ dùng khi sử dụng lao động hợp đồng được thuê tại khu vực đó.
4. Khu vực xây dựng lán trại thi công và đường vào phải bố trí ở vị trí sao cho tránh được việc phải chặt hạ cây lớn và phát quang thảm thực vật nếu có thể và tránh môi trường sống thủy sinh.
5. Các khu vực xây dựng lán trại thi công phải bố trí sao cho việc tiêu thoát nước tự nhiên hiệu quả và phù hợp với địa hình để tránh xói mòn.
6. Nhà thầu phải cung cấp chỗ ở phù hợp, an toàn và tiện nghi cho công nhân.
7. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các tiện nghi về vệ sinh (nhà vệ sinh và các khu tắm giặt) cho số người dự kiến làm việc tại công trường và tính cho cả khách đến thăm. Các nhà vệ sinh cũng cần có đủ nước sạch, xà phòng và giấy vệ sinh. Cần phải có nhà tắm riêng và đầy đủ tiện nghi cho công nhân nữ và công nhân nam. Những khu vệ sinh đó phải luôn thuận tiện và giữ gìn vệ sinh sạch sẽ.
8. Nhà thầu phải triển khai các biện pháp kiểm soát bồi lắng và xói mòn hiệu quả trong quá trình xây dựng và vận hành các lán trại thi công theo các yêu cầu về môi trường được quy định trong Kế hoạch quản lý môi trường xã hội (EMSP) và báo cáo đánh giá tác động Môi trường và xã hội bổ sung (ESIA), đặc biệt là các khu vực gần các sông.
9. Nhà thầu phải cung cấp các tiện nghi giải trí cho nhân công. Những tiện nghi này sẽ giúp giảm nhẹ xung đột và tác động tiềm ẩn đối với cư dân địa phương vì hạn chế được nhu cầu ra ngoài lán trại của công nhân.
10. Nhà thầu sẽ phải cung cấp nước sạch hợp vệ sinh cho việc tắm rửa, ăn uống.
11. Nhà thầu phải lắp đặt và bảo trì một hệ thống bể phốt tạm thời cho tất cả các lán trại có

- người ở và không gây ô nhiễm các dòng nước gần kề. Không được phép xả thải chưa qua xử lý vào bất cứ dòng nước nào, theo đúng các tiêu chuẩn áp dụng của Việt Nam.
12. Nhà thầu sẽ phải xác định phương pháp, hệ thống xử lý và lưu trữ tạm thời hoặc tái chế tất cả chất thải rắn phát sinh từ công nhân khu vực lán trại.
 13. Nhà thầu sẽ không cho phép sử dụng gỗ như là nguyên liệu để nấu ăn hay sưởi ấm ở bất kỳ khu lán trại nào và cung cấp các nguyên liệu thay thế khác.
 14. Nhà thầu sẽ phải đảm bảo rằng khu văn phòng, nhà kho, khu gia công được đặt ở khu vực hợp lý, được đề xuất bởi cán bộ môi trường của dự án An toàn đập hoặc kỹ sư giám sát;
 15. Nhà thầu phải đảm bảo rằng các khu vực cất trữ dầu thải không thâm nhập vào các dòng nước hoặc ngấm qua đất hoặc ngấm qua khe nước ngầm, đặc biệt vào mùa mưa. Phải đào một mương thoát xung quanh khu vực bể lắng/thiết bị gom dầu được phê duyệt.
 16. Các khu vực kho nhiên liệu hoặc dầu bôi trơn và xưởng bảo dưỡng phải có hàng rào và có sàn được đầm nén/chống thấm để tránh trường hợp đổ tràn nhiên liệu hoặc dầu bôi trơn từ công trường. Nước thải bề mặt từ các khu vực có hàng rào phải được thải qua thiết bị gom dầu được thiết kế và lắp đặt chuyên dụng. Không được để các thùng dầu và nhiên liệu đã hết tại công trường. Dầu nhớt phải được tái sử dụng và không được đổ ra đất hoặc các nguồn nước xung quanh.
 17. Nhà thầu phải đảm bảo các khu văn phòng, kho chứa và nhà xưởng được bố trí ở vị trí thích hợp được chính quyền địa phương đồng ý và kỹ sư giám sát phê chuẩn. Chúng không được nằm trong vòng 200m cách các khu nhà ở hiện tại.
 18. Không được bố trí trạm trộn bê tông trong vòng 500m cách bất cứ khu dân cư, cộng đồng hoặc nơi làm việc nào.
 19. Nhà thầu phải cung cấp thuốc thuốc men và phương tiện sơ cứu ở từng lán trại
 20. Tất cả chất thải y tế phải được thải bỏ trong các thùng chứa phù hợp, hoặc xử lý theo các quy trình đổ thải an toàn.

An ninh

Những biện pháp an ninh tối thiểu phải bao gồm:

1. Việc ra vào lán trại chỉ dành riêng cho công nhân sống trong lán trại, nhân viên trong lán trại thi công và khách đến liên hệ công việc;
2. Khách đến lán trại thi công phải được phép của cán bộ quản lý lán trại thi công.
3. Phải chiếu sáng đầy đủ cả ban ngày và ban đêm;
4. Phải xây dựng một hàng rào an ninh bao quanh cao ít nhất 2m bằng vật liệu phù hợp;
5. Phải cung cấp và lắp đặt thiết bị cứu hỏa và bình cứu hỏa xách tay cho tất cả các khu nhà.

Bảo dưỡng cơ sở vật chất trong lán trại

1. Phải xây dựng một nhà ăn riêng cho lán trại có các điều kiện vệ sinh sạch sẽ;
2. Thời gian các bữa ăn được quy định;
3. Nghiêm cấm nấu nướng hoặc chuẩn bị thức ăn ở các khu nhà ở;
4. Thời gian nghỉ ngơi được quy định;
5. Giờ giải trí được quy định;
6. Cấm hút thuốc ở nơi làm việc;
7. Cần thực hiện các quy trình bảo trì lán trại thi công và cơ sở vật chất và đảm bảo vệ

- sinh sạch sẽ;
8. Nhà vệ sinh cần đủ sáng và luôn giữ sạch sẽ;
 9. Cần cung cấp nước trong nhà vệ sinh hoặc chứa trong các thùng phuy gần nhà vệ sinh;
 10. Có sổ góp ý kiến để tiếp nhận và trả lời phản nàn từ những người sống trong lán trại thi công về trang thiết bị và dịch vụ được cung cấp.

Nội quy sinh hoạt

1. Mọi công nhân và nhà thầu phụ phải tuân theo luật pháp và quy định của Việt Nam;
2. Nghiêm cấm các chất trái phép, vũ khí và súng ống;
3. Nghiêm cấm văn hóa phẩm đồ trụy và đánh bạc;
4. Nghiêm cấm gây gỗ đánh nhau;
5. Công nhân không được phép săn bắn, câu cá hoặc buôn bán động vật hoang dã;
6. Không được phép tiêu thụ thịt thú rừng trong lán trại thi công;
7. Không nuôi thú cảnh trong lán trại thi công;
8. Nghiêm cấm hành vi gây rối trong hoặc gần các cộng đồng dân cư;
9. Nghiêm cấm hành vi xúc phạm phong tục và truyền thống địa phương;
10. Nghiêm cấm hút thuốc trong khu vực làm việc;
11. Duy trì các tiêu chuẩn ăn mặc và vệ sinh cá nhân phù hợp;
12. Duy trì các tiêu chuẩn vệ sinh phù hợp trong các khu nhà ở;
13. Công nhân sinh sống trong lán trại đến thăm các cộng đồng địa phương phải cư xử phù hợp với nội quy sinh hoạt;
14. Vi phạm nội quy sinh hoạt hoặc các quy tắc, quy định và thủ tục khác áp dụng lán trại thi công sẽ bị kỷ luật.

E-2: Quản lý tác động xây dựng

Xói mòn và bồi lắng

Các hoạt động công trường phải được quản lý thận trọng nhằm tránh xói mòn và bồi lắng đường thủy hạ lưu. Để hạn chế tối đa tác động xói mòn tiêu cực trong vùng dự án, Nhà thầu sẽ phải thực hiện các hoạt động sau:

1. Phải kiểm soát xói lở và bồi lắng trong quá trình thi công, trước bất cứ công tác đào xới đất với khối lớn, hoặc theo trình tự thích hợp và duy trì cho đến khi lớp phủ lâu dài đã được thiết lập. Cần duy trì nguyên trạng các khu vực của công trường không bị ảnh hưởng bởi các hoạt động xây dựng.
2. Chỉ đào xới diện tích mặt đất càng nhỏ càng tốt, ổn định diện tích đó càng nhanh càng tốt, kiểm soát nước thoát qua khu vực và làm lắng phù sa tại chỗ. Lắp rào chống xói mòn xung quanh các miệng hố, các bãi đổ thải và đường đi.
3. Công tác đắp bờ dốc và đào/di chuyển đất phải được tiến hành nhằm giảm thiểu đất mặt lộ thiên cả về diện tích lẫn thời gian. Công tác kiểm soát xói mòn đất tạm thời và bảo vệ bờ dốc phải được tiến hành liên tục trong quá trình thi công.
4. Giữ lại tầng đất mặt có lá rụng và chất hữu cơ và đắp lại chất mùn này vào các khu vực bị xáo trộn trong vùng nhằm thúc đẩy sự phát triển của thực vật địa phương.
5. Trồng và phủ lớp cỏ bản địa ở các vùng đất xói mòn cần cỗi hoặc những khu vực đã

xây dựng xong.

6. Áp dụng các biện pháp chống xói mòn trước khi mùa mưa bắt đầu, tốt nhất là ngay sau khi xây dựng. Triển khai các biện pháp chống xói mòn khi mỗi công trường xây dựng xong.
7. Tại tất cả các công trường thi công, phải lắp đặt các kết cấu kiểm soát bồi lắng ở những nơi cần thiết nhằm làm chậm hoặc đổi hướng dòng chảy và làm lắng trầm tích cho đến khi tầng phủ được trồng lại. Các kết cấu kiểm soát bồi lắng bao gồm đê quây bằng cành cây, bờ đá, bề thu trầm tích, bó rơm, hàng rào bằng bụi cây và hàng rào ngăn đất bùn.
8. Kiểm soát dòng nước chảy qua công trường xây dựng hoặc các khu vực bị xáo trộn bằng mương, gờ ngăn, rãnh chặn, hàng rào và đá.
9. Mặt bằng các văn phòng ở công trường xây dựng cần được đổ bê tông hoặc rải nhựa nhằm giảm thiểu xói mòn đất.
10. Khi cần thiết chống xói mòn phải được duy trì cho đến khi thảm thực vật được trồng lại thành công.
11. Khi cần thiết phải phun nước trên các đường đất, các hố đào, vật liệu san lấp và bãi đất nhằm giảm xói mòn và bụi bẩn do gió thổi, và;
12. Sự thay đổi lớn cảnh quan ở các khu vực mỏ đá, mỏ đất... nên được tái thiết và khôi phục thảm thực vật để giảm vấn đề xói mòn và để làm giảm các tác động trực quan của việc xây dựng.

Kiểm soát khí thải và bụi

1. Luôn giảm thiểu việc gây bụi và các vật chất dạng hạt nhằm tránh tác động đối với những cộng đồng xung quanh và đặc biệt là những đối tượng dễ bị tổn thương (trẻ em, người già).
2. Chọn thời điểm phát quang cây cối để tránh các diện tích lớn lộ thiên trước gió.
3. Lắp đặt lưới chắn xung quanh các khu vực xây dựng nhằm giảm thiểu bụi phát tán, đặc biệt chú ý đến các khu vực gần cộng đồng địa phương.
4. Khi cần thiết phải phun nước trên các con đường bụi bẩn, hố cắt và đóng đất hoặc bãi đổ vật liệu. Phải tiến hành phun nước vào những ngày khô hanh và có gió, ít nhất hai lần mỗi ngày (sáng và chiều). Tăng tần suất phun nước gần các cộng đồng địa phương khi cần thiết.
5. Trải sỏi đường vào ở những đoạn gần cộng đồng và các điểm nhạy cảm khác nhằm giảm bụi.
6. Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió và các biện pháp khác nhằm kiểm soát nồng độ các chất gây ô nhiễm không khí bên trong các đường hầm.
7. Việc chuyên chở nguyên vật liệu bằng phương tiện cơ giới và thi công đường vào phải được thiết kế hợp lý. Ví dụ, đường vào có thể được xây dựng và trải bê tông/átphan hoặc trải đá dăm trước khi tiến hành các hoạt động đào đắp quy mô cần vận chuyển một khối lượng nguyên vật liệu lớn ra vào công trình.
8. Đảm bảo bảo dưỡng đầy đủ cho tất cả các phương tiện. Thiết bị/phương tiện thi công gây ra ô nhiễm không khí nghiêm trọng và những thiết bị/phương tiện được bảo dưỡng kém không được phép hoạt động trên công trường.
9. Việc vận chuyển hóa chất và vật liệu như xi măng, cát, vôi phải được che phủ hoàn toàn bằng các vật liệu không thấm nước tránh việc rơi vãi vật liệu, và;
10. Cho phép xả khí thải từ máy móc, thiết bị xây dựng và phương tiện. Tuy nhiên, các

động cơ phải được kiểm tra và điều chỉnh khi cần thiết nhằm giảm thiểu mức ô nhiễm.

Tiếng ồn

Để hạn chế tiếng ồn, nhà thầu sẽ phải:

1. Duy trì lưu lượng giao thông liên quan đến xây dựng trên các đường dẫn vào dự án ở giới hạn tốc độ quy định.
2. Duy trì tốc độ xe lưu thông trên công trường ở mức 30 km/h trở xuống hoặc có quy định riêng.
3. Duy trì mức ồn do các máy móc và thiết bị gây ra không quá 90 db.
4. Ở các khu vực nhạy cảm (bao gồm khu vực xung quanh khu dân cư, bệnh viện, nhà nghỉ, trường học...), có thể cần triển khai các biện pháp nghiêm ngặt hơn để tránh tiếng ồn quá mức.
5. Áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm giảm thiểu phiền nhiễu do rung chấn hoặc tiếng ồn do các hoạt động xây dựng gây ra.
6. Lập lịch trình chuyên chở vật liệu xây dựng vào công trường nhằm giảm thiểu tác động xấu lên người dân địa phương, cũng như giao thông trên các tuyến đường hiện có. Các phương tiện vận tải cần giảm tốc độ và không được phép dùng còi khi đi qua các khu vực nhạy cảm. Giảm thiểu việc vận tải vào giờ cao điểm. Nhà thầu phải báo cáo trước lộ trình vận chuyển cho Giám sát kỹ thuật.
7. Duy trì thiết bị thi công trong điều kiện vận hành tốt nhất và ở mức ồn thấp nhất có thể.
8. Sử dụng rào chắn ồn tạm thời nhằm giảm thiểu tiếng ồn do thiết bị thi công gây ra
9. Cung cấp thiết bị bảo vệ thính giác cho công nhân, những người phải làm việc với máy móc có tiếng ồn lớn như máy đóng cọc, máy nổ, máy trộn, vv..., để chống ồn và bảo vệ công nhân.
10. Các khu vực cất trữ nhiên liệu hoặc dầu bôi trơn phải được rào lại và sàn đầm nén/chống thấm hoặc có bề mặt khác nhằm ngăn không cho nhiên liệu hoặc dầu bôi trơn rò rỉ khỏi nơi chứa. Thoát nước trên bề mặt từ các khu vực có rào chắn phải được xả qua dụng cụ hút dầu hoặc thiết bị thích hợp khác để loại bỏ hydrocacbon. Không cất trữ các thùng dầu hay thùng nhiên liệu đã hết ở công trường. Dán nhãn An toàn hóa chất (MSDS) đúng cách và đào tạo công nhân về cách thức xử lý các vật liệu này.
11. Đội giám sát thi công cần được trang bị các thiết bị phát hiện tiếng ồn xách tay nhằm theo dõi độ ồn ở các điểm nhạy cảm.
12. Vận chuyển vật liệu ra khỏi công trường phải được thực hiện ngoài giờ cao điểm nhằm giảm thiểu tiếng ồn giao thông do lượng lưu thông tăng lên.
13. Sử dụng các dụng cụ và thiết bị giảm âm đã quy định, làm các tấm giảm âm và tấm cách âm vv...Thiết bị giảm âm và các thiết bị kiểm soát tiếng ồn khác phải được sửa chữa hoặc thay thế nếu hỏng hóc.
14. Sử dụng các thiết bị điện thay vì các thiết bị chạy bằng diesel hoặc khí nén.
15. Sử dụng thiết bị nào phát ra tiếng ồn lớn theo một hướng thì phải chuyển hướng để tránh gây ồn cho các điểm nhạy cảm gần kề.
16. Máy móc và thiết bị nào không dùng liên tục thì phải tắt hẳn khi nghỉ làm hoặc chỉnh xuống mức vận hành tối thiểu.

Giảm thiểu tiếng ồn xây dựng vào ban đêm

1. Người dân sống trong khu vực bị ảnh hưởng tiềm tàng sẽ được thông báo về thời gian và cường độ ồn của các hoạt động thi công vào ban đêm được đề xuất. Người dân sẽ được thông báo tại sao việc thi công vào ban đêm sẽ được thực hiện để cho họ hiểu. Người dân sẽ được phép trình bày những lo lắng, khó khăn và những đề xuất cho việc kiểm soát tiếng ồn trước khi bắt đầu thi công vào ban đêm. Những mối quan tâm này sẽ được giải quyết và những đề xuất được áp dụng khi thích hợp.
2. Máy trộn bê tông, máy phát và các thiết bị khác sẽ được đặt cẩn thận xa khu dân cư để giảm tác động tiếng ồn của những thiết bị này. Nếu có thể, nguồn cung cấp điện cho dân cư sẽ được sử dụng cho việc thi công vào ban đêm bởi vì các máy phát điện diesel là rất ồn và tránh việc sử dụng thiết bị này là biện pháp giảm thiểu tốt nhất có thể.
3. Thiết bị với độ ồn thấp sẽ được sử dụng cho việc vận hành đổ bê tông, loại máy được sử dụng liên tục 24 giờ.
4. Tường chắn tiếng ồn tạm thời sẽ được lắp đặt ở những vị trí thích hợp để tránh tác động tiếng ồn vào ban đêm, và;
5. Các biển báo sẽ được đặt tại tất cả khu vực thi công để cung cấp thông tin về dự án, cũng như là thông tin liên lạc của người quản lý công trường, cán bộ môi trường, số điện thoại các các thông tin liên lạc khác để bất kỳ người bị ảnh hưởng nào có thể liên lạc để phản ánh sự lo lắng của họ và nêu lên đề xuất.

Quản lý công tác nổ mìn

Nhà thầu sẽ đảm bảo các quy trình sau được thực hiện:

1. Nhà thầu sẽ phải cảnh báo cộng đồng địa phương/ hoặc người dân địa phương rằng họ có thể bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn phát sinh từ cách hoạt động như là nổ mìn và nhà thầu sẽ thực hiện những hành động như vậy để giảm thiểu tác động
2. Trong các khu vực nhạy cảm (bao gồm các khu dân cư, bệnh viện, nhà nghỉ, trường học,...) nhiều biện pháp hạn chế được thực hiện để ngăn chặn mức ồn không mong muốn
3. Nổ mìn sẽ không được thực hiện trong bán kính 200m từ khu dân cư hoặc cộng đồng địa phương;
4. Nổ mìn sẽ không được thực hiện trong điều kiện thời tiết bất lợi
5. Trước khi nổ mìn, cần phun nước trên bề mặt khu vực nổ để làm tăng độ ẩm. Bao tải, bao cát nên được sử dụng trên các khu vực nổ tại mỗi ngòi nổ để ngăn chặn đá bay và bụi
6. Trước khi việc nổ mìn được thực hiện, cần thực hiện khảo sát chi tiết gần cộng đồng để đánh giá mức độ tác động gây ra bởi các hoạt động nổ mìn (ví dụ, có thể thiệt hại tới công trình hoặc cơ sở hạ tầng do độ rung, ảnh hưởng đến động vật, người dân địa phương....)
7. Không nổ mìn vào ban đêm trừ khi có sự cho phép từ chính quyền địa phương.
8. Người dân phải cách xa ít nhất 200m từ điểm nổ mìn
9. Ngoại trừ thiết bị nổ mìn, phải cắt điện trong phạm vi 50m từ khu vực nổ trước và trong quá trình nổ mìn; và
10. Số lượng vật liệu nổ sẽ được quản lý theo cách an toàn và được kiểm tra hàng tuần.

Công tác đào đắp, làm mái dốc

Nhà thầu phải lập và thực hiện một kế hoạch đào đắp, làm mái dốc đảm bảo rằng các thủ tục sau được thực hiện:

1. Mọi công tác đào đắp phải được kiểm soát chặt chẽ, đặc biệt vào mùa mưa;
2. Nhà thầu phải luôn giữ ổn định các mái dốc đào đắp và hạn chế đào xói các khu vực ngoài giới hạn quy định của công trình ở mức độ thấp nhất;
3. Nhà thầu phải hoàn thành công tác đào đắp tới mặt cắt cuối cùng ở bất kỳ địa điểm nào càng nhanh càng tốt và tốt nhất là làm liên tục tránh để dở dang, đặc biệt là vào mùa mưa;
4. Để bảo vệ mái dốc đã đào đắp khỏi bị xói lở, cần tạo các mương và rãnh thoát nước theo bản vẽ, ở chân hoặc đỉnh dốc và trồng cỏ hoặc những loại cây trồng phủ khác. Phải làm rãnh thoát nước trên các miệng hố đào trên cao để giảm tình trạng chảy tràn và xói lở sườn dốc;
5. Đất thải vật liệu không dùng nữa phải được đổ ở những khu vực đổ thải quy định đã được Kỹ sư giám sát phê duyệt; và
6. Không được bố trí các bãi đổ thải ở những nơi mà chúng có thể gây ra hiện tượng sạt lở trong tương lai, gây ảnh hưởng đến đất nông nghiệp hoặc các tài sản khác, hoặc làm nước thải từ bãi chôn lấp chảy vào bất cứ dòng nước nào. Có thể phải đào thêm mương thoát nước bên trong và xung quanh các bãi chôn lấp theo chỉ đạo của Kỹ sư giám sát.

Bãi trữ và mỏ vật liệu

Nhà thầu phải chuẩn bị Kế hoạch quản lý bãi trữ và mỏ vật liệu tổng thể cho mọi công trình. Việc vận hành một mỏ đất trên đất liền, trên sông hoặc ở khu vực hiện tại, phải được tư vấn Giám sát môi trường phê duyệt trước và phải ngừng hoạt động nếu có chỉ đạo của Kỹ sư giám sát.

Kế hoạch này bao gồm:

1. Một bản đồ thể hiện phạm vi của khu vực sẽ xây dựng;
2. Một bản thuyết minh biện pháp trong đó nêu các biện pháp thi công đề xuất;
3. Các đường dẫn vào và tuyến vận chuyển đề xuất giữa các mỏ đất mượn và công trình sử dụng vật liệu khai thác;
4. Bản thuyết minh khối lượng đất đào sẽ khai thác, ước tính lượng đất thải phát sinh và nội dung chi tiết về đổ thải các vật liệu thải đó;
5. Nội dung chi tiết các biện pháp được áp dụng để giảm thiểu diện tích mỏ đất mượn và ảnh hưởng về mỹ quan đối với khu vực xung quanh; và
6. Nội dung chi tiết các biện pháp được áp dụng để phục hồi lâu dài các mỏ đất mượn nhằm tránh nguy cơ đe dọa sức khỏe, an toàn và làm suy thoái môi trường

Nói chung, Nhà thầu phải:

1. Xác định và phân giới các địa điểm cho bãi trữ và mỏ đất mượn, đảm bảo rằng chúng phải ở cách 15m so với những khu vực xung yếu như sườn dốc đứng, đất dễ bị xói mòn và các khu vực tiêu thoát trực tiếp vào các dòng nước nhạy cảm;
2. Chỉ khai thác vật liệu ở các mỏ đất mượn lần đầu tiên. Sau khi đã đào hết phần đất mượn phải đưa lớp đất mặt đã đánh đóng trước cần được rải lại trên khu vực mỏ đất mượn và san đều đồng thời đánh dốc hợp lý để thoát nước. Trên các sườn dốc đứng, có

- thể phải tạo bậc hoặc đắp thành thêm đất để chống xói lở;
3. Lớp đất bóc thừa cần được lèn chặt và trồng lại cây cối. Nếu có thể, nên rải đều vụn rác hữu cơ và lớp đất bóc lên khu vực bị đào xới để thúc đẩy việc phục hồi tầng phủ. Ưu tiên tối đa cho việc phục hồi tầng phủ tự nhiên;
 4. Cần dọn sạch đất bóc ở các kênh thoát nước hiện có ở các khu vực bị ảnh hưởng;
 5. Sau khi hoàn tất công việc, tất cả rác thải xây dựng cần được đưa ra khỏi công trường tới vị trí đổ thải đã phê chuẩn;
 6. Nhà thầu phải đảm bảo rằng tất cả các mỏ đất mượn đã qua sử dụng được đắp bờ ổn định, phục hồi lại thảm thực vật, khôi phục các dòng nước tự nhiên, tránh gây đọng nước ở các hố đào để không sinh ra muỗi; và
 7. Khi không thể san lấp hoặc tiêu thoát hợp lý cho các hố đất mượn hoặc phần đất trũng do hoạt động xây dựng tạo nên, Nhà thầu phải tham vấn cộng đồng địa phương để xem họ có muốn tận dụng chúng chẳng hạn để nuôi cá hoặc cho các mục đích khác của cộng đồng không.

Đổ thải phế liệu xây dựng

1. Lập và thực hiện các quy trình thu dọn tại công trường hàng ngày, bao gồm việc bảo trì các trang thiết bị đổ phế thải phế liệu xây dựng;
2. Phế liệu phát sinh khi phá dỡ các công trình hiện có phải được tái sử dụng một cách hợp lý, ở mức tối đa (ví dụ làm vật liệu san lấp nền đường). Chỉ được đổ phân phế liệu còn lại ở những địa điểm do Tư vấn giám sát chỉ định và phê duyệt. Nhà thầu phải đảm bảo rằng những địa điểm này (a) không nằm trong rừng; (b) không tác động đến đường thoát nước tự nhiên; và (c) không tác động tới các loài thực vật bị đe dọa/quý hiếm. Trong bất cứ trường hợp nào, nhà thầu cũng không được phép đổ thải vật liệu ở những khu vực môi trường nhạy cảm;
3. Trong trường hợp rác thải hoặc bùn đất từ công trường bị đổ ra khu vực lân cận, Nhà thầu phải ngay lập tức di chuyển rác thải hoặc bùn đất đó và khôi phục khu vực bị ảnh hưởng về nguyên trạng theo đúng yêu cầu của Kỹ sư giám sát;
4. Việc bố trí vận chuyển trong quá trình thi công, bao gồm cung ứng vật liệu, bảo trì, tháo dỡ và dọn dẹp rác thải, sẽ được coi là nội dung bổ trợ và phải được nhà thầu lên kế hoạch và thực hiện theo sự phê chuẩn và chỉ đạo của Kỹ sư giám sát;
5. Tham vấn cộng đồng địa phương, nếu có, sống gần các bãi đổ phế liệu mà có thể bị ảnh hưởng. Quá trình tham vấn cần thông báo chi tiết cho các bên liên quan về vị trí đổ phế liệu có thể sử dụng và cho họ cơ hội để bày tỏ ý kiến và mối quan tâm của mình về các kế hoạch được đề xuất. Thông tin và phản hồi từ quá trình tham vấn phải được đưa vào bản thiết kế cuối cùng của từng bãi đổ phế liệu;
6. Đặt ra các yêu cầu phải sử dụng phương pháp gia cố phù hợp nhất cho từng bãi phế liệu;
7. Đánh giá các nguy cơ tác động tiềm ẩn do chất thải ngấm vào nguồn nước mặt;
8. Tiến hành phân tích thỏa đáng nhằm đảm bảo rằng các bãi đổ thải được lựa chọn không gây ra tiêu thoát nước bề mặt không mong muốn; và
9. Gia cố các bãi đổ thải nhằm tránh xói mòn theo những yêu cầu của Kế hoạch cảnh quan và phục hồi tầng phủ.

Phá dỡ công trình hiện có

1. Quy định riêng một khu vực hạn chế đi lại để thải hoặc tháo dỡ phế liệu và dùng máng

- trượt để chuyển phế liệu từ trên cao xuống một cách an toàn;
2. Phải có trang thiết bị bảo hộ và neo buộc đúng quy cách khi tiến hành cưa, cắt, nghiền, mài hay đục đẽo;
 3. Dọn dẹp các lối đi lại cho sạch sẽ để tránh di chuyển thiết bị nặng đi qua đồng phế liệu dễ trơn, trượt;
 4. Sử dụng các biện pháp bảo vệ neo buộc trên giàn giáo và phần rìa ngoài các công trình trên cao, như lan can và ván để chân nhằm ngăn vật liệu tuột ra;
 5. Di dời tất cả ra khỏi các khu vực làm việc trong khi tiến hành nổ mìn và sử dụng lưới chắn hoặc các biện pháp làm lệch hướng khác nhằm giảm thiểu đất đá văng ra nếu tiến hành thi công ở gần chỗ có người hoặc công trình;
 6. Trang bị cho công nhân kính an toàn có tấm chắn bên, tấm chắn mặt, mũ cứng và giày hoặc ủng bảo hộ.

E-3: Quản lý chất thải

Nhà thầu có trách nhiệm chuẩn bị các kế hoạch quản lý sau đây phù hợp với tài liệu tham khảo:

Quản lý chất thải

Trong giai đoạn xây dựng, Nhà thầu phải lập Kế hoạch quản lý chất thải trước khi khởi công. Kế hoạch này phải bao gồm:

Nước và nước thải:

1. Bản đánh giá về thiết kế sơ bộ hệ thống thoát nước của công trường khi thiết kế chi tiết;
2. Bản cập nhật của thiết kế sơ bộ dựa trên kế hoạch thi công thực tế và các điều kiện cụ thể tại công trường (ví dụ điều kiện địa lý, vị trí của các sườn dốc và tính chất của công tác thi công);
3. Thiết kế chi tiết bao gồm bản vẽ, bản đồ vị trí, thông số kỹ thuật của các kênh dẫn nước thải và các thiết bị xử lý nước thải;
4. Các địa điểm thải nước đề xuất và tiêu chuẩn xử lý;
5. Chương trình thực hiện chi tiết của hệ thống thoát nước đề xuất;
6. Nằm trong thiết kế hệ thống thoát nước của công trường, dòng chảy tràn bề mặt trong công trường phải được nắn dòng để tránh rửa trôi đất, các chất cặn phải được xử lý bằng thiết bị như thùng lắng trước khi thải;
7. Nước thải sinh hoạt từ khu văn phòng, nhà vệ sinh và bếp ăn ở công trường phải được thu gom bởi nhân viên thu gom có giấy phép hoặc được xử lý bằng các thiết bị xử lý tại chỗ. Việc xả thải nước thải đã qua xử lý phải tuân theo mức giới hạn thải được luật pháp Việt Nam quy định;
8. Thiết bị xử lý nước thải như bể lắng có thể được lắp đặt gần các vị trí thi công có thể sinh ra nước thải. Nếu không, có thể xây các bể lắng tại chỗ để xử lý chất rắn lơ lửng (SS) quá mức cho phép trước khi xả ra cửa thải;
9. Cần xây tường chắn và dựng hàng rào bằng bao cát xung quanh máy khoan nhồi nhằm giữ lại vữa sét và nước thải trong khu vực máy khoan cọc. Vữa sét hoặc nước thải đã thu gom phải được bơm để xử lý trước khi thải ra;
10. Trước mùa mưa, tất cả bề mặt và mái dốc lộ thiên phải được che phủ đúng quy cách hoặc trồng cây nhằm giảm thiểu dòng chảy thoát chứa bùn đất. Có thể tiến hành gia cố mái dốc sau khi xây dựng và trước mùa mưa;
11. Các thiết bị kiểm soát thoát nước như thùng lắng phải được lắp đặt ở mỗi cửa thải và phải được vệ sinh thường xuyên; và có thể cung cấp các nhà vệ di động ở mỗi công trường sử dụng từ 5 công nhân trở lên;

12. Phải xây tối thiểu một nhà vệ sinh cho mỗi 25 công nhân. Nước thải sinh hoạt thu gom từ văn phòng ở công trường và các nhà vệ sinh di động phải được xử lý và vệ sinh thường xuyên. Chỉ những người thu gom chất thải có giấy phép mới được thuê để làm công việc đổ thải này. Bùn cặn phải được xử lý theo các yêu cầu Kế hoạch quản lý chất thải của Nhà thầu.

Chất thải rắn

Chất thải được liệt kê dưới đây có thể phát sinh từ các hoạt động xây dựng:

1. Đất đào thừa cần thải bỏ từ các hoạt động đào đất và cắt cơ mái dốc;
2. Thải bỏ ván gỗ đã qua sử dụng khi đào hào, ống thép làm giàn giáo, hàng rào công trường, vật liệu bao gói, thùng chứa nhiên liệu, dầu bôi trơn và sơn;
3. Phế liệu phát sinh khi phá dỡ các công trình hiện có chịu tác động của dự án hoặc phá hủy các bề mặt bê tông hiện có;
4. Chất thải từ thiết bị xử lý nước thải tại chỗ (ví dụ xử lý vữa sét từ khi đào hầm bằng quy trình lắng, lọc); và
5. Chất thải sinh hoạt của công nhân xây dựng, lán trại thi công và các công trình khác thải ra;
6. Những chất thải nói trên phải được kiểm soát đúng quy cách bằng những biện pháp sau:
7. Giảm thiểu chất thải phát sinh cần phải xử lý hoặc loại bỏ;
8. Xác định và phân loại chất thải phát sinh. Nếu chất thải hóa học hoặc chất thải nguy hại, cần áp dụng những quy trình thích hợp về cất trữ, thu gom, vận chuyển và thải bỏ chúng (xem Kế hoạch khẩn cấp cho vật liệu nguy hiểm và Kế hoạch quản lý chất thải hóa học);
9. Định vị và phân giới các khu vực đổ thải, nêu rõ đổ loại chất thải nào vào khu vực nào; và
10. Kiểm soát việc tập kết chất thải xây dựng (kể cả đất đào) đến các bãi đổ thải được phê duyệt (cách các sông suối, hồ hoặc đầm lầy từ 300m trở lên). Thu gom, tái chế và thải bỏ trong khả năng cho phép tất các loại rác, kim loại, dầu thải và vật liệu dư thừa phát sinh trong quá trình xây dựng ở những khu vực quy định, đưa vào sử dụng các hệ thống tái chế và tiến hành tách riêng các vật liệu.

Nhà thầu phải cam kết tiến hành các biện pháp tái chế và tái sử dụng, xem xét đến các nội dung sau:

1. Một bản thuyết minh biện pháp tái chế, tái sử dụng và giảm thiểu phát sinh phế thải;
2. Vật liệu đào phải được tái sử dụng tại chỗ hoặc ở đoạn đường gần kề/các dự án khác một cách tối đa nhằm giảm thiểu khối lượng vật liệu phải thải bỏ;
3. Vật liệu có thể tái chế như ván gỗ dùng cho công tác đào hào, thép, vật liệu giàn giáo, hàng rào công trường, vật liệu bao gói, vv... phải được thu gom và tách riêng tại chỗ khỏi các nguồn chất thải khác. Các vật liệu có thể tái chế đã thu gom phải được tái sử dụng cho các dự án khác hoặc bán cho người thu gom phế liệu để tái chế; và
4. Chất thải đã thu gom phải được người thu gom chất thải có giấy phép thải bỏ đúng quy cách.

Phòng ngừa ô nhiễm

Kế hoạch khẩn cấp đối với vật liệu nguy hại.

Nếu công trường xây dựng dự kiến sẽ có hoặc bị nghi ngờ có các vật liệu nguy hại (hóa chất, amiăng, hydrocarbons, hay các chất nguy hại tương tự khác), yêu cầu Nhà thầu lập Kế hoạch quản lý chất thải nguy hại và Kế hoạch ứng phó khẩn cấp để tư vấn Giám sát môi trường phê duyệt. Việc thu gom và xử lý rác thải nguy hại thực hiện công trường phải do nhân sự đã được đào tạo chuyên môn thực hiện theo các tiêu chuẩn cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh, hoặc theo các quy trình được quốc tế công nhận. Nhà thầu phải:

1. Phổ biến Kế hoạch quản lý chất thải nguy hại cho tất cả những người/ cá nhân có liên quan tới các công đoạn sử dụng và vận chuyển;
2. Chất thải nguy hại (hoặc chất thải hóa học) phải được cất trữ, xử lý và đổ thải đúng quy định của địa phương. Chất thải nguy hại phải được cất trữ đúng nơi quy định và phải có các biển cảnh báo;
3. Thông báo cho tư vấn Giám sát môi trường, hoặc giám sát xây dựng về bất cứ sự cố hay tràn, đổ vật liệu nguy hại theo đúng kế hoạch;
4. Lập Kế hoạch ứng phó khẩn cấp nêu tất cả các quy trình phải thực hiện trong trường hợp có đổ, tràn hoặc xả bất ngờ;
5. Tiến hành khắc phục ngay sự cố tràn; và
6. Nộp báo cáo giải trình các nguyên nhân của sự cố tràn đổ, biện pháp khắc phục đã thực hiện, những hậu quả/ thiệt hại do đổ, tràn và các hoạt động xử lý đề xuất. Kế hoạch khẩn cấp đối với vật liệu nguy hại sau đó phải được cập nhật và trình cho CPO

Chất thải hóa học

Trong quá trình thi công sẽ có nguy cơ gây ô nhiễm các nguồn nước và các khu vực dân cư lân cận do các chất thải hóa học như dầu thải, dầu bôi trơn đã qua sử dụng, đất bị ô nhiễm do rò rỉ xăng, dầu máy từ nhà máy xây dựng và các phương tiện vận chuyển vv... Phải thực hiện các biện pháp sau đây để giảm thiểu thiệt hại do chất thải hóa học gây ra:

1. Tất cả việc tiếp nhiên liệu cho máy móc và thiết bị nặng phải thực hiện bằng một xe chuyên dụng để tránh chảy tràn hay ô nhiễm bởi các chất thải hóa học như dầu bôi trơn, dầu bảo dưỡng vv.
2. Tất cả các kho chứa nhiên liệu và vật liệu nguy hại phải được che chắn đúng cách để tránh tràn, đổ;
3. Nước mưa chảy từ các phân xưởng, khu vực sửa chữa ngoài trời và nhà kho phải được thu gom và xử lý trong các thùng/bể tách hydrocacbon trước khi thải ra cống hoặc dòng nước.
4. Các vật liệu nổ phải được vận chuyển, lưu trữ và xử lý theo luật được áp dụng và có kỹ thuật thiết kế và thực hiện thi công tốt. Nhà thầu sẽ phải cung cấp chi tiết về sắp xếp an ninh và lưu trữ được đề xuất, và;
5. Chất diệt côn trùng phải được đóng gói, dán nhãn, vận chuyển, lưu trữ và đổ thải theo tiêu chuẩn cho phép được Ngân hàng thế giới và chính phủ Việt Nam áp dụng.

Bảo dưỡng thiết bị xây dựng. Nhà thầu phải:

1. Xác định và phân giới các khu vực bảo dưỡng thiết bị (cách dòng sông, suối, hồ và vùng ngập nước >15m). Kho chứa nhiên liệu phải được bố trí ở địa điểm hợp lý và được PPMU phê duyệt.
2. Đảm bảo tất cả các hoạt động bảo dưỡng máy móc thiết bị kể cả thay dầu, phải được thực hiện trong phạm vi khu bảo dưỡng đã quy định; không được đổ dầu thải lên đất, dòng

nước, kênh mương hay vào các hệ thống thoát nước, và;

3. Tất cả các chất tràn, đổ và sản phẩm dầu đã thu gom phải được xử lý theo đúng các quy trình/hướng dẫn về tiêu chuẩn môi trường. Kho xăng dầu và các khu vực tiếp nhiên liệu phải nằm cách tất cả các hệ thống cống và các nguồn nước quan trọng tối thiểu 100m hoặc theo chỉ đạo của PPMU

Khôi phục và phát quang thảm thực vật

Phát quang khu vực thi công. Chỉ những khu vực dự kiến sẽ được giải phóng mặt bằng theo kế hoạch và được phê duyệt bởi giám sát kỹ thuật. Kế hoạch khôi phục thảm thực vật sẽ xem xét việc sử dụng đất trong quỹ đất có sẵn của dự án lâu nhất có thể mà không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các nhà thầu. Thảm thực vật sẽ không bị ảnh hưởng trong những khu vực không được nêu ra trong kế hoạch. Nhà thầu phối hợp với các cộng đồng địa phương như là một phần của kế hoạch phát triển sinh kế:

1. Bảo tồn những cây to hoặc quan trọng trong khu vực lán trại và đường thi công.
2. Giảm thiểu việc sử dụng hóa chất để phát quang thảm thực vật. Nếu có thể sẽ không sử dụng hóa chất để không gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người.
3. Thuốc diệt cỏ có tác dụng chống lại các loài thực vật gây hại, ít ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên và an toàn cho người dân và vật nuôi, cũng như người trực tiếp tiếp xúc.
4. Thuốc diệt cỏ phải được áp dụng, xử lý, lưu trữ, dán nhãn và đóng gói hợp lý theo tiêu chuẩn được đề xuất bởi nhà thầu, và
5. Thiết kế đường giao thông, bao gồm đường giao thông tạm thời và vĩnh viễn phải tránh các khu vực cây trồng.

Kế hoạch cảnh quan, tác động mỹ quan và phục hồi tầng phủ. Chương trình thi công của dự án phải được thực hiện theo giai đoạn, đặc biệt tại các vị trí có thể làm mất mỹ quan hoặc làm ảnh hưởng xấu tới cảnh quan. Nhà thầu phải lập Kế hoạch cảnh quan, tác động mỹ quan và phục hồi tầng phủ để đảm bảo thực hiện các biện pháp sau:

1. Công tác thi công phải được lên kế hoạch theo trình tự để giảm thiểu quy mô của các hoạt động đào đất và diện tích bề mặt lộ thiên.
2. Công tác phục hồi thảm thực vật phải triển khai ngay khi có thể. Nên sử dụng các giống cây trồng địa phương thích hợp.
3. Yêu cầu về việc trồng bù cây phải được đưa vào bản thiết kế và hợp đồng dự án. Trong giai đoạn thiết kế, phải lập Quy hoạch cảnh quan tổng thể và các yêu cầu để khảo sát hoặc giám sát sinh thái trong các giai đoạn khác nhau của dự án để thực hiện trong quá trình thi công và bảo dưỡng trong giai đoạn vận hành.
4. Các công trình, phương tiện máy móc phải được bố trí dựa theo địa điểm về đất đai và địa hình của khu vực dự án.
5. Phải thực hiện việc thu hồi các khu vực đã phát quang như các hồ đất mượn không sử dụng nữa, các bãi thải, đường thi công, các khu vực lán trại thi công, bãi vật liệu, khu công trường và bất cứ khu vực nào chiếm dụng tạm thời nào trong quá trình thi công dự án, bằng cách tái tạo cảnh quan, tiêu thoát và phục hồi tầng phủ.
6. Các cây cối hiện có trong phạm vi xây dựng phải được đánh dấu để chỉ ra cây đó sẽ được giữ lại, ươm trồng hay chặt bỏ. Việc ươm trồng các cây hiện có bị ảnh hưởng bởi công trình dự án phải được thực hiện trước khi khởi công xây dựng.
7. Công tác đào xúc đất phải tránh làm hại các hệ thống rễ cây. Cần phải có biện pháp

giảm thiểu tránh gây tổn hại đến thân cây và cành cây.

8. Các hàng rào tạm cần phải có màu sắc và hình thức không gây chướng mắt.
9. Ngay khi hoàn thành công tác thi công, các khu vực bị ảnh hưởng phải được phục hồi ngay về nguyên trạng, bao gồm việc tái tạo bờ đá tự nhiên, lối đi và trồng lại thực vật bị ảnh hưởng.
10. Tại các khu vực nhạy cảm về mỹ quan, công tác thi công phải được lên kế hoạch để thực hiện trong những mùa ít khách du lịch.
11. Các xe tải thi công phải hoạt động vào ban đêm nếu có thể và phải giữ vệ sinh, được che đậy khi chở vật liệu công kênh.
12. Công trường xây dựng phải được bao quanh bằng hàng rào nếu nằm ở khu vực danh lam thắng cảnh để tránh nhìn trực tiếp vào công trường xây dựng.
13. Không được dựng lán trại thi công tại các khu danh lam thắng cảnh.
14. Các khu vực đổ thải tự do chất thải rắn tại khu danh lam thắng cảnh sẽ bị nghiêm cấm.
15. Tất cả các trạm trộn và máy trộn bê tông không được đặt gần sông hoặc các khu danh lam thắng cảnh. Các bãi vật liệu phải được đặt ở vị trí kín đáo và ngoài tầm nhìn của du khách;
16. Sử dụng con đường hiện có để làm đường vào nếu có thể để giảm thiểu nhu cầu làm đường mới, dẫn đến tổn hại thảm thực vật và địa mạo hiện tại.
17. Đất nông nghiệp trước khi sử dụng cho các hoạt động xây dựng phải được hồi phục tối đa để có thể tiếp tục hoạt động nông nghiệp tương tự.
18. Các đồng đất đào và mái dốc đã cắt phải được tạo mặt dốc ổn định và trồng cỏ để chống xói lở.
19. Lớp đất mặt bị bóc từ các khu vực thi công phải được sử dụng cho việc khôi phục cảnh quan
20. Các nguồn nước bị thay đổi dòng chảy tạm thời do các hoạt động thi công phải được khôi phục dòng chảy ban đầu.

Khôi phục công trường sau thi công. Khi hoàn thành công tác thi công, tất cả các khu lán trại thi công phải được tháo dỡ và di chuyển khỏi công trường và toàn bộ công trường phải được khôi phục về nguyên trạng thái như trước khi khởi công xây dựng hoặc khôi phục về một trạng thái theo thỏa thuận với chính quyền và cộng đồng địa phương.

Các biện pháp khắc phục không thể thực hiện một cách hiệu quả trong quá trình xây dựng thì phải được thực hiện khi kết thúc công việc khôi phục (và trước khi nghiệm thu công trình). Thực hiện các hoạt động để khôi phục công trường thi công gồm:

1. Khu vực lán trại thi công phải được trồng cỏ và những cây bị chặt bỏ được thay thế bằng cây con cùng loài.
2. Tất cả các khu vực bị ảnh hưởng phải được khôi phục cảnh quan và tất cả công tác khôi phục cần thiết cũng cần được tiến hành không chậm trễ, bao gồm công việc trồng cỏ và tái trồng rừng.
3. Các dòng nước phải được dọn sạch đá vụn, các cống rãnh và cống dẫn nước được kiểm tra để khơi thông dòng chảy
4. Toàn bộ công trường phải được dọn sạch gạch đá vụn và tất cả vật liệu dư thừa phải được xử lý đúng cách.
5. Các mô đất mượn phải được khôi phục.
6. Đất nhiễm xăng dầu phải được bóc đi và chôn lấp tại các bãi đổ chất thải.

7. Các cây con được trồng sẽ phải giao cho cộng đồng địa phương hoặc chủ đất để tưới nước cho cây sau này.
8. Các hố vệ sinh và bể phốt phải được che và niêm phong kín một cách hiệu quả.

E-4: An toàn trong quá trình thi công

1. Quy định chi tiết về tốc độ lưu thông tối đa cho phép đối với mỗi cung đường;
2. Thiết lập khoảng cách an toàn tại các khu vực thi công lẫn khu vực lán trại thi công;
3. Bố trí các biển báo xung quanh các khu vực thi công để hướng dẫn giao thông, lắp biển chỉ dẫn cho các hạng mục công trình khác nhau, hướng dẫn về an toàn và cảnh báo. Tất cả các biển báo phải bằng tiếng Anh và tiếng Việt và phải lắp đặt theo đúng quy chuẩn Việt Nam;
4. Ước lượng mật độ giao thông tối đa (số lượng phương tiện/giờ);
5. Sử dụng các tuyến đường đã chọn để vào công trường, như đã thống nhất với chính quyền địa phương và sử dụng các loại phương tiện có kích cỡ phù hợp với cấp đường trong khu vực, hạn chế tải trọng để tránh gây hư hại cầu đường của địa phương khi vận chuyển;
6. Phải chịu trách nhiệm về bất kỳ hư hỏng nào gây ra cho cầu đường địa phương do chở hàng quá tải trọng và phải sửa chữa hư hỏng này theo yêu cầu của chính quyền địa phương;
7. Không được sử dụng bất kỳ phương tiện nào quá ồn hay quá nhiều khí thải dù tham gia hay không tham gia giao thông. Tại khu vực đang thi công, phải lắp đặt và bảo trì tốt các bộ giảm thanh đối với tất cả các phương tiện thuộc quản lý của Nhà thầu;
8. Duy trì đầy đủ các biện pháp kiểm soát giao thông trong suốt thời gian hợp đồng và những biện pháp này phải được PPMU phê duyệt trước;
9. Vạch rõ và cẩn thận các tuyến đường an toàn cho người đi bộ;
10. Nếu có trẻ em đi học gần đó, phải bố trí người chỉ dẫn an toàn giao thông để hướng dẫn việc đi lại trong giờ đến trường;
11. Duy trì cung cấp vật tư cho biển báo giao thông (bao gồm sơn, giá đỡ, vật liệu biển báo,...), vạch dấu đường và gác chắn để đảm bảo an toàn cho người đi bộ trong quá trình thi công;
12. Tổ chức tập huấn về an toàn cho công nhân trước khi khởi công;
13. Cung cấp trang thiết bị và quần áo bảo hộ cá nhân (kính, găng tay, khẩu trang phòng độc, khẩu trang phòng bụi, mũ cứng, giày chống đinh,...) cho các công nhân xây dựng và bất bực họ phải sử dụng;
14. Dán bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất đối với mỗi loại hóa chất sử dụng ở công trường;
15. Yêu cầu tất cả các công nhân đọc, hoặc nghe tất cả các bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất. Giải thích rõ những nguy cơ đối với bản thân người sử dụng và đồng nghiệp, đặc biệt đối với phụ nữ có thai hoặc chuẩn bị lập gia đình. Khuyến khích công nhân chia sẻ thông tin với bác sĩ khi có cơ hội;
16. Đảm bảo rằng tất cả các vật liệu có chứa amiang hoặc các chất độc hại khác phải do cán bộ được đào tạo chuyên môn thực hiện thu gom và xử lý;
17. Khi có mưa to hay tình hình khẩn cấp nào đó, phải tạm dừng thi công và
18. Cố định các thiết bị điện và cơ khí để phòng có động đất trong quá trình thi công.

E-5: Đào tạo về môi trường cho các công nhân xây dựng

1. Tất cả các cán bộ công nhân của Nhà thầu phải được yêu cầu tuân thủ các quy trình về bảo vệ môi trường và họ phải có bằng chứng chứng minh đã tham gia các khóa đào tạo theo quy định trong bản Kế hoạch;
2. Bản kế hoạch phải đào tạo tất cả các công nhân xây dựng về các vấn đề sau nhưng không chỉ giới hạn đến đó: thiết bị phòng cháy, quy định về giao thông, thu gom lâm sản phi gỗ và khai thác gỗ trái phép, không mất trật tự ở cộng đồng tái định cư, hạn chế săn bắn và đánh bắt cá, quản lý rác thải, kiểm soát xói lở, các vấn đề về an toàn và y tế và thông tin chung về môi trường sống và làm việc của họ;
3. Lập quy định xử phạt đối với những người vi phạm nội quy; và
4. Đề xuất các phương pháp thực hiện chương trình đào tạo, trong đó bao gồm các khóa đào tạo chính thức, áp phích, dữ liệu trong bản tin, các biển báo ở khu lán trại, công trường và các cuộc họp "giao ban".

E-6 Quản lý sức khỏe công nhân xây dựng

1. Sàng lọc hàng năm tất cả công nhân được tuyển dụng
2. Thực hiện một chương trình tiêm chủng toàn diện nhưng không giới hạn đối với viêm gan A, B, uốn ván, bại liệt,
3. Thực hiện các biện pháp phòng tránh sốt rét theo các thực hành được chấp nhận hiện nay ở khu vực lán trại và thiết lập các cơ sở cho việc chuẩn đoán sớm và điều trị cho những bệnh nhân bị bệnh này
4. Lưu giữ đầy đủ các phương thuốc cho việc xử lý bệnh sốt rét
5. Thu thập và xét nghiệm đờm của những các nhân có nguy cơ lây nhiễm lao (TB)
6. Lưu trữ thuốc kháng sinh để điều trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp
7. Lưu trữ các loại thuốc và dịch truyền để điều trị ngộ độc thực phẩm và tiêu chảy l
8. Xây dựng giải pháp cho trường hợp số lượng lớn người bị ngộ độc thực phẩm
9. Kiểm tra định kỳ bếp ăn chung ở khu lán trại xây dựng
10. Lưu trữ và phân phát thuốc giun cho công nhân
11. Thực hiện các phương pháp quản lý dịch hại và kiểm soát bệnh tại thời điểm lán trại thi công được xây dựng
12. Phân phát bao cao su miễn phí cho công nhân
13. Giám sát các chỉ số sức khỏe theo định hướng
14. Khi các tòa nhà không có cửa chống muỗi, màn tẩm thuốc chống muỗi sẽ được cung cấp
15. Các biện pháp phù hợp sẽ được thực hiện để đánh giá rủi ro và xem xét các tác động môi trường tiềm tàng để giải quyết kiểm soát mỗi bao gồm kiểm soát sốt xuất huyết
16. Thực hiện một chương trình để phát hiện và sàng lọc các bệnh lây qua đường tình dục, đặc biệt là HIV/ AIDS trong những người công nhân
17. Các khu lán trại thi công phải có xử lý ban đầu được thực hiện bởi y tá được đào tạo hoặc một cá nhân được đào tạo

18. Kiểm tra và sàng lọc công nhân thi công bị nhiễm bệnh sán máng trước khi thuê và
19. Lựa chọn của người lao động phù hợp từ lực lượng lao động là người sẽ được đào tạo thêm về sức khỏe lao động và xử lý ban đầu và sẽ là một đội gồm hai hoặc ba nhân viên tại mỗi địa điểm làm việc. Họ chịu sự giám sát của nhân viên y tế.

E-7: Giám sát môi trường của nhà thầu trong quá trình thi công

Nhà thầu phải đảm bảo có đủ cán bộ môi trường và an toàn công trường (SEOs) được bố trí và luôn sẵn sàng cho việc thực hiện ESMP trong suốt quá trình thi công. Cán bộ môi trường và an toàn công trường (SEOs) chịu trách nhiệm thực hiện và quản lý chương trình ESMP. Các công việc giám sát môi trường thường xuyên như là được yêu cầu bởi luật môi trường sẽ được thực hiện bởi các phòng thí nghiệm có chứng chỉ và đội ngũ giám sát. Các phòng thí nghiệm và đội giám sát sẽ được xem xét như là thành viên của SEO. Vai trò và nhiệm vụ của SEO là:

1. Lấy mẫu, phân tích và đánh giá các thông số giám sát có đề cập đến các yêu cầu và kiến nghị của ESMP
2. Thực hiện điều tra hiện trường môi trường để kiểm tra các phương pháp thi công, thiết bị và thực hiện của nhà thầu có liên quan đến kiểm soát ô nhiễm và thực hiện đầy đủ giảm thiểu môi trường
3. Xem xét sự thành công của việc thực hiện kế hoạch ESMP để xác nhận hiệu quả về chi phí đầy đủ của các biện pháp giảm thiểu được thực hiện
4. Giám sát tuân thủ với các biện pháp kiểm soát và ngăn chặn ô nhiễm, bảo vệ môi trường và các yêu cầu hợp đồng
5. Giám sát việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu môi trường
6. Kiểm tra và chuẩn bị báo cáo kiểm tra về số liệu giám sát môi trường và điều kiện môi trường khu vực thi công
7. Xác định, đánh giá và điều tra phân nân của các biện pháp khắc phục
8. Tư vấn cho nhà thầu về cải thiện môi trường, nhận thức và các biện pháp phòng chống ô nhiễm chủ động
9. Thu hút các cán bộ có năng lực, yêu thích Kiến trúc cảnh quan để xem xét và giám sát kế hoạch khôi phục thảm phủ, tác động trực quan và cảnh quan đã được nộp của nhà thầu và để theo dõi các công việc phục hồi cảnh quan của nhà thầu
10. Làm theo các quy trình trong ESMP và đề nghị các biện pháp giảm thiểu phù hợp để nhà thầu trong trường hợp không tuân thủ/ sai lệch được xác định. Thực hiện các công việc giám sát bổ sung trong khung thời gian quy định được hướng dẫn bởi PPMU; và
11. Liên hệ với nhà thầu và PPMU về các vấn đề thực hiện môi trường và nộp đúng hạn các báo cáo Thực hiện ESMP cho PPMU, chuyên gia môi trường thuộc tư vấn giám sát thi công (Supervision Environmental Specialist) SES và cơ quan hành chính có liên quan, nếu được yêu cầu.

Những điều cấm

1. Chặt cây vì bất kỳ lý do gì bên ngoài khu vực thi công được phê duyệt
2. Săn bắn, đánh bắt, bẫy thú hoang hoặc thu lượm cây
3. Mua bán động vật hoang dã để làm thực phẩm

4. Nuôi nhốt động vật hoang dã (đặc biệt là chim) trong khu lán trại
5. Săn bắt trái phép
6. Đánh bắt cá bằng thuốc nổ hoặc chất hóa học
7. Đốt lửa
8. Sử dụng các chất độc không được cho phép, bao gồm sơn có chì, amiang, SEOs.
9. Làm ảnh hưởng tới bất kỳ giá trị lịch sử và kiến trúc
10. Sử dụng các loại súng (ngoài trừ nhân viên bảo vệ được ủy quyền)
11. Công nhân sử dụng chất có cồn trong giờ làm việc
12. Rửa xe hoặc máy móc tại sông suối
13. Bảo dưỡng (thay dầu, lọc) xe và các thiết bị bên ngoài khu vực cho phép
14. Lái xe ẩu trên tuyến đường địa phương
15. Làm việc mà không có dụng cụ an toàn phù hợp (bao gồm ủng và mũ bảo hiểm)
16. Gây phiền hà hoặc rối loạn trong hoặc gần khu cộng đồng
17. Giặt quần áo trên sông, suối
18. Xả rác tại những nơi không được phép
19. Xả thải bừa bãi rác thải hoặc chất thải xây dựng, gạch vụn
20. Xả rác tại công trường
21. Rò rỉ chất ô nhiễm tiềm tàng như là các sản phẩm từ dầu
22. Thu lượm củi
23. Đi tiểu tiện hoặc đại tiện bên ngoài khu vực được thiết kế; và
24. Đốt chất thải và/ hoặc phát quang thảm thực vật.

Bất kỳ công nhân xây dựng, cán bộ văn phòng, nhân viên của nhà thầu, nhân viên của khách hàng hoặc bất kỳ người nào liên quan đến việc vi phạm những điều cấm trên sẽ bị áp dụng các biện pháp kỷ luật từ khiển trách đơn giản đến chấm dứt công việc phụ thuộc vào mức độ nghiêm trọng của sai phạm.

E-8: Hướng dẫn kế hoạch quan hệ cộng đồng

Nhà thầu được yêu cầu chuẩn bị một kế hoạch an toàn cộng đồng và mối quan hệ cộng đồng như sau:

Kế hoạch an toàn cộng đồng và quan hệ cộng đồng

Quan hệ cộng đồng

Để nâng cao mối quan hệ cộng đồng, nhà thầu sẽ phải:

1. Thông tin tới cộng đồng dân cư về kế hoạch công việc và thi công, gián đoạn các dịch vụ, tuyết xe buýt dự phòng và các tuyến giao thông, nổ mìn và phá hủy công trình, một cách thích hợp
2. Hạn chế các hoạt động thi công vào ban đêm. Khi cần thiết đảm bảo rằng các công việc ban đêm được lên kế hoạch cẩn thận và cộng đồng được thông tin hợp lý vì vậy họ có thể thực hiện các biện pháp cần thiết; và
3. Cộng đồng phải được tư vấn trước ít nhất 5 ngày cho bất kỳ gián đoạn nào của các dịch

vụ (bao gồm điện, nước, điện thoại) thông qua việc niêm yết tại các khu vực dự án, trạm xe buýt và trong những hộ gia đình/ kinh doanh bị ảnh hưởng.

Một kế hoạch quan hệ cộng đồng cho dự án sẽ được chuẩn bị bởi nhà thầu, bao gồm:

1. Các phương tiện để duy trì thông tin liên lạc mở giữa chính quyền địa phương và cộng đồng
2. Có một danh sách gửi thư bao gồm các cơ quan, tổ chức, người dân quan tâm đến dự án
3. Cung cấp một mối quan hệ cộng đồng tiếp xúc từ người mà các bên quan tâm có thể nhận thông tin từ các hoạt động trên công trường, hiện trạng dự án và kết quả thực hiện dự án
4. Cung cấp các thông tin, đặc biệt là các phát hiện kỹ thuật bằng ngôn ngữ dễ hiểu cho cộng đồng và trong một hình thức hữu ích cho người dân quan tâm và các văn phòng được lựa chọn thông qua việc chuẩn bị các ghi chú thực thể và thông báo báo chí khi có những phát hiện chính trong dự án
5. Giám sát các yêu cầu thông tin và mối quan tâm của cộng đồng khi dự án tiến triển
6. Phản hồi các thắc mắc qua điện thoại hoặc bằng văn bản tương ứng một cách kịp thời và chính xác; và
7. Thay đổi kế hoạch quan hệ cộng đồng vì những thay đổi trong nhu cầu cộng đồng khi cần thiết là chính xác trong các giai đoạn thực hiện khác nhau của dự án.

An toàn cộng đồng

Tích nước hồ chứa. Nhà thầu sẽ phải thông báo ít nhất trước 30 ngày với giám sát môi trường và chính quyền địa phương về bất kỳ các hoạt động xây dựng được lên kế hoạch sẽ làm tăng mực nước trong hồ và có thể dẫn đến mắc cạn hoặc chết đuối bất kỳ người dân nào trong khu vực.

An toàn giao thông. Nhà thầu sẽ làm việc với chính quyền địa phương và người đứng đầu cộng đồng để thực hiện chương trình an toàn và giao thông cộng đồng nhằm mục đích hạn chế tối đa rủi ro giao thông trong quá trình thi công. Chương trình an toàn giao thông cộng đồng sẽ bao gồm các nội dung sau:

1. Trình bày với cộng đồng về giới hạn tối đa cho phép của các phương tiện trên mỗi đoạn đường
2. Thiết lập khoảng cách tầm nhìn an toàn ở cả công trường xây dựng và khu lán trại
3. Đặt biển báo xung quanh khu vực công trường để hỗ trợ giao thông, cung cấp chỉ dẫn tới các khu vực khác nhau của công trường, cung cấp cảnh báo và tư vấn an toàn. Tất cả các biển báo phải được trình bày bằng tiếng Anh và tiếng Việt và theo quy định của Việt Nam
4. Sử dụng các tuyến đường được lựa chọn tới khu vực thi công, đã được đồng ý bởi PPMU và Chính quyền địa phương và các phương tiện có kích thước phù hợp với mỗi loại đường trong khu vực và giới hạn tải trọng để ngăn ngừa hư hỏng tới các tuyến đường địa phương và cầu được sử dụng cho mục đích vận chuyển
5. Phải có trách nhiệm với bất kỳ hư hỏng nào về cầu, đường địa phương do việc vận chuyển quá tải và sẽ bị yêu cầu sửa chữa cho những hư hỏng đó
6. Không sử dụng bất kỳ phương tiện nào phát thải nhiều tiếng ồn, khí thải. Trong bất kỳ khu vực thi công nào, bộ giảm âm thanh sẽ được lắp đặt và duy trì ở tình trạng tốt cho

- tất cả các thiết bị được giám sát trong tầm kiểm soát của nhà thầu
7. Duy trì các biện pháp kiểm soát giao thông trong suốt quá trình xây dựng
 8. Đánh dấu rõ ràng và cẩn thận tuyến đường cho người đi bộ
 9. Nếu trường học trong vùng lân cận, phải có nhân viên chỉ dẫn giao thông
 10. Duy trì tín hiệu giao thông (bao gồm sơn, vật liệu, SEOC), đánh dấu đường và hành lang an toàn để duy trì an toàn cho người đi bộ trong thời gian thi công
 11. Thực hiện chương trình nâng cao nhận thức an toàn trong trường học và cộng đồng

Quản lý nổ. Nhà thầu sẽ phải đảm bảo rằng việc thực hiện nổ không gây ra nguy hiểm cho người dân địa phương bằng việc thực hiện các biện pháp sau:

1. Nhà thầu sẽ cảnh báo người dân/ cộng đồng địa phương người có thể bị ảnh hưởng do tiếng ồn phát sinh trong quá trình nổ và nhà thầu sẽ hạn chế tối đa các hoạt động đó
2. Trong khu vực nhạy cảm (bao gồm khu dân cư, bệnh viện, nhà nghỉ, trường học, SEOs) nhiều phương pháp giới hạn sẽ được thực hiện để hạn chế mức độ tiếng ồn không mong muốn
3. Nổ mìn sẽ không được thực hiện trong bán kính 200m từ khu dân cư hoặc cộng đồng địa phương
4. Trước khi nổ mìn được thực hiện, cần khảo sát chi tiết gần cộng đồng để đánh giá mức độ tác động gây ra bởi các hoạt động nổ mìn (ví dụ có thể thiệt hại tới công trình hoặc cơ sở hạ tầng do độ rung, ảnh hưởng đến động vật, người dân địa phương)

Quy tắc ứng xử công nhân

1. Tất cả công nhân và nhà thầu phụ sẽ phải tuân thủ quy định và pháp luật của Việt Nam.
2. Cấm tất cả súng, vũ khí và hóa chất bất hợp pháp.
3. Cấm cờ bạc và văn hóa phẩm đồ trụy.
4. Cấm đánh chửi nhau trên công trường.
5. Công nhân bị cấm săn, bắt và buôn bán động vật hoang dã.
6. Cấm tiêu thụ thịt thú rừng.
7. Cấm gây phiền hà hoặc xáo trộn trong hoặc gần cộng đồng.
8. Cấm xúc phạm truyền thống và tập quán địa phương.
9. Cấm hút thuốc tại công trường.
10. Duy trì các tiêu chuẩn thích hợp về ăn mặc và vệ sinh cá nhân sẽ có hiệu lực.
11. Duy trì các tiêu chuẩn vệ sinh tại khu vực sinh sống.
12. Công nhân trên công trường khi thăm cộng đồng dân cư thì sẽ phải cư xử phù hợp với Quy tắc ứng xử; và
13. Kỷ luật nếu không tuân thủ các quy tắc ứng xử, hoặc các quy tắc, quy định và thủ tục thực hiện tại lán trại xây dựng.

E-9: Quy trình phát lộ

Các công trình dự án có thể tác động đến xã hội, tôn giáo, hoặc giá trị di sản. Quy trình “phát hiện” sẽ được áp dụng khi các khu vực được xác định trong giai đoạn thiết kế hoặc trong thời

gian thi công thực tế.

Tài sản văn hóa bao gồm di tích, công trình, tác phẩm nghệ thuật và các công trình có ý nghĩa khảo cổ, lịch sử, kiến trúc, tôn giáo, các khu vực tự nhiên với các giá trị văn hóa. Điều này bao gồm các nghĩa trang, nghĩa địa và mồ mả.

Trong trường hợp phát hiện các tài sản có giá trị văn hóa trong quá trình xây dựng, các thủ tục sau đây để xác định, bảo vệ khỏi trộm cắp và xử lý các hiện vật được phát hiện phải được bao gồm trong tài liệu đấu thầu chuẩn.

- Ngừng các hoạt động xây dựng trong khu vực phát hiện.
- Phác họa khu vực hoặc vùng phát hiện.
- Bảo vệ các khu vực để ngăn chặn bất kỳ thiệt hại hoặc tổn thất của các đối tượng có thể tách rời.
- Thông báo cho các kỹ sư giám sát, những người này sẽ thông báo cho chính quyền địa phương.
- Trách nhiệm của chính quyền địa phương và các Bộ có liên quan là bảo vệ và giữ gìn các khu vực trước khi quyết định các hoạt động tiếp theo.
- Quyết định về việc làm thế nào để xử lý phát lộ sẽ được thực hiện bởi các cơ quan chức năng có trách nhiệm và các Bộ có liên quan. Điều này có thể bao gồm những thay đổi trong cách bố trí (chẳng hạn như khi tìm kiếm một phần còn lại của văn hóa hay tầm quan trọng khảo cổ, bảo tồn, khôi phục và cứu hộ).
- Thực hiện các quyết định của cơ quan có liên quan đến việc quản lý phát lộ sẽ được thông báo bằng văn bản của các Bộ văn hóa, thể thao và du lịch có liên quan.
- Xây dựng công trình có thể tiếp tục chỉ sau khi cho phép được đưa ra từ chính quyền địa phương chịu trách nhiệm.
- Ngân hàng Thế giới phải thông báo cho Ban quản lý về các vấn đề và hành động.
- Các thủ tục này phải được quy định như là tiêu chuẩn trong các hợp đồng xây dựng. Trong thời gian giám sát công trình, Kỹ sư công trường giám sát các quy định nêu trên liên quan đến qui trình phát lộ.
- Phát hiện có liên quan sẽ được ghi nhận trong Báo cáo Giám sát của Ngân hàng Thế giới, hiệu quả tổng thể của giảm thiểu tác động tài sản văn hóa của dự án và các hoạt động sẽ được đánh giá.

E-10. Xây dựng các kế hoạch giảm thiểu tác động môi trường khác theo ESMP

PHỤ LỤC - F: DANH SÁCH CÁC KHU VỰC BẢO TỒN TẠI CÁC TỈNH

BTSQ = Khu Bảo tồn Sinh quyển

BTMTLS = Địa điểm Bảo tồn Môi trường Lịch sử

BTLSQ = Khu bảo tồn Loài và Sinh cảnh

CVQG = Công viên quốc gia

Tỉnh	Số	Tên của khu vực được bảo vệ	Năm thành lập	Diện tích đất (Ha)	Loại khu vực được bảo vệ
Bắc Giang	1	Tây Yên Tử	2002	13.023	BTSQ
Bắc Kạn	1	Ba Bể	1992	7.610	CVQG (hồ là RAMSAR)
	2	Kim Hỷ	2003	14.772	BTSQ
	3	Khu bảo tồn loài, sinh cảnh và hệ sinh thái Nam Xuân Lạc		1.788	BTLSQ
Cao Bằng	1	Núi Pịa Oắc		10.261	BTSQ
	2	Cao vít Trùng Khánh khu vực bảo tồn loài khi		2.261	BTLSQ
	3	Bản Đốc		566	BTMTLS
	4	Hồ Thặng Hen		372	BTMTLS
	5	Lam Sơn		75	BTMTLS
	6	Núi Lãng Đôn		1.149	BTMTLS
	7	Rừng Trần Hưng Đạo		1.143	BTMTLS
	8	Pắc Bó		1.137	BTMTLS
Đắk Lắk	1	Yok Đôn	1991	115.545	Rừng Quốc gia
	2	Chư Yang Sin	2001	58.947	Rừng Quốc gia
	3	Ea Sô		24.017	BTSQ
	4	Nam Kar		21.912	BTSQ
	5	Ea Ral		49	BTLSQ
	6	Khu bảo tồn Tráp Ksor		100	BTLSQ
	7	Hồ Lắk		9.478,3	BTMTLS
Đắk Nông	1	Yok Đôn	1991	115.545	Rừng Quốc gia
	2	Nam Nung		10.912	BTSQ
	3	Tà Đùng		17.915	BTSQ
	4	Thác Đray Sáp - Gia Long		1.515,2	BTMTLS
Điện Biên	1	Mường Nhé	1996	44.940	BTSQ
	2	Mường Phăng		935,88	BTMTLS
Gia Lai	1	Kon Ka Kinh	2002	41780	Rừng Quốc gia
	2	Kon Cha Răng (Kon Chư Răng)		15.446	BTSQ

Hà Giang	1	Bắc Mê	1994	9.043	BTSQ
	2	Bát Đại Sơn	2000	4.531	BTSQ
	3	Du Già	1994	11.540	BTSQ
	4	Phong Quang	1998	7.911	BTSQ
	5	Tây Côn Lĩnh	2002	14.489	BTSQ
Hà Giang	6	Khu bảo tồn loài và sinh cảnh vực mũi hếch Khau Ca Khau C		2.010	BTLSC
Hòa Bình	1	Hang Kia-Pà Cò		5.258	BTSQ
	2	Ngọc Sơn-Ngổ Luông		15.891	BTSQ
	3	Phu Canh		5.647	BTSQ
	4	Thượng Tiến		5.873	BTSQ
Kon Tum	1	Chư Mom Ray	2002	56.621	Rừng Quốc gia
	2	Ngọc Linh		38.109	BTSQ
	3	Đắk Uy		660	BTLSC
Lai Châu	1	Mường Tè		33.775	BTSQ
	2	Hoàng Liên	1996	38.724	Rừng Quốc gia
Lâm Đồng	1	Núi Bà Bidoup	2004	64.800	Rừng Quốc gia
	2	Cát Tiên	1978	71.920	Rừng Quốc gia (và RAMSAR)
Lào Cai	1	Văn Bàn		25.173	BTSQ
	2	Hoàng Liên	1996	38.724	Rừng Quốc gia
Phú Thọ	1	Đền Hùng		538	BTMTLS
	2	Núi Nà		670	BTMTLS
	3	Yên Lập		330	BTMTLS
Sơn La	1	Copia		11.996	BTSQ
	2	Sốp Cộp		17.369	BTSQ
	3	Tà Xùa		13.412	BTSQ
	4	Xuân Nha		16.317	BTSQ
Thái Nguyên	1	Thần Sa-Phượng Hoàng		18.859	BTSQ
	2	An toàn khu Định Hoá		8.728	BTMTLS
	3	Tam Đảo	1986	36.883	Rừng Quốc gia
Tuyên Quang	1	Chạm Chu	2001	15.902	BTSQ
	2	Na Hang		22.402	BTSQ
	3	Tam Đảo	1986	36.883	Rừng Quốc gia
Yên Bái	1	Nà Hầu		16.400	BTSQ
Yên Bái	2	Chế Tạo		20.293	BTLSC

PHỤ LỤC - G: TƯ VẤN LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (E&S)

G-1: Tư vấn Môi trường và Xã hội quốc tế (E&S)

Ban QLDA sẽ thuê công ty tư vấn có năng lực về Môi trường và Xã hội (E&S) làm việc trước khi khởi động dự án và cho toàn bộ các giai đoạn của dự án.

Mục tiêu:

Tư vấn có ba mục tiêu vụ lớn:

- Hỗ trợ cho Ban QLDA xem xét và thông qua các báo cáo đánh giá tác động MT-XH của tiểu dự án, giám sát, theo dõi đánh giá tác động MT-XH và chuẩn bị các kế hoạch khác, chuẩn bị báo cáo theo quý, báo cáo hàng năm về việc thực hiện khung quản lý MT-XH, khung chính sách tái định cư và khung phát triển dân tộc thiểu số.
- Xây dựng năng lực cho các Ban QLDA và ban QLDA cấp tỉnh về đánh giá môi trường và xã hội cho các tiểu dự án liên quan.
- Thực hiện đánh giá các tác động tích lũy cấp lưu vực liên kết với hợp phần 2- Quy hoạch và quản lý an toàn đập.

Phạm vi tư vấn

Các nhiệm vụ chính của các chuyên gia tư vấn là đảm bảo các tiểu dự án thực hiện đúng khung quản lý MT&XH và các kế hoạch cụ thể như kế hoạch quản lý MT-XH, kế hoạch hành động tái định cư và kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số. Các phạm vi chính của các công việc được thực hiện theo 3 mục tiêu chính dưới đây:

Hỗ trợ đánh giá tác động môi trường và xã hội (ESIA) của các tiểu dự án

- i) Rà soát quá trình sàng lọc hợp lệ, sàng lọc kỹ thuật, đánh giá, kế hoạch quản lý cho các tiểu dự án thông qua việc phân tích dữ liệu và khảo sát thực địa
- ii) Đề xuất sửa đổi cần thiết cho quá trình sàng lọc, đánh giá và kế hoạch quản lý cho các TDA
- iii) Đề xuất các báo cáo ESIA cho PMU phê duyệt
- iv) Thường xuyên giám sát việc thực hiện kế hoạch quản lý MT-XH, quy tắc ứng xử môi trường thực tiễn (ECOPs), kế hoạch hành động tái định cư và kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số của các tiểu dự án.
- v) Đề xuất các khuyến nghị nhằm cải thiện chất lượng của các kế hoạch thực hiện trong tương lai
- vi) Giám sát thường xuyên các thông số quan trọng
- vii) Xây dựng một hệ thống thông tin quản lý môi trường và xã hội để theo dõi và trình bày về tiến độ thực hiện, dữ liệu giám sát,...
- viii) Chuẩn bị báo cáo theo quý, báo cáo hàng năm về việc thực hiện khung quản lý MT-XH và đánh giá tác động môi trường và xã hội của các tiểu dự án

Xây dựng năng lực

- i) Thực hiện các chương trình đào tạo thường xuyên về các vấn đề môi trường và xã hội, các khung quản lý MT-XH, đánh giá MT-XH, các khung tham chiếu, ... (tổ chức ít nhất một chương trình đào tạo tại mỗi tỉnh và 2 chương trình đào tạo ở cấp trung ương trong 2 năm đầu tiên)
- ii) Chuẩn bị và xây dựng một lịch trình tham vấn với PMU, ban QLDA tỉnh và các chuyên gia tư vấn có liên quan theo từng quý.
- iii) Tổ chức các cuộc hội thảo/hội nghị chuyên đề cho cán bộ dự án ở ban QLDA trung ương, ban QLDA cấp tỉnh và các bên liên quan khác có liên quan để tăng cường sự tham gia, sự cam kết, nhận thức về các khía cạnh môi trường và xã hội của tiêu dự án.

Đánh giá tác động môi trường tích lũy cấp lưu vực

- i) Xác định các khu vực ảnh hưởng tiềm tàng của dự án với danh sách của tất cả các cơ sở hạ tầng chính có trong vùng.
- ii) Xác định các thành phần môi trường có giá trị (VECs) với sự tham vấn cộng đồng và các bên bị ảnh hưởng. Xác định điều kiện hiện tại của các thành phần môi trường có giá trị, chủ yếu tập trung vào:
 - Môi trường xung quanh liên quan đến nguồn nước, các dòng sông hiện tại đang cung cấp nước cho các đối tượng sử dụng như khu vực đô thị, các khu công nghiệp, thương mại, nông nghiệp và tác động tiềm ẩn đến sinh vật thủy sinh.
 - Giám sát của các thông số môi trường chính trong 1 năm.
- iii) Đánh giá tác động biến đổi khí hậu trong tương lai với mô hình, công cụ thích hợp;
- iv) Đánh giá tác động tích lũy và đánh giá tầm quan trọng của các thành phần môi trường có giá trị VECs, dự đoán các điều kiện có thể xảy ra trong tương lai
- v) Đề nghị: (a) các chỉ số giám sát phù hợp; (b) xây dựng các chiến lược, kế hoạch và thủ tục đúng đắn để quản lý các tác động tích lũy, cải thiện điều kiện môi trường/xã hội hiện tại, các kế hoạch này phải bao gồm vấn đề an toàn đập và cách thức giải quyết những tác động dự kiến trong tương lai

Ban QLDA sẽ thuê Công ty quốc tế có năng lực về Môi trường và Xã hội (E & S) làm việc trước khi bắt đầu dự án và cho toàn bộ thời gian của dự án.

Giám sát độc lập:

Các chuyên gia tư vấn sẽ làm việc với các chuyên gia/cán bộ của Bộ NN & PTNT để theo dõi và đánh giá các vấn đề về quản lý môi trường của dự án. Chuyên gia tư vấn sẽ thực hiện các nhiệm vụ tuân theo các tiêu chuẩn chuyên nghiệp, sử dụng các biện pháp mang tính kỹ thuật, nghiệp vụ về tài chính, kiến thức về kinh tế và kỹ năng quản lý. Đối với tất cả các tiêu dự án được thực hiện theo dự án, bên giám sát độc lập thứ ba sẽ theo dõi:

- i) Tiêu dự án được lựa chọn và phê duyệt dựa trên quá trình sàng lọc tiêu chuẩn về môi trường và xã hội.
- ii) Mô tả tiêu dự án phải chuẩn bị đúng cách thức, "sàng lọc môi trường và xã hội" và "phân tích các lựa chọn thay thế" của tiêu dự án phải được thực hiện dựa trên bảng mẫu đề xuất trong khung QLMTXH
- iii) Phân loại và báo cáo chuyên sâu về đánh giá tác động môi trường và xã hội của các tiêu

dự án phải được thực hiện theo quy định nêu trong khung quản lý môi trường và xã hội, các quy định thích hợp của chính phủ và chính sách kích hoạt của Ngân hàng Thế giới

- iv) Báo cáo đánh giá tác động MT-XH của các tiểu dự án phải được chuẩn bị theo mẫu được ghi trong khung QLMTXH và thỏa mãn các yêu cầu theo các quy định hiện hành của Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Thế giới; các tài liệu cho dự án triển khai.
- v) Các yêu cầu cụ thể về môi trường/các điều khoản phải được trình bày trong hồ sơ mời thầu và phải phù hợp với nội dung.
- vi) Các hoạt động của tiểu dự án phải đáp ứng các qui định nêu trong kế hoạch QLMTXH, quy tắc ứng xử môi trường thực tiễn, kế hoạch hành động tái định cư và khung phát triển dân tộc thiểu.
- vii) Các biện pháp giảm thiểu được thực hiện và có hiệu quả và các biện pháp tăng cường quy định ở kế hoạch QLMTXH.
- viii) Từ thực tế và dự đoán những thay đổi đối với môi trường và đề xuất kế hoạch ứng phó với các tác động phát sinh
- ix) Từ thực tế và dự đoán các tác động, phương pháp dự đoán các tác động trong tương lai sẽ được chính xác hơn
- x) Giám sát môi trường được thực hiện thông qua khảo sát thực địa đã được nêu trong kế hoạch quản lý MT-XH, công tác giám sát và báo cáo tiến độ được chuẩn bị thường xuyên và chia sẻ thông tin với ban QLDA và ban QLDA cấp tỉnh; các báo cáo giám sát được ghi nhận và đánh giá (bởi ban QLDA và ban QLDA cấp tỉnh), phản hồi đầy đủ được cung cấp cho các đơn vị quản lý.

Ngoài ra, đối với bất kỳ việc nào không tuân thủ, các chuyên gia tư vấn của bên thứ ba sẽ cung cấp các khuyến nghị cụ thể để cải thiện quản lý môi trường và xã hội

Phương pháp, các chỉ số và mục tiêu cụ thể cho giám sát xã hội độc lập

Mục tiêu chung của việc giám sát độc lập là để cung cấp định kỳ kết quả đánh giá và giám sát độc lập về việc thực hiện mục tiêu tái định cư, về thay đổi công việc và mức sống, khôi phục thu nhập của hộ bị ảnh hưởng, hiệu quả, tác động và tính bền vững về quyền lợi của những người bị ảnh hưởng, về tính cần thiết của các biện pháp giảm thiểu (nếu có) trong nỗ lực mang lại những bài học chiến lược cho việc quy hoạch và đưa ra quyết định trong tương lai.

Để phù hợp với các yêu cầu của WB cho hoạt động tư vấn, CPO sẽ thuê một tổ chức giám sát độc lập và đánh giá thực hiện RAP. Tổ chức này được gọi là Tư vấn Giám sát độc lập (IMC) có chuyên môn trong khoa học xã hội và có kinh nghiệm trong giám sát độc lập kế hoạch hành động tái định cư. IMC nên bắt đầu công việc của mình ngay sau khi thực hiện dự án.

Các chỉ số sau đây sẽ được giám sát và đánh giá bởi IMC, bao gồm nhưng không giới hạn:

- (i) Chi trả bồi thường: a) thực hiện thanh toán đầy đủ cho tất cả những người bị ảnh hưởng trước khi thu hồi đất ; (b) thanh toán đầy đủ để di dời các tài sản bị ảnh hưởng.
- (ii) Cung cấp hỗ trợ cho người bị ảnh hưởng phải xây lại nhà của họ trên phần đất còn lại, hoặc xây nhà trên nơi ở mới được dự án bố trí, hoặc được cấp mới mảnh đất.
- (iii) Hỗ trợ phục hồi sinh kế/ nguồn thu nhập.
- (iv) Tham vấn cộng đồng và công bố thông tin công cộng của chính sách đền bù: (a) Những

người bị ảnh hưởng phải được thông tin đầy đủ và được tham vấn về thu hồi đất, các hoạt động thuê hoặc di dời; (b) Tư vấn giám sát độc lập phải tham dự ít nhất một cuộc tham vấn cộng đồng để giám sát quy trình tham vấn cộng đồng, các vấn đề và nội dung phát sinh trong cuộc họp và các giải pháp đề xuất; (c) Nhận thức cộng đồng về quyền lợi và chính sách bồi thường sẽ được đánh giá giữa những người bị ảnh hưởng; và (d) đánh giá việc nhận thức của các phương án có sẵn khác nhau được cung cấp trong RAP.

- (v) Giám sát những người bị ảnh hưởng về phục hồi các hoạt động sản xuất.
- (vi) Mức độ thỏa mãn của người bị ảnh hưởng về các khía cạnh khác nhau của RAP sẽ được giám sát và ghi lại. Việc vận hành cơ chế khiếu nại và tốc độ xử lý khiếu nại sẽ được giám sát.
- (vii) Thông qua việc thực hiện, các xu hướng về mức sống sẽ được quan sát và khảo sát. Bất kỳ nội dung tiềm ẩn nào trong việc khắc phục mức sống phải được báo cáo và các biện pháp hợp lý sẽ được đề xuất để đảm bảo mục tiêu của dự án.

Phương pháp của giám sát độc lập

- *Lưu trữ dữ liệu:* Các IMC sẽ duy trì một cơ sở dữ liệu thông tin giám sát tái định cư. Nó sẽ bao gồm các tập tin kết quả giám sát độc lập, hộ cần được theo dõi và sẽ được cập nhật dựa trên các thông tin thu thập được trong vòng kế tiếp của thu thập dữ liệu. Tất cả cơ sở dữ liệu được biên soạn bởi các PMU sẽ được truy cập đầy đủ bởi IMC.
- *Báo cáo.* Tư vấn giám sát độc lập phải nộp báo cáo định kỳ 6 tháng, trong đó, nêu những phát hiện trong quá trình giám sát. Báo cáo giám sát này sẽ được nộp cho CPO và sau đó CPO sẽ nộp cho WB trong phụ lục của báo cáo tiến độ.
- Báo cáo phải bao gồm (i) một báo cáo về tiến độ thực hiện RAP; (ii) sai lệch, nếu có, từ các quy định và nguyên tắc của RAP; (iii) xác định các vấn đề tồn tại và các giải pháp để các cơ quan quản lý được thông báo về tình hình đang diễn ra và có thể giải quyết vấn đề một cách kịp thời; và (iv) một báo cáo theo dõi tiến độ và các vấn đề được xác định trong các báo cáo trước đây.
- *Theo dõi báo cáo giám sát.* Các báo cáo giám sát sẽ được thảo luận trong một cuộc họp giữa IMC và PMU. Ban QLDA sẽ tổ chức các cuộc họp ngay sau khi nhận được báo cáo. Hoạt động tiếp theo cần thiết sẽ được thực hiện dựa trên các vấn đề đã được xác định trong các báo cáo và cuộc thảo luận tiếp theo.
- *Sau báo cáo đánh giá.* Trong thực tế, đây là đánh giá tại một thời điểm nhất định về tác động của tái định cư và các mục tiêu đạt được. Các giám sát bên ngoài sẽ tiến hành một cuộc đánh giá quá trình tái định cư và tác động 6-12 tháng sau khi hoàn thành tất cả các hoạt động tái định cư. Các câu hỏi khảo sát để đánh giá được sử dụng dựa trên các cơ sở dữ liệu trong hệ thống cơ sở dữ liệu dự án và các câu hỏi được sử dụng trong các hoạt động giám sát.

Cuối cùng, một bản tóm tắt công tác đánh giá sau tái định cư bao gồm trong báo cáo hoàn thành dự án (PCR) sẽ được chuẩn bị trước khi kết thúc Dự án. Việc đánh giá bao gồm các tác động của dự án (số hộ bị ảnh hưởng, phạm vi thu hồi đất của tiểu dự án, tiền bồi thường cho người bị ảnh hưởng, bất kỳ vấn đề tồn tại phát sinh từ việc thu hồi đất và cung cấp thông tin nếu đời sống của người bị ảnh hưởng (AP) được khôi phục, hoặc ít nhất duy trì để thực hiện tiểu dự án. Kế hoạch hành động tái định cư không thể được coi là hoàn thành cho đến khi một đánh giá sau và kiểm toán dự án hoàn thành xác nhận rằng tất cả các hộ bị ảnh hưởng đã nhận được đầy đủ đền bù, hỗ trợ và phục hồi cuộc sống theo kế hoạch

G-2: Bên giám sát độc lập thứ 3

Tư vấn sẽ cung cấp giám sát và đánh giá độc lập đối với quy hoạch tổng thể, điều phối, thực hiện giám sát các chương trình môi trường và tái định cư để thiết lập quá trình giám sát dự án xử lý rộng và thích hợp cho việc lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch môi trường và xã hội trong việc thực hiện các tiểu dự án.

Tư vấn sẽ đánh giá giám sát độc lập môi trường, các hoạt động tái định cư cho người bị ảnh hưởng bởi các hoạt động trong giai đoạn chuẩn bị và giai đoạn xây dựng của tiểu dự án

PHỤ LỤC - H: KHUNG QUẢN LÝ DỊCH HẠI TỔNG HỢP (IPM)

1. Tổng quan

Dự án không có ý định mua hay thúc đẩy việc sử dụng các loại phân bón hay thuốc trừ sâu. Tuy nhiên, phục hồi chức năng của các đập dự kiến sẽ tăng diện tích nông nghiệp. Có khả năng gây ra những tác động gián tiếp của dự án, sử dụng phân bón hay thuốc trừ sâu có thể tăng lên trong khu vực dự án. Như một "thực hành tốt", dự án sẽ thúc đẩy việc quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trong khu vực dự án.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Tăng cường bảo vệ thực vật tại địa phương, giảm sử dụng thuốc trừ sâu trong các lĩnh vực, nâng cao hiệu quả công tác phòng, quản lý thuốc trừ sâu và quá trình sử dụng thuốc trừ sâu để giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm thuốc trừ sâu đối với môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

b) Mục tiêu cụ thể

- Hỗ trợ của các cơ quan có liên quan ở các tỉnh dự án trong việc tăng cường quản lý dịch hại và quản lý thuốc trừ sâu phù hợp với các kế hoạch hành động quốc gia về vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh lương thực, thích ứng với biến đổi khí hậu và các điều ước quốc tế có liên quan mà Chính phủ đã phê duyệt.
- Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm thông qua việc nâng cao vai trò của các thiên địch; giảm dư lượng thuốc trừ sâu để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, giảm ô nhiễm môi trường (nước, đất, không khí).
- Nâng cao kiến thức cho nông dân: phân biệt các loài gây hại lớn, nhỏ; xác định các loài thiên địch và vai trò của chúng trong lĩnh vực này, hiểu rõ tác dụng của thuốc trừ sâu, biết làm thế nào để khảo sát kiểm soát dịch hại và ngưỡng sử dụng; hiểu và áp dụng các biện pháp kiểm soát dịch hại trong quản lý dịch hại tổng hợp để tăng thu nhập cho nông dân.

3. Các nguyên tắc của IPM

Các nguyên tắc được áp dụng cho các tiểu dự án:

"Danh sách cấm": Dự án sẽ không tài trợ cho việc mua phân bón hay thuốc trừ sâu:

- a- Chương trình quản lý dịch hại tổng hợp và dự án hỗ trợ: hỗ trợ và thực hiện các chương trình là một phần của kế hoạch QLMT & XH cho các tiểu dự án. Hỗ trợ dự án sẽ bao gồm hỗ trợ kỹ thuật (tư vấn) để thực hiện tùy chọn không dùng hóa chất và hỗ trợ ưu tiên cho các dịch vụ khuyến nông, bao gồm cả chi phí vận hành bổ sung. Các lệ phí hỗ trợ của ngân hàng cho chương trình phòng trừ tổng hợp của các tiểu dự án sẽ được yêu cầu hoặc chấp thuận một chương trình độc lập hoặc như là một phần của kế hoạch QLMT & XH. Một ngân sách đề xuất đã được phân bổ cho việc thực hiện các chương trình quản lý dịch hại tổng hợp cho các vùng hạ lưu của khu vực dự án. Công tác quy hoạch chi tiết sẽ được hoàn thành thông qua khảo sát chặt chẽ với nông dân, tổ chức có thẩm quyền / cộng đồng địa phương.

- b- Dự án sẽ áp dụng chương trình quản lý dịch hại tổng hợp như là một phương pháp để giảm thiểu các tác động tiêu cực của việc tăng sử dụng phân bón và hóa chất BVTV. Tuy nhiên, việc cải thiện kiến thức và kinh nghiệm trong việc sử dụng phân bón và hóa chất BVTV là thông qua các cuộc điều tra nghiên cứu và các khóa học đào tạo trong công việc cũng như việc lựa chọn sử dụng an toàn không hóa chất, các kỹ thuật khác, đang được điều tra và áp dụng ở Việt Nam. Chương trình quản lý dịch hại tổng hợp quốc gia cũng đã tổng kết kết quả thực hiện và những bài học kinh nghiệm. Dự án sẽ áp dụng kết quả của chương trình quản lý dịch hại tổng hợp quốc gia và hướng dẫn kỹ thuật chi tiết.
- c- Chương trình tiêu dự án quản lý dịch hại tổng hợp có thể được thiết lập để hỗ trợ việc thực hiện các chính sách và mục tiêu của Chính phủ tập trung vào việc giảm sử dụng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu
- d- Trong điều kiện bình thường, nếu sử dụng thuốc trừ sâu được coi là một lựa chọn cần thiết, chỉ dùng thuốc trừ sâu đã đăng ký với chính phủ và công nhận quốc tế trong việc sử dụng và dự án cũng sẽ cung cấp thông tin kỹ thuật và kinh tế cho các hóa chất yêu cầu sử dụng. Nên xem xét và chọn lựa trong việc quản lý hóa chất không có hại và cũng có thể giảm bớt sự phụ thuộc vào việc sử dụng thuốc trừ sâu. Các biện pháp sẽ được đưa vào thiết kế dự án để giảm các rủi ro liên quan đến việc xử lý, sử dụng thuốc trừ sâu cho phép mức có thể và được quản lý bởi người sử dụng.
- e- Việc lập kế hoạch và thực hiện các biện pháp giảm thiểu và các hoạt động khác sẽ được thực hiện chặt chẽ với các cơ quan chức năng có quyền hạn và các bên liên quan, bao gồm cả các nhà cung cấp hóa chất để tạo thuận lợi cho sự hợp tác và hiểu biết giữa các bên

4. Cách tiếp cận của quản lý dịch hại tổng hợp

Tập trung hơn vào những rủi ro của việc lạm dụng quá mức các sản phẩm hóa chất bảo vệ thực vật. Các cây trồng đó là gạo, rau quả, chè,... các loại cây này có xu hướng được phun nhiều thuốc trừ sâu.

Tập trung vào giáo dục cộng đồng, khảo sát ban đầu sẽ được đưa vào các nhiệm vụ với mục đích làm rõ các nguyên nhân gốc rễ của tình trạng lạm dụng và sử dụng quá nhiều sản phẩm bảo vệ thực vật và các rủi ro liên quan. Hỗ trợ xây dựng năng lực của giảng viên quản lý dịch hại tổng hợp. Chương trình hiện nay sẽ cần phải được xem xét và bổ sung để tăng mức độ liên quan đến việc giảm nguy cơ của thuốc bảo vệ thực vật. Các chương trình đào tạo sẽ được xây dựng với việc tích hợp của nhiều hoạt động như hệ thống thâm canh lúa, làm đất tối thiểu, cộng đồng sản xuất và sử dụng chế phẩm sinh học thay thế các hóa chất bảo vệ thực vật. Các hoạt động đào tạo, ứng dụng sẽ được thực hiện trong các ứng dụng diện rộng của mô hình.

Để thực hiện nội dung này, các bước sau đây sẽ được đẩy mạnh trong tiêu dự án IPM:

- Bước 0: Thuê tư vấn: Tư vấn quản lý dịch hại tổng hợp sẽ được thuê để giúp ban QLDA/ban QLDA cấp tỉnh trong việc thực hiện các chương trình quản lý dịch hại tổng hợp bao gồm bảo đảm kết quả và hợp tác giữa các cơ quan, nông dân và các bên liên quan khác. Nhiệm vụ cho các chuyên gia tư vấn sẽ được thực hiện ở giai đoạn đầu thực hiện dự án.
- Bước 1: Thiết lập các yêu cầu cơ bản trong việc đăng ký các chương trình của nông dân. Bước này cần được thực hiện càng sớm càng tốt với câu hỏi phù hợp để thiết lập cơ sở vào năm 2013 cho việc sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu trong vùng dự án. Tham vấn với các cơ quan chủ chốt trong việc tiến hành đào tạo, đăng ký nông dân tham gia.

- Bước 2: Thiết lập các mục tiêu chương trình và chuẩn bị một kế hoạch làm việc. Dựa trên các kết quả từ các câu hỏi và tham khảo ý kiến ở Bước 1, kế hoạch làm việc và lịch trình sẽ được chuẩn bị, bao gồm cả ngân sách và đối tượng thực hiện. Kế hoạch làm việc sẽ được nộp cho Ban QLDA và sự chấp thuận của Ngân hàng Thế giới để xem xét và nhận xét.
- Bước 3: Thực hiện và đánh giá hàng năm. Sau khi phê duyệt các kế hoạch công tác, các hoạt động sẽ được thực hiện. Tiến độ thực hiện sẽ được bao gồm trong các báo cáo tiến độ dự án. Một báo cáo đánh giá hàng năm sẽ được thực hiện bởi ban QLDA với sự hỗ trợ của ban QLDA cấp tỉnh.
- Bước 4: Đánh giá tác động. Một nhà tư vấn độc lập sẽ được thuê để thực hiện việc đánh giá tác động. Điều này là để đánh giá hoạt động của dự án và để cung cấp những bài học. Ban QLDA sẽ thuê một nhà tư vấn quốc gia để thực hiện đánh giá tác động của chương trình quản lý dịch hại tổng hợp

5. Biện pháp có liên quan tại các tiểu dự án

Các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp sẽ được áp dụng trên cây trồng cụ thể ở các vùng, các địa phương triển khai thực hiện dự án thông qua các biện pháp sau đây:

- Phương pháp trồng trọt: Đất, vệ sinh đồng ruộng, luân canh, xen canh, mùa vụ, gieo sạ hợp lý và mật độ trồng, sử dụng hợp lý phân bón; các biện pháp chăm sóc thích hợp.
- Sử dụng hạt giống: hạt giống thuần chủng và các hạt giống được đề xuất sử dụng.
- Các biện pháp sinh học: lợi dụng các loài thiên địch có sẵn trong lĩnh vực này, bằng cách sử dụng chế phẩm sinh học
- Xác định mức độ độc hại và phòng chống.
- Biện pháp hóa học: sử dụng các loài thiên địch an toàn, ngưỡng kinh tế; sử dụng đúng thuốc.

Huấn luyện và đào tạo cán bộ quản lý dịch hại tổng hợp

Đào tạo giảng viên (TOT) và khuyến nông (FFS):

- Tiểu dự án có liên quan sẽ tổ chức hội thảo và đào tạo nhân viên của quản lý dịch hại tổng hợp. Các nội dung đào tạo bao gồm:
 - Phân biệt các loài gây hại chính và phụ.
 - Xác định những kẻ thù tự nhiên của sâu bệnh hại trong lĩnh vực này.
 - Điều tra các phương pháp để phát hiện sâu bệnh.
 - Hiểu được tác động của hai nhóm thuốc trừ sâu, sử dụng thuốc trừ sâu phù hợp.
 - Việc kiểm soát dịch hại theo các nguyên tắc kỹ thuật quản lý dịch hại tổng hợp
 - Kỹ thuật canh tác nâng cao.
- Sự hiểu biết phải được đào tạo lý thuyết và ứng dụng thực tế trong lĩnh vực này. Các nội dung trên có thể được đào tạo theo các nhóm chuyên đề: chuyên đề nông nghiệp, chuyên đề xác định và phát hiện phương pháp của sâu hại và thiên địch của chúng, các chuyên đề về kỹ thuật quản lý dịch hại tổng hợp trong sản xuất.

6. Thực hiện chương trình quản lý dịch hại tổng hợp

Hiện nay, Việt Nam đang thực hiện chương trình quản lý dịch hại tổng hợp quốc gia, vì vậy, các tiểu dự án cần phải có kế hoạch phối hợp và lồng ghép các chương trình quản lý dịch hại tổng hợp của dự án với các chương trình quản lý dịch hại tổng hợp quốc gia để thực hiện có hiệu quả hơn trong mỗi tiểu dự án.

- Ban QLDA cấp tỉnh:
 - Tham gia huấn luyện và đào tạo nhân viên trong quản lý dịch hại tổng hợp
 - Phối hợp với nhân viên để thực hiện huấn luyện và đào tạo những nông dân thực hiện quản lý dịch hại tổng hợp thông qua cách tiếp cận và cung cấp kiến thức, hỗ trợ cho nông dân về sử dụng an toàn thuốc trừ sâu khi cần thiết.
 - Hướng dẫn danh sách các loại thuốc trừ sâu bị cấm
 - Kiểm tra các cơ sở phân phối cung cấp các loại thuốc trừ sâu để đảm bảo việc cung cấp các loại thuốc trừ sâu an toàn cho nông dân
 - Tổ chức cho nông dân duy trì quản lý dịch hại tổng hợp thói quen được hình thành từ một khóa học đào tạo bởi tổ chức quản lý dịch hại tổng hợp hoặc nhóm nông dân với các cấp độ khác nhau của các tổ chức và cơ cấu, cùng với nhiều hoạt động (bao gồm cả việc lồng ghép các nội dung của gia súc, tín dụng, tiếp cận thị trường,...)
- Các hộ gia đình trong vùng dự án
 - Thực hiện chương trình quản lý dịch hại tổng hợp đã được đào tạo.
 - Các thành viên của câu lạc bộ quản lý dịch hại tổng hợp hỗ trợ nhau để phát triển các hoạt động nông nghiệp. Họ cũng đóng một vai trò trung tâm trong các nhiệm vụ của tổ chức cộng đồng chương trình quản lý dịch hại tổng hợp và quy hoạch nông nghiệp chung của xã và huyện.
- Tư vấn giám sát môi trường
 - Giám sát việc thực hiện các chương trình quản lý dịch hại tổng hợp của tiểu dự án.
 - Kiến nghị các biện pháp để nâng cao hiệu quả thực hiện các chương trình quản lý dịch hại tổng hợp của tiểu dự án.

7. Kinh phí thực hiện chương trình quản lý dịch hại tổng hợp

Ngân sách thực hiện kế hoạch QLMT & XH của các tiểu dự án sẽ cung cấp cho việc xúc tiến, bao gồm nâng cao nhận thức, đào tạo và đánh giá

8. Hướng dẫn bổ sung về IPM

8.1 Định mức phân bón cho một số cây lớn

a. Đối với lúa gieo sạ:

- Lượng phân bón là 1ha (8-10 tấn) phân chuồng, 250 kg urê, 500 kg supe lân, K clorua 150kg.
- Bón lót, tổng số phân chuồng, phân lân + 20% urê + 30% K.
- Bón thúc đẻ nhánh 60-70% urê + 20% K.

- Lưu ý: Các vụ xuân chỉ bón phân khi thời tiết không quá lạnh và phân bón nitơ giới hạn khi lúa trở bông để tránh rơi vào cuối của dịch hại cây trồng.

b. Đối với lúa cây

Lượng phân bón cho 1 ha: 4-5 kg phân hữu cơ bị phân hủy, 8-12 kg phân ure, 6-12 kg phân kali, supe lân Lâm Thao 15-25 kg. Phân bón cụ thể tùy thuộc vào giống lúa, tính chất của đất:

- Nâng cao năng suất giống lúa lai trồng trên đất cát, màu bạc
- Giống lúa thuần, đất giàu dinh dưỡng với một lượng phân bón tối thiểu.
- Đất cát, đất bạc màu, bón với tỷ lệ phân khoáng 1 N: 1 K₂O: 1 P₂O₅

Đất đầm lầy, ngập nước thường xuyên, thường có tính axit, giàu protein, thiếu thời gian, thiếu phân bón kali, vôi bột trước khi cấy 7-10 ngày và giảm phân đạm, tăng phospho, K,...

- Khuyến nghị về sản xuất: đối với đất giữ nước, tổng lượng phân chuồng bón lót, 30-40% protein + phosphate, Kali trước khi cấy bừa. Đất không giữ nước không bón lót phân bón có tính đạm để tránh lúa chết
- Bón tiếp khi cây lúa đã bén rễ (15-20 ngày sau khi cấy). Áp dụng 50-80% protein 20-40% + K, mực nước ngập 5cm.
- Tiếp tục bón lần 2: Khi lúa cứng, khoảng 1-4 đến 10-4 hàng năm, 10% phân đạm và kali khác. Chú ý đến màu sắc của lá, nếu lá màu xanh đậm, không áp dụng phân bón nitơ để tăng lượng K, vì vậy cho đến khi ra lúa trở bông, lá xanh là tốt, giữ đất luôn ẩm (đất mềm).
- Ngoài việc đảm bảo năng suất cao và ổn định cần phải kiểm soát tốt hơn một số sâu bệnh hại lúa như rầy nâu, sâu đục thân, bệnh khô vằn, bệnh đạo ôn, ...

Lưu ý: Chỉ bón phân và nitơ khi nhiệt độ ngoài trời lớn hơn 15⁰C.

c. Cây ngô lai:

- Lượng hạt giống cho 1 ha: 15 kg
- Phân hữu cơ: vùng đồng bằng tối thiểu đạt 4-5 tấn, các khu vực vùng cao 3-4 tấn trở lên.
- Urea: 300 kg
- Phosphate: 400-500 kg
- Phân bón kali: 150 kg

d. Cây ngô thuần:

- Lượng hạt giống cho 1 ha: 25 kg
- Phân hữu cơ: vùng đồng bằng tối thiểu đạt 4-5 tấn, các khu vực vùng cao 3 tấn trở lên.
- Urea: 200-250 kg
- Phosphate: 350-400 kg
- Phân bón Kali: 100-120 kg

(Nếu sử dụng phân bón các loại khác để áp dụng, phải được thực hiện để đảm bảo những quy định về số lượng theo 3 loại phân bón NPK)

8.2 Yêu cầu hướng dẫn kỹ thuật chuyên sâu

a) Cây lúa:

- Về hạt giống; trồng bằng các giống lúa lai mới, hạn chế sử dụng các giống lai cũ, đồng thời chỉ đạo gieo đúng thời vụ, độc canh trên cùng khu vực, do thời gian tăng trưởng dẫn đến đặc điểm khác nhau nên khó quản lý bệnh, kiểm soát nước và chăm sóc.
- Về kỹ thuật
 - Đối với gieo sạ: Tiếp tục áp dụng các khu vực gieo với điều kiện thuận lợi để đảm bảo nước tưới, đất bằng phẳng (có kèm theo các quy trình kỹ thuật).
 - Đối với cây lúa: một kỹ thuật mới được áp dụng là cấy mật độ cao 55-60 cụm/ m² để tiết kiệm hạt giống và rút ngắn thời gian đẻ nhánh, áp dụng đủ phân bón theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật.
 - Áp dụng tập trung từ khâu giống, tiết kiệm hạt giống, áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp, giảm thuốc trừ sâu thực vật để giảm chi phí đầu vào.

b) Cây ngô:

- Về hạt giống: vùng đồng bằng và vùng cao trồng một số giống ngô lai. Khu vực này không được canh tác ngô thuần, ngô năng suất cao. Ngô phải có nguồn gốc rõ ràng, giống có chất lượng tốt, các cơ quan chuyên ngành phải kiểm tra trước khi cung cấp cho nông dân.
- Kỹ thuật: Mật độ trồng 5,5-6 nghìn cây/ ha, chỉ có 1 cây/ lỗ, các huyện vùng cao ở mật độ từ 5,0-5,5 nghìn cây/ ha (1-2 cây/ hố), bón đủ phân bón hữu cơ và phân vô cơ, bón bổ sung sớm theo hướng dẫn.

Đề phù hợp với từng vùng khí hậu các xã trong huyện. Đề nghị Ủy ban nhân dân các xã lựa chọn cho 1-3 giống lúa, ngô áp dụng cho các khu vực của xã.

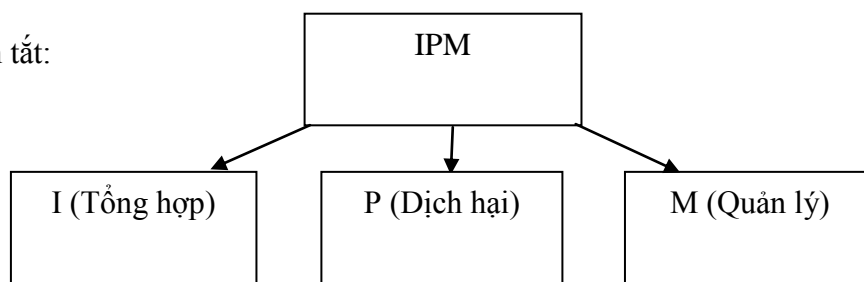
8.3 Quản lý dịch hại cho cây trồng lúa

a) Định nghĩa, nguyên tắc cơ bản của quản lý dịch hại tổng hợp

i) Quản lý dịch hại tổng hợp là gì?

Theo nhóm chuyên gia của Tổ chức liên hợp quốc về lương thực và nông nghiệp "Quản lý dịch hại tổng hợp" là một hệ thống quản lý dịch hại mà trong bối cảnh cụ thể của môi trường và sự gia tăng của các loài gây hại, sử dụng tất cả các kỹ thuật biện pháp phù hợp quản lý sâu bệnh để hạn chế thiệt hại kinh tế gây ra.

Tóm tắt:



Như vậy IPM là viết tắt của quản lý dịch hại tổng hợp

ii) Năm nguyên tắc cơ bản của quản lý dịch hại tổng hợp (IPM)

1. Trồng và chăm sóc cây trồng:

- Chọn giống tốt, phù hợp với điều kiện địa phương.
- Chọn cây khỏe mạnh và đủ điều kiện.
- Trồng, chăm sóc đúng kỹ thuật để phát triển cây trồng tốt có khả năng chịu và cho năng suất cao.

2. Kiểm tra các lĩnh vực thường xuyên, nắm được diễn biến của sự tăng trưởng và phát triển của cây trồng, sâu bệnh, thời tiết, đất, nước để có biện pháp khắc phục kịp thời.

3. Nông dân trở thành chuyên gia: kiến thức kỹ thuật của nông dân, kỹ năng quản lý cần phải vận động cho nhiều nông dân khác.

4. Phòng trừ sâu bệnh

- Sử dụng các biện pháp phòng ngừa thích hợp, tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của bệnh, thiên địch ký sinh trong từng giai đoạn.
- Sử dụng thuốc hoá học hợp lý và đúng đắn.

5. Bảo vệ thiên địch: Bảo vệ các sinh vật có lợi giúp nông dân diệt sâu bệnh.

b) Nội dung quản lý dịch hại tổng hợp

i) Phương pháp canh tác

1. Làm đất sớm và vệ sinh môi trường

- Làm đất và vệ sinh môi trường ngay sau khi trồng để phòng chống sâu bướm và sâu đục thân, không để nơi cư trú và nguồn thức ăn cho rầy nâu, rầy xanh ...
- Bệnh nguy hiểm của cây lúa như vàng lá, bệnh đạo ôn,
- Nguyên tắc tác động của các biện pháp vệ sinh môi trường và xử lý tàn dư cây trồng sau khi thu hoạch là làm gián đoạn chu kỳ sinh sản của sâu bệnh từ cây trồng sang cây trồng khác, sâu bệnh bị hạn chế lây lan rộng và tích lũy ở đầu vụ

2. Luân canh: trồng xen lúa với các cây trồng khác để tránh tích tụ mầm bệnh trên lúa từ cây trồng khác.

3. Gieo trồng thích hợp

Trồng lúa để đảm bảo tăng trưởng và phát triển tốt, đạt năng suất cao, tránh được nguy cơ của thời tiết. Việc xác định phải dựa vào các đặc điểm của sâu bệnh phát sinh để đảm bảo phòng tránh dịch bệnh tối đa.

4. Sử dụng hạt giống khỏe mạnh, kháng sâu bệnh

- Hạt giống khỏe mạnh, kháng sâu bệnh giúp tạo điều kiện cho cây lúa phát triển.
- Sử dụng hạt giống lúa kháng bệnh tốt để giảm sử dụng thuốc trừ sâu, giảm thiểu ô nhiễm, bảo vệ thiên địch; giữ gìn hệ sinh thái nông nghiệp.
- Giống lúa với thời kỳ sinh trưởng ngắn khoảng 100-110 ngày có thể tránh được sâu đục thân. Giống lúa ngắn ngày (80-90 ngày) là biện pháp phòng chống rầy nâu hiệu quả. Thời gian ngắn không đủ cho rầy nâu sinh trưởng và phát triển.

5. Mật độ trồng hợp lý

- Mật độ và kỹ thuật gieo, tùy thuộc vào các giống lúa cấy, cây trồng, đất và dinh dưỡng, chất lượng cây lúa, quá trình thâm canh nông nghiệp.
- Mật độ quá dày hoặc quá ít sẽ ảnh hưởng đến năng suất, trong khi cũng ảnh hưởng đến các thể hệ và phát triển của sâu bệnh, cỏ dại.
- Các cánh đồng lúa thường được gieo quá dày gây ra độ ẩm cao, tạo điều kiện cho bệnh khô vằn và rầy nâu phát sinh ở cuối vụ.

6. Sử dụng phân bón hợp lý

Bón phân bón quá mức hoặc không hợp lý sẽ làm cho cây phát triển không bình thường và dễ bị sâu bệnh. Khi lúa thụ phấn dễ bị nhiễm bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn, bạc lá.

ii) Phương pháp thủ công

Bẫy đèn bắt bướm, phá ổ trứng, chà xước lá, làm hàng rào, đào đất để bắt chuột.

iii) Phương pháp sinh học

1. Tạo ra một môi trường thuận lợi cho sinh vật có lợi là kẻ thù tự nhiên của sâu bệnh phát triển để đóng góp để diệt sâu bệnh:

- Bảo vệ thiên địch để tránh hóa chất độc hại bằng cách sử dụng các loại thuốc chọn lọc, các loại thuốc phổ hẹp, chỉ dùng thuốc khi thật cần thiết và phải dựa vào điều kiện kinh tế ...
- Tạo môi trường sống cho các loài thiên địch sau khi trồng bằng cách trồng xen, trồng cây họ đậu, phá vỡ môi trường sống của các loài kẻ thù tự nhiên ...
- Áp dụng các kỹ thuật canh tác thuận lợi cho phát triển thiên địch.

2. Các loại thuốc sinh học ưu tiên sử dụng để bảo vệ thực vật

Các loại thuốc kiểm soát dịch hại sinh học có hiệu quả, không độc hại cho sinh vật có lợi, an toàn cho sức khỏe con người và môi trường

9. Xử lý mối

- Tên của hoá chất được sử dụng: Metavina 10DP. Chế phẩm này có khả năng diệt mối theo con đường tiếp xúc và lây nhiễm.
- Quy trình khảo sát, thăm dò, xử lý tổ mối và ẩn họa cho đập đất



- Quy trình thi công xử lý tổ mối cho đập đất

Khoan tạo lỗ guồng xoắn và phụt thuốc diệt mối vào tổ mối theo lỗ khoan sau đó phụt sét bịt các lỗ rỗng do mối tạo nên trong nền đập để bảo vệ môi trường xung quanh và xử lý triệt để các ẩn họa do mối đã gây ra. Biện pháp này không gây hại đến môi trường nhưng đòi hỏi đơn vị thi công phải có thiết bị chuyên dụng, chuyên ngành và kinh nghiệm thi công xử lý mối cho công trình thủy lợi. Các bước tiến hành thi công xử lý tổ mối như sau:



- Yêu cầu về bảo hộ lao động/an toàn đối với công nhân

Đối với công tác xử lý mối, các tác động có thể xảy ra như tai nạn ảnh hưởng đến tính mạng của công nhân do đổ máy khoan, máy khoan phụt thuốc, máy kéo, máy phụt sét do di chuyển trên mái trên mái nghiêng của đập. Do vậy, cần phải thực hiện các yêu cầu về bảo hộ lao động/an toàn đối với công nhân như sau:

- Khi thi công phải thực hiện vận hành thiết bị theo đúng quy trình để đảm bảo an toàn
- Phải kiểm tra tình trạng máy móc thiết bị, phương tiện phục vụ thi công trước khi vận hành. Những người không có trách nhiệm, chưa được học tập quy trình kỹ thuật vận hành, chưa được giao nhiệm vụ thi công thì không được tùy tiện vận hành sửa chữa máy móc thiết bị thi công.

- Cán bộ, công nhân phải có trang bị đầy đủ bảo hộ lao động quần áo giày, mũ bảo hộ, băng tên
- Đường điện, nước phục vụ thi công phải bố trí gọn gàng không gây trở ngại cho người, xe cộ và các phương tiện phục vụ thi công trên công trường.

10. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm ở Việt Nam (tên chung- tên thương mại)

a) Thuốc trừ sâu, chất bảo quản thực vật	
1	Aldrin (Aldrex, Aldrite)
2	BHC, Lindane (Gamma - BHC, Gamma - HCH, Gamatox 15 EC, 20 EC, Lindafor, Carbadan 4/4G Sevidol 4/4G)
3	Cadmium compound (Cd)
4	Chlordance (Chlorotox, Octachlor, Pentichlor)
5	DDT (Neocid, Pentachlorin, Chlorophenothane)
6	Diieldrin (Diieldrex, Diieldrite, Octalox ...)
7	Eldrin (Hexadrin)
8	Heptachlor (Drimex, Heptamul, Heptox)
9	Isobenzen
10	Isodrin
11	Lead compound (Pb)
12	Methamidophos: (Dynamite 50 SC, Filitox 70 SC, Master 50 EC, 70 SC, Monitor 50 EC, 60 SC, Isometha 50 DD, 60 DD, Isosuper 70 DD, Tamaron 50 EC)
13	Methyl Parathion (Danacap M25, M40; Folidol - M50 EC; Isomethyl 50 ND; Metaphos 40 EC, 50 EC; (Methyl Parathion) 20 EC, 40 EC, 50 EC; Milion 50 EC; Proteon 50 EC; Romethyl 50 ND; Wofator 50 EC)
14	Monocrotophos: (Apadrin 50SL, Magic 50 SL, Nuvacron 40 SCW/DD, 50 SCW/DD, Thunder 515 DD)
15	Parathion Ethyl (Alkexon, Orthophos, Thiopphos)
16	Sodium Pentachlorophenate monohydrate (Copas NAP 90 G, PDM ₄ 90 powder, P-NaF 90, PBB 100 powder)
17	Pentachlorophenol (CMM 7 liquid oil, Oil eradicate termites M-4 1.2 liquid)
18	Phosphamidon (Dimeccron 50 SWC/DD)
19	Polychlorocamphene (Toxaphene, Camphechlor)
20	Stroban (Polychlorinate of camphene)
b) Thuốc diệt nấm cho cây trồng	
1	Arsenic compound (As) except Dinasin
2	Captan (Captane 75 WP, Merpan 75 WP)
3	Captafol (Difolatal 80 WP, Folcid 80 WP)
4	Hexachlorobenzene (Anticaric, HCB)
5	Mercury compound (Hg)
6	Selenium compound (Se)
c) Thuốc diệt chuột	

1	Talium compound (TI);
2	2.4.5 T (Brochtox, Decamine, Veon)

PHỤ LỤC - I: KHUNG CHÍNH SÁCH, THỂ CHẾ VÀ CÁC QUI ĐỊNH

1. Các chính sách và pháp luật về an toàn Môi trường và Xã hội của Quốc gia

1.1 Môi trường

i) Khung pháp lý liên quan đến đánh giá tác động môi trường bao gồm:

- Luật Bảo vệ Môi trường (2014) số 55/2014/QH13 quy định các vấn đề liên quan đến đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường đối với các hoạt động phát triển. Việc báo cáo đánh giá tác động môi trường được tiến hành đồng thời với quá trình lập dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi).
- Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 25/8/2014 của TT Chính phủ về thực hiện Luật Bảo vệ môi trường
- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ban hành ngày 14/02/2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường
- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường
- Thông tư số 01/2012TT-BTNMT ngày 16 tháng 3 năm 2012 Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản
- Thông tư số 16/2009/TT-BTNMT ngày 07/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường, chất lượng không khí và một số chất độc hại trong môi trường không khí xung quanh
- Quyết định số 22/2006/QĐ-BTNMT ngày 25/12/2006 của Bộ Tài Nguyên & Môi trường về việc bắt buộc áp dụng Tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường.

ii) Khung pháp lý liên quan đến sử dụng quản lý xây dựng các dự án đầu tư

- Luật Xây dựng Số 50/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 18/08/2014.
- Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 về Quản lý chất lượng công trình xây dựng.
- Nghị định số 207/2013/NĐ-CP ban hành ngày 11/12/2013 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng
- Nghị định số No.12/2009/ND-CP ngày 10/02/2009 về quản lý các dự án xây dựng và đầu tư

iii) Khung pháp lý liên quan đến khai thác tổng hợp tài nguyên nước, di sản văn hóa, và đa dạng sinh học

- Luật Tài nguyên nước được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21/06/2012
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP, ngày 11/05/2012 của Chính Phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

- Thông tư số 30/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn việc xây dựng phương án sử dụng lớp đất mặt và bù bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị mất do chuyển mục đích sử dụng
- Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20/10/2008 của Chính Phủ về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy điện, thủy lợi
- Pháp lệnh bảo vệ và khai thác các công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/04/2001
- Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/07/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước
- Luật Di sản văn hóa số No.28/2001/QH10 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 12/07/2001. Điều 13 - Nghiêm cấm các hành vi sau đây: Chiếm đoạt, làm sai lệch di sản văn hoá; Huỷ hoại hoặc gây nguy cơ huỷ hoại di sản văn hoá; Đào bới trái phép địa điểm khảo cổ; xây dựng trái phép, lấn chiếm đất đai thuộc di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh.
- Luật Đa dạng sinh học số No.28/2008/QH12 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 13/01/2008. Chương III- Bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên, và Chương IV- Bảo tồn và phát triển các loài sinh vật.
- Thông tư số 24/2013/TT/BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

iv) Các tiêu chuẩn và quy chuẩn Việt Nam liên quan đến bảo vệ môi trường

Môi trường nước:

- QCVN 01:2009/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước uống
- QCVN 02:2009/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt
- QCVN 08:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt
- QCVN 09:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ngầm
- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt
- QCVN 39:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước tưới tiêu

Môi trường không khí:

- QCVN 05:2008/BTNMT: Chất lượng không khí- Tiêu chuẩn chất lượng không khí xung quanh
- QCVN 06:2008/BTNMT: Chất lượng không khí- nồng độ tối đa cho phép các chất độc hại trong không khí xung quanh
- QCVN 07:2008/BTNMT: Chất lượng không khí- ngưỡng của các chất độc hại trong không khí
- TCVN 6438:2001: Xe lưu hành trên đường – giới hạn phát thải tối đa được phép của khí thải.

Môi trường đất

- QCVN 03:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của các

kim loại nặng trong đất

- QCVN 43:2012/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích

Quản lý chất thải rắn

- TCVN 6696:2009: chất thải rắn-chôn lấp vệ sinh. Yêu cầu chung về bảo vệ môi trường
- QCVN 07:2009: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để phân loại chất thải nguy hại.

Độ rung và tiếng ồn

- QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (thay thế TCVN 6962:2001-rung động do các công trình xây dựng và nhà máy- mức cho phép tối đa trong môi trường của khu vực công cộng và dân cư
- QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (thay thế TCVN 5948:1999 Âm học-Tiếng ồn do phương tiện vận chuyển khi tăng tốc – mức cho phép)

Sức khỏe và an toàn lao động

- Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 10/10/2002 về các ứng dụng của 21 tiêu chuẩn sức khỏe và an toàn lao động liên quan đến vi khí hậu, tiếng ồn, độ rung, hóa chất – ngưỡng cho phép trong môi trường làm việc.

1.2 Chính sách an toàn đập

(Phần này có tài liệu riêng gọi là khung chính sách an toàn đập. Dưới đây là các văn bản liên quan đến chính sách an toàn đập của Việt Nam)

- Thông tư số: 34/2010/TT-BCT của Bộ Công thương ngày 07 tháng 10 năm 2010 qui định về quản lý an toàn đập của công trình thủy điện
- Nghị định số 72 /NĐ-CP ngày 07/05/2007 của Chính phủ về quản lý an toàn đập.
- Văn bản số 1852/BNN-TCTL ngày 10/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hỗ trợ kinh phí sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ chứa nước;

1.3 Thu hồi đất, bồi thường và tái định cư

Phần này có tài liệu riêng. Tham khảo thêm Khung chính sách Tái định cư để có thêm thông tin chi tiết. Một số nguyên tắc của khung chính sách Tái định cư như sau:

Theo Điểm 2 Điều 87. Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các trường hợp đặc biệt Luật đất đai 45/2013/QH13 quy định:” Đối với dự án sử dụng vốn vay của các tổ chức quốc tế, nước ngoài mà Nhà nước Việt Nam có cam kết về khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì thực hiện theo khung chính sách đó”.

Việc lập Khung chính sách Tái định cư cho dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (DRASIP/WB8) sẽ hài hòa chính sách OP/BP 4.12 của Ngân hàng Thế giới (NHTG) và các văn bản pháp luật, các quy định của Chính phủ Việt Nam, các nghị định, qui định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Mục tiêu cơ bản của Khung chính sách Tái định cư nhằm đảm bảo tất cả những người bị ảnh hưởng bởi dự án (BAH) sẽ được bồi thường, hỗ trợ cho những tổn thất của họ bằng các chi phí thay thế và đưa ra những biện pháp phục hồi cuộc sống

để giúp họ cải thiện, hoặc tối thiểu là duy trì điều kiện sống và khả năng tạo thu nhập như trước khi có dự án. Khung Chính sách TĐC đưa ra cơ sở cho việc chuẩn bị, xem xét và phê duyệt các kế hoạch hành động tái định cư (RAPs) cho các tiểu dự án thuộc dự án. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu có (i) tác động thu hồi đất, tạm thời hoặc vĩnh viễn; (ii) tác động đến khả năng lấy nước tưới do cắt nước khi thi công và (iii) ảnh hưởng ngập lụt tại thượng lưu do tích nước thì phải lập Kế hoạch hành động tái định cư cho tiểu dự án đó, phù hợp với Khung chính sách tái định cư. Khung chính sách TĐC sẽ được đệ trình cho NHTG có ý kiến không phản đối hoặc phê duyệt trước khi phê chuẩn quyết định tài trợ vốn (OP 4.12. đoạn 29). Khung Chính sách TĐC sẽ được công bố bằng tiếng Việt trên website của dự án và ở khu vực tiểu dự án cho các cộng đồng bị ảnh hưởng. Bản tiếng Anh của Khung chính sách TĐC sẽ được công khai tại InfoShop của NHTG trước khi thẩm định dự án.

Khung Chính sách Tái định cư được soạn thảo dựa trên các kết quả (1) Báo cáo nghiên cứu khả thi; (2) Báo cáo đánh giá tác động xã hội; (3) chính sách, pháp luật của Việt Nam và chính sách của nhà tài trợ về tái định cư; và (4) Kết quả tham vấn các bên liên quan: chính quyền địa phương và cộng đồng chịu tác động tái định cư bởi dự án trong tháng 3 năm 2015, với sự tham gia của: (i) đại diện cấp tỉnh là cán bộ thuộc các Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính, Ban bồi thường GPMB, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, đại diện các chi cục Thủy lợi, chi cục quản lý môi trường; (ii) đại diện lãnh đạo các huyện, Thành phố và đại diện các phòng chức năng, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện, thành phố thuộc khu vực dự án (các tỉnh có TDA năm đầu); và (iii) tại cấp phường/xã bị ảnh hưởng, các cuộc tham vấn/phỏng vấn trực tiếp với các cộng đồng dân cư và những người bị ảnh hưởng bởi dự án và (4) tổng hợp thông tin từ kết quả sàng lọc tác động xã hội, đánh giá tác động xã hội liên quan đến các thiệt hại về đất đai, tài sản, cây cối hoa màu bị tác động bởi dự án. Trong giai đoạn thực hiện Dự án, các số liệu sẽ được cập nhật đầy đủ (sau khi thực hiện kiểm đếm chi tiết/DMS), phù hợp để phục vụ thực hiện các Kế hoạch hành động tái định cư đáp ứng các yêu cầu mục tiêu, chính sách của Dự án.

1.3 Người dân bản địa/Nhóm dân tộc thiểu số

(Phần này có báo cáo riêng –EMDF: Khung chính sách phát triển dân tộc thiểu số. Phần dưới đây chỉ đưa ra các thông tin chung và tóm lược)

Mục tiêu của EMPF

Chính sách hoạt động 4.10 của Ngân hàng yêu cầu khi dự án có liên quan đến việc chuẩn bị và thực hiện các chương trình đầu tư hàng năm hay rất nhiều các tiểu dự án, song sự xuất hiện của dân tộc thiểu số tại vùng tiểu dự án sẽ không được xác định cho đến khi các chương trình/tiểu dự án được nhận biết trong quá trình thực hiện dự án, chủ dự án sẽ phải chuẩn bị một Khung chính sách cho người dân tộc thiểu số. EMPF cung cấp các chỉ dẫn làm thế nào để chuẩn bị một EMDP cho một chương trình/tiểu dự án. Trên cơ sở tham vấn với người DTTS bị ảnh hưởng trong vùng tiểu dự án, EMPF giúp đảm bảo rằng:

- Những người DTTS bị ảnh hưởng nhận được lợi ích về kinh tế - xã hội phù hợp với văn hóa của họ
- Khi ở đó xuất hiện tác động tiêu cực tiềm năng đối với người DTTS, những yếu tố đó cần được xác định, phòng tránh, giảm thiểu hoặc đền bù.

EMPF được chuẩn bị bởi MARD phù hợp với OP 4.10 của Ngân hàng Thế giới. Nó được phát triển dựa trên: (a) báo cáo đánh giá tác động xã hội (được thực hiện trong quá trình chuẩn bị dự

án); (b) các hoạt động tham vấn được thực hiện bởi MARD với các bên liên quan tới dự án và người DTTS đang sinh sống tại khu vực dự án.

EMPF sẽ được áp dụng cho tất cả các tiểu dự án/ hợp phần được đầu tư trong quá trình thực hiện dự án DRSIP.

Khung pháp lý và chính sách

Khung pháp lý và chính sách này nhằm đảm bảo rằng người dân tộc thiểu số bị tác động (tương đương với những người dễ bị tổn thương được xác định ở OP 4.10 của Ngân hàng) có cơ hội chia sẻ lợi nhuận từ dự án một cách công bằng và họ được tham vấn tự do, tham vấn trước và tham vấn phổ biến thông tin về dự án nhằm đảm bảo quyền tiếp cận cộng đồng rộng rãi và hỗ trợ thành công của dự án và bất kỳ một yếu tố tác động tiêu cực nào cũng phải được giảm thiểu tối đa, khung này được áp dụng cho tất cả các tiểu dự án. Nó hướng dẫn cách thức nghiên cứu sơ bộ về các dân tộc thiểu số, đánh giá tác động xã hội và xác định các biện pháp giảm thiểu được áp dụng có thể được tính đến trong quá trình tư vấn, giải quyết khiếu nại, vấn đề nhạy cảm về giới, và quản lý.

Xét về việc tư vấn và tham gia của người DTTS, khi các tiểu dự án có ảnh hưởng tới người DTTS thì những người DTTS bị tác động cần phải được tham vấn tự do, tham vấn trước và tham vấn phổ biến thông tin đầy đủ, rõ ràng nhằm đảm bảo:

- (a) Người DTTS và cộng đồng nơi họ đang sinh hoạt được tư vấn tại mỗi giai đoạn chuẩn bị và thực hiện của tiểu dự án;
- (b) Các biện pháp tư vấn phù hợp về mặt xã hội và văn hóa được áp dụng khi tư vấn cho các cộng đồng người DTTS. Trong quá trình tư vấn, đặc biệt chú ý tới các vấn đề có liên quan tới phụ nữ, thanh niên người DTTS và cách để họ tham gia vào những cơ hội và lợi ích phát triển của dự án; và
- (c) Những người DTTS bị tác động và cộng đồng của họ được thông tin một cách dễ hiểu và phù hợp với văn hóa của họ ở mỗi giai đoạn chuẩn bị và thực hiện của dự án, và những thông tin có liên quan tới dự án (bao gồm thông tin về những tác động tiêu cực tiềm tàng mà dự án có thể ảnh hưởng đến họ).

Trong trường hợp cần thiết, một người địa phương (cùng nhóm DTTS hiểu biết, sử dụng ngôn ngữ) sẽ được mời tham gia phiên dịch để thúc đẩy việc trao đổi thông tin giữa các dân tộc thiểu số và các chuyên gia tư vấn.

Các chính sách liên quan đến dân tộc thiểu số

- Thông tư liên tịch số 05/2013-TTLT-UBDT-NNPTNT-KHĐT-TC-XD ngày 18/11/2013 hướng dẫn Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất cho xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, thôn, bản đặc biệt khó khăn.
- Quyết định 54/2012-QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 4/12/2012 về Ban hành chính sách cho vay vốn phát triển đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012-2015.
- Nghị định số 84/2012/NĐ-CP ngày 12/10/2012 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban dân tộc.
- Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BTP-UBDT ngày 17/1/2012 của Bộ Tư pháp và Ủy ban dân tộc về việc hướng dẫn trợ giúp pháp lý đối với người dân tộc thiểu số.

- Nghị định số 82/2010/ND-CP ngày 20/7/2010 của chính phủ về dạy và học tiếng dân tộc ở các trường học.
- Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/08/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn.
- Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của chính phủ ngày 27/12/2008 về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo nhất.
- Thông tư 06 ngày 20/9/2007 của Ủy ban dân tộc hướng dẫn về việc hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện sinh kế của người dân, hỗ trợ kỹ thuật để nâng cao kiến thức về luật theo quyết định 112/2007/QĐ-TTg.
- Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND ngày 06/9/2007 của Ủy ban dân tộc chấp thuận ba vùng dân tộc thiểu số và khu vực miền núi dựa trên tình trạng phát triển.
- Quyết định số 01/2007/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 của Ủy ban dân tộc về việc công nhận các xã, huyện ở các khu vực miền núi.
- Quyết định số 06/2007/QĐ-UBND ngày 12/1/2007 của Ủy ban dân tộc về chiến lược truyền thông cho chương trình 135-giai đoạn 2

2. Chính sách an toàn của Ngân hàng Thế giới

10 chính sách của Ngân hàng thế giới về môi trường, xã hội và pháp lý như sau:

- **Chính sách môi trường:**

- OP/BP 4.01 Đánh giá môi trường
- OP/BP 4.04 Môi trường sinh sống tự nhiên
- OP/BP 4.09 Quản lý dịch hại
- OP/BP 4.11 Tài nguyên vật lý văn hóa
- OP/BP 4.36 Rừng
- OP/BP 4.37 An toàn Đập

- **Chính sách xã hội**

- OP/BP 4.10 Người bản địa
- OP/BP 4.12 Tái định cư không tự nguyện

- **Chính sách pháp lý**

- OP/BP 7.50 Dự án Đường thủy Quốc tế
- OP/BP 7.60 Khu vực tranh chấp

Ngoài việc này, Nhóm Ngân hàng Thế giới (WBG) cũng đưa ra hướng dẫn về sức khỏe, an toàn, môi trường (EHS) để bảo vệ và giám sát môi trường. Bên cạnh đó, các chính sách về tiếp cận thông tin của Ngân hàng Thế giới cũng được kích hoạt. Các chính sách an toàn của NHTG được đưa ra dưới đây:

OP/BP 4.01 Đánh giá môi trường

- Chính sách này được coi là các chính sách an toàn xuyên suốt trong quá trình xác định,

phòng tránh tránh và giảm thiểu các tác động tiêu cực tiềm tàng đến môi trường và xã hội liên quan đến hoạt động cho vay của Ngân hàng. Trong hoạt động của Ngân hàng Thế giới, mục đích đánh giá môi trường là để cải thiện việc ra quyết định, đảm bảo rằng các tùy chọn dự án đang được xem xét và mang tính bền vững và những người có khả năng bị ảnh hưởng phải được tham vấn. Bên vay có trách nhiệm thực hiện các đánh giá môi trường (ĐM) và Ngân hàng tư vấn cho khách hàng vay theo yêu cầu của Ngân hàng.

OP/BP 4.04 Môi trường sống tự nhiên

Việc bảo tồn môi trường sống tự nhiên là điều cần thiết cho sự phát triển bền vững lâu dài. Do đó, Ngân hàng hỗ trợ việc bảo vệ, bảo tồn và cải tạo môi trường sống tự nhiên và chức năng của chúng trong nền kinh tế, lĩnh vực tài trợ dự án và chính sách đối thoại. Ngân hàng hỗ trợ và hy vọng bên vay áp dụng, đề xuất cách tiếp cận để phòng ngừa, quản lý tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo cơ hội cho sự phát triển bền vững với môi trường. Ngân hàng không hỗ trợ các dự án có liên quan đến việc chuyển đổi đáng kể hoặc suy thoái của môi trường sống tự nhiên quan trọng.

OP/BP 4.09 Quản lý dịch hại

Mục đích của chính sách quản lý dịch hại là để giảm thiểu và quản lý rủi ro môi trường và sức khỏe liên quan với việc sử dụng thuốc trừ sâu, thúc đẩy, hỗ trợ quản lý dịch hại an toàn, hiệu quả và thân thiện với môi trường. Việc mua sắm thuốc trừ sâu trong một dự án do Ngân hàng tài trợ phải được đánh giá về tính chất và mức độ rủi ro liên quan, có tính đến việc đề xuất và dự định áp dụng. Để quản lý sâu bệnh ảnh hưởng đến một trong hai lĩnh vực nông nghiệp hoặc y tế công cộng, Ngân hàng hỗ trợ một chiến lược nhằm thúc đẩy việc sử dụng các phương pháp kiểm soát sinh học và giảm sự phụ thuộc vào thuốc trừ sâu hóa học. Trong các dự án của Ngân hàng tài trợ, bên vay giải quyết các vấn đề quản lý dịch hại phù hợp với bối cảnh đánh giá môi trường của dự án. Trong quá trình thẩm định một dự án có liên quan đến việc quản lý dịch hại, Ngân hàng sẽ đánh giá năng lực, khuôn khổ pháp lý và thể chế của bên vay để thúc đẩy và hỗ trợ chương trình quản lý dịch hại an toàn, hiệu quả và thân thiện môi trường.

OP/BP 4.11 Tài nguyên văn hóa vật thể

Nguồn tài nguyên văn hóa vật thể được định nghĩa là bất động sản hay các đối tượng, các khu vực, các cấu trúc, các nhóm cấu trúc và đặc điểm tự nhiên và cảnh quan khu vực có khảo cổ học, cổ sinh vật học, lịch sử, kiến trúc, tôn giáo, thẩm mỹ hoặc ý nghĩa văn hóa khác. Quan tâm văn hóa không chỉ là mối quan tâm của địa phương, mà còn là mối quan tâm của các tổ chức cấp tỉnh, cấp quốc gia, hoặc cộng đồng quốc tế. Tài nguyên văn hóa vật thể là rất quan trọng, nó cung cấp nguồn thông tin khoa học và lịch sử có giá trị, là tài sản cho phát triển kinh tế và xã hội và là một bộ phận không thể tách rời của bản sắc dân tộc và văn hóa của con người. Ngân hàng hỗ trợ các nước phòng tránh hoặc giảm thiểu những tác động bất lợi về tài nguyên văn hóa vật thể từ các dự án mà NHTG tài trợ. Các tác động về tài nguyên văn hóa vật thể phát sinh từ các hoạt động của dự án, bao gồm cả các biện pháp giảm thiểu không trái với luật pháp quốc gia hoặc của bên vay, hoặc nghĩa vụ theo các điều ước quốc tế về môi trường và các thỏa thuận. Bên vay giải quyết tác động đến nguồn văn hóa vật thể trong các dự án đề xuất như là một phần không thể thiếu của quá trình đánh giá môi trường (ĐM).

OP/BP 4.36 Rừng

Rừng được định nghĩa là một vùng đất không nhỏ hơn 1,0 ha với độ che phủ tán cây tương

đương với hơn 10 phần trăm số cây có tiềm năng đạt được chiều cao tối thiểu 2 mét lúc trưởng thành. Một khu rừng có thể bao gồm các thành phần rừng kín, có các tầng khác nhau và rậm rạp, hoặc rừng thưa. Định nghĩa về rừng còn bao gồm rừng sản xuất, bảo vệ hoặc bảo tồn, cho dù chính thức được công nhận hay không.

Định nghĩa về rừng không bao gồm các khu vực sử dụng đất khác như nông nghiệp, khu chăn thả gia súc hoặc các khu định cư. Ở các nước có độ che phủ rừng thấp, định nghĩa có thể được thay đổi, độ bao phủ có thể nhỏ hơn 10 phần trăm mật độ cây, nhưng vẫn được coi là rừng theo điều kiện địa phương. Chính sách rừng của Ngân hàng cho thấy tầm quan trọng của rừng để giảm nghèo một cách bền vững, có hiệu quả trong phát triển kinh tế, giảm nạn phá rừng, đẩy mạnh trồng rừng và cải thiện môi trường ở các khu vực có rừng. Ngân hàng hỗ trợ bên vay trong việc thành lập và quản lý bền vững rừng trồng bảo vệ môi trường, công ích xã hội, cải thiện kinh tế đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng đối với hàng hóa và dịch vụ từ rừng.

OP/BP 4.37 An toàn đập

Các hoạt động đảm bảo an toàn của các đập có liên quan đến việc phát triển kinh tế xã hội và môi trường. Khi Ngân hàng Thế giới tài trợ để xây dựng đập mới, Chính sách về an toàn đập đề xuất dựa trên ý kiến của các chuyên gia giàu kinh nghiệm và có trách nhiệm trong việc thiết kế và giám sát thi công, bên vay thông qua các biện pháp an toàn đập và thực hiện trong suốt một chu kỳ của dự án. Chính sách này cũng được áp dụng đối với công tác phục hồi và nâng cao an toàn các đập hiện có, nơi mà ảnh hưởng đến hiệu suất của một dự án. Trong trường hợp này, việc đánh giá an toàn đập nên được thực hiện và các biện pháp an toàn đập bổ sung cần phải đề xuất. Chính sách OP 4.37 khuyến cáo, trong một điều kiện thích hợp, nhân viên Ngân hàng sẽ thảo luận với khách hàng các biện pháp cần thiết để tăng cường khuôn khổ thể chế, luật pháp và quy định cho các chương trình an toàn đập của nước đó.

Ngân hàng phân biệt giữa những con đập nhỏ và lớn:

- (a) Đập nhỏ thường thấp hơn 15 mét. Loại này bao gồm, ví dụ: Hồ nước cho trang trại, đập giữ phù sa địa phương, các bể kè thấp; và
- (b) Các đập lớn là các đập có chiều cao bằng hoặc lớn hơn 15 mét. Các con đập có chiều cao nằm giữa 10 đến 15 mét chiều cao được coi là đập lớn nếu nó thể hiện sự phức tạp trong thiết kế, ví dụ: yêu cầu xử lý lũ lớn bất thường, nằm trong khu vực có nguy cơ bị động đất cao, chân đập có cấu trúc phức tạp và khó khăn để chuẩn bị hoặc lưu giữ các vật liệu độc hại. Đập thấp dưới 10 mét được coi là đập lớn nếu trong quá trình sửa chữa nâng cấp dự kiến nó sẽ trở thành đập lớn.

Đối với đập nhỏ, các biện pháp an toàn đập chủ yếu dựa vào thiết kế bởi các kỹ sư có trình độ. Đối với đập lớn, Ngân hàng yêu cầu:

- (a) Được rà soát bởi một ban độc lập các chuyên gia (Ban) về các cuộc điều tra, thiết kế và xây dựng và giai đoạn bắt đầu hoạt động
- (b) Chuẩn bị và thực hiện các kế hoạch chi tiết: kế hoạch giám sát thi công và đảm bảo chất lượng, kế hoạch cung cấp các thiết bị đo đạc, kế hoạch hoạt động và bảo trì, kế hoạch ứng phó khẩn cấp
- (c) Việc sơ tuyển nhà thầu trong quá trình đấu thầu và hồ sơ đấu thầu; và
- (d) Kiểm tra an toàn định kỳ tính năng của đập sau khi hoàn thành.

Hội đồng chuyên gia gồm có ít nhất là 3 chuyên gia hoặc nhiều hơn, Đối với khách hàng, Ngân hàng chấp nhận bổ nhiệm các chuyên gia với chuyên môn tương ứng với các điều kiện hiện tại của bên vay và có liên quan đến sự an toàn của một con đập cụ thể. Mục đích chính của Hội đồng là xem xét và tư vấn cho khách hàng vay về các vấn đề liên quan đến an toàn đập và các khía cạnh quan trọng khác nữa như cấu trúc đặc trưng, diện tích lưu vực, các khu vực xung quanh hồ và các khu vực hạ lưu. Tuy nhiên, bên vay thường bổ sung thêm thành phần và các điều khoản tham chiếu không nằm trong công tác đảm bảo an toàn đập để triển khai các lĩnh vực khác như xây dựng dự án; thiết kế kỹ thuật; quy trình thi công, các công trình như thiết bị điện, dẫn dòng trong xây dựng, âu chuyển tàu, đường đi của cá. Ngay từ khi có ý tưởng về dự án, bên vay sắp xếp các cuộc hội thảo định kỳ với hội đồng và đánh giá, song song với việc tiếp tục điều tra, thiết kế, xây dựng và bắt đầu lên kế hoạch cho các giai đoạn đối với công tác sửa chữa, nâng cao an toàn đập.

Bên vay được ngân hàng thông báo trước về các cuộc họp của hội đồng và Ngân hàng thường gửi các quan sát viên đến các cuộc họp này. Sau mỗi cuộc họp, Hội đồng sẽ cung cấp một báo cáo bằng văn bản các kết luận và khuyến nghị của mình cho khách hàng, có chữ ký của từng thành viên tham gia; khách hàng vay cung cấp một bản sao của báo cáo cho Ngân hàng. Sau khi thu thập các thủ tục cần thiết, Ngân hàng sẽ đánh giá kết quả và kiến nghị của Ban hội thẩm. Nếu không có những khó khăn đáng kể trong việc điền các thông tin vào hồ sơ, Bên vay có thể khởi động dự án và đoàn hội thẩm tự động giải tán.

Ngân hàng có thể tài trợ cho các dự án không liên quan đến việc xây dựng mới, nhưng sẽ dựa trên hiệu suất của một con đập hoặc một con đập đang được xây dựng (DUC): trạm điện hoặc hệ thống cấp nước trực tiếp trực tiếp từ hồ xây dựng; đập dẫn dòng hoặc cấu trúc thủy lực hạ của con đập hiện có hoặc là DUC, nguy cơ xảy ra mất an toàn cho đập đặc biệt là các hoạt động ở thượng nguồn và có thể gây thiệt hại lớn cho các cấu trúc, hệ thống kênh mương thủy lợi, hệ thống cung cấp nước phụ thuộc vào hồ chứa, các hệ thống này sẽ không thể vận hành nếu xảy ra rủi ro do vỡ đập. Dự án loại này cũng bao gồm các hoạt động nhằm tăng năng lực của một con đập hiện có hoặc thay vật liệu mới cho đập, nếu không trong trường hợp sự cố đập, nó có thể gây ra thiệt hại lớn cho các công trình được Ngân hàng tài trợ.

Nếu một dự án như mô tả ở đoạn trên, liên quan đến một con đập hiện có hoặc DUC trong lãnh thổ của Bên vay, Ngân hàng đòi hỏi bên vay phải sắp xếp và tổ chức một nhóm chuyên gia độc lập về an toàn đập để: (a) Kiểm tra, đánh giá tình trạng an toàn của các đập tại hoặc DUC, các cơ sở hạ tầng của các con đập và lịch sử hoạt động của chúng; (b) xem xét và đánh giá các thủ tục của chủ sở hữu cho việc vận hành và duy trì; và (c) xây dựng một báo cáo bao gồm các kết luận và khuyến nghị cho việc khắc phục hậu quả hoặc các biện pháp an toàn liên quan cần thiết để nâng cấp các đập hiện có hoặc DUC đáp ứng được tiêu chuẩn an toàn của quốc gia và quốc tế. Ngân hàng có thể chấp nhận những đánh giá trước đây về an toàn đập hoặc kiến nghị một số cải tiến cần thiết cho các đập hiện có hoặc DUC nếu bên vay cung cấp bằng chứng rằng (a) một chương trình an toàn đập hiện tại có hiệu quả và đang được thực hiện, và (b) kiểm tra và mức độ an toàn đánh giá của các đập hiện có hoặc DUC một cách đầy đủ, thỏa đáng cho các yêu cầu của Ngân hàng.

Các biện pháp bổ sung an toàn đập cần thiết hoặc công việc khắc phục hậu quả có thể được tài trợ theo dự án được đề xuất. Khi công việc khắc phục hậu quả là cần thiết, Ngân hàng đòi hỏi rằng (a) các công việc này phải được thiết kế và giám sát bởi các chuyên gia có kinh nghiệm, và (b) các báo cáo tương tự và kế hoạch chuẩn bị và thực hiện. Đối với các trường hợp có tính chất nguy hiểm cao và phức tạp liên quan đến công việc khắc phục hậu quả, Ngân hàng cũng yêu cầu một nhóm chuyên gia độc lập tập hợp và đánh giá dựa trên cơ sở tương tự công việc cần

giải quyết cho một con đập trước đây được Ngân hàng tài trợ.

OP/BP 4.12 Tái định cư không tự nguyện

Chính sách này được kích hoạt trong những tình huống liên quan đến việc thu hồi đất và quyền được biết các văn bản pháp lý và các khu vực được bảo vệ. Chính sách này nhằm tránh việc tái định cư không tự nguyện nhỏ nhất có thể hoặc để giảm thiểu những tác động bất lợi của nó đến kinh tế và xã hội. Nó thúc đẩy người dân phải di dời được tham gia trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện tái định cư. Mục tiêu kinh tế quan trọng của chính sách là để hỗ trợ những người dân phải di dời cải thiện hoặc ít nhất khôi phục lại thu nhập và mức sống của họ sau khi di dời. Chính sách này cũng quy định bồi thường và tái định cư các biện pháp khác để đạt được mục tiêu của Ngân hàng và yêu cầu bên vay phải chuẩn bị công cụ lập kế hoạch tái định cư đầy đủ trước khi thẩm định các dự án được đề xuất.

OP/BP 4.10 Người bản địa

Chính sách định nghĩa dân tộc thiểu số có thể được xác định trong các khu vực địa lý đặc biệt bởi sự hiện diện về mức độ khác nhau của các đặc điểm sau:

- Tự gắn bó chặt chẽ như các thành viên của nhóm văn hóa bản địa khác biệt và được thừa nhận về đặc điểm này bởi những người khác
- Sống gắn bó tập trung tại môi trường khác biệt về địa lý hoặc vùng lãnh thổ do tổ tiên để lại trong khu vực có dự án và gắn với thiên nhiên tại môi trường sống và lãnh thổ đó
- Thờ kính văn hóa, kinh tế, xã hội hoặc chính trị mang tính phong tục khác biệt so với những đặc điểm đó của văn hóa, xã hội chiếm đa số; và
- Ngôn ngữ bản địa thường khác so với ngôn ngữ chính thống của vùng hoặc nước đó.

Điều kiện bắt buộc để phê duyệt dự án đầu tư, OP 4.10 yêu cầu bên vay thực hiện tham vấn và công bố thông tin với các dân tộc thiểu số có thể bị tác động và thiết lập một mô hình hỗ trợ cộng đồng rộng lớn cho các tiêu dự án và mục tiêu của nó. Dự án được Ngân hàng tài trợ phải bao gồm các tính toán để (a) tránh những tác động tiêu cực tiềm ẩn đối với cộng đồng người dân tộc thiểu số; hoặc (b) không được né tránh mà phải đề xuất các phương pháp để hạn chế tối đa, giảm thiểu, hoặc đền bù cho các tác động. Các dự án do Ngân hàng tài trợ cũng được thiết kế để đảm bảo rằng người dân tộc thiểu nhận được lợi ích kinh tế và xã hội thích hợp về văn hóa và giới và một cách tổng thể.

OP/BP 7.50 Dự án trên tuyến đường thủy quốc tế

Ngân hàng Thế giới nhận ra những vấn đề liên quan đến một số dự án triển khai tại địa điểm trên tuyến đường thủy quốc tế và chú trọng đến đời sống của cư dân ven sông, Ngân hàng sẽ tạo điều kiện và đưa ra dự thảo các thỏa thuận nhằm trợ giúp và hỗ trợ các vấn đề liên quan. Ngân hàng yêu cầu bên vay phải tiến hành lập các đề xuất thỏa thuận với cư dân sống ven tuyến đường thủy và thông báo các thỏa thuận này đến người dân sống tại khu vực đó. Chính sách này đưa ra các thủ tục chi tiết cho các yêu cầu thông báo, bao gồm cả vai trò của Ngân hàng trong thông báo, thời gian trả lời và các thủ tục giải quyết trong trường hợp có phản đối hoặc khiếu nại của những người sống ven sông đến dự án.

OP/BP 7.60 Dự án tại khu vực tranh chấp

Các dự án được tài trợ bởi Ngân hàng Thế giới tại khu vực tranh chấp sẽ được triển khai khi

một trong hai bên đang tranh chấp không có sự phản đối dự án, hoặc trong một số hoàn cảnh đặc biệt Ngân hàng vẫn tài trợ cho dự án bất chấp sự phản đối. Ngân hàng có các chính sách cho các trường hợp đặc biệt.

Hướng dẫn thực hiện môi trường, sức khỏe và an toàn của IFC

Hướng dẫn về Môi trường, Sức khỏe và An toàn (EHS) của Nhóm Ngân hàng Thế giới (WBG)/ Tổng công ty Tài chính Quốc tế (IFC) được đưa ra vào năm 2008, đây là một hướng dẫn quan trọng cho bảo vệ môi trường, sức khỏe và an toàn trong sự phát triển công nghiệp và các dự án khác. Hướng dẫn này đề ra các mục tiêu cần phải đạt được và biện pháp nào cần được sử dụng để mang lại hiệu quả cao nhất với chi phí hợp lý. Hướng dẫn này có thể được truy cập tại trang web sau đây: <http://www.ifc.org/ifcext/sustainability.nsf/Content/EHSGuidelines>.

Khi các quy định nước chủ nhà khác các biện pháp trình bày trong Hướng dẫn EHS, dự án sẽ tuân theo các quy định của bên đề xuất có độ nghiêm ngặt cao hơn. Nếu bên đề xuất có các quy định, biện pháp có mức độ ít nghiêm ngặt hơn so với những quy định trong Hướng dẫn EHS, thì cần phải có sự biện minh đầy đủ và chi tiết cho bất kỳ lựa chọn thay thế nào được đề xuất trong việc đánh giá trong một môi trường cụ thể. Sự biện minh này phải chứng minh được rằng sự lựa chọn có hiệu quả trong công tác bảo vệ sức khỏe con người và môi trường. Phần 4 của Hướng dẫn EHS về "Xây dựng và Tháo dỡ" cung cấp bổ sung hướng dẫn cụ thể về phòng chống và kiểm soát các tác động đến sức khỏe và an toàn cộng đồng có thể xảy ra trong quá trình phát triển dự án mới, ở phần cuối của vòng đời dự án, hoặc mở rộng hay sửa chữa cơ sở hạ tầng hiện có của dự án.

Chính sách tiếp cận thông tin của Ngân hàng thế giới

Ngoài các chính sách an toàn, Để thúc đẩy tính minh bạch và trách nhiệm giải trình Ngân hàng cũng đưa ra chính sách tiếp cận thông tin liên quan đến các biện pháp an toàn đề xuất. Ngân hàng đề ra chính sách này nhằm hỗ trợ việc ra quyết định của bên vay và ngân hàng bằng cách cho phép bên vay tiếp cận thông tin về các khía cạnh môi trường và xã hội của dự án tại các trang thông tin điện tử với ngôn ngữ bản địa dễ hiểu và trực quan. Ngân hàng đảm bảo rằng các tài liệu về bảo vệ môi trường và xã hội liên quan đến dự án có liên quan, cũng như các thủ tục chuẩn bị liên quan đến các tiêu dự án được giới thiệu kịp thời trước khi thẩm định. Chính sách tiếp cận thông tin yêu cầu công bố thông tin bằng cả hai ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng bản địa (tiếng Việt) và phải đáp ứng các tiêu chuẩn của Ngân hàng Thế giới

PHỤ LỤC -J: MẪU KHẢO SÁT KINH TẾ XÃ HỘI

1. Khảo sát khu vực:

- Tên khu vực khảo sát:
- Số hộ : (hộ). Dân số:(người). Quy mô hộ gia đình trung bình:..... người/hộ.
- Tỷ lệ gia tăng dân số trung bình: %.

2. Điều kiện đất đai:

- Tổng diện tích đất:..... (ha). Đất nông nghiệp: (ha).
- Đất công nghiệp:(ha). Đất khác: (ha).

3. Điều kiện kinh tế

- Số hộ gia đình sản xuất lâm nghiệp: (hộ). Số hộ gia đình sản xuất phi nông nghiệp:(hộ)
- Số người làm trong các cơ sở sản xuất ở địa phương: (người)
- Mức thu nhập trung bình:..... VND/tháng.
- Mức thu nhập cao nhất:VND/tháng
- Mức thu nhập thấp nhất:VND/tháng
- Số hộ giàu:(hộ). Số hộ nghèo:.....(hộ)

4. Cơ sở hạ tầng

- Số văn phòng, trường học, các viện nghiên cứu:(cơ sở)
- Cây công nghiệp và nhà máy:(đơn vị)
- Bệnh viện và trung tâm y tế:.....(đơn vị)
- Chợ: (chợ). Nghĩa trang:(nghĩa trang)
- Chùa, nhà thờ:(đơn vị)
- Điều kiện đường xá, giao thông đi lại

+ Đường đất:..... % . + Đường đá:%

+ Đường bê tông:..... % . + Đường gạch:..... %

- Cung cấp điện và nước:

+ Số hộ sử dụng điện (hộ).

+ Số hộ được cấp nước sạch: (hộ)

5. Điều kiện sức khỏe:

- Số người mắc bệnh truyền nhiễm: (người).
- Số người mắc bệnh mãn tính:(người)
- Số lao động nhiễm bệnh:(người)

6. Yêu cầu và kiến nghị địa phương với dự án

Đối với chính quyền địa phương

Ngày tháng năm

Người khảo sát

PHỤ LỤC – K: BẢNG CHỨNG VỀ THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ ESMF

1. Tham vấn tại tiểu dự án Ngòi Là 2, tỉnh Tuyên Quang.



Tham vấn với các bên liên quan tại TDA Ngòi Là 2



Khảo sát hiện trạng TDA Ngòi Là 2

2. Tham vấn tại tiểu dự án hồ Ban, tỉnh Phú Thọ.



Tham vấn với các bên liên quan tại TDA hồ Ban .



Khảo sát hiện trạng TDA hồ Ban

3. Tham vấn tại tiểu dự án hồ Đại Thắng, tỉnh Hòa Bình.



Tham vấn với các bên liên quan tại TDA hồ Đại Thắng.



Khảo sát hiện trạng TDA hồ Đại Thắng.

4. Tham vấn tại tiểu dự án hồ Khe Chè, tỉnh Quảng Ninh.



Tham vấn với các bên liên quan tại TDA Khe Chè



Khảo sát hiện trạng TDA hồ chứa Khe Chè

5. Tham vấn tại tiểu dự án hồ Đồng Bể, tỉnh Thanh Hóa.



Tổ chức tham vấn với các bên liên quan tại TDA –hồ Đồng Bể, tỉnh Thanh Hóa



Khảo sát hiện trạng TDA hồ Đồng Bể

6. Tham vấn tại tiểu dự án Khe Sân, tỉnh Nghệ An



Tổ chức tham vấn với các bên liên quan tại TDA Khe Sân, tỉnh Nghệ An.



Khảo sát hiện trạng TDA hồ chứa Khe Sân

7. Tham vấn tại tiểu dự án hồ Khe Gang, tỉnh Nghệ An.



Tổ chức tham vấn với các bên liên quan tại TDA Khe Gang, tỉnh Nghệ An.



Khảo sát hiện trạng hồ chứa Khe Gang

8. Tham vấn tại tiểu dự án hồ Phú Vinh, tỉnh Quảng Bình.



Tổ chức tham vấn với các bên liên quan tại TDA hồ Phú Vinh, tỉnh Quảng Bình



Khảo sát hiện trạng TDA hồ Phú Vinh

9. Tham vấn tại tiểu dự án Đập Làng, tỉnh Quảng Ngãi



Tổ chức tham vấn với các bên liên quan tại TDA Đập Làng, tỉnh Quảng Ngãi



Khảo sát hiện trạng TDA hồ Đập Làng

10. Tham vấn tại tiểu dự án hồ Thạch Bàn, tỉnh Bình Định.



Tổ chức tham vấn với các bên liên quan tại TDA hồ Thạch Bàn, tỉnh Bình Định.



Khảo sát hiện trạng TDA hồ Thạch Bàn

11. Tham vấn tại tiểu dự án Sông Quao, tỉnh Bình Thuận



Tham vấn các bên liên quan tại TDA hồ Sông Quao, tỉnh Bình Thuận



Khảo sát hiện trạng TDA hồ Sông Quao

12. Tham vấn tại tiểu dự án hồ Đạ Teh, tỉnh Lâm Đồng.



Tổ chức tham vấn với các bên liên quan tại TDA hồ Đạ Teh



Khảo sát hiện trạng TDA hồ Đạ Teh

PHỤ LỤC – L: QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN BOM, Mìn VÀ VẬT LIỆU NỔ

BỘ QUỐC PHÒNG
Số 146/2007/TT-BQP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 11 tháng 9 năm 2007

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 96/2006/QĐ -TTg ngày 04 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý và thực hiện công tác rà phá bom, mìn, vật nổ.

Thực hiện Quyết định số 96/2006/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý và thực hiện công tác rà phá bom mìn, vật nổ; sau khi thống nhất ý kiến với các Bộ, ngành có liên quan. Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện như sau:

I. Những qui định chung.

1. Phạm vi điều chỉnh.

Thông tư này hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác rà phá bom mìn, vật nổ trong phạm vi cả nước, các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước (vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, vốn tín dụng đầu tư phát triển nhà nước, vốn tín dụng do nhà nước bảo lãnh, vốn đầu tư khác của nhà nước) và các nguồn vốn khác; các dự án (hoặc phí dự án) có yếu tố nước ngoài. Phục vụ công tác điều tra khảo sát, nghiên cứu liên quan đến bom, mìn, vật nổ tồn lưu sau chiến tranh.

2. Đối tượng áp dụng.

Thông tư này áp dụng đối với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, đơn vị, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội trong nước, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài, cá nhân ở trong nước và người nước ngoài có hoạt động liên quan đến rà phá bom, mìn, vật nổ trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện.

3.1. Nhiệm vụ và trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong quản lý và thực hiện công tác rà phá bom, mìn, vật nổ thực hiện theo quy định tại điều 1 và điều 2; nhiệm vụ và trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương và chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại điều 4 Quyết định số 96/2006/QĐ-TTg ngày 04/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

3.2. Bộ Quốc phòng lập và tổ chức thực hiện đề án điều tra, khảo sát lập bản đồ ô nhiễm bom, mìn, vật nổ trên phạm vi cả nước, chi tiết tới cấp xã. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, thị xã, quận, huyện, xã phối hợp với các lực lượng điều tra khảo sát để thực hiện, cung cấp các thông tin liên quan một cách chính xác, khách quan để hoàn thành đề án. Kết quả của đề án phải lập được bản đồ các khu vực còn bị ô nhiễm bom, mìn, vật nổ tới cấp xã, đánh giá được mức độ tồn lưu bom, mìn, vật nổ trên phạm vi cả nước, từng khu vực, phục vụ cho việc quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của Trung ương và các địa phương; làm cơ sở cho việc tư vấn và tổ chức triển khai công tác rà phá bom, mìn, vật nổ cho các dự án, công trình xây dựng.

3.3. Do tính chất đặc biệt nguy hiểm nên công tác rà phá bom, mìn, vật nổ được thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ cho các đơn vị công binh chuyên trách và các doanh nghiệp quân đội có đủ năng lực thực hiện theo Quyết định số 49/2007/QĐ – TTg ngày 11/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ về các trường hợp đặc biệt được chỉ định thầu quy định tại điểm đ khoản 1 điều 101 của Luật Xây dựng.

3.4. Người chỉ huy đơn vị thi công rà phá bom, mìn, vật nổ chịu trách nhiệm chính về kết quả và sự an toàn cho dự án, công trình trong quá trình xây dựng và khai thác sử dụng có liên quan đến vấn đề bom, mìn, vật nổ trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

4. Phạm vi công tác rà phá bom, mìn, vật nổ.

4.1. Là hạng mục trong nội dung giải phóng mặt bằng của một dự án đầu tư.

4.2. Là một dự án độc lập chỉ thực hiện một nội dung rà phá bom, mìn, vật nổ để giải phóng mặt bằng phục vụ cho mục đích chung.

4.3. Diện tích, độ sâu và hành lang an toàn rà phá bom, mìn, vật nổ cho dự án thực hiện theo quyết định số 95/2003/QĐ – BQP ngày 7 tháng 8 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc ban hành “Quy trình kỹ thuật dò tìm, xử lý bom, mìn, vật nổ” (gọi tắt là diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ).

4.4. Công tác rà phá bom, mìn, vật nổ dưới nước trong Thông tư này chỉ áp dụng cho trường hợp có độ sâu đến 15m; trường hợp có độ sâu hơn 15m thì thực hiện theo quy trình và định mức riêng do Bộ Quốc phòng ban hành.

5. Chế độ, chính sách đãi ngộ, định mức bồi dưỡng, phụ cấp, trợ cấp cho cán bộ, chiến sỹ trực tiếp tham gia nhiệm vụ rà phá bom, mìn, vật nổ thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

II – Quy trình triển khai rà phá bom, mìn, vật nổ.

1- Các giai đoạn triển khai.

Công tác rà phá bom, mìn, vật nổ được tiến hành tuần tự theo đúng trình tự triển khai dự án đầu tư xây dựng cơ bản do Chính phủ quy định gồm hai giai đoạn:

- Lập khái toán rà phá bom, mìn, vật nổ trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.
- Triển khai rà phá bom, mìn, vật nổ trong giai đoạn thực hiện dự án.

2. Lập khái toán rà phá bom, mìn, vật nổ trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư. Chủ đầu tư căn cứ vào diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ cho dự án (quy định tại điểm 4.3, mục 4, phần 1) và định mức, đơn giá rà phá bom, mìn, vật nổ cho 1ha diện tích (quy định tại phụ lục số 1) của Thông tư này để thực hiện các công việc sau:

- Tính mức vốn đầu tư (khái toán) cho hạng mục rà phá bom, mìn, vật nổ của dự án hoặc cho một dự án độc lập chỉ có rà phá bom, mìn, vật nổ.
- Tổng hợp mức vốn khái toán vào tổng mức đầu tư của dự án hoặc là tổng mức đầu tư đối với một dự án rà phá bom, mìn, vật nổ độc lập.
- Trình phê duyệt dự án.

3. Triển khai rà phá bom, mìn, vật nổ trong giai đoạn thực hiện dự án. Công tác rà phá bom, mìn, vật nổ trong giai đoạn thực hiện dự án được tiến hành theo các bước sau:

3.1. Bước 1: Lập nội dung đề nghị rà phá bom, mìn, vật nổ.

Sau khi dự án đầu tư được phê duyệt, Chủ đầu tư lập nội dung đề nghị rà phá bom, mìn, vật nổ cho dự án bằng văn bản gồm:

- Tên dự án;
- Địa điểm;
- Chủ đầu tư;
- Diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ;
- Nguồn vốn;
- Yêu cầu tiến độ.

3.2. Bước 2: Gửi văn bản đề nghị rà phá, bom, mìn, vật nổ theo địa chỉ sau:

- Đối với dự án có diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ nhỏ hơn hoặc bằng 30ha thì gửi văn bản về Bộ Tư lệnh Quân khu nơi triển khai dự án đầu tư để giải quyết.

- Đối với dự án có diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ lớn hơn 30ha thì gửi văn bản về Cục Tác chiến thuộc Bộ Tổng tham mưu để giải quyết.

3.3. Bước 3: Giao nhiệm vụ cho các đơn vị rà phá bom, mìn, vật nổ.

- Tư Lệnh Quân khu căn cứ vào đề nghị của Chủ đầu tư, mức độ ô nhiễm bom, mìn, vật nổ tại khu triển khai dự án, quyết định giao nhiệm vụ cho đơn vị, doanh nghiệp có đủ năng lực tiến hành khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công - dự toán và tổ chức thi công rà phá bom, mìn, vật nổ.

- Cục trưởng Cục Tác chiến/Bộ Tổng tham mưu căn cứ vào đề nghị của Chủ đầu tư, mức độ ô nhiễm bom, mìn, vật nổ tại khu vực triển khai dự án, giải quyết thủ tục và soạn thảo quyết định báo cáo Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ cho đơn vị, doanh nghiệp có đủ năng lực tiến hành khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công - dự toán; giao nhiệm vụ cho đơn vị thi công. Đối với các dự án, công trình xây dựng có diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ lớn, yêu cầu tiến độ gấp thì giao cho hai hoặc nhiều đơn vị tham gia thi công để đảm bảo tiến độ.

3.4. Bước 4: Thẩm định, phê duyệt phương án kỹ thuật thi công - dự toán.

Sau khi lập xong phương án kỹ thuật thi công - dự toán rà phá bom, mìn, vật nổ; đơn vị, doanh nghiệp được giao nhiệm vụ gửi hồ sơ về:

- Tư lệnh Quân khu để tổ chức thẩm định và phê duyệt phương án kỹ thuật thi công - dự toán các dự án có diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ nhỏ hơn hoặc bằng 30ha do đơn vị, doanh nghiệp thuộc quyền thực hiện.

- Tư lệnh Công binh tổ chức thẩm định phương án kỹ thuật thi công - dự toán đối với các dự án có diện tích rà phá bom, mìn, vật nổ lớn hơn 30ha và những dự án dưới 30ha do các doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện; báo cáo Bộ Quốc phòng phê duyệt.

4. Ký hợp đồng thực hiện công tác rà phá bom, mìn, vật nổ.

Căn cứ vào quyết định giao nhiệm vụ của Bộ Quốc Phòng hoặc các Quân khu, Chủ đầu tư tiến hành ký hợp đồng với các đơn vị, doanh nghiệp được giao nhiệm vụ để thực hiện và thanh, quyết toán.

5. Tổ chức thi công.

5.1. Sau khi hợp đồng thực hiện nhiệm vụ được ký kết, đơn vị trực tiếp thi công phải lập kế hoạch thi công báo cáo cấp trên quản lý trực tiếp phê duyệt.

5.2. Đơn vị thi công báo cáo bằng văn bản việc triển khai thi công rà phá bom, mìn, vật nổ cho cơ quan quân sự địa phương trên địa bàn có dự án để thống nhất triển khai, quản lý địa bàn.

5.3. Khi nhận được thông báo, các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để đơn vị được giao nhiệm vụ thi công rà phá bom, mìn, vật nổ triển khai thực hiện và tổ chức huỷ bom, mìn, vật nổ thuận lợi, nhanh chóng, bảo đảm an toàn và tiến độ xây dựng của dự án.

6. Nghiệm thu và bàn giao.

Sau khi đã hoàn thành công tác thi công rà phá bom, mìn, vật nổ cho dự án (hoặc từng giai đoạn), đơn vị thực hiện báo cáo Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu, thanh quyết toán trên cơ sở phương án kỹ thuật thi công - dự toán được duyệt để Chủ đầu tư nhận và bảo vệ mặt bằng đưa vào sử dụng. Hồ sơ kết quả rà phá bom, mìn, vật nổ được lưu trữ cùng hồ sơ dự án.

7. Kiểm tra và báo cáo.

Cấp trên quản lý trực tiếp đơn vị được giao nhiệm vụ thi công rà phá bom, mìn, vật nổ chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra chất lượng thi công tại hiện trường. Đối với các công trình trọng điểm, khi cần thiết Bộ Quốc phòng giao cho Bộ Tư lệnh Công binh chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra.

Hàng quý, 6 tháng, một năm các đơn vị thực hiện rà phá bom, mìn, vật nổ báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Tư lệnh Công binh để tổng hợp báo cáo Bộ Quốc phòng và Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

III. Kinh phí cho công tác rà phá bom, mìn, vật nổ.

1. Đối với các dự án sử dụng vốn Nhà nước thực hiện theo khoản 2 điều 3 quyết định số 96/2006/QĐ – TTg ngày 04/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ cụ thể như sau:
1.1. Chi bồi dưỡng cho lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ với mức sinh hoạt phí là 60.000 đồng/người/ngày theo Quyết định số 122/2007/QĐ-TTg ngày 27/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ rà phá bom, mìn, vật nổ.

1.2. Chi phí vật liệu nhân công, ca máy theo định mức dự toán rà phá bom, mìn, vật nổ, ban hành kèm theo quyết định số 117/2007/QĐ-BQP ngày 30/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

1.3. Những thiết bị thi công không có trong trang bị của quân đội, phải thuê bên ngoài thì được tính đúng, tính đủ theo quy định hiện hành.

1.4. Đơn giá ca máy theo bảng giá ca máy và thiết bị thi công rà phá bom, mìn, vật nổ ban hành kèm theo Quyết định số 117/2005/QĐ-BQP ngày 4/11/2005 và số 80/2007/QĐ-BQP ngày 3/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

1.5. Các chi phí khác được tính theo quy định hiện hành.

1.6. Không tính các khoản thu nhập chịu thuế tính trước và các khoản thuế khác (trừ các thiết bị thuê ngoài).

2. Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn khác.

Thực hiện theo khoản 3 điều 3 Quyết định số 96/2006/QĐ-TTg ngày 04/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ; đơn giá rà phá bom, mìn, vật nổ được tính đúng, tính đủ theo quy định hiện hành.

3. Phương thức đảm bảo kinh phí.

Kinh phí bảo đảm cho công tác rà phá bom, mìn, vật nổ được lấy từ nguồn kinh phí của dự án; là một khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư của từng dự án hoặc tổng mức đầu tư của dự án rà phá bom, mìn, vật nổ độc lập. Chủ đầu tư thanh, quyết toán kinh phí trực tiếp cho các đơn vị theo hợp đồng

IV. Công tác rà phá bom, mìn, vật nổ các dự án (hoặc phi dự án) có yếu tố nước ngoài.

1. Nước ngoài, các Tổ chức quốc tế, Tổ chức phi chính phủ nước ngoài, cá nhân người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài và các tổ chức cá nhân khác có hoạt động nhằm hỗ trợ phát triển, viện trợ nhân đạo trong lĩnh vực rà phá bom, mìn, vật nổ trên lãnh thổ Việt Nam, đáp ứng luật pháp và các quy định của Việt Nam đều được khuyến khích và tạo điều kiện thực hiện Viện trợ của bên nước ngoài trong lĩnh vực rà phá bom, mìn, vật nổ bao gồm các hình thức chủ yếu sau đây:

- Viện trợ thông qua các chương trình dự án.

- Viện trợ hỗ trợ phi dự án (viện trợ không thuộc chương trình, dự án, cung cấp viện trợ dưới dạng hàng hoá, vật tư, thiết bị, tài chính...).

Bộ Quốc phòng chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương có liên quan tiếp nhận các nguồn hỗ trợ và tổ chức thực hiện khắc phục hậu quả bom, mìn, vật nổ ở Việt Nam.

2. Việc tiếp nhận nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) để khắc phục hậu quả bom, mìn, vật nổ do chiến tranh để lại thực hiện theo Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức.

3. Việc tiếp nhận viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO) thực hiện theo Quyết định số 64/2001/QĐ-TTg ngày 26/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.

4. Việc tham gia rà phá bom, mìn, vật nổ làm nhiệm vụ quốc tế được Chính phủ giao nhiệm vụ trên cơ sở các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết.

V. Tổ chức thực hiện.

1. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo.
Quy định về quản lý và thực hiện rà phá bom, mìn, vật nổ trước đây trái với Quyết định số 96/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn Thông tư này đều bãi bỏ.

2. Đối với dự án có hạng mục rà phá bom, mìn, vật nổ đã được phê duyệt trước ngày thông tư này có hiệu lực nhưng chưa thi công thì điều chỉnh dự toán chi phí theo thông tư này; Đối với những dự án thực hiện rà phá bom, mìn, vật nổ chưa hoàn thành thì phần khối lượng đã thi công xong (theo nhật ký thi công có xác nhận của giám sát thi công bên Chủ đầu tư) tính đến ngày 25/5/2006 được hưởng chi phí theo quy định trước khi Quyết định số 96/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực; phần khối lượng thi công tính từ ngày 26/5/2006 đến thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo công văn số 5972/BQP ngày 13/11/2006 của Bộ Quốc phòng; phần khối lượng thi công sau thời điểm có hiệu lực của thông tư được điều chỉnh theo quy định tại thông tư này.

3. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ đầu tư dự án, căn cứ quy định tại Quyết định số 96/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Thông tư này, tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Quốc phòng để tổng hợp và nghiên cứu giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
Đã ký

Trung tướng Nguyễn Khắc Nghiên

Phụ lục 1 - ĐỊNH MỨC ĐƠN GIÁ RÀ PHÁ BOM, MÌN, VẬT NỔ TẠM TÍNH CHO 01 HA ĐỀ ĐƯA VÀO KHAI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN (kèm theo Thông tư số 146/2007/TT-BQP ngày 11 tháng 9 năm 2007)

TT	Khu vực mật độ tín hiệu	Đơn giá rà phá bom, mìn, vật nổ cho 01HA (Triệu đồng/ha)	
		Trên cạn	Dưới nước (<15m)
1	Khu vực 1	19,5	32,7
2	Khu vực 2	26,3	47,7
3	Khu vực 3	33,2	62,4
4	Khu vực 4	40,0	77,6

Phân loại các khu vực mật độ tín hiệu

Phân loại	Tên địa phương (từ huyện, thị xã trở lên)
Khu vực 4	- Vùng ven biên giới Việt – Trung (≤ 5 km tính từ đường biên giới vào nội địa nước ta); - Tỉnh Quảng Trị: Tất cả các huyện, thị xã thuộc tỉnh;

	- Tỉnh Thừa Thiên Huế: huyện Phong Điền và Hương Thủy
Khu vực 3	- Tỉnh Nghệ An: Kỳ Sơn, Đô Lương, Nam Đàn, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Tp Vinh; - Tỉnh Hà Tĩnh: tất cả các huyện và thị xã trừ huyện Thạch Hà; - Tỉnh Quảng Bình: tất cả các huyện trừ TP Đồng Hới; - Tỉnh Thừa Thiên Huế: tất cả các huyện và TP còn lại.
Khu vực 2	- Nội Thành Các TP: Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Giang, Thái Nguyên, Thanh Hóa; - Tỉnh Nghệ An: Tất cả các huyện, thị xã còn lại; - Tỉnh Hà Tĩnh: huyện Thạch Hà; - Tỉnh Quảng Bình: TP Đồng Hới; - TP Đà Nẵng: tất cả các quận, huyện trừ quận Ngũ Hành Sơn; - Tỉnh Quảng Nam: tất cả các huyện, thị xã trừ thị xã Hội An và huyện Trà My - Tỉnh Quảng Ngãi: tất cả các huyện và thị xã; - Tỉnh Ninh Thuận: tất cả các huyện và thị xã trừ huyện Ninh Hải, - Tỉnh Kon Tum: tất cả các huyện và thị xã; - Tỉnh Đắk Lắk: các huyện MaĐrăk, Đắk RLấp, Krông Bông; Buôn Đôn; - Tỉnh Gia Lai: TP Peiku; huyện Iagrai; Chư Prông; - Tỉnh Đồng Nai: huyện Nhơn Trạch; - TP Hồ Chí Minh: huyện Củ Chi, Cần Giờ; - Tỉnh Long An: tất cả các huyện trừ thị xã Tân An, huyện Cần Giuộc và Thanh Hóa; - Tỉnh Bình Thuận: huyện Tuy Phong, Tánh Linh, Hàm Tân; - Tỉnh Bình Dương: huyện Bến Cát; - Tỉnh Tây Ninh: huyện Bến Cầu, Tân Biên và Tân Châu; - TP Cần Thơ: các quận, huyện Châu Thành, Thốt nốt; - Tỉnh Hậu Giang: TX Vị Thanh; - Tỉnh Tiền Giang: huyện Gò Công, Chợ Gạo, TP Mỹ Tho, Châu Thành, TX Gò Công. - Tỉnh Sóc Trăng: TP Sóc Trăng, huyện Mỹ Tú, Long Phú, Kế Sách; - Tỉnh Kiên Giang: huyện Châu Thành; - Tỉnh Cà Mau: TP Cà Mau, huyện Trần Văn Thời, Ngọc Hiển, Đầm Dơi, Cái Nước; - Tỉnh Trà Vinh: TX Trà Vinh; - Tỉnh Vĩnh Long: huyện Mang Thít, Long Hồ, Vũng Liêm, TX Vĩnh Long; - Tỉnh Đồng Tháp: TX Sa Đéc; tỉnh Bạc Liêu: TX Bạc Liêu.
Khu vực 1	Tất cả các khu vực còn lại ngoài các địa phương thuộc các khu vực 2, 3, 4 trên địa

	bàn cả nước.
--	--------------

Phụ lục 2: DỰ TOÁN CHI PHÍ KHẢO SÁT BOM, MÌN, VẬT NỔ (áp dụng cho các dự án, công trình có diện tích từ 30 ha trở lên) (kèm theo Thông tư số 146/2007/TT-BQP ngày 11 tháng 9 năm 2007)

<i>TT</i>	<i>Khoản mục chi phí</i>	<i>Cách tính</i>	<i>Kết quả</i>
I	Chi phí trực tiếp		
1	Chi phí vật liệu	Tổng chi phí VL	VL
2	Chi phí bồi dưỡng nhân công (NC)	Tổng chi phí NC	NC
3	Chi phí máy thi công	Tổng chi phí máy	M
4	Trực tiếp khác	$1,5\% \times (VL + NC + M)$	TT
	Cộng chi phí trực tiếp	$VL + M + NC + TT$	T
II	Chi phí chung	$70\% \times NC$	C
	Cộng giá thành dự toán khảo sát	$T + C$	Z
III	Chi phí khác	$K1 + K2 + K\dots$	K
1	Lập phương án, báo cáo kết quả KS	$5\% \times Z$	K1
2	Chi phí chỗ ở tạm thời	$5\% \times Z$	K2
3	Chi phí thẩm định, phê duyệt	Tỷ lệ quy định $\times Z$	K3
...	Chi phí khác (nếu có)...	...	K...
	Cộng giá trị dự toán:	$Z + K$	G

Ghi chú: Chi phí chung, chi phí lập phương án, báo cáo kết quả khảo sát, chi phí chỗ ở tạm thời theo Thông tư số 14/2005/TT-BXD ngày 10/8/2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí khảo sát xây dựng